

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Dự án

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GỖ”

Cụ thể: sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1). Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 25.000 m² (đã cho thuê); Cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000 m².

Địa điểm: Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

CHỦ DỰ ÁN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VI TA



OU SHUNGUANG



Trần Thị Thanh Thủy

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 01 NĂM 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH	7
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	11
1.1. Tên chủ dự án đầu tư.....	11
1.2. Tên dự án đầu tư.....	11
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	13
1.3.1. .Tính chất, công suất hoạt động của dự án đầu tư	13
1.3.2. .Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	14
1.3.3. .Sản phẩm của dự án đầu tư.....	16
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	17
1.4.1. .Nhu cầu nguyên vật liệu	17
1.4.2. .Nhu cầu sử dụng điện	18
1.4.3. .Nhu cầu sử dụng nước	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	20
1.5.1. .Máy móc thiết bị.....	20
1.5.2. .Hạng mục công trình của dự án đầu tư.....	21
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	26
2.1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	26
2.1.1. .Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia	26
2.1.2. .Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng	26
2.1.3. .Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh	27
2.1.4. .Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án	27
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	28
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	30

5.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	30
5.1.1. .Thu gom, thoát nước mưa	30
5.1.2. .Thu gom, thoát nước thải	31
5.1.3. .Xử lý nước thải	33
5.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	45
5.2.1. .Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ dây chuyền sản xuất gỗ.....	45
5.2.2. .Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển	47
5.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	48
5.3.1. .Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	48
5.3.2. .Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp thông thường	48
5.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	50
5.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	51
5.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	52
5.7. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường	60
5.8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường	67
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	70
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	70
4.1.1. .Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	70
4.1.2. .Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	72
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	75
4.2.1. .Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	75
4.2.2. .Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	76
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	77
4.3.1. .Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	77
4.3.2. .Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:	78
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:.....	78
4.4.1. .Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:	78
4.4.2. .Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	80
4.4.3. .Các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	81

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	82
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	82
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	83
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với chất lượng không khí khu vực sản xuất	83
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	86
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	86
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	86
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải	86
6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật	88
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	88
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	89
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	89
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	89
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	90
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	91
PHỤ LỤC	93

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BOD ₅ ²⁰	: Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
COD	: Nhu cầu oxy hoá học
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
DO	: Ôxy hòa tan
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
GPMT	: Giấy phép môi trường
MTV	: Một thành viên
QLMT	: Quản lý môi trường
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân
VOC	: Chất hữu cơ bay hơi
SS	: Chất rắn lơ lửng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất của dự án đầu tư	14
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên vật liệu của dự án	17
Bảng 1.3. Đặc tính các loại hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất	18
Bảng 1.4. Bảng cân bằng sử dụng nước của dự án.....	20
Bảng 1.5. Máy móc thiết bị	20
Bảng 1.6. Quy mô hạng mục công trình của Dự án	22
Bảng 3.1: Thống kê hệ thống thu gom thoát nước mưa	31
Bảng 3.2: Thống kê hệ thống thu gom thoát nước thải	32
Bảng 3.3: Danh mục các thiết bị hệ thống XLNT	36
Bảng 3.4: Các công trình đơn vị hệ thống xử lý nước thải công suất 100m ³ /ngày.đêm	42
Bảng 3.5: Danh mục các thiết bị hệ thống XLNT	43
Bảng 3.6: Thông số công trình HTXL bụi gỗ	46
Bảng 3.7: Số lượng và thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường	49
Bảng 3.8: Khối lượng chất thải nguy hại đã cấp phép	50
Bảng 3.9: Khối lượng chất thải nguy hại thực tế phát sinh tại dự án	50
Bảng 3.10: Phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống XLNT	56
Bảng 3.11: Thay đổi về quy trình sản xuất và chất thải	61
Bảng 3.12: Thay đổi về nguyên, nhiên liệu so với ĐTM	61
Bảng 3.13: Thay đổi về HTXL bụi và khí thải.....	63
Bảng 3.14: Hạng mục xây dựng thay đổi so với giấy phép môi trường	64
Bảng 3.15: Nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường giai đoạn 1	67
Bảng 3.16: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.....	68
Bảng 3.17: Khối lượng chất thải nguy hại.....	68
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án	71
Bảng 4.2. Bảng giới hạn chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý nước thải	75
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022	82
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	82
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải năm 2022	83

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc khí thải năm 2023	83
Bảng 5.5. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất năm 2022	84
Bảng 5.6. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất năm 2023	84
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	86
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu.....	86

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí dự án.....	12
Hình 1.2. Sản phẩm của dự án.....	14
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tủ, giường gỗ.....	15
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất các chi tiết sản phẩm dành cho nội thất	16
Hình 3.1. Hệ thống mương, hố ga thu gom nước mưa hiện hữu.....	30
Hình 3.1. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	33
Hình 3.2. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải 125m ³ /ngày.đêm	34
Hình 3.4. Trạm xử lý nước thải hiện hữu, công suất 125m ³ /ngày. đêm của dự án	39
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải 100m ³ /ngày.đêm	40
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý bụi gỗ.....	45
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan	45
Hình 3.7. Hệ thống xử lý bụi gỗ công suất 54.000 m ³ /giờ	46
Hình 3.8. Khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt	48
Hình 3.9. Khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	49
Hình 3.10. Kho lưu chứa Chất thải nguy hại.....	51

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty TNHH một thành viên mã số 3801184160 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 9 năm 2023. Công ty được Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 được cấp chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần tư ngày 14 tháng 9 năm 2023.

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 02/GXN-BQL ngày 16 tháng 01 năm 2020 của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 15.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm”.

Quá trình thực hiện dự án đã có những điều chỉnh về loại hình sản xuất, quy mô hoạt động phù hợp với thực tế. Theo quy mô điều chỉnh, Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án **“Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm, cho thuê nhà xưởng dư thừa”** tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020. Theo đó, công ty đã xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động năm 2021.

Ngày 19 tháng 3 năm 2023, công ty tiến hành điều chỉnh chứng nhận đầu tư lần thứ 3, theo đó dự án tiến hành phân kỳ đầu tư thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Đợt 1: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 30.000 sản phẩm/năm.

+ Đợt 2: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 22.273,22 m².

- Giai đoạn 2: Sản xuất, gia công các chi tiết bằng kim loại dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván MDF, ván PB và ván mỏng khác với quy mô 100.000 m³/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 29.488 m².

Chấp hành Luật bảo vệ môi trường số 17/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi

trường, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1 của dự án và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 cho dự án **“Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ - Cụ thể: sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa – giai đoạn 1”**.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng, lắp đặt nhà xưởng, máy móc thiết bị và đã hoàn thành công tác vận hành thử nghiệm các hạng mục công trình xử lý chất thải của giai đoạn 1.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, công ty được Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận điều chỉnh đầu tư lần tư với quy mô dự án như sau:

- Giai đoạn 1:

+ Đợt 1: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 30.000 sản phẩm/năm.

+ Đợt 2: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 25.000 m².

- Giai đoạn 2:

+ Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1). Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000 m² (đã cho thuê).

+ Cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000m².

So với Giấy chứng nhận đầu tư lần 3, giấy chứng nhận đầu tư lần 4 có điều chỉnh tại giai đoạn 2: **bổ** “*hoạt động sản xuất, gia công các chi tiết bằng kim loại dành cho nội thất; sản xuất, gia công gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván MDF, ván PB và ván mỏng khác*”; **tăng** “*diện tích cho thuê nhà xưởng dư thừa từ 29.488 m² lên 44.000 m²*”.

Hiện tại các nhà xưởng còn lại (xưởng 4,5,9,10, nhà kho 2, văn phòng 2) của giai đoạn 2 đang triển khai thi công xây dựng.

Nhằm hoàn thành các thủ tục môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức giai đoạn 2: “Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1). Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000 m² (đã cho thuê); Cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000 m²”, chủ dự án tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi

trường tích hợp cho cả giai đoạn 1 và 2 trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước – Ban quản lý khu kinh tế tỉnh phê duyệt và cấp phép.

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Chủ dự án: Công ty TNHH Một thành viên Gỗ Thành Nghiệp.
- Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: **OU SHUNGUANG**
- Điện thoại: 0271 383 2388
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 được cấp chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần tư ngày 14 tháng 9 năm 2023 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 9 năm 2023 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

1.2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: **“NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GỖ”**
Cụ thể: sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 25.000m² (đã cho thuê); cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000 m².
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
Sơ đồ vị trí dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 1.1. Vị trí dự án

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/02/2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế - UBND tỉnh Bình Phước cấp.

+ Giấy phép xây dựng số 22/GPXD ngày 06/05/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Phước cấp.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 02/GXN-BQL ngày 16/01/2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế - UBND tỉnh Bình Phước cấp.

+ Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm Chủ đầu tư tại Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

+ Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 17/5/2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” – Giai đoạn 1 (sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa)”).

+ Thông báo số 1990/STNMT-CCBVMT ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

- Quy mô dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Dự án nhóm B, tổng vốn đầu tư là 159.250.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi chín tỷ, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Dự án thuộc Mục số 2, Mức I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

→ Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường, thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1. Tính chất, công suất hoạt động của dự án đầu tư

- Tính chất: Dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp được thực hiện có diện tích 125.136,3 m², bao gồm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1:

- ✓ Đợt 1: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 30.000 sản phẩm/năm.
- ✓ Đợt 2: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 25.000 m².

+ Giai đoạn 2:

- ✓ Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1). Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000 m² (đã cho thuê).
 - ✓ Cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000m².
- Hiện tại, công ty đã xây dựng, lắp đặt nhà xưởng, máy móc thiết bị và đã hoàn thành công tác vận hành thử nghiệm các hạng mục công trình xử lý chất thải của giai

đoạn 1 (nhà xưởng 1,2,3,6,7,8, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ); đang tiến hành xây dựng một số nhà xưởng (nhà xưởng số 4,5,9,10, nhà văn phòng 2) và một số công trình phụ trợ đi kèm với mục đích cho thuê, với tổng diện tích cho thuê khoảng 44.000 m² (giai đoạn 2).

- Phạm vi của Giấy phép môi trường này thực hiện cho cả 2 giai đoạn 1,2 của Dự án đầu tư “Nhà máy Sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm chủ đầu tư.

- Chi tiết các hạng mục công trình trong 2 giai đoạn được trình bày trong mục 5 Chương I của báo cáo.

Bảng 1.1. Công suất của dự án đầu tư

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất	Ghi chú
I	Giai đoạn 1			Đã đi vào hoạt động
1	Tủ, giường gỗ	Sản phẩm/năm	80.000	
2	Chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất	Sản phẩm/năm	160.000	
3	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	m ²	25.000	
II	Giai đoạn 2			Chưa đi vào hoạt động
1	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	m ²	44.000	

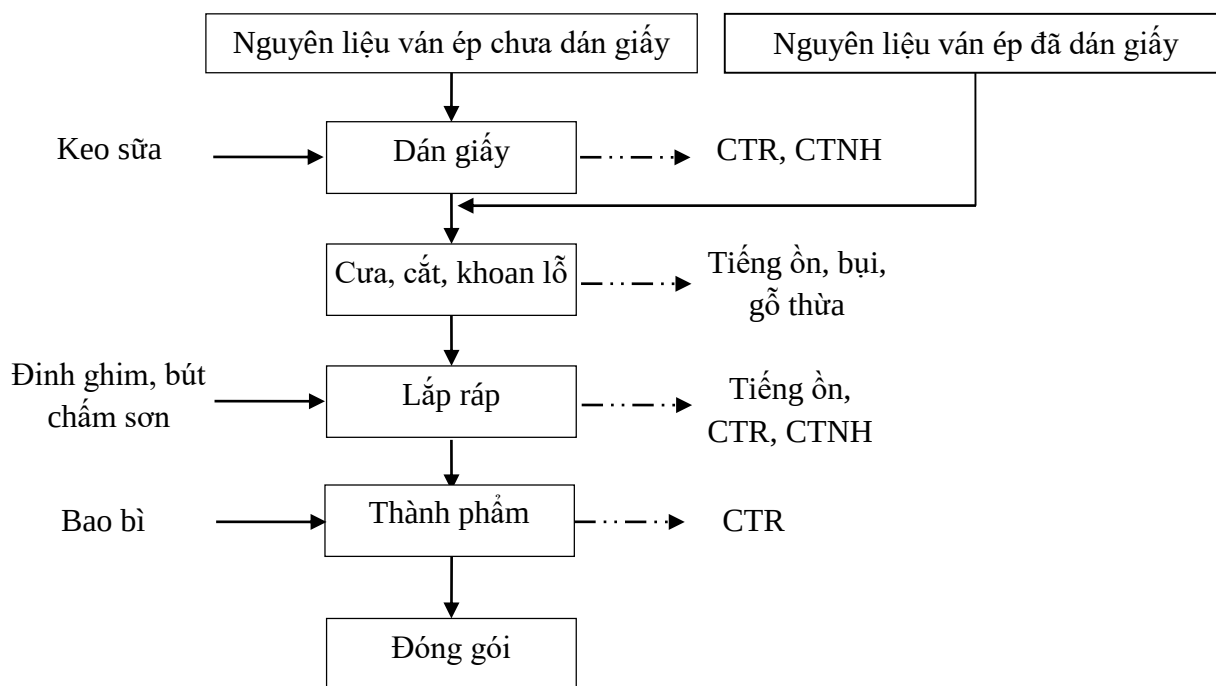


Hình 1.2. Sản phẩm của dự án

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

❖ Quy trình sản xuất đồ gỗ gia dụng (tủ, giường gỗ)

Quy trình công nghệ sản xuất tủ, giường gỗ được trình bày như sau:



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tủ, giường gỗ

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nguyên liệu của nhà máy là ván ép đã được xẻ thành ván, ngâm tẩm, sấy khô theo yêu cầu và cắt theo từng kích thước quy định mà Công ty yêu cầu. Gồm 2 loại: ván ép đã được dán giấy và chưa được dán giấy.

Ván ép được đưa đi dán giấy bằng keo dán sữa. Nhờ việc dán giấy tạo thẩm mỹ cho sản phẩm, giúp che đi khuyết điểm và tạo độ trơn cho nguyên liệu, giúp cho sản phẩm có màu sắc đẹp.

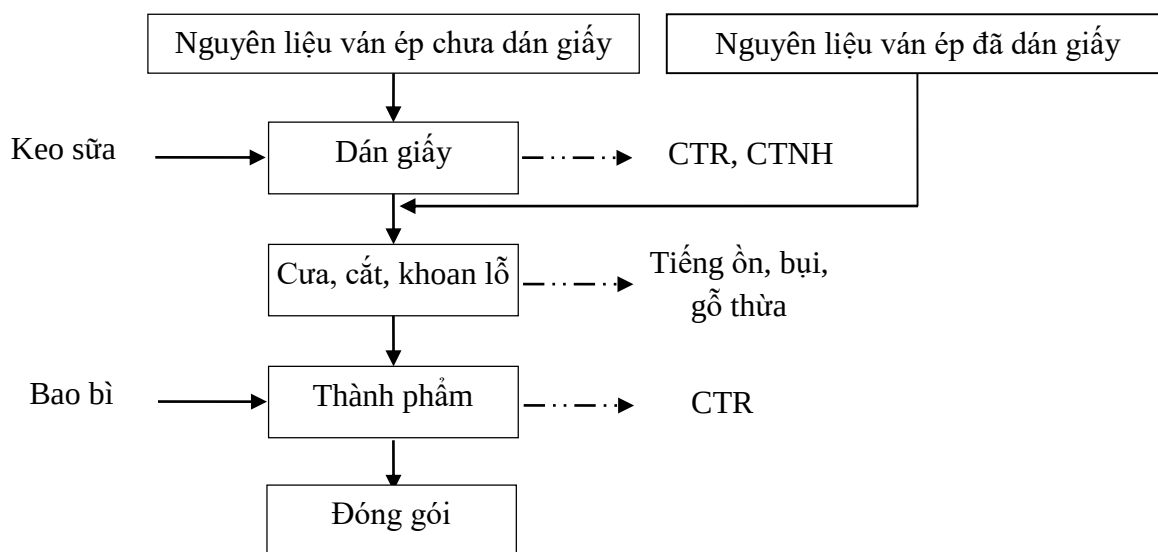
Ván ép sau khi dán giấy được đưa đến khu vực gia công chi tiết (cưa, cắt, khoan) để tạo thành các chi tiết đúng theo quy cách của từng sản phẩm tủ, giường. Tại khu vực gia công chi tiết sản phẩm phát sinh bụi gỗ. Công ty lắp đặt các hệ thống cyclone, thiết bị lọc bụi túi vải nhằm thu gom và xử lý để bụi không phát tán xung quanh xưởng.

Các sản phẩm gỗ sau khi gia công định hình được chuyển sang công đoạn lắp ráp lại bằng súng bắn đinh và ghim theo thiết kế. Tại công đoạn này nếu sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ Công ty sẽ sử dụng bút, cọ chấm sơn che phủ bề mặt vị trí bị trầy, lỗi đó.

Sản phẩm sau khi được lắp ráp hoàn thiện và được kiểm tra chất lượng trước khi đóng gói. Các sản phẩm không đảm bảo yêu cầu chất lượng, bị hỏng, khuyết trên bề mặt được đem đi xử lý và khắc phục cho đạt chất lượng.

Sản phẩm sau khi được kiểm tra, dán tem, bọc màng nilon và cuối cùng là đóng thùng carton. Sau đó sản phẩm được lưu kho và chuyển giao cho khách hàng.

❖ **Quy trình công nghệ sản xuất chi tiết các sản phẩm nội thất:**



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất các chi tiết sản phẩm dành cho nội thất

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nguyên liệu của nhà máy là ván ép đã được xẻ thành ván, ngâm tẩm, sấy khô theo yêu cầu và cắt theo từng kích thước quy định mà Công ty yêu cầu. Gồm 2 loại: ván ép đã được dán giấy và chưa được dán giấy.

Tiếp theo ván ép được đưa đi dán giấy bằng keo dán sữa. Nhờ việc dán giấy tạo thẩm mỹ cho sản phẩm, giúp che đi khuyết điểm và tạo độ trơn cho nguyên liệu, giúp cho sản phẩm có màu sắc đẹp.

Ván ép sau khi dán giấy được đưa đến khu vực gia công chi tiết (cưa, cắt, khoan) để tạo thành các chi tiết đúng theo quy cách của từng sản phẩm nội thất. Tại khu vực gia công chi tiết phát sinh bụi gỗ. Công ty lắp đặt các hệ thống cyclone, thiết bị lọc bụi túi vải nhằm thu gom và xử lý bụi để bụi không phát tán xung quanh xưởng.

Sản phẩm được kiểm tra chất lượng trước khi đóng gói. Các sản phẩm không đảm bảo chất lượng yêu cầu; các chi tiết bị hỏng, khuyết trên bề mặt được đem đi xử lý và khắc phục cho đạt chất lượng sản phẩm.

Sản phẩm sau khi được kiểm tra, dán tem, bọc màng nilon và cuối cùng là đóng thùng carton. Sau đó sản phẩm được lưu kho và chuyển giao cho khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

- Sản phẩm của giai đoạn 1: là sản phẩm đồ gỗ gia dụng (tủ, giường gỗ): 80.000 sản phẩm/năm, các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất: 160.000 sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000m².

- Sản phẩm của giai đoạn 2: Đã bao gồm sản phẩm của giai đoạn 1 (là sản phẩm

đồ gỗ gia dụng (tủ, giường gỗ): 80.000 sản phẩm/năm, các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất: 160.000 sản phẩm/năm, cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000m²) và cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích 44.000 m².

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu

Nhu cầu về nguyên liệu chính của dự án giai đoạn 1 không thay đổi so với GPMT đã được phê duyệt. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu cho 2 giai đoạn được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên vật liệu của dự án

TT	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Xuất xứ
A	GIAI ĐOẠN 1			
I	Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất			
1	Ván MDF	M ³ /năm	45.687,48	Việt Nam
2	Bao bì carton đóng gói	Tấn /năm	42,79	Trung Quốc
3	Giấy dán gỗ	Tấn/năm	30	Việt Nam
4	Đinh, ghim, tán, bản lề, tay nắm cửa	Tấn /năm	5,3	Việt Nam
II	Hóa chất phục vụ cho sản xuất			
1	Keo sữa trắng dán giấy	Tấn/năm	20	Việt Nam
2	Sơn đã pha	Tấn/năm	0,2	Việt Nam
III	Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải			
1	Calcium Hypochlorite	Tấn/năm	0,6	Việt Nam
B	GIAI ĐOẠN 2			
I	Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải			
1	Calcium Hypochlorite	Tấn/năm	0,4	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp

Về các hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất:

Bảng 1.3. Đặc tính các loại hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất

TT	Tên thương mại	Công đoạn	Thành phần chính	Đặc tính	Khả năng gây hại
1	Keo sữa trắng	Dán giấy	Polyvinyl acetate	- Là chất lỏng màu trắng đục tan trong nước. - Hình dạng: chất lỏng. - Ngoại quan: Màu trắng - Mùi: Mùi nhẹ. - Tính tan: hòa tan - PH: 5 ± 1 - Độ nhớt (cps, 25°C): 40000 ± 10000 - Phần trăm không bay hơi (%): 35 ± 2.	Khi nhiệt độ tăng, hơi nước hoặc khói có thể được hình thành có thể kích thích mắt và đường hô hấp. Không có tài liệu nào về tác động tiêu cực đến sức khỏe trong điều kiện nhiệt độ bình thường vì keo bay hơi nước. Ăn: không có hại trong điều kiện sử dụng công nghiệp bình thường. Ăn uống bị cấm. Da: Da tiếp xúc với keo lâu hoặc nhiều lần sẽ gây kích ứng. Mắt: Sẽ gây khó chịu cho mắt vừa phải.
1.2	Sơn	Lắp ráp	Epoxy resin ($C_{21}H_{24}O_4$); Phenol, methylstyrenated ($C_{18}H_{20}$); Xylen (C_8H_{10}); Butan-1-ol ($C_4H_{10}O$); Ethylbenzene (C_8H_{10}).	Hình dạng: chất lỏng Ngoại quan: màu sắc phong phú. Tính hòa tan: không hòa tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước lạnh.	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây dị ứng đường hô hấp. Sơn bám lên da có nguy cơ dị ứng, phát ban.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho dự án được sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện chung của Công ty Điện lực Bình Phước - Điện lực Đồng Phú thông qua hệ thống đường dây cáp điện của KCN Bắc Đồng Phú.
- Lượng điện năng sử dụng hiện tại trung bình: khoảng 132.000 kWh/tháng.
- Điện Công ty được sử dụng cung cấp cho hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất, phục vụ chiếu sáng các công trình sản xuất và chiếu sáng cho toàn nhà máy.
- Dự án không sử dụng máy phát điện dự phòng.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Giai đoạn 1:

Nguồn cung cấp nước:

Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của Nhà máy được cung cấp từ nguồn nước thủy cục do Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Bình Phước cung cấp. Hệ thống nước thủy cục cấp cho Nhà máy luôn đảm bảo thường xuyên và liên tục.

Nhu cầu sử dụng nước:

Hiện tại dự án đã cho thuê phần diện tích nhà xưởng giai đoạn 1, có 2 đơn vị thuê xưởng đang hoạt động với tổng số cán bộ công nhân viên dự kiến khoảng 740 người (đã bao gồm nhân sự của công ty Thành Nghiệp khoảng 240 người). Nhu cầu sử dụng nước 3 tháng liên kế của công ty trung bình khoảng 1.891 m³/tháng, tương đương 72,79 m³/ngày.

Theo đó, lượng nước thải trung bình của công ty trung bình khoảng 1.593 m³/tháng, tương đương **61,3 m³/ngày.đêm** → Lượng nước thải sinh hoạt của Công ty và đơn vị thuê xưởng không vượt so với công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án **125 m³/ngày.đêm**.

Với công suất trạm XLNT 125 m³/ngày.đêm đảm bảo đủ khả năng xử lý cho 1.300 người. Chủ đầu tư cam kết lượng nước thải sinh hoạt của Công ty và đơn vị thuê xưởng không vượt so với công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

(Hóa đơn nước 3 tháng gần nhất, biên bản xác nhận lưu lượng nước thải của công ty được đính kèm phần phụ lục).

Giai đoạn 2:

Nhu cầu sử dụng nước của dự án được tính toán trên các cơ sở sau:

- Nước dùng cho sinh hoạt:
 - + Tiêu chuẩn cấp nước cho công nhân viên nhà máy: 80 lít/người.ca (theo QCVN 01:2021/BXD).
 - + Số lượng công nhân viên đơn vị thuê xưởng dự kiến khoảng 1.000 người.
 - + Công ty sẽ thu gom nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê xưởng bằng các đường ống thu gom trong phạm vi dự án.
 - + Ngành nghề Công ty cho đơn vị thuê xưởng thực hiện sản xuất trong phạm vi dự án gồm: thuê làm kho, chế biến gỗ, ngành nghề nội thất.
 - + Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ có trách nhiệm lập hồ sơ môi trường cho dự án của họ, đánh giá tác động đối với nước thải sản xuất của dự án của họ và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất.
- Nước tưới cây: Nước tưới cây được tính toán dựa trên các cơ sở như sau:

- + Định mức nước tưới cây là 4 lít/m² (theo TCXDVN 33:2006/BXD).
- + Diện tích cây xanh khi thay đổi, diện tích cây xanh là 25.027,2 m².

Ngoài ra, dự án còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy khoảng 162 m³, được tính cho 1 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây/đám cháy.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 162 \text{ m}^3.$$

Bảng cân bằng sử dụng nước của dự án (trong trường hợp sử dụng nước và phát thải nước thải lớn nhất) được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Bảng cân bằng sử dụng nước của dự án

TT	Mục đích sử dụng	Định mức sử dụng	Đối tượng sử dụng	Nhu cầu nước (m ³ /ngày)	Lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày)
1	Nước dùng cho sinh hoạt giai đoạn 1	80 lít/người.ca	1.300 người	104	104
2	Nước dùng cho sinh hoạt giai đoạn 2	80 lít/người.ca	1.000 người	80	80
3	Nước tưới cây	4 lít/m ²	25.027,2	100,1	-
	Tổng cộng			300,1	200

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1. Máy móc thiết bị

Các máy móc, thiết bị chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc, với công nghệ hiện đại, mức độ tự động hóa cao, điện năng hao phí thấp.

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất cho dự án cả 2 giai đoạn được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1.5. Máy móc thiết bị

TT	Thiết bị	Đơn vị	Hiện trạng	Công suất/ Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Tình trạng máy, năm SX
I	Giai đoạn 1					
1	Máy cắt	Bộ	24	50 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
2	Máy bào	Bộ	10	50 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
3	Máy ép	Bộ	8	50 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
4	Máy cưa	Bộ	10	50 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
5	Máy ghép	Bộ	7	60 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020

TT	Thiết bị	Đơn vị	Hiện trạng	Công suất/ Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Tình trạng máy, năm SX
6	Máy điều khiển	Bộ	7	50 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
7	Máy khoan	Bộ	2	40 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
8	Máy hút bụi	Bộ	8	300 KW	Trung Quốc	90%, năm 2020
9	Xe nâng	Cái	6	3 – 5 tấn	Trung Quốc	90%, năm 2020
10	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	125 m ³ /ngày	Việt Nam	100%, năm 2022
11	Hệ thống xử lý bụi gỗ	Hệ thống	1	54.000 m ³ /giờ	Việt Nam	90%, năm 2020
II	Giai đoạn 2					
1	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	150 m ³ /ngày	Việt Nam	100%, năm 2024

Thời điểm đầu tư xây dựng nhà xưởng vào năm 2021, toàn bộ máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty được đầu tư mới 100%. Đến nay, các máy móc trang thiết bị nói trên vẫn hoạt động rất tốt, đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Công ty. Vì vậy công ty sẽ tiếp tục sử dụng lại các máy móc, trang thiết bị hiện hữu phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty.

1.5.2. Hạng mục công trình của dự án đầu tư

Bảng 1.6. Quy mô hạng mục công trình của Dự án

TT	Hạng mục	GPMT đã cấp			Điều chỉnh cập nhật		
		Diện tích xây dựng (m ²)		Ghi chú	Diện tích xây dựng (m ²)		Ghi chú
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	
I	Công trình chính						
1	Nhà xưởng 1	5.400	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	5.400	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng
2	Nhà xưởng 2	6.992			6.992		
3	Nhà xưởng 3	6.675,08		Cho thuê	6.675,08		Cho thuê
	Nhà văn phòng xưởng 3	211,28			211,28		
4	Nhà xưởng 4	Không có	6.992	Cho thuê	Không có	6.992	Cho thuê
5	Nhà xưởng 5		6.992			6.992	
6	Nhà xưởng 6	6.000	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	6.000	Không xây dựng thêm	Cho thuê
7	Nhà xưởng 7	7.423,68	Không xây dựng thêm	Cho thuê	7.423,68	Không xây dựng thêm	Cho thuê
	Nhà văn phòng xưởng 7	211,28			218,88		
8	Nhà xưởng 8	7.752			7.752		
9	Nhà xưởng 9	Không có	7.752		Không có	7.423,68	
	Nhà văn phòng xưởng 9		Không có			211,28	
10	Nhà xưởng 10		7.752			7.752	
11	Nhà kho (dùng chứa nguyên liệu)	7.200	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	7.200	Không xây dựng thêm	Cho thuê

TT	Hạng mục	GPMT đã cấp			Điều chỉnh cập nhật			
		Diện tích xây dựng (m²)		Ghi chú	Diện tích xây dựng (m²)		Ghi chú	
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2			Giai đoạn 1		Giai đoạn 2
	Gác sàn trong nhà kho	471,38			471,38			
12	Nhà văn phòng	587			587			
13	Nhà văn phòng 2				Không có	369,75	Cho thuê	
II	Công trình phụ trợ							
14	Nhà ăn và nhà xe	Không có	2.080	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	-		Đổi tên thành nhà kho 2	
15	Nhà kho 2				Không có	2.170	Cho thuê	
16	Nhà bảo vệ 1	15	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	15	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	
17	Nhà bảo vệ 2	15	Không xây dựng thêm		15		Cho thuê	
18	Nhà bảo vệ 3	-	-			16	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	
19	Nhà bảo vệ 4	-	-			16		
20	Nhà bảo vệ 5	-	-			16		
21	Nhà phụ trợ 1	140	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	140	Không xây dựng thêm		Cho thuê
22	Nhà phụ trợ 2	140			140			
23	Mái che lối đi	Không có	112		Không có	112		
24	Nhà vệ sinh nhà xưởng 1	78,75	Không xây dựng thêm		78,75	Không xây dựng thêm		
25	Nhà vệ sinh nhà xưởng 2	36			36			

TT	Hạng mục	GPMT đã cấp			Điều chỉnh cập nhật		
		Diện tích xây dựng (m²)		Ghi chú	Diện tích xây dựng (m²)		Ghi chú
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2			Giai đoạn 1	
26	Nhà vệ sinh nhà xưởng 3	36			36		Cho thuê
27	Nhà vệ sinh nhà xưởng 4	Không có	36		Không có	36	Cho thuê
28	Nhà vệ sinh nhà xưởng 6	78,75	Không xây dựng thêm		78,75	Không xây dựng thêm	Cho thuê
29	Nhà vệ sinh nhà xưởng 7	36			36		
30	Nhà vệ sinh nhà xưởng 8	36			36		
31	Nhà vệ sinh nhà xưởng 9	Không có	36		Không có	36	
32	Hồ nước PCCC	280	Không xây dựng thêm	Xây dựng ngầm dưới đất	280	Không xây dựng thêm	Xây dựng ngầm dưới đất
33	Trạm điện	16		Công ty Thành Nghiệp sử dụng	16		Công ty Thành Nghiệp sử dụng
34	Cây xanh	25.052,23			25.027,2		
35	Đường giao thông sân bãi	19.087,67			18.797,41		
III	Công trình bảo vệ môi trường						
36	Khu vực chứa chất thải sinh hoạt	20	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng	20	Không xây dựng thêm	Công ty Thành Nghiệp sử dụng
37	Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại	42			30		
38	Kho chứa rác thải nguy hại	30			42		
39	Hệ thống XLNT	45			45		
	Bể chứa nước thải 1	45			60		

TT	Hạng mục	GPMT đã cấp			Điều chỉnh cập nhật		
		Diện tích xây dựng (m²)		Ghi chú	Diện tích xây dựng (m²)		Ghi chú
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	
	Bể chứa nước thải 2	6,9			60		
	Bể chứa nước thải 3	-				60	
40	Nhà hút bụi	77,86			Công ty Thành Nghiệp sử dụng	77,86	
	Tổng cộng	125.136,30			125.136,30		

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Do đó, dự án đầu tư là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

2.1.2. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

- Mục tiêu lập quy hoạch:
 - + Là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.
- Quan điểm quy hoạch:
 - + Việc lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030.
 - + Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với

các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân.

2.1.3. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau:

- Công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến sâu phải theo hướng cụm ngành; tăng tốc phát triển 03 nhóm ngành điều, gỗ và thực phẩm xuất khẩu chủ lực (các sản phẩm chế biến từ gia súc, gia cầm) một cách bền vững trước năm 2025, đóng góp cao vào tỷ trọng trong GRDP, thu ngân sách và tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.
- Do đó, việc thực hiện Dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” tại KCN Bắc Đồng Phú là hoàn toàn phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan.

2.1.4. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án

KCN Bắc Đồng Phú quy hoạch nhiều ngành nghề đầu tư công nghiệp mang tính chất sản xuất khác nhau:

- Cơ khí chế tạo máy: Tập trung ưu tiên các ngành sản xuất, lắp ráp các phương tiện vận chuyển, chế tạo máy móc phục vụ các ngành nông nghiệp, công nghiệp;
- Điện, điện tử, công nghệ thông tin: Tập trung ưu tiên sản xuất linh kiện phụ tùng, các sản phẩm điện, điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, thiết bị thông tin;
- Hóa dược: Tập trung ưu tiên sản xuất dược liệu, dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hương liệu, cao su kỹ thuật cao;
- Dệt may: Các sản phẩm dệt, may mặc, thêu đan, sản xuất giày dép và phụ kiện ngành giày và dệt may;
- Vật liệu xây dựng: Sản xuất kính, gốm sứ, gạch đá, các vật liệu xây dựng khác...;
- Công nghiệp chế biến gỗ, giấy và trang trí nội thất;
- Các kho bãi cho thuê chứa hàng hóa...;
- Thực phẩm nông nghiệp: sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm đồ uống...;
- Công nghiệp tiêu dùng phục vụ đời sống: dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi trẻ em, nữ trang, hàng thủ công mỹ nghệ, các vật dụng văn phòng phẩm...;
- Các dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, kê khai hải quan, thuế, cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ thương mại, nhà hàng khách sạn..., phục vụ cho KCN;

- Chế biến thực phẩm nông nghiệp; Chế biến giấy thành phẩm từ nguyên liệu bột giấy có sẵn; Ngành sản xuất gia công các chi tiết, phụ tùng ô tô và đồ dùng trang trí nội thất từ nguyên liệu đồng thời và 50% đồng vụn đã làm sạch tạp chất (không có công đoạn luyện kim);
- San chiết đóng gói bảo quản các loại hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón;
- In ấn trên các loại vải nguyên liệu;
- Trồng nấm công nghiệp;
- Pha chế cắt gọt kim loại, làm mát máy công nghiệp;
- Sản xuất đế lót giày bằng giấy.

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Bắc Đồng Phú, thuộc ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú (Công nghiệp chế biến gỗ, giấy và trang trí nội thất), KCN này đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng.

Dự án của Công ty đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo tác động môi trường tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 07/07/2020.

Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường không thay đổi so với đánh giá trong quá trình thực hiện ĐTM đã được phê duyệt năm 2020. Đồng thời, hiện tại cũng phù hợp với Báo cáo ĐTM của KCN đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/03/2022 của dự án: “Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào KCN Bắc Đồng Phú) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước”.

Do đó, Dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch.

Đối với cho thuê nhà xưởng dư thừa, ngành nghề sản xuất của đơn vị thuê nhà xưởng cam kết là ngành nghề được phép đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú. Công ty sẽ ưu tiên các Dự án cùng ngành nghề sản xuất với Công ty để thuận lợi cho việc theo dõi những ảnh hưởng của đơn vị cho thuê trong quá trình hoạt động Dự án. Công ty khi thuê nhà xưởng sẽ thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường riêng của Công ty đó theo đúng quy định.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Bắc Đồng Phú, đồng thời dự án đầu tư không thuộc loại hình sản xuất thuộc nhóm ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Nước thải của Công ty bao gồm 2 nguồn:

- Nước thải sinh hoạt giai đoạn 1: Với lưu lượng thải tính toán trong chương 1 cho tới đa 1.300 cán bộ công nhân viên (công ty Thành Nghiệp và đơn vị thuê xưởng)

là 104 m³/ngày.đêm (hệ số điều hòa k 1,2). Công suất trạm XLNT hiện hữu có công suất 125 m³/ngày.đêm đảm bảo đủ khả năng xử lý, trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT của KCN Bắc Đồng Phú.

- Nước thải sinh hoạt giai đoạn 2: Với lưu lượng thải tính toán trong chương 1 cho tới đa 1.000 cán bộ công nhân viên (đơn vị thuê xưởng) là 80 m³/ngày.đêm (hệ số điều hòa k 1,2). Công ty sẽ đầu tư trạm XLNT công suất 100 m³/ngày.đêm để thu gom xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT của KCN Bắc Đồng Phú.

Nước thải sau xử lý của công ty Thành Nghiệp sẽ được dẫn về hệ thống XLNT của KCN Bắc Đồng Phú để xử lý. Hiện tại KCN đã xây dựng hoàn thiện nhà máy XLNT tại Khu A của KCN với công suất là 2.000 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên Công ty chỉ mới thực hiện lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN với công suất 1.500m³/ngày.đêm. Với thiết kế như trên, trạm XLNT tại Khu A có thể đáp ứng nhu cầu xử lý của cả Khu B của KCN khi lấp đầy tất cả diện tích đất còn lại. Vì vậy, Công ty đã chuyển chủ trương từ xây dựng nhà máy XLNT tại Khu B (lô B15, B16) với công suất 1.100 m³/ngày.đêm thành thi công xây dựng hồ thu gom nước thải tại vị trí nêu trên và đường ống thu gom nước thải phát sinh từ khu B tập trung về Nhà máy XLNT của Khu A để xử lý.

Trong quá trình hoạt động của dự án khi các doanh nghiệp thứ cấp phát sinh lượng nước thải với khối lượng bằng 85% công suất hiện tại 1.500m³/ngày.đêm thì Công ty sẽ tiến hành triển khai lắp đặt thiết bị của 500m³/ngày.đêm còn lại để đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của KCN.

Trường hợp nếu nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp tại KCN Bắc Đồng Phú phát sinh lớn hơn khả năng xử lý của nhà máy XLNT hiện tại (2.000 m³/ngày.đêm), thì Công ty sẽ tiến hành xây dựng 1 nhà máy với công suất 2.000 m³/ngày.đêm (giai đoạn 2) để dự phòng và đảm bảo xử lý tất cả nước thải phát sinh cả 2 Khu của KCN Bắc Đồng Phú.

Trong quá trình dự án đi vào vận hành có phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường), chất thải nguy hại và bụi, khí thải từ quá trình sản xuất). Với những nguồn thải trên chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu, xử lý và quản lý phù hợp với từng nguồn phát sinh, không để chất thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn theo quy định ra môi trường.

Do đó, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

5.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

❖ Giai đoạn 1:

Công ty đã xây dựng, bố trí hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống nước thải.

Nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, cũng như qua bề mặt của nhà máy,... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa.

Nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, cũng như qua bề mặt của dự án,... sẽ được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa.

Hệ thống thu gom nước mưa là mương bê tông cốt thép. Nước mưa từ mái công trình đi theo độ dốc mái chảy vào các máng xối và thông qua hệ thống ống xuống mương dẫn, nước được đi vào hệ thống thu gom nước mưa kín và âm dưới nền đất được xây dựng xung quanh các công trình xây dựng với đường kính BTCT là Ø400, Ø500, Ø600. Nước mưa từ nhà máy được đầu nối với cống thoát nước mưa của KCN Bắc Đồng Phú thông qua 03 điểm đầu nối trên đường D4; 02 điểm đầu nối trên đường D5.

Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thường xuyên kiểm tra, tu bổ, thu dọn rác, khơi thông dòng chảy, cống rãnh theo địa hình tự nhiên thấp dần xuống các đường tự thủy khu vực dự án nhằm không chế tình trạng ứ đọng, ngập úng, sinh lầy.

Hệ thống thoát nước mưa sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định pháp luật.



Hình 3.1. Hệ thống mương, hố ga thu gom nước mưa hiện hữu

❖ **Giai đoạn 2:**

Nước mưa từ mái công trình đi theo độ dốc mái chảy vào các máng xối và thông qua hệ thống ống xuống mương dẫn bằng Bê tông cốt thép. Mương thoát nước được xây dựng xung quanh với đường kính Ø 400. Sau đó theo mương thoát Ø 600 đầu nối với cống thoát nước mưa của KCN Bắc Đồng Phú thông qua 01 điểm đầu nối trên đường D4; 01 điểm đầu nối trên đường D5.

Bảng 3.1: Thống kê hệ thống thu gom thoát nước mưa

STT	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Thông số kỹ thuật
I	Giai đoạn 1	
1	Mương thoát nước	BTCT Ø400, Dài 2.521 m. BTCT Ø500, Dài 1.118 m BTCT Ø600, Dài 133 m.
2	Hố ga	Số lượng: 89 cái Kích thước: 1x1x1 (m)
3	Cửa xả	Số lượng: 5 cái Đường ống xả: BTCT Ø600 Kích thước hố ga đầu nối vào KCN: 1,6x1,6x1,6 (m)
II	Giai đoạn 2	
1	Mương thoát nước	BTCT Ø400, Dài 1.542 m BTCT Ø600, Dài 43 m.
2	Hố ga	Số lượng: 18 cái Kích thước: 1x1x1 (m)
3	Cửa xả	Số lượng: 2 cái Đường ống xả: BTCT Ø600 Kích thước hố ga đầu nối vào KCN: 1,6x1,6x1,6 (m)

Bản vẽ hệ thống thu gom và thoát nước mưa được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo này.

5.1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ **Giai đoạn 1:**

Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt Nhà máy Thành Nghiệp và nước thải của đơn vị thuê xưởng (nước thải sinh hoạt). Quá trình sản xuất của Nhà máy Thành Nghiệp không phát sinh nước thải.

Nước thải được thu gom tách riêng biệt với nước mưa và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 125m³/ngày đêm đã được xây dựng.

Toàn bộ nước thải từ nhà vệ sinh của Dự án bao gồm Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp và đơn vị thuê nhà xưởng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về HTXL nước thải công suất 125 m³/ngày để xử lý đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó đầu nối theo đường ống nhựa PVC Ø168, dài 19 m vào hệ thống thu gom của KCN Bắc Đồng Phú.

Nước thải sau xử lý được đầu nối tại 01 vị trí trên đường D5, cửa xả nước thải là ống PVC Ø168 và phương thức xả thải: bơm cưỡng bức. Hố ga đầu nối nước thải với kích thước 1,6x1,6x1,6 (m) có nắp đậy, bên ngoài hàng rào của dự án và có lối đi thuận lợi để giám sát việc đầu nối và chất lượng nước thải sau xử lý của Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống công thoát của KCN Bắc Đồng Phú.

❖ Giai đoạn 2:

Nước thải từ nhà vệ sinh các xưởng số 4,5,9,10 cho thuê được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường ống PVC Ø140 dẫn về HTXL nước thải công suất 100 m³/ngày để xử lý đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó đầu nối theo đường ống nhựa PVC Ø168, dài 15 m vào hệ thống thu gom của KCN Bắc Đồng Phú trên đường D5.

Bảng 3.2: Thống kê hệ thống thu gom thoát nước thải

STT	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	Thông số kỹ thuật
I	Giai đoạn 1	
1	Ống thu gom thoát nước thải	PVC Ø60, dài 402 m PVC Ø140, dài 1.244 m PVC Ø168, dài 19 m
2	Hố ga	Số lượng: 41 cái Kích thước: 1x1x1 (m)
3	Cửa xả	Số lượng: 1 cái Đường ống xả: PVC Ø168 Kích thước hố ga đầu nối: 1,6x1,6x1,6 (m).
II	Giai đoạn 2	
1	Ống thu gom thoát nước thải	PVC Ø60, dài 60 m PVC Ø140, dài 298 m PVC Ø168, dài 15 m
2	Hố ga	Số lượng: 13 cái Kích thước: 1x1x1 (m)
3	Cửa xả	Số lượng: 1 cái Đường ống xả: PVC Ø168 Kích thước hố ga đầu nối: 1,6x1,6x1,6 (m).

Bản vẽ hệ thống thu gom và thoát nước thải được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo này.

5.1.3. Xử lý nước thải

❖ Giai đoạn 1

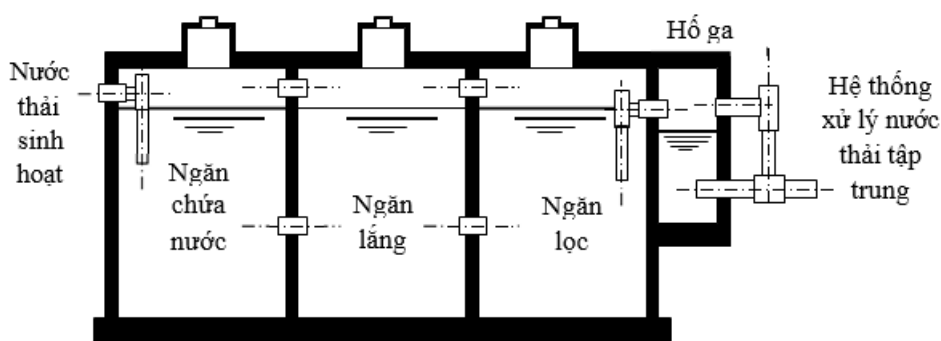
Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 125m³/ngày đêm.

Tại khu vực văn phòng: đã xây 4 hầm tự hoại, mỗi hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 3 x 2 x 3 = 18 m³).

Tại khu vực các nhà xưởng: đã xây 8 hầm tự hoại để xử lý, mỗi hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 3 x 2 x 3 = 18 m³).

Tổng thể tích 12 bể tự hoại là 216 m³.

Sơ đồ xử lý nước thải của bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện trong hình sau:



Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

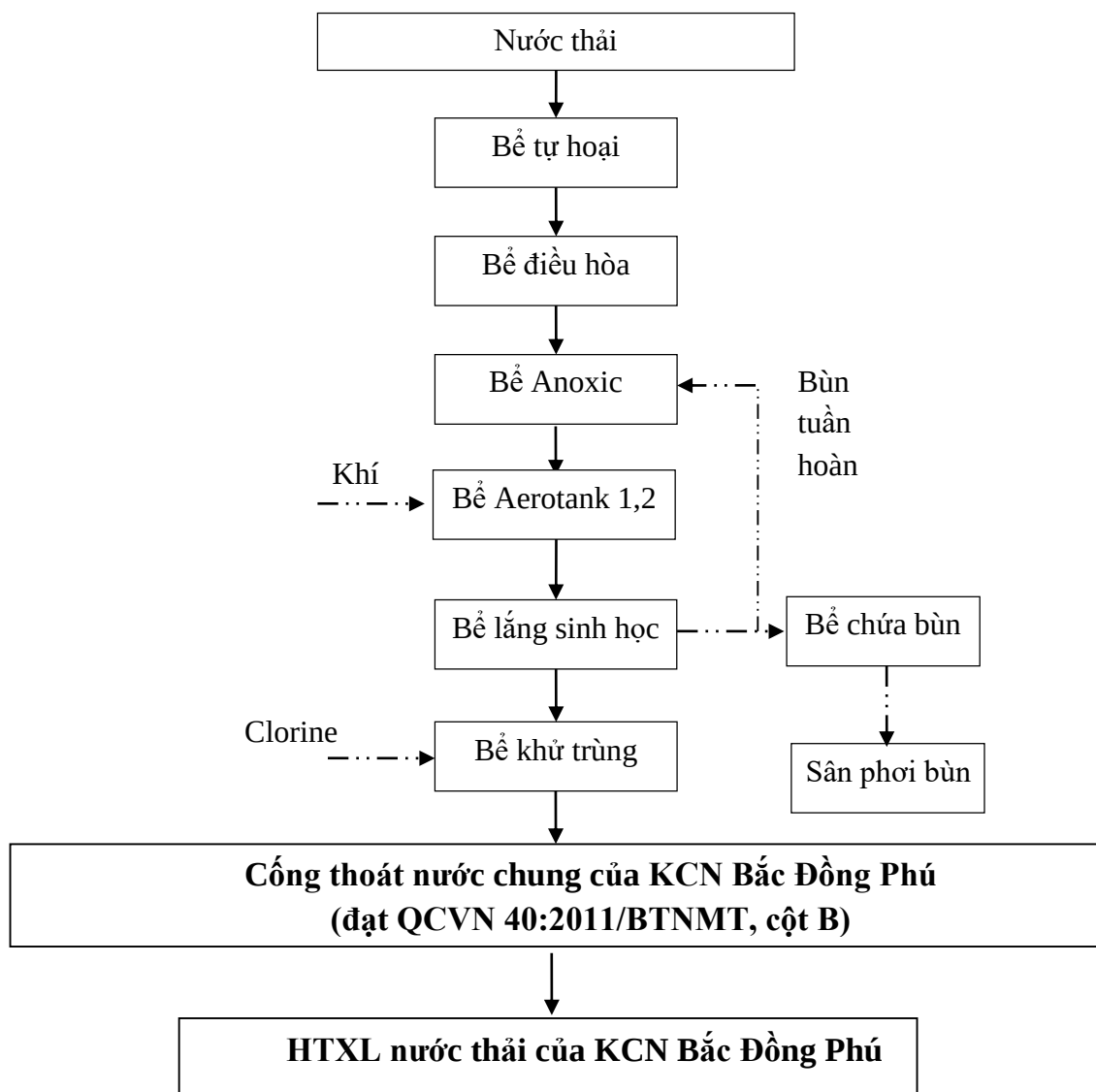
Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải vào bể tự hoại 3 ngăn đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí.

Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%. Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 125 m³/ngày đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 125 m³/ngày đêm.

Công ty đã xây dựng hoàn thiện 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 125 m³/ngày đêm. Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải 125m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được dẫn về bể thu gom. Bể thu gom có tác dụng lưu chứa chất thải. Tại bể thu gom có đặt giỏ chắn rác để loại bỏ các vật rắn có kích thước lớn. Sau đó, nước thải được bơm lên bể điều hòa.

Bể điều hòa:

Tại bể này tiếp nhận nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn). Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, giúp hệ thống xử lý làm việc ổn định; đồng thời giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp sau.

Bể Anoxic (bể sinh học thiếu khí):

Quá trình xử lý sinh học thiếu khí hiệu quả cao đối với chất ô nhiễm COD, BOD và oxy hóa amoniac NH_3 thành nitrite NO_2^- , cuối cùng là nitrate NO_3^- . Chất dinh dưỡng được cung cấp theo tỷ lệ tính toán sơ bộ $\text{BOD:N:P} = 100:5:1$. Để tăng hiệu quả xử lý nitơ, bể sinh học thiếu khí bùn hoạt tính được bổ sung. Quá trình xử lý sinh học tồn tại đồng thời giữa vùng hiếu khí và vùng thiếu khí là điều kiện thích hợp cho các quá trình xử lý nitơ trong nước thải. Quá trình xử lý nitơ gồm 02 quá trình sau:

- Quá trình nitrat hóa:



- Quá trình khử nitrat:



Nitrat sinh ra từ quá trình nitrat hóa trong điều kiện hiếu khí được khuếch tán sang vùng thiếu khí cùng với cơ chất, tạo điều kiện thích hợp cho quá trình khử nitrat xảy ra trong cùng một bông bùn. Với sự kết hợp của quá trình nitrat hóa và khử nitrat, nồng độ nitơ trong nước thải được xử lý hiệu quả bởi sự kết hợp giữa bể sinh học thiếu khí và bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính.

Bể xử lý thiếu khí được thiết kế bộ khuấy trộn nhằm đảo trộn đều nước thải và vi sinh vật. Bể thiếu khí còn đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh để chống lại hiện tượng bùn nổi do vi khuẩn dạng sợi gây ra. Nước sau bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể Aerotank.

Bể Aerotank:

Bể Aerotank có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải. Trong bể Aerotank diễn ra quá trình oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể Aerotank có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ khoảng 2.500 – 4.000 mg/l; do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại vào bể Anoxic để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể.

Bể lắng sinh học:

Nước thải sau xử lý sinh học có mang theo bùn hoạt tính cần phải loại bỏ trước khi thải vào các bể tiếp theo. Bể lắng sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Nước sạch được thu đều trên bề mặt bể lắng thông qua máng tràn răng cưa. Bùn lắng một phần được hoàn lưu định kỳ về các bể xử lý phía trước và một phần

(bùn dư) được đưa về bể chứa bùn và sân phơi bùn.

Bể khử trùng:

Tại bể khử trùng, chlorine được châm định lượng vào để loại bỏ các vi sinh vật có hại trong nước thải. Chlorine khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật, phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất và gây chết đối với vi sinh vật.

Sau khi khử trùng, nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột B (tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú) đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN tại 01 điểm đầu nối trên đường D5 và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột A, trước khi được thải ra nguồn tiếp nhận (suối Rạt).

Bể chứa bùn:

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn. Bùn này là bùn vi sinh nên bùn chủ yếu được lưu giữ lại để châm định lượng vào bể Anoxic khi cần thiết, nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động ổn định. Nếu bùn thải từ hệ thống không tuần hoàn lại thì sẽ được chuyển đến sân phơi bùn.

Sân phơi bùn:

Tại sân phơi bùn, bùn được giảm ẩm độ, thể tích và khối lượng. Nước được dẫn về bể gom để xử lý. Bùn sau khi giảm độ ẩm sẽ được thu gom và lưu chứa trong khu vực lưu chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý. Vào mùa mưa, Công ty sẽ sử dụng tấm bạt che chắn, khối lượng bùn phát sinh ít, khả năng giảm ẩm độ nhanh nên cũng không ảnh hưởng nhiều.

Danh mục các thiết bị đã lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải tập trung 125m³/ngày.đêm của công ty Thành Nghiệp được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3.3: Danh mục các thiết bị hệ thống XLNT

TT	Tên sản phẩm – Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng
01	TRẠM BƠM 1 – Văn phòng cũ			
*	Bơm TRUNG CHUYỂN 1	Taiwan	Bộ	1
	Kiểu bơm CHÌM			
	Lưu lượng: 12-15 m ³ /h			
	Công suất: 2HP – 380V, 50Hz			
	Phụ kiện lắp đặt: van 1 chiều, co, tê			
*	Phao mực nước		cái	1
	Khởi động hoặc tắt máy bơm			
02	TRẠM BƠM 2 – Văn phòng mới			

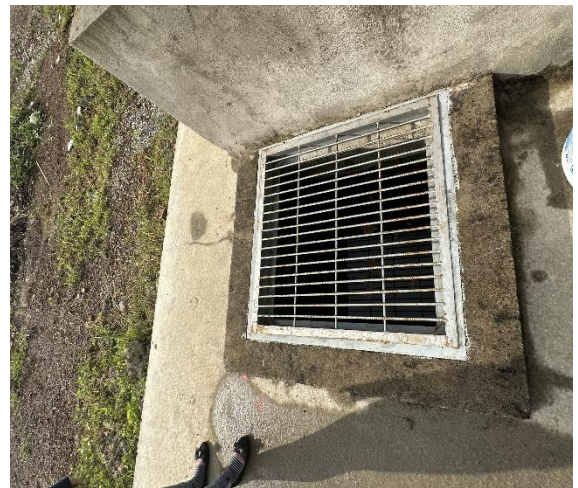
TT	Tên sản phẩm – Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng
*	Bơm TRUNG CHUYỂN 2, 3	Taiwan	Bộ	2
	Kiểu bơm chìm			
	Lưu lượng: 12-15 m ³ /h			
	Công suất: 2HP – 380V, 50Hz			
	Phụ kiện lắp đặt: van 1 chiều, co, tê			
*	Phao mực nước			
	Khởi động hoặc tắt máy bơm			
03	BỂ ĐIỀU HÒA			
*	Đĩa phân phối khí			
	Kiểu: Diffuser			
	Đường kính: 270mm			
	Vật liệu: High grade EDPM			
*	Bơm điều hòa	Taiwan	Bộ	2
	Kiểu bơm chìm			
	Lưu lượng: 8-10 m ³ /h			
	Công suất: 1HP - 380V, 50Hz			
	Phụ kiện lắp đặt			
*	Phao mực nước		Cái	1
	Khởi động hoặc tắt máy bơm			
04	BỂ ANOXIC			
*	Bộ khuấy trộn	Taiwan	Bộ	1
	Motor giảm tốc 1HP – 380V			
	Trục khuấy thép tráng kẽm – D60 – 2.4mm			
	Cánh khuấy Inox 304 – La 4 – 3mm			
	Tốc độ: 54 vòng/phút			
	Phụ kiện lắp đặt			
05	BỂ AEROTANK			
*	Đĩa phân phối khí			
	Kiểu: Diffuser			
	Đường kính: 270mm			
	Vật liệu: High grade EDPM			

TT	Tên sản phẩm – Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng
*	Máy thổi khí	Taiwan hoặc Trưng tự	Cái	2
	Nguồn: 3 pha/380V/50Hz			
	Công suất: 5Hp			
	Lưu lượng: 2,7 m ³ /phút			
	Cột áp: 4,5m			
	Phụ kiện lắp đặt			
*	Bơm nước sang bể lắng sinh học	Taiwan	Bộ	2
	Kiểu bơm chìm			
	Lưu lượng: 8-10 m ³ /h			
	Công suất: 1Hp – 380V, 50Hz			
	Phụ kiện lắp đặt			
*	Phao mực nước		Cái	1
	Khởi động hoặc tắt máy bơm			
06	BỂ LẮNG SINH HỌC			
*	Bơm bùn	Taiwan	Cái	1
	Kiểu bơm: dạng bơm nhúng chìm			
	Điện: 3 pha/ 380V/ 50Hz			
	Công suất: 1HP			
*	Máng thu nước	Việt Nam	Bộ	1
	Inox SUS 304			
	Phụ kiện			
*	Ống trung tâm	Việt Nam	Bộ	1
	uPVC + phụ kiện uPVC			
	Kích thước: D*H = 0.3m*2.0m			
07	BỂ KHỬ TRÙNG			
*	Bơm định lượng hóa chất	Hanna	Cái	2
	Điện: 1pha/220V/50Hz			
	Lưu lượng: 60 lít/h			
*	Bồn pha chế hóa chất	Việt Nam	Cái	1
	Vật liệu: nhựa PE (bồn nhựa Sơn Hà)			
	V = 300 lít			

TT	Tên sản phẩm – Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng
08	Hệ thống ống công nghệ trong hệ thống	Việt Nam	HT	1
	Hệ thống đường ống Φ21, Φ90, Φ140.			
	Hệ thống ống Inox 304: dẫn khí			
	Hệ đường ống uPVC: đường nước, ống dẫn điện			
	Phụ kiện			
09	Hệ thống điện điều khiển	Việt Nam	HT	1
	Điều khiển tự động			
	Xuất xứ: LS, Cadimi,...			
	Dây điện được kéo từ tủ điện đến thiết bị			



Trạm xử lý nước thải hiện hữu



Vị trí đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom của KCN Bắc Đồng Phú

Hình 3.4. Trạm xử lý nước thải hiện hữu, công suất 125m³/ngày. đêm của dự án

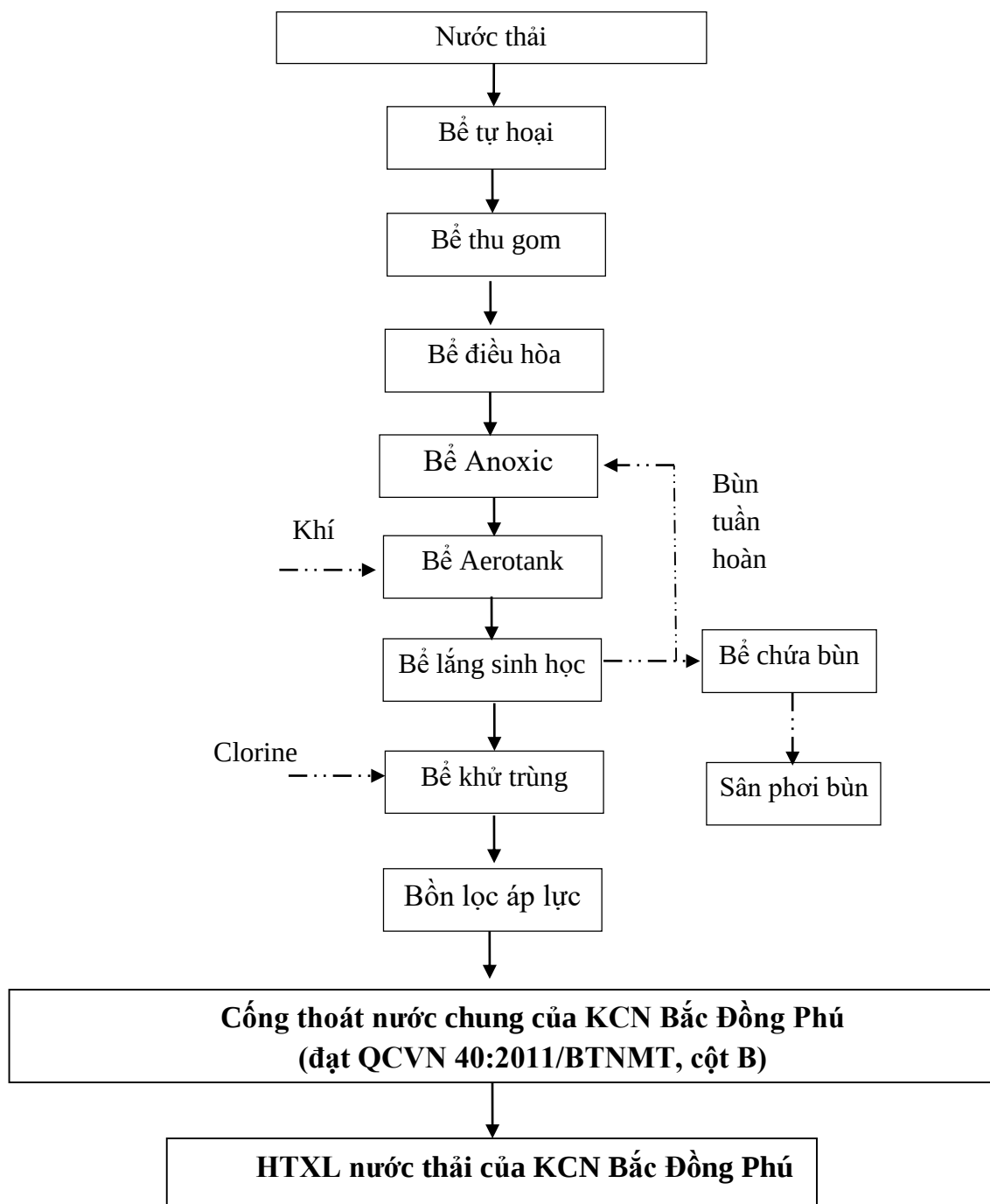
❖ Giai đoạn 2:

Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Dự án tiến hành xây dựng 3 hầm tự hoại tại nhà vệ sinh xưởng số 4, xưởng số 9 và nhà văn phòng 2, mỗi hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 3 x 2 x 3 = 18 m³).

Công ty sẽ đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải để thu gom, xử lý nước thải khu nhà xưởng xây mới với công suất 100 m³/ngày đêm. Quy trình công nghệ sản xuất như sau:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm



Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải 100m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được dẫn về bể thu gom. Bể thu gom có tác dụng lưu chứa chất thải. Tại bể thu gom có đặt giỏ chắn rác để loại bỏ các vật rắn có kích thước lớn. Sau đó, nước thải được bơm lên bể điều hòa.

Bể điều hòa:

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, giúp hệ thống

xử lý làm việc ổn định; đồng thời giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp sau.

Bể Anoxic (bể sinh học thiếu khí):

Quá trình xử lý sinh học thiếu khí hiệu quả cao đối với chất ô nhiễm COD, BOD và oxy hóa amoniac NH_3 thành nitrite NO_2^- , cuối cùng là nitrate NO_3^- . Chất dinh dưỡng được cung cấp theo tỷ lệ tính toán sơ bộ $\text{BOD:N:P} = 100:5:1$. Để tăng hiệu quả xử lý nitơ, bể sinh học thiếu khí bùn hoạt tính được bổ sung. Quá trình xử lý sinh học tồn tại đồng thời giữa vùng hiếu khí và vùng thiếu khí là điều kiện thích hợp cho các quá trình xử lý nitơ trong nước thải. Quá trình xử lý nitơ gồm 02 quá trình sau:

- Quá trình nitrat hóa:



- Quá trình khử nitrat:



Nitrat sinh ra từ quá trình nitrat hóa trong điều kiện hiếu khí được khuếch tán sang vùng thiếu khí cùng với cơ chất, tạo điều kiện thích hợp cho quá trình khử nitrat xảy ra trong cùng một bông bùn. Với sự kết hợp của quá trình nitrat hóa và khử nitrat, nồng độ nitơ trong nước thải được xử lý hiệu quả bởi sự kết hợp giữa bể sinh học thiếu khí và bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính.

Bể xử lý thiếu khí được thiết kế bộ khuấy trộn nhằm đảo trộn đều nước thải và vi sinh vật. Bể thiếu khí còn đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh để chống lại hiện tượng bùn nổi do vi khuẩn dạng sợi gây ra. Nước sau bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể Aerotank.

Bể Aerotank:

Bể Aerotank có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải. Trong bể Aerotank diễn ra quá trình oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể Aerotank có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ khoảng 2.500 – 4.000 mg/l; do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại vào bể Anoxic để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể.

Bể lắng sinh học:

Nước thải sau xử lý sinh học có mang theo bùn hoạt tính cần phải loại bỏ trước khi thải vào các bể tiếp theo. Bể lắng sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Nước sạch được thu đều trên bề mặt bể lắng thông qua máng tràn răng

cưa. Bùn lắng một phần được hoàn lưu định kỳ về các bể xử lý phía trước và một phần (bùn dư) được đưa về bể chứa bùn và sân phơi bùn.

Bể khử trùng:

Tại bể khử trùng, chlorine được châm định lượng vào để loại bỏ các vi sinh vật có hại trong nước thải. Chlorine khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật, phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất và gây chết đối với vi sinh vật.

Bể khử trùng:

Tại bể khử trùng, chlorine được châm định lượng vào để loại bỏ các vi sinh vật có hại trong nước thải. Chlorine khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật, phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất và gây chết đối với vi sinh vật

Bồn lọc áp lực:

Nước thải sau khi qua bể khử trùng được dẫn qua bồn lọc áp lực. Bồn lọc áp lực có nhiệm vụ khử chất rắn lơ lửng không lắng được và các chất hữu cơ còn lại trong nước sau xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Sau khi lọc, nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột B (tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú) đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN tại 01 điểm đầu nối trên đường D5 và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột A, trước khi được thải ra nguồn tiếp nhận (suối Rạt).

Bể chứa bùn:

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn. Bùn này là bùn vi sinh nên bùn chủ yếu được lưu giữ lại để châm định lượng vào bể Anoxic khi cần thiết, nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động ổn định. Nếu bùn thải từ hệ thống không tuần hoàn lại thì sẽ được chuyển đến sân phơi bùn.

Sân phơi bùn:

Bùn thu gom sẽ được dẫn về sân phơi bùn của hệ thống xử lý công suất 125m³/ngày.đêm để giảm ẩm độ, thể tích và khối lượng. Nước được dẫn về bể gom để xử lý. Bùn sau khi giảm độ ẩm sẽ được thu gom và lưu chứa trong khu vực lưu chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Bảng 3.4: Các công trình đơn vị hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày.đêm

STT	Hạng mục thiết kế	Kích thước BxLxH (m)	Thể tích V(m ³)	Số lượng	Cấu tạo
1	Bể thu gom	15x4,0x3,0	180	1	BTCT

STT	Hạng mục thiết kế	Kích thước BxLxH (m)	Thể tích V(m ³)	Số lượng	Cấu tạo
2	Bể điều hòa	6,0x3,5x2,3	48,3	1	Thép CT3
3	Bể anoxic	6,0x4,5x2,3	9,5	1	Thép CT3
4	Bể Aerotank	7,0x6,0x2,3	96,6	1	Thép CT3
5	Bể lắng sinh học	4,0x4,0x2,3	36,8	1	Thép CT3
6	Bể khử trùng	4,0x2,0x2,3	18,4	1	Thép CT3
7	Bồn lọc áp lực	DxH=0,6x1,8		1	Composite

(Nguồn: Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải của Dự án, 2024)

Danh mục các thiết bị dự kiến sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung 100m³/ngày.đêm của công ty Thành Nghiệp được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3.5: Danh mục các thiết bị hệ thống XLNT

TT	Tên sản phẩm – Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng
01	BỂ THU GOM	Taiwan	Bộ	1
	- Loại: Bơm chìm			
	- Lưu lượng: 11 m ³ /h			
	- Công suất: 6 m H ₂ O			
02	BỂ ĐIỀU HÒA	Taiwan	Bộ	1
	Bơm điều hòa: Kiểu bơm chìm			
	Lưu lượng: 11 m ³ /h			
	Công suất: 6m ³ nước			
*	Đĩa phân phối khí		lô	1
	- Loại: Đĩa khí thô			
	- Vật liệu màng EPDM			
	- Đường kính: 270 mm			
	- Lưu lượng: 2 - 6 m ³ /h			
03	BỂ ANOXIC			
*	Máy trộn chìm	Taiwan	Bộ	1
	- Vật liệu cánh: inox 304			
	- Công suất: 2hp, 220v, 50Hz			
04	BỂ AEROTANK			

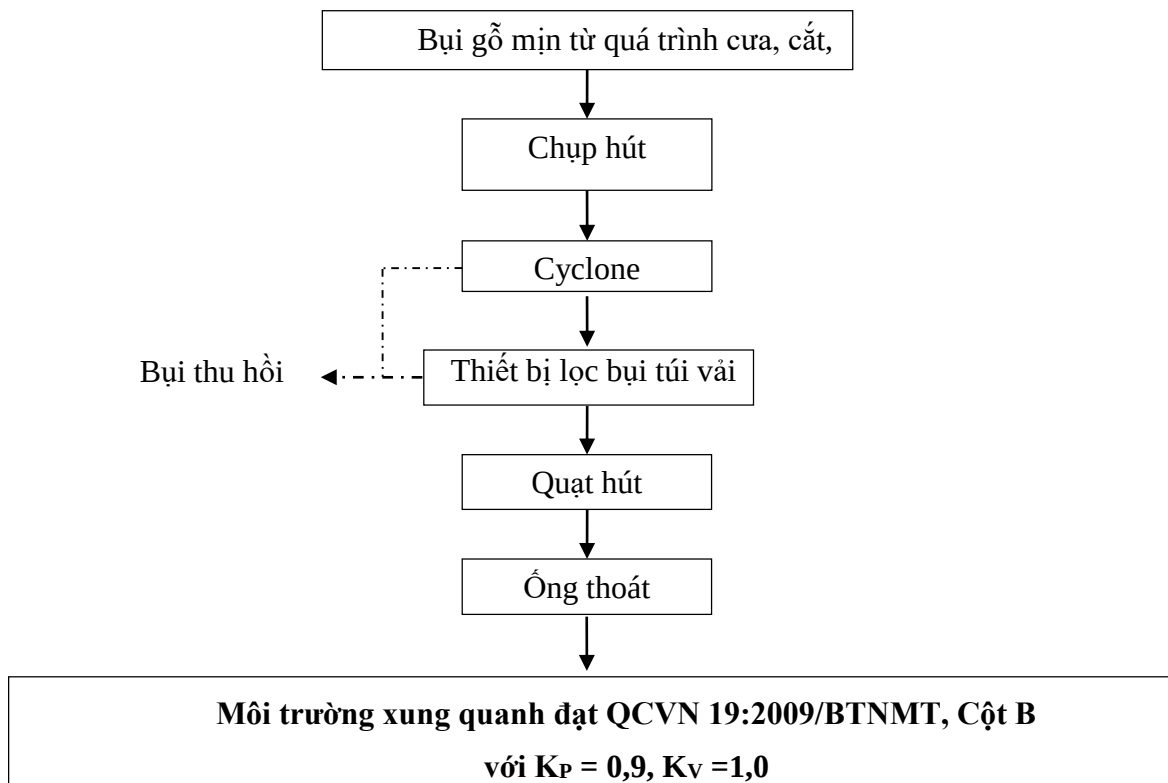
TT	Tên sản phẩm – Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng
*	Đĩa phân phối khí			
	- Loại: Đĩa khí tinh			
	- Vật liệu màng EPDM			
	- Đường kính: 350 mm			
	- Lưu lượng: 4.2-8.3m ³ /h			
*	Máy thổi khí	Taiwan hoặc Trung tự	Cái	2
	- Lưu lượng: 8 m ³ /phút			
	- Cột áp: 2m H ₂ O			
	- Công suất: 8HP 380V, 50Hz			
05	BỂ LẮNG SINH HỌC			
*	Bơm bùn tuần hoàn	Taiwan	Cái	1
	- Loại: Bơm khí nén			
	- Lưu lượng: 1 m ³ /h			
*	Máng răng cưa thu nước	Việt Nam	Bộ	1
*	Ống trung tâm	Việt Nam	Bộ	1
06	BỂ KHỬ TRÙNG			
*	- Bơm định lượng: 18 l/h	Hanna	Cái	1
	- Bồn hóa chất: 500l, cột áp: 15m			
07	BỒN LỌC ÁP LỰC	Việt Nam	HT	1
	7.1 Vỏ bồn lọc			
	- Kích thước D600mm x H1800mm			
	- Vật liệu: Composite			
	- Vật liệu lọc: Cát thạch anh			
	- Van tay súc rửa			
09	BƠM LỌC	Việt Nam	cái	1
	- Loại: Bơm ly tâm			
	- Lưu lượng: 14 m ³ /h			
	- Công suất: 20 m H ₂ O			
	- Vật liệu: đầu, cánh inox SS304			

5.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

5.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ dây chuyền sản xuất gỗ

Để giảm thiểu bụi gỗ phát sinh, dự án đã đầu tư 01 hệ thống cyclone và thiết bị lọc bụi túi vải để thu hồi bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan có công suất hệ thống là 54.000 m³/h do nhà thầu Công ty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL VIET NAM tư vấn thiết kế. Hiện tại công trình đã hoàn thành công tác vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý bụi gỗ.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan được trình bày như sau:



Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan

Thuyết minh quy trình:

Công ty đã bố trí số lượng chụp hút phù hợp theo các loại máy tại khu vực cưa, cắt, khoan, chụp hút hút tất cả bụi qua các đường ống dẫn đưa về cyclone. Sau khi được đưa vào cyclone, dòng khí sẽ chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn. Đây là nơi xảy ra sự tách biệt. Do vận tốc khí càng ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khí có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành cyclone. Điều này xảy ra với tất cả các hạt có kích thước $\geq 500\mu\text{m}$, do vượt quá lực ly tâm. Các hạt bụi đó khi va chạm vào thành nó sẽ di chuyển chậm lại do lực ma sát và các hạt đó được tách ra khỏi dòng khí và bị đẩy xuống; từ đó các hạt rắn tách khỏi cyclone tại đầu ra bụi. Khi dòng khí đi đến phần dưới cùng hình nón, dòng khí đổi hướng quay

trở lại và chuyển động lên trên; chuyển động quanh ống trụ tâm của cyclone và quạt hút sẽ hút dòng khí còn lẫn bụi đến đường ống tiếp theo.

Dòng khí tiếp tục được đưa vào thiết bị lọc túi vải. Dưới tác dụng của quạt hút, dòng bụi và khí được đưa qua các túi vải trong thiết bị lọc túi vải. Tại đây, các hạt bụi có kích thước lớn hơn kích thước lỗ của vật liệu lọc sẽ được giữ lại và định kỳ được thu gom ra ngoài. Dòng khí sau khi qua các túi vải được quạt hút đưa lên 4 ống thoát phát thải ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_p=0,9$, $K_v=1,0$. Hiệu quả xử lý bụi đạt từ 92-97%, kể cả các loại bụi có kích thước nhỏ hơn $5\mu m$.

Bụi sau khi thu hồi được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng theo quy định của pháp luật.



Hình 3.7. Hệ thống xử lý bụi gỗ công suất 54.000 m³/giờ

Thông số công trình của HTXL bụi gỗ được trình bày như Bảng sau:

Bảng 3.6: Thông số công trình HTXL bụi gỗ

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Đơn vị	Tổng số lượng
1	Chụp hút	Kích thước: D*R = 0,5x0,5 (m) Vật liệu: Thép	Cái	59

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Đơn vị	Tổng số lượng
2	Đường ống thu gom	Kích thước: Đường kính ống Ø450, Ø550, Ø600, Ø650, Ø750. Vật liệu: Thép	ống	7
3	Cyclone	Kích thước: Đường kính x Cao = 1,1x2,4 (m) Vật liệu: Thép	Cái	01
4	Thiết bị lọc bụi túi vải	Kích thước: D*R*C = 2,0x2,4x3,2 (m) Số lượng túi vải: 20 túi Kích thước túi vải: Đường kính x Cao = 0,15x2 (m)	Cái	01
5	Quạt hút	Lưu lượng: 13.500 m ³ /giờ		04
6	Ống khói	Kích thước: Đường kính x Chiều cao = 0,35x14 (m) Vật liệu: Thép		04

5.2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp đã thực hiện các biện pháp sau:

Biện pháp quản lý:

- Đối với xe chở hàng của nhà máy, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể;
- Đối với các phương tiện là xe máy ra vào nhà máy phải tắt máy, dắt bộ;
- Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông;
- Bố trí bãi đậu xe hợp lý trong khuôn viên nhà máy;
- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên;
- Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thu nhiệt của bê tông gây ra, nhất là vào mùa nắng;
- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải ra môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy.

Biện pháp kỹ thuật:

- Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường;

- Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chằng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.

5.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Giai đoạn 2 nhà máy chỉ điều chỉnh tăng diện tích hạng mục nhà xưởng cho thuê, không tăng quy mô, công suất sản phẩm. Do đó, công trình lưu chứa chất thải sinh hoạt vẫn đáp ứng được khả năng lưu chứa chất thải của toàn dự án.

Khối lượng chất thải phát sinh (cao nhất) vào khoảng 450 kg/ngày được thu gom vào các thùng chứa. Nhà máy bố trí 18 thùng chứa có dung tích 120L vật liệu PVC, có nắp đậy, đặt các thùng chứa tại các khu vực phát sinh. Sau đó, chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa này được tập kết về khu vực lưu trữ của dự án (nằm gần ở hàng rào đường D4) với diện tích 20 m² có mái che, tường bao tole. Vào cuối ngày có nhân công tập trung rác ở khu vực cổng dự án (định kỳ thu gom 3 ngày/lần) và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Hiện tại, công ty đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với đơn vị Dịch vụ vệ sinh đô thị - vận tải Nguyễn Xuân Lộc. (Đính kèm hợp đồng thu gom tại phần phụ lục).

Đối với chất thải sinh hoạt phát sinh từ đơn vị thuê xưởng, đơn vị thuê xưởng chịu trách nhiệm thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.



Hình 3.8. Khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt

5.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp thông thường

- Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy được cấp theo GPMT thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.7: Số lượng và thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Thành phần CTR công nghiệp	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Pallet gỗ thải	09 01 02	420
2	Giấy văn phòng, bao bì carton thừa	18 01 05	6.505,2
3	Đinh, ghim thừa	11 04 03	48
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	16.380
	Tổng khối lượng		23.353,2

Trên thực tế, khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh trung bình hàng tháng dao động từ 600 kg đến 1810 kg/tháng (tùy vào đơn hàng sản xuất). Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại... được thu gom và lưu chứa tại kho chứa.

Nhà máy đã xây dựng kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích 42 m², có kết cấu tường gạch, vách tole, nền bê tông, mái tôn, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm, bố trí sẵn bình chữa cháy trong khu vực kho chứa.



Hình 3.9. Khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Lượng chất thải này được hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý môi trường Nam Phú Gia thu gom xử lý.

(Đính kèm hợp đồng thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại tại phần phụ lục).

5.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Theo giấy phép môi trường, danh mục và khối lượng CTNH được cấp thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.8: Khối lượng chất thải nguy hại đã cấp phép

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	09 01 01	11.315	Rắn
2	Giẻ lau thải	18 02 01	30	Rắn
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	18 01 01	3	Rắn
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng chứa sơn đã pha)	18 01 02	25	Lỏng
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	120	Lỏng
6	Dầu nhớt thải, dầu động cơ	17 02 03	40	Rắn
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5	Rắn
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa keo)	18 01 03	50	Rắn
9	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	3	Rắn
10	Nhựa thải có thành phần nguy hại (bút chấm sơn)	16 01 09	15	Rắn/lỏng
Tổng			11.646	

Trên thực tế, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2023 của nhà máy được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.9: Khối lượng chất thải nguy hại thực tế phát sinh tại dự án

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Cặn sơn thải	08 01 01	40	Rắn/Lỏng
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	30	Rắn
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	700	Rắn
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ dính dầu nhớt	18 02 01	200	Rắn
5	Bao bì kim loại thải	18 01 02	70	Rắn

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
6	Bao bì nhựa thải	18 01 03	300	Rắn
7	Keo thải	16 01 09	80	Rắn/lỏng
Tổng			1.420	

Dự án đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại riêng biệt, đúng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và có diện tích lưu trữ 30 m². Kho chứa đảm bảo khả năng lưu chứa lượng chất thải nguy hại phát sinh. Kho chứa có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại,....

Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp đã ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với công ty TNHH Môi trường Sen Vàng để thu gom, xử lý. *(Đính kèm hợp đồng thu gom và chứng từ thu gom CTNH tại phần phụ lục)*



Hình 3.10. Kho lưu chứa Chất thải nguy hại

5.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Để giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung từ các hoạt động sản xuất, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt máy móc thiết bị mới có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, định kỳ 3 tháng bôi trơn dầu máy;
- Chủ đầu tư tiến hành đăng ký kiểm tra giám định máy móc thiết bị hàng năm để tránh các sự cố liên quan, các máy móc đã lắp đặt được bảo dưỡng thường xuyên;

- Trồng cây xanh có tán xung quanh dự án, diện tích cây xanh đạt 20% so với tổng diện tích của dự án.

5.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

❖ Sự cố cháy nổ:

Dự án được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 356/TD-PCCC ngày 31/12/2019 của Phòng CS PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Phước.

Để quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Dự án đã hoàn thành xây dựng 2 bể PCCC với diện tích 280 m² (kích thước: 35x4), xây ngầm dưới đất.
- Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu và hóa chất theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng;
- Cần định rõ khu nhà kho, khu trữ nguyên liệu đảm bảo vệ sinh công nghiệp, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị;
- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như khu vực kho chứa hóa chất, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh;
- Có phương án PCCC và đội PCCC của Công ty được phân công nhiệm vụ và trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ;
- Tập huấn và đào tạo cho đội PCCC của Công ty và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được;
- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các quy định về Phòng cháy Chữa

cháy của tỉnh Bình Phước.

Biện pháp phòng ngừa cháy nổ do bụi và hơi hóa chất:

- Xây dựng nhà xưởng theo quy định hiện hành PCCC và phải được cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt về PCCC.
- Đảm bảo về khoảng cách an toàn, bậc chịu lửa, các cấu kiện ngăn cháy, có giải pháp chống cháy lan, có vách ngăn cách nhiệt khu vực chứa hóa chất và khu vực xưởng sản xuất phát sinh bụi;
- Đảm bảo an toàn giao thông, nguồn nước phục vụ PCCC và phương tiện PCCC tại chỗ của dự án đầu tư;
- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công nghiệp, thu gom bụi gỗ, mùn cưa và hóa chất rơi vãi. Các chất thải được thu gom, lưu trữ trong kho được đảm bảo an toàn, cách xa khu vực sản xuất; không lưu trữ quá lâu phải chuyển giao cho đơn vị thu gom và xử lý đúng quy định;
- Tại công đoạn gia công chi tiết bố trí động cơ điện có hộp bảo vệ chống bụi gỗ, phoi bào, mùn cưa rơi vào;
- Thiết bị khởi động máy trong xưởng sản xuất gỗ là khởi động từ, không sử dụng cầu dao khởi động.
- Tách riêng nguồn điện sản xuất, nguồn điện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn và điện phục vụ hệ thống PCCC.
- Trong các hệ thống thông gió, hút bụi và khí thải dùng các loại quạt an toàn chống sinh ra tia lửa khi hoạt động, khi có sự cố va chạm. Đường ống thông gió, bụi, khí thải phải có van khóa đóng mở tự động hoặc bằng tay bố trí ở phần hút của động cơ, sau bộ phận lọc bụi.
- Đối với khu vực phát sinh để giảm thiểu mùi, hơi dung môi trong công đoạn sản xuất công ty dùng quạt để giảm mùi và thông thoáng.

Ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị trang thiết bị, cát, bình CO₂ và nguồn nước để PCCC;
- Khi sự cố xảy ra nhân viên dự án đầu tư phát hiện báo ngay cho tổ chức ứng phó sự cố và thông báo cho Ban ứng phó sự cố cấp dự án đầu tư. Ban ứng phó sự cố cấp dự án đầu tư báo cho Thường trực Ban chỉ đạo ứng phó sự cố cấp tỉnh các nội dung về tình hình sự cố theo quy định và nhờ hỗ trợ nếu sự cố xảy ra nằm ngoài tầm ứng phó cấp dự án đầu tư;
- Sơ cấp cứu cho nạn nhân và chuyển nạn nhân đến dự án đầu tư y tế gần nhất để chữa trị.

Quy trình chữa cháy

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, cát, nước để dập lửa;
- Áp dụng các hướng dẫn xử lý sự cố cháy nổ hóa chất, sự cố tai nạn lao động theo khuyến cáo của nhà sản xuất;
- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực;
- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

❖ **Sự cố tai nạn lao động**

Để đảm bảo an toàn lao động trong nhà máy, các biện pháp sau đây được áp dụng:

Phòng ngừa tai nạn lao động

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy, Công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị;
- Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt;
- Về an toàn kỹ thuật điện: nhà máy chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy;
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động;
- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, nút tay chống ồn, găng tay, kính bảo vệ mắt,...
- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ;

- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ;
- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

Ứng phó tai nạn lao động

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;
- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

❖ Tai nạn giao thông

Để giảm thiểu tai nạn giao thông tại khu vực Chủ đầu tư áp dụng các biện pháp như sau:

- Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ công trường thi công được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện thi công công trình;
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao;
- Có hệ thống cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại lối ra, lối rẽ, trong công trường, tại những vị trí dễ xảy ra tai nạn, đề phòng tai nạn;
- Chở đúng tải trọng quy định;
- Bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá;
- Phải lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ,...

❖ Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Hàng ngày khi vận hành cần kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ;
- Định kỳ kiểm tra bơm định lượng, vệ sinh màng bơm;

- Sơn lại các kết cấu bằng kim loại hàng năm;
- Nhân viên vận hành phải có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh;
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống XLNT;
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.10: Phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống XLNT

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm nước thải	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
	Bơm làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng thì thay
		Đường ống bị tắc nghẽn	Kiểm tra và khắc phục
		Buồng bơm không có nước	Mỗi nước
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra khắc phục
Máy bơm định lượng	Máy phát ra tiếng kêu lớn	Khô dầu	Tra dầu máy
	Máy làm việc bình thường nhưng lưu lượng bơm giảm	Màng bơm bị ỉn	Vệ sinh màng bơm

❖ **Sự cố hệ thống xử lý bụi gỗ, khí thải từ khu vực dán keo, chấm sơn.**

Để kiểm soát sự cố hiệu suất xử lý không đạt của hệ thống xử lý bụi gỗ, Công ty thực hiện các biện pháp dưới đây:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi thường xuyên;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành;
- Thực hiện tốt chương trình quan trắc.

❖ **Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất**

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất

- Công ty xây dựng kho chứa hóa chất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kho chứa hóa chất.
 - + Nhà kho có lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm có bảng hiệu, đèn báo và thiết kế thuận tiện cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết.
 - + Sàn kho chứa không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước.
- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sẽ tuân thủ chặt chẽ các quy trình xuất nhập và tồn chứa trong kho: các thùng chứa hóa chất được xếp đúng theo quy cách, đảm bảo an toàn ngăn nắp và có thể nhìn thấy nhãn. Thùng hóa chất không được xếp cao quá 2m, không xếp sát trần kho chứa và được kê trên bục gỗ, tránh hóa chất tiếp xúc trực tiếp với nền nhà. Không xếp gần nhau các loại hóa chất mà phản ứng với nhau tạo ra các chất nguy hiểm;
- Công ty tiến hành thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn khi vận chuyển. Tránh chất đóng bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Những thùng chứa chất lỏng dễ cháy phải được sắp xếp một cách có khoa học để đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra;
- Các loại hóa chất được mua cách ngày hoặc 1 lần/tuần tránh tình trạng lưu trữ qua đêm với số lượng lớn, được vận chuyển đến kho chứa hóa chất bằng các phương tiện;
- Tuyển chọn công nhân lành nghề vận hành xe nâng để bốc dỡ và nạp liệu nhằm hạn chế tối đa việc rơi đổ hóa chất;
- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển;
- Tiến hành xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Hóa chất;
- Ban hành biện pháp và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu theo

khoản 1, 2 Điều 21 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản và vận chuyển;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm quần áo bảo hộ lao động, bao tay bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang than hoạt tính,... cho công nhân khi thao tác với hóa chất trong quá trình sản xuất;
- Công nhân làm việc trong Công ty phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn về hóa chất, biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố hóa chất xảy ra;
- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư 32/2017/TT-BCT các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất;
- Thông tin về hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy;
- Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết;
- Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu trong khu vực Nhà máy;
- Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết;
- Đối với khu vực kho chứa hoá chất và nguyên liệu áp dụng các biện pháp sau:
 - + Các thùng chứa không rò rỉ và được sắp xếp hợp lý, không cản trở gây vấp ngã.
 - + Mỗi loại hoá chất có quy định, đánh dấu, dán nhãn đầy đủ.
 - + Thường xuyên cập nhật số lượng hoá chất trong kho vào sổ.
 - + Không để các hoá chất có tính tương kỵ gần nhau, không để các hoá chất dễ cháy nổ gần các hoá chất duy trì sự cháy.
 - + Nơi có hoá chất nguy hiểm, độc hại có bảng hướng dẫn quy cách sử dụng, bảo quản, vận chuyển an toàn và được đặt ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.
 - + Người không có trách nhiệm không được vào kho hoá chất.
 - + Cấm ăn uống, tụ tập, ngủ nghỉ trong kho hoá chất.
 - + Chỉ nên lưu giữ số lượng hoá chất cần thiết cho hoạt động.

Ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất

- Nhanh chóng thu gom toàn bộ lượng hóa chất rò rỉ, rơi vãi để tái sử dụng sản xuất. Khu vực sản xuất được đảm bảo sạch sẽ để hóa chất rò rỉ, rơi vãi sau khi thu gom có thể tái sử dụng được;
- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu

gom hóa chất;

- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất trong quá trình ứng cứu;
- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc nếu có theo quy trình sơ cấp cứu đã được ban hành và nhanh chóng chuyển công nhân đến bệnh viện gần nhất.

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Dùng các vật liệu thấm hút: vải, mút xốp, cát,...;
- Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất và khoanh vùng xảy ra sự cố;
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành thu gom, xử lý;
- Thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải hóa học kín;
- Hóa chất tràn đổ và vật liệu dùng để thu gom hóa chất phải được chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại xử lý.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Khi phát hiện sự cố tràn đổ, người phát hiện nhanh chóng dựng thùng hóa chất bị đổ (nếu có), dùng vải, mút xốp, cát,... ngăn chặn đầu nguồn tràn, vây xung quanh hóa chất bị tràn đổ, không cho hóa chất lan rộng, chảy xuống hệ thống cống nước mưa. Đồng thời báo cho ban giám đốc và phòng an toàn lao động để được hỗ trợ xử lý;
- Quản lý báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực sự cố. Nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành sơ cấp cứu rồi chuyển xuống phòng y tế dự án đầu tư;
- Công nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ mới được tham gia xử lý sự cố. Dùng những thiết bị thích hợp như bơm tay, bơm máy, dụng cụ khác,... để thu hóa chất vào trong thùng chứa;
- Ngăn không cho hóa chất tác động lên nhau gây cháy, nổ;
- Dùng dây bao quanh khu vực sự cố treo biển “Cấm đến gần”;
- Báo cáo Ban Quản lý KCN Bắc Đồng Phú biết để hỗ trợ xử lý;
- Phòng an toàn lao động điều tra nguyên nhân, đưa ra phương pháp cải thiện và ngăn chặn tái phát sinh, lưu giữ hồ sơ liên quan và rút kinh nghiệm sau này;
- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất;
- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm khắc phục khi có sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất xảy ra tại khu vực nhà máy;
- Công ty thực hiện các yêu cầu theo quy định của Luật Hóa chất và Thông tư số

32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

❖ **Sự cố bể tự hoại**

Để phòng ngừa sự cố bể tự hoại, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

Phòng ngừa sự cố bể tự hoại

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại;
- Bổ sung men vi sinh cho bể tự hoại.

Ứng phó sự cố bể tự hoại

- Khi đường ống bị rò rỉ, tắc nghẽn cần kịp thời ngưng sử dụng nhà vệ sinh, khắc phục sửa chữa kịp thời;
- Cần liên hệ cho đơn vị hút bùn quá tải trong bể;
- Sử dụng men vi sinh pha chế theo nồng độ để giảm mùi hôi.

Khi bể tự hoại bị thấm

- Sử dụng các biện vật liệu như sơn, gạch, vật liệu composite,...
- Liên hệ cho đơn vị hút bể tự hoại kịp thời.
- Cần liên hệ cho đơn vị thi công khắc phục kịp thời.

5.7. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi giữa báo cáo ĐTM và giấy phép môi trường giai đoạn 1 đã được phê duyệt và tích hợp vào báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường giai đoạn 1, cụ thể như sau:

Về quy trình sản xuất và chất thải:

Trong thời gian hoạt động, chủ dự án có thay đổi quy trình sản xuất của dự án để phù hợp với hiện trạng, nguồn khách hàng và loại sản phẩm chính của Công ty. Một số thay đổi cụ thể như sau:

Bảng 3.11: Thay đổi về quy trình sản xuất và chất thải

Quy trình Sản xuất	ĐTM	GPMT Giai đoạn 1	Ghi chú
Tủ, giường gỗ	Nguyên liệu (gỗ, ván) → Cưa, cắt, khoan → Chà nhám → Trám bột → Sơn, sấy → Lắp ráp → Thành phẩm → Đóng gói.	Nguyên liệu (ván ép) → Dán giấy → Cưa, cắt, khoan → Lắp ráp → Thành phẩm → Đóng gói.	- Nguyên liệu dự án sử dụng cho sản xuất là ván ép đã được dán giấy và chưa được dán giấy.
Các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất.	Nguyên liệu (gỗ, ván) → Cưa, cắt, khoan → Chà nhám → Bột trét → Sơn, sấy → Thành phẩm → Đóng gói.	Nguyên liệu (ván ép) → Dán giấy → Cưa, cắt, khoan → Thành phẩm → Đóng gói.	- Loại bỏ: + Công đoạn chà nhám, trám bột. + Công đoạn sơn, sấy. + Công đoạn dán keo trong lắp ráp sản phẩm. - Bổ sung: Công đoạn dán giấy cho nguyên liệu. + Thực hiện lắp ráp bằng đinh, ghim. + Dự án sử dụng bút, cọ chấm Sơn đã được pha che phủ các bề mặt sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ trong công đoạn lắp ráp.

Bảng 3.12: Thay đổi về nguyên, nhiên liệu so với ĐTM

Stt	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
			Theo ĐTM	GPMT Giai đoạn 1	
A	Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất				
1	Gỗ thông xẻ sấy	m ³ /năm	1.858,47	Không đầu tư	Dự án sử dụng ván ép cho sản xuất, không sử dụng gỗ, giấy nhám.
2	Gỗ điều xẻ sấy	m ³ /năm	58,69	Không đầu tư	
3	Gỗ tràm sấy	m ³ /năm	254,32	Không đầu tư	
4	Gỗ cao su xẻ sấy	m ³ /năm	48,91	Không đầu tư	
5	Giấy nhám	Tấn/năm	10,19	Không đầu tư	
6	Giấy dán gỗ	Tấn/năm	Không đầu tư	30	Giấy dán gỗ được sử dụng dán trên bề mặt ván ép.

Stt	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
			Theo ĐTM	GPMT Giai đoạn 1	
II	Hóa chất phục vụ cho sản xuất				
1	Dầu chuối	Tấn/năm	51,7	Không đầu tư	Bỏ công đoạn sơn → Dự án không sử dụng sơn và dung môi pha sơn (dầu chuối).
2	Sơn	Tấn/năm	93,5	Không đầu tư	
3	Sơn đã pha	Tấn/năm	Không đầu tư	0,2	Dự án sử dụng bút, cọ chấm Sơn đã được pha che phủ các bề mặt sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ trong công đoạn lắp ráp.
4	Bột trét poly	Tấn/năm	1,22	Không đầu tư	Dự án không sử dụng gỗ nên không dùng bột trét khắc phục các lỗi bề mặt gỗ.
5	Keo sữa dán gỗ	Tấn/năm	9,44	Không đầu tư	Bỏ công đoạn dán keo trong lắp ráp sản phẩm →Dự án không sử dụng keo sữa dán gỗ.
6	Keo sữa trắng dán giấy	Tấn/năm	Không đầu tư	20	Dự án sử dụng keo sữa dán lên bề mặt nguyên liệu (ván ép).
C	Xử lý khí thải				
1	Than hoạt tính	Tấn/năm	26,64	Không đầu tư	Dự án không xây dựng HTXL khí thải từ quá trình sơn → Không sử dụng than hoạt tính.

Về quy trình sản xuất và chất thải:

Bảng 3.13: Thay đổi về HTXL bụi và khí thải

	ĐTM	GPMT Giai đoạn 1	Ghi chú
Hệ thống xử lý bụi gỗ	<u>Tải lượng bụi:</u> Hệ số phát sinh bụi gồm công đoạn xẻ và cưa khúc gỗ 0,187 kg/tấn; công đoạn gia công chi tiết 0,5 kg/tấn; công đoạn định hình sản phẩm 0,65 kg/tấn), lượng nguyên liệu sử dụng là 819,88 tấn/ngày, tải lượng bụi phát sinh là 91,35 kg/ngày. <u>Khu vực chịu tác động:</u> diện tích 18.888 m² (diện tích xưởng 1, một phần xưởng 2, xưởng 5, một phần xưởng 6), chiều cao 13m. Tổng diện tích 245.544 m³. Để hút hết bụi phát sinh 1 ngày làm việc 1 ca, 8 giờ lưu lượng tối thiểu cần là 230.693 m³/h. Với tổng lưu lượng quạt hút 6 hệ là 54.000 m³/h, thì trong 8 giờ sẽ hút được 432.000 m³. Hiệu suất xử lý của HTXL bụi khoảng 95% lượng bụi thu hồi là 86,78 kg/ngày.	Tải lượng bụi: Hệ số phát sinh bụi (công đoạn gia công chi tiết) 0,5 kg/tấn, lượng nguyên liệu sử dụng là 65,46 tấn/ngày. Do đó tải lượng bụi phát sinh là 32,73 kg/ngày. Khu vực chịu tác động: diện tích 5.400 m² (diện tích xưởng 1), chiều cao 13 m. Tổng diện tích 70.200 m³. Để hút hết bụi phát sinh 1 ngày làm việc 1 ca, 8 giờ lưu lượng tối thiểu cần là 8.775 m³/h. Với tổng lưu lượng quạt hút 1 hệ là 54.000 m³/h, thì trong 8 giờ sẽ hút được 432.000m³, lớn hơn lượng khí bụi cần thu gom. Như vậy có thể thu gom lượng bụi phát sinh trong khu vực hoạt động. Hiệu suất xử lý của HTXL bụi khoảng 95% lượng bụi thu hồi là 31,09 kg/ngày.	Các số liệu so sánh cho thấy: - Tải lượng bụi phát sinh thấp hơn so với báo cáo ĐTM. - Để thu gom toàn bộ bụi phát sinh tại nhà xưởng 1 Chủ đầu tư đã lắp đặt 1 HTXL bụi công suất 54.000 m³/giờ thay thế việc lắp đặt 6 hệ thống công suất 9.000m³/giờ/Hệ thống.
Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn	02 hệ thống	Không xây dựng	Bỏ công đoạn sơn, sẩy Dự án không xây dựng HTXL khí thải từ quá trình sơn.

	ĐTM	GPMT Giai đoạn 1	Ghi chú
Hệ thống xử lý hơi keo.	05 hệ thống	Không xây dựng	Bỏ công đoạn dán keo trong lắp ráp sản phẩm → Dự án không xây dựng HTXL hơi keo.

Do thay đổi về nguyên liệu của dự án chỉ sử dụng ván ép, không sử dụng gỗ nên lượng bụi phát sinh trong công đoạn gia công (cưa, cắt, khoan) đã giảm đáng kể, công đoạn chà nhám bị loại bỏ trong quy trình sản xuất. Nên hệ thống xử lý bụi giảm từ 6 hệ thống công suất 9.000 m³/h/hệ thống xuống còn 01 hệ thống công suất 54.000 m³/h, nhưng tổng công suất hệ thống xử lý bụi gỗ vẫn giữ 54.000 m³/h vẫn đảm bảo hiệu quả xử lý.

Từ những thay đổi so với Quyết định phê duyệt ĐTM của Dự án như trên, Chủ dự án khẳng định Dự án không thuộc điểm a Khoản 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020. Do đó dự án thuộc điểm b Khoản 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và theo quy định Công ty tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

Tác động do công đoạn dán giấy bằng keo sữa cho nguyên liệu và bổ sung sử dụng bút, cọ chấm sơn đã được pha để che phủ các bề mặt sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ trong công đoạn lắp ráp đến môi trường và sức khỏe công nhân viên làm việc tại Nhà máy là không đáng kể và không yêu cầu phải có công trình thu gom, xử lý. Các tác động này được Công ty giảm thiểu bằng các biện pháp như sử dụng keo có thành phần chủ yếu là Polyvinyl acetate không tác động tiêu cực đến sức khỏe trong điều kiện nhiệt độ bình thường vì keo bay hơi nước.

Về nguồn phát sinh nước thải:

Dự án không phát sinh nước thải từ nhà ăn do Công ty thực hiện chi trả tiền ăn, cho công nhân viên tự túc cơm trưa (không phát sinh nước thải từ nhà ăn). Do đó Công ty không xây dựng bể tách dầu trong quy trình xử lý nước thải.

Dự án sẽ tiếp nhận và xử lý nước thải sinh hoạt của các đơn vị thuê nhà xưởng tại dự án.

Về hạng mục xây dựng:

Bảng 3.14: Hạng mục xây dựng thay đổi so với giấy phép môi trường

TT	ĐTM		GPMT Giai đoạn 1		Tăng/Giảm
	Hạng mục	Diện tích (m2)	Hạng mục	Diện tích (m2)	
A	CÔNG TRÌNH CHÍNH				
1	Nhà xưởng 2	5.400	Nhà xưởng 2	6.992	+1.592
2	Nhà xưởng 3	5.400	Nhà xưởng 3	6.675,08	+1.275,08

TT	DTM		GPMT Giai đoạn 1		Tăng/Giảm
	Hạng mục	Diện tích (m2)	Hạng mục	Diện tích (m2)	
			Nhà văn phòng xưởng 3	211,28	+211,28
3	Nhà xưởng 4	5.400	Nhà xưởng 4	6.992	+1.592
4	Nhà xưởng 5	6.000	Nhà xưởng 5	6.992	+992
5	Nhà xưởng 7	6.000	Nhà xưởng 7	7.423,68	+1.423,68
			Nhà văn phòng xưởng 7	218,88	+218,88
6	Nhà xưởng 8	6.000	Nhà xưởng 8	7.752	+1.752
7	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà xưởng 9	7.752	
8	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà xưởng 10	7.752	
9	Nhà kho xưởng 1	5.400	-	Không đầu tư xây dựng	
10	Nhà kho xưởng 2	6.000	-	Không đầu tư xây dựng	
11	Nhà kho	7.200	Nhà kho	7.200	-
			Gác sàn trong nhà kho	431,375	+431,375
11.1	Kho chứa nguyên liệu	7.000	-	Không đầu tư xây dựng	
11.2	Kho chứa hóa chất	200	-	Không đầu tư xây dựng	
12	Nhà văn phòng	931,5	Nhà văn phòng	587	- 344,5
B	CÔNG TRÌNH PHỤ				
13	Nhà ăn và nhà xe 1	1.200	Nhà xe và nhà ăn	2.080	- 320
14	Nhà ăn và nhà xe 2	1.200			
15	-	Không đầu tư xây dựng	Mái che lối đi xưởng	112	
16	Nhà vệ sinh xưởng 1	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 1	78,75	
17	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 2	36	
18	Nhà vệ sinh xưởng 3	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 3	36	- 42,75
19	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 4	36	
20	Nhà vệ sinh xưởng 6	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 6	78,75	
21	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 7	36	
22	Nhà vệ sinh xưởng 8	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 8	36	- 42,75

TT	ĐTM		GPMT Giai đoạn 1		Tăng/Giảm
	Hạng mục	Diện tích (m2)	Hạng mục	Diện tích (m2)	
23	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 9	36	
24	Cây xanh	25.027,26	Cây xanh	25.052,23	+24,97
25	Đường giao thông và sân bãi	31.938,04	Đường giao thông và sân bãi	19.087,67	- 12.850.37
C	CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				
26	Khu chứa rác thải sinh hoạt	20	Khu chứa rác thải sinh hoạt	20	0
27	Hệ thống xử lý nước thải	200	Hệ thống xử lý nước thải	45	- 155
27.1	Bể chứa nước thải	90	Bể chứa nước thải 1	45	- 45
			Bể chứa nước thải 2	6,9	+6,9
28	-	Không đầu tư	Nhà hút bụi	77,86	

Đánh giá tác động đến môi trường từ các nội dung thay đổi so với ĐTM

Từ các nội dung thay đổi so với ĐTM được trình bày bên trên, dẫn đến các tác động của dự án đến môi trường cũng có sự thay đổi như sau:

- Chủ dự án không sử dụng nguyên liệu gỗ trong sản xuất nên trong quy trình công nghệ không có gia đoạn cưa, chà nhám gỗ. Do đó lượng bụi phát sinh đã giảm từ 91,35 kg/ngày xuống 32,73 kg/ngày.
- Để thu gom toàn bộ bụi phát sinh tại nhà xưởng Chủ đầu tư đã lắp đặt 1 hệ thống xử lý bụi công suất 54.000 m3/giờ thay thế việc lắp đặt 6 hệ thống công suất 9.000 m3/giờ/Hệ thống. Tổng công suất hệ thống xử lý bụi gỗ vẫn giữ 54.000 m3/h và vẫn đảm bảo hiệu quả xử lý.
- Chủ đầu tư đã bỏ công đoạn sơn, sậy và dán keo trong lắp ráp sản phẩm, các công đoạn này không còn phát sinh hơi dung môi và khí thải. Do đó Công ty không xây dựng hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn, hệ thống xử lý hơi keo.
- Tuy nhiên Chủ đầu tư có bổ sung công đoạn dán giấy bằng keo sữa cho nguyên liệu và bổ sung sử dụng bút, cọ chấm sơn đã được pha để che phủ các bề mặt sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ trong công đoạn lắp ráp. Các tác động từ công đoạn này đến môi trường và sức khỏe công nhân viên làm việc tại Nhà máy là không đáng kể và không yêu cầu phải có công trình thu gom, xử lý. Các tác động này được Công ty giảm thiểu bằng các biện pháp như sử dụng keo có thành phần chủ yếu là Polyvinyl acetate không tác động tiêu cực đến sức khỏe trong điều kiện nhiệt độ bình thường vì keo bay hơi nước, lượng

son công ty sử dụng đã được pha từ Công ty TNHH Thành Nghiệp tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vận chuyển về dự án. Công ty sẽ quan trắc định kỳ các thông số tại các khu vực này và cam kết nếu các thông số quan trắc không đạt QCVN thì sẽ đầu tư hệ thống xử lý và chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5.8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường

So với GPMT đã được cấp phép ngày 17/05/2023, có điều chỉnh các nội dung sau:

Về hạng mục xây dựng:

Bảng 3.15: Nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường giai đoạn 1

GPMT giai đoạn 1		Điều chỉnh		Tăng/giảm
Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hạng mục	Diện tích (m ²)	
Công trình chính		Công trình chính		
Nhà văn phòng xưởng 7	211,28	Nhà văn phòng xưởng 7	218,88	+7,60
Nhà xưởng 9	7.752	Nhà xưởng 9	7.423,68	-328
	-	Nhà văn phòng xưởng 9	211,28	+211,28
		Nhà văn phòng 2	369,75	+369,75
Công trình phụ trợ		Công trình phụ trợ		
Nhà ăn và nhà xe	2.080	Nhà ăn và nhà xe	-	-2.080. Đổi tên thành nhà kho 2
	-	Nhà kho 2	2.170	+2.170
	-	Nhà bảo vệ 3	16	+16
	-	Nhà bảo vệ 4	16	+16
	-	Nhà bảo vệ 5	16	+16
Cây xanh	25.052,23	Cây xanh	25.027,2	-25,03
Đường giao thông sân bãi	19.087,67	Đường giao thông sân bãi	18.797,41	-290,26
Công trình bảo vệ môi trường		Công trình bảo vệ môi trường		
Bể chứa nước thải 2	6,9	Bể chứa nước thải 2	60	+53,1
		Bể chứa nước thải 3 (đi kèm hệ thống XLNT công suất 100m ³ /ngày)	60	+60

Các hạng mục điều chỉnh có thay đổi tăng giảm so với GPMT giai đoạn 1, nhưng vẫn đảm bảo khả năng xử lý chất thải phát sinh. Giai đoạn này công ty đầu tư thêm 1 trạm XLNT công suất 100 m³/ngày.đem nhằm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các đơn vị thuê xưởng.

Về chất thải:

Bảng 3.16: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

STT	Thành phần CTR công nghiệp	Mã chất thải	Khối lượng GPMT đã cấp (kg/năm)	Khối lượng điều chỉnh (kg/năm)
1	Pallet gỗ thải	09 01 02	420	420
2	Giấy văn phòng, bao bì carton thừa	18 01 05	6.505,2	6.505,2
3	Đinh, ghim thừa	11 04 03	48	48
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	16.380	30.000
	Tổng khối lượng		23.353,2	37.053,2

Chủ dự án xin cập nhật thêm khối lượng bùn từ hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm vào khối lượng CTR công nghiệp không nguy hại.

Bảng 3.17: Khối lượng chất thải nguy hại

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng GPMT đã cấp (kg/năm)	Khối lượng điều chỉnh (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	KS	09 01 01	11.315	12.000
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	KS	18 02 01	30	300
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải.	Rắn	KS	08 02 04	3	10
4	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất).	Lỏng	KS	08 03 01	-	100
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm	Rắn	KS	18 01 02	25	80
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	KS	18 01 01	120	800

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng GPMT đã cấp (kg/năm)	Khối lượng điều chỉnh (kg/năm)
7	Dầu nhớt thải, dầu động cơ	Lỏng	NH	17 02 03	40	40
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	NH	16 01 06	5	40
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	KS	18 01 03	50	350
10	Pin, ắc qui thải	Rắn	NH	16 01 12	3	10
11	Nhựa thải có thành phần nguy hại (bút chấm sơn)	Rắn	KS	16 01 09	15	20
12	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải.	Lỏng	KS	08 01 01	-	80
Tổng cộng					11.646	13.830

Trong quá trình sản xuất, nhà máy phát sinh thêm 2 mã chất thải nguy hại (keo thải, sơn thải) và điều chỉnh khối lượng CTNH theo thực tế phát sinh so với GPMT đã được phê duyệt. Chủ dự án cam kết sẽ lưu chứa chất thải nguy hại đúng theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Từ những thay đổi nêu trên, Chủ dự án khẳng định dự án không thuộc điểm a khoản 4 điều 37 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020. Dự án thuộc điểm b khoản 4 điều 37 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và theo quy định Công ty tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

❖ Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của dự án gồm 02 nguồn thải chính:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà xưởng 1,2,3,6,7,8, nhà văn phòng 2.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xưởng 4,5,9,10, nhà văn phòng.

❖ Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án là 184 m³/ngày đêm cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 104 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 80 m³/ngày.đêm.

❖ Dòng nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xưởng 1,2,3,6,7,8, nhà văn phòng 2 sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp với công suất 125m³/ngày.đêm. Nước thải sau khi được xử lý được đầu nối vào KCN, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường. Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh (hệ thống XLNT công suất 125m³/ngày.đêm) vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú tại các văn bản: Hợp đồng xử lý nước thải số 31/HĐXLNT ngày 30/9/2022, Biên bản nghiệm thu đầu nối nước thải số 36/NTĐN ngày 19/9/2022.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xưởng 4,5,9,10, nhà văn phòng sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung số 02 của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp với công suất 100m³/ngày.đêm. Nước thải sau khi được xử lý được đầu nối vào KCN, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường. Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sẽ tiến hành thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh (hệ thống XLNT công suất

100m³/ngày.đêm) vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

❖ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh nhà máy sau xử lý qua hệ thống XLNT tập trung đạt giới hạn của KCN theo tiêu chuẩn đầu vào của khu công nghiệp Bắc Đồng Phú. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	MPN/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

❖ **Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải**

- Có 2 vị trí đầu nối dòng thải của Dự án về Trạm xử lý nước thải KCN Bắc Đồng Phú: Hố ga tập trung nước thải để dẫn sang KCN (hố ga nằm ngoài Nhà máy) với tọa độ theo VN-2000, múi chiếu 3°:

+ Tọa độ vị trí đầu nối số 01: (X, Y) = (1268852, 567978).

+ Tọa độ vị trí đầu nối số 02: (X, Y) = (1268933, 567985).

- Phương thức xả thải: tự chảy liên tục 24/24 giờ, thời gian xả liên tục trong năm.
- Nguồn tiếp nhận: Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

❖ **Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt nhà xưởng số 1,2,3,6,7,8, kho, nhà văn phòng 2:

+ Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor) với lưu lượng khoảng 104 m³/ngày được thu gom và xử lý bằng 08 bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích là 216 m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 125 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường D5 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải số 01 với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN: X(m) = 1268852; Y(m) = 567978 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°).

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt nhà xưởng số 4,5,9,10, nhà văn phòng:

+ Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor) với lưu lượng khoảng 80 m³/ngày được thu gom và xử lý bằng 03 bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích là 54 m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường D5 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải số 02 với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN: X(m) = **1268933**; Y(m) = **567985** (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°).

❖ Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

✓ Tóm tắt quy trình công nghệ trạm XLNT công suất 125 m³/ngày:

- Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 3 ngăn) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn vào nhà máy xử lý nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.
- Công suất thiết kế: 125 m³/ngày (24 giờ).
- Hóa chất sử dụng: Calcium Hypochlorite.
- Chế độ vận hành: liên tục.

✓ Tóm tắt quy trình công nghệ trạm XLNT công suất 100 m³/ngày:

- Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 3 ngăn) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn vào nhà máy xử lý nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.
- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày (24 giờ).
- Hóa chất sử dụng: Calcium Hypochlorite.
- Chế độ vận hành: liên tục.

❖ Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

❖ **Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, bể tự hoại, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắt nghẽn đường ống dẫn nước và sự cố đối với bể tự hoại.
- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường, được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố.
- Định kỳ hàng năm Công ty tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải.
- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.
- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

b. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hiện tại **trạm XLNT số 1 công suất 125 m³/ngày đã hoàn thành công tác vận hành thử nghiệm và đi vào hoạt động** theo Thông báo số 1990/STNMT-CCBVMT ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

Công ty sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm đối với trạm XLNT số 02 công suất 100 m³/ngày.

c. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), không xả trực tiếp ra môi trường.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

❖ Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn 01: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công xưởng 1 (cưa, cắt, khoan).

❖ Dòng khí thải, vị trí xả thải:

- Dự án có 4 dòng khí thải sau xử lý ra môi trường:
 - + Dòng số 1: tại ống xả 1: tọa độ X = 1.268.568; Y = 567.992.
 - + Dòng số 2: tại ống xả 2: tọa độ X = 1.268.568; Y = 567.988.
 - + Dòng số 3: tại ống xả 3: tọa độ X = 1.268.584; Y = 567.991.
 - + Dòng số 4: tại ống xả 4: tọa độ X = 1.268.584; Y = 567.988.
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

❖ Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 54.000 m³/giờ
 - + Dòng số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.
 - + Dòng số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ..
 - + Dòng số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.
 - + Dòng số 4: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.

❖ Phương thức xả thải:

- Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 0,9$, $k_v = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Bảng giới hạn chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm ³	180	- Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
				08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

❖ Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa, cắt, khoan được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi gỗ để xử lý.

❖ Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.
- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 54.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

❖ Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

❖ Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.
- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải (bụi gỗ) công suất 54.000 m³/giờ đã hoàn thành công tác vận hành thử nghiệm và đi vào hoạt động theo Thông báo số 1990/STNMT-CCBVM ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông báo kết quả kiểm

tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

c. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm này trước khi xả thải ra môi trường.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.
- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

❖ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cưa, cắt nguyên liệu.
- Nguồn số 02: Khu vực khoan nguyên liệu.
- Nguồn số 03: Khu vực lắp ráp sản phẩm.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải 1.
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý nước thải 2.

❖ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1268558; Y = 568055.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1268559; Y = 568158.
- Nguồn số 03: Tọa độ X= 1268561; Y = 568197.
- Nguồn số 04: Tọa độ X= 1268647; Y = 567992.
- Nguồn số 05: Tọa độ X= 1268781; Y = 567992.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1268939; Y = 567990.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3°).

❖ Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn

STT	Từ 6–21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.
- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.
- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

4.4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

❖ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với tổng khối lượng 450 kg/ngày, tương đương 140,4 tấn/năm.

❖ **Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Pallet gỗ thải	TT-R	09 01 02	500
2	Giấy văn phòng, bao bì carton thừa	TT-R	18 01 05	6.505,2
3	Đinh, ghim thừa	TT-R	11 04 03	48
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	TT	12 06 13	30.000
Tổng cộng				37.053,2

❖ **Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh**

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	KS	09 01 01	12.000
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	KS	18 02 01	300
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải.	Rắn	KS	08 02 04	10
4	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất).	Lỏng	KS	08 03 01	100
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng)	Rắn	KS	18 01 02	80
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	KS	18 01 01	800
7	Dầu nhớt thải, dầu động cơ	Lỏng	NH	17 02 03	40
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	NH	16 01 06	40

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	KS	18 01 03	350
10	Pin, ắc qui thải	Rắn	NH	16 01 12	10
11	Nhựa thải có thành phần nguy hại (bút chấm son)	Rắn	KS	16 01 09	20
12	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải.	Lỏng	KS	08 01 01	80
Tổng cộng					13.830

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

❖ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

✓ *Thiết bị lưu chứa*

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng và bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại văn phòng, nhà vệ sinh,..

Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom.

✓ *Kho lưu chứa*

Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu chứa trong các thùng chứa, bao bì đặt tại khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 20m² có mái che, tường bao.

❖ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

✓ *Thiết bị lưu chứa*

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

✓ *Kho lưu chứa*

- Diện tích kho: 42 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: có kết cấu tường gạch, vách tole, nền bê tông, mái tôn, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm, bố trí sẵn bình chữa cháy trong khu vực kho chứa.

❖ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

✓ *Thiết bị lưu chứa*

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Dự án bố trí 12 thùng chứa dung tích 60L bằng thép, có dán nhãn.

✓ **Kho lưu chứa**

- Diện tích kho: 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có nền xi măng, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định.
- ❖ **Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**
- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.4.3. Các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2022 và năm 2023 được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	14/03	02/06	09/08	8/11	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1	pH	-	6,61	6,44	6,78	6,51	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	48	55	34	48	100
3	BOD ₅	mg/L	38	47	34	43	50
4	COD	mg/L	87	109	72	99	150
5	Tổng Nito	mg/L	6,02	15,5	9,36	14,5	40
6	Tổng Phospho	mg/L	0,27	1,77	0,75	1,36	6
7	Tổng dầu mỡ	mg/L	1,5	0,4	KPH	KPH	
8	Coliform	MPN/100ml	2.800	4.000	3.500	4.700	5.000

(Nguồn: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2022)

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	15/03	23/06	22/08	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1	pH	-	6,61	6,87	7,24	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	35	21	13	100
3	BOD ₅	mg/L	32	42	29	50
4	COD	mg/L	73	99	65	150
5	Tổng Nito	mg/L	7,64	12,5	8,02	40
6	Tổng Phospho	mg/L	0,68	1,25	0,62	6
7	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH	0,3	KPH	
8	Coliform	MPN/100ml	3.400	4.100	3.300	5.000

(Nguồn: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2023)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải năm 2022 và năm 2023 của công ty, tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của KCN Bắc Đồng Phú. Từ đó cho thấy HTXLNT của Nhà máy hoạt động ổn định và hiệu quả.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

Kết quả quan trắc khí thải (bụi gỗ tại ống khói của hệ thống xử lý bụi gỗ) định kỳ năm 2022 và năm 2023 được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	14/03	02/06	09/08	8/11	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B
1	Lưu lượng	-	8.977	8.716	8.423	8.012	-
2	Bụi	mg/L	111	104	113	126	180

(Nguồn: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2022)

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc khí thải năm 2023

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	18/03	09/06	18/09	13/12	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B
I	Dòng khí thải số 1						
1	Lưu lượng	-	12.362	12.651	12.097	12.869	-
2	Bụi	mg/L	73,5	66,9	78,3	60,3	180
II	Dòng khí thải khí thải số 2						
1	Lưu lượng	-	12.880	13.068	13.361	12.452	-
2	Bụi	mg/L	59,7	72,3	82,0	75,7	180
III	Dòng khí thải khí thải số 3						
1	Lưu lượng	-	12.065	13.294	12.766	13.128	-
2	Bụi	mg/L	86,1	79,8	70,5	64,3	180
IV	Dòng khí thải khí thải số 4						
1	Lưu lượng	-	11.952	12.511	12.113	12.452	-
2	Bụi	mg/L	78,0	83,2	74,9	71,9	180

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2023)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu phân tích khí thải năm 2022, năm 2023 của nhà máy đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Từ đó cho thấy hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy hoạt động hiệu quả, ổn định.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với chất lượng không khí khu vực sản xuất

Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất định kỳ năm 2022 và năm 2023 được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 5.5. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	21/03	02/06	09/08	8/11	QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT	QĐ 3733/2022/QĐ- BYT
1	Tiếng ồn	-	83	80	78	82	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	mg/L	31,4	30,8	31,3	30,6	18-32	-	-
3	Độ ẩm	°C	67,2	67,3	64,0	62,3	40-80	-	-
4	Vận tốc gió	m/s	0,4	0,2	0,5	0,3	0,2-1,5	-	-
5	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,89	0,96	-	0,96	-	6,25	-
8	Ethylbenzen	mg/m ³	0,53	0,26	-	0,19	-	-	-
9	Butylaxetat	mg/m ³	32,2	28,1	-	18,3	-	-	500
10	Butanol	mg/m ³	14,6	16,9	-	-	-	117,1875	-
11	Phenol	mg/m ³	KPH	KPH	-	KPH	-	3,125	-
12	Xylen	mg/m ³	78,125	17,1	-	12,2	-	78,125	-

(Nguồn: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2022)

Bảng 5.6. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất năm 2023

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	15/03	23/6	22/8	QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT	QĐ 3733/2022/QĐ- BYT
1	Tiếng ồn	-	79	79	79	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	mg/L	31,6	31,6	31,7	18-32	-	-
3	Độ ẩm	°C	60,2	60,2	60,2	40-80	-	-
4	Vận tốc gió	m/s	0,4	0,4	0,2	0,2-1,5	-	-

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	15/03	23/6	22/8	QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT	QĐ 3733/2022/QĐ- BYT
5	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,82	0,6	0,77	-	6,25	-
8	Ethylbenzen	mg/m ³	0,15	KPH	KPH	-	-	-
9	Butylaxetat	mg/m ³	10,2	7,23	4,52	-	-	500
11	Phenol	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	-	3,125	-
12	Xylen	mg/m ³	8,63	10,5	13,6	-	78,125	-

(Nguồn: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động, 2023)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu phân tích không khí khu vực sản xuất năm 2022, năm 2023 của nhà máy đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT, QĐ 3733/2022/QĐ-BYT.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Nhà máy có 03 công trình xử lý chất thải: Trạm xử lý nước thải công suất 125m³/ngày.đêm; hệ thống xử lý khí thải (bụi gỗ) công suất 54.000 m³/ngày; trạm xử lý nước thải công suất 100m³/ngày. Hiện tại, trạm XLNT công suất 125m³/ngày.đêm và hệ thống xử lý khí thải (bụi gỗ) công suất 54.000 m³/ngày **đã hoàn thành công tác vận hành thử nghiệm**. Do đó, công ty chỉ thực hiện vận hành thử nghiệm với hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày.

Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 6.7. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TTT	Tên hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tại thời điểm vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 100m ³ /ngày	Tháng 08/2024	Tháng 08/2024	60% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	80% công suất hoạt động chính thức.

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi đầu nối ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mẫu	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Mẫu nước thải đầu đầu ra của	Lưu lượng, pH, TSS, COD,	Tần suất quan trắc: tối thiểu 03 mẫu đơn trong 03	3	Mẫu đơn	Tiêu chuẩn đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mẫu	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
	trạm xử lý nước thải của Nhà máy có công suất 100 m ³ /ngày, lấy tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú	BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Tổng Coliforms, Dầu mỡ tổng.	ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian lấy mẫu: vào ngày thứ 2 kể từ ngày bắt đầu giai đoạn vận hành ổn định.			thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty sẽ hợp đồng với đơn vị quan trắc có chức năng tiến hành lấy mẫu, phân tích. Công ty dự kiến 02 đơn vị sau (Tùy vào tình hình thực tế đơn vị quan trắc có thể thay đổi):

a. Tên đơn vị: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu:

– Địa chỉ: số 3 Tân Thới Nhất 20, Khu Phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp HCM.

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 117 theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

– Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VLAT-1.0444 theo Quyết định số 203/QĐ-ASOC ngày 20/12/2021 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng.

b. Tên đơn vị: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam:

– Địa chỉ: 1358/21/5G Quang Trung, P.14, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 039 theo Quyết định số 308/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2021 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

– Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VILAS 682 theo Quyết định số 93.2020/QĐ-VPCNCL ngày 13/02/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng phòng thí nghiệm của Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

Trong quá trình hoạt động của dự án, Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sẽ phối hợp với các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tiến hành giám sát định kỳ chất lượng môi trường nhằm mục đích kiểm soát, bảo vệ và giám sát ô nhiễm môi trường; chất lượng môi trường thường xuyên được theo dõi, số liệu sẽ được lưu giữ. Thông qua các diễn biến về chất lượng môi trường sẽ giúp Công ty có các biện pháp vận hành, điều chỉnh các công trình xử lý chất thải của Nhà máy một cách phù hợp và xử lý chất thải đạt hiệu quả cao nhất. Kết quả giám sát và quan trắc môi trường sẽ được Công ty gửi về Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước và các cơ quan liên quan định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Quan trắc nước thải

- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m³/ngày.đêm.
 - + 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Tổng Coliform, dầu mỡ tổng.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

b) Quan trắc môi trường khí thải:

- Vị trí giám sát: 04 vị trí tại 04 ống thoát khí của HTXL bụi gỗ.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 0,9$, $k_v = 1,0$).

c) Quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

- + Khu vực cưa, cắt, khoan;
- + Khu vực dán giấy;
- + Khu vực chấm sơn.
- Thông số giám sát:
 - + Khu vực cưa, cắt, khoan: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.
 - + Khu vực dán giấy: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, vinyl acetate ($C_4H_6O_2$).
 - + Khu vực chấm sơn: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, Xylen (C_8H_{10}); Epoxy resin ($C_{21}H_{24}O_4$); Phenol, methylstyrenated ($C_{18}H_{20}$); Butan-1-ol ($C_4H_{10}O$); Ethylbenzene (C_8H_{10}).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QĐ 3733/2002/QĐ-BYT và các quy định hiện hành.

d) Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải công nghiệp không nguy hại
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và biên bản bàn giao.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước.

e) Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ thu gom.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc trường hợp quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không có

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Dự án trong một đợt dự kiến khoảng 40.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 2 năm qua 2022,2023 cơ sở có 01 đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền – Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước vào ngày 04/12/2023. Theo đó, các hạng mục môi trường chưa hoàn thiện, công ty đã khắc phục, cụ thể như sau:

- Chất thải rắn phát sinh chưa được bố trí gọn gàng, ngăn nắp trong kho chứa: Công ty đã tiến hành sắp xếp, bố trí gọn gàng, ngăn nắp các chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại nhà máy.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023: Hiện tại công ty đang triển khai và sẽ gửi báo cáo về Ban quản lý Khu kinh tế trong thời gian sớm nhất.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp xin cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ chương trình quản lý môi trường bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà cơ sở bắt buộc phải áp dụng; Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, cam kết cụ thể như sau:

✓ *Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý các loại chất thải:*

- Thu gom và thoát khí thải: Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải như đã đề xuất trong báo cáo.
- Xử lý nước thải: Nghiêm túc thực hiện các biện pháp đối với các nguồn nước thải phát sinh như đã đề xuất trong báo cáo.
- Thu gom, xử lý chất thải rắn:
 - + Đối với chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom, phân loại và tái sử dụng và hợp đồng thu mua với đơn vị chức năng.
 - + Đối với chất thải rắn sinh hoạt: đảm bảo thu gom, phân loại toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh và tập kết về đúng vị trí, ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý CTR sinh hoạt phát sinh từ cơ sở.
 - + Đối với chất thải nguy hại: Quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải có chức năng và đủ thẩm quyền. Đảm bảo thu gom, phân loại toàn bộ CTNH phát sinh tại cơ sở và lưu trữ về kho chứa CTNH, bố trí các thùng chứa phân loại theo đúng quy định, đảm bảo kết cấu kho chứa theo quy định và đảm bảo an toàn về PCCC, đổ tràn chất thải trong quá trình lưu trữ.
- Đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các sự cố, rủi ro môi trường;
- Thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát môi trường theo các quy định hiện hành.
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát chất thải đảm bảo đúng quy định pháp luật môi trường.
- Cam kết khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai cơ sở.

- Quá trình triển khai cơ sở nếu để xảy ra các sự cố về môi trường, Chủ cơ sở cam kết sẽ thực hiện khắc phục sự cố, khôi phục, cải tạo và đền bù theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cũng xin cam kết thực hiện các biện pháp khác như:

- Cam kết thực hiện quy định về phòng cháy và chữa cháy.
- Tuân thủ tuyệt đối mọi nguyên tắc an toàn lao động.
- Cam kết thường xuyên giám sát các công trình xử lý môi trường để có biện pháp phòng chống, khắc phục kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra sự cố.
- Cam kết thực hiện điều chỉnh Chủ trương đầu tư của dự án, các giấy phép, văn bản pháp lý liên quan đến dự án nếu trong quá trình thi công, thực hiện dự án có điều chỉnh, thay đổi đến mức phải lập lại hồ sơ xin điều chỉnh theo đúng quy định của Pháp luật.
- Cam kết hoàn thành đầu tư xây dựng tất cả các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đầy đủ và đúng theo nội dung đã trình bày trong báo cáo trước thời gian bắt đầu thực hiện vận hành thử nghiệm.
- Chủ dự án cam kết tất cả nội dung trình bày trong báo cáo là chính xác và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện đầy đủ và đúng theo nội dung đã cam kết ở trên, đồng thời thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC

PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801184160

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 09 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 11 tháng 09 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ
THÀNH NGHIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHENG YE WOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CHENG YE WOOD CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn
Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Điện thoại: 0934.683.710

Fax:

Email: steven@chengyefurniture.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 113.750.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng

Tương đương 5.000.000 USD (Năm triệu đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: OU SHUNGUANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/10/1978

Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EE7741828

Ngày cấp: 17/01/2019

Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại
Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: Hualixi Chun, Simapu Town, Chaon Nan, Shan Tou City, Guang
Dong, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô N6 Đường N3, Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, Xã Hội
Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: OU SHUNGUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1978

Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EE7741828

Ngày cấp: 17/01/2019

Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại
Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: Hualixi Chun, Simapu Town, Chao Nan, Shan Tou City, Guang Dong, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô N6 Đường N3, Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP
Số: 09/2018/HĐ-BDP

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số: 6513982923 ngày 12/09/2018

Căn cứ giấy ĐKKD số: 3801184160 ngày 17/09/2018

Căn cứ nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2018, Chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê lại đất (sau đây gọi là bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Trụ sở : Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Giấy ĐKKD: 3800565639

Tài khoản tiền đồng: 1004382147

Tại : Ngân Hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, CN Bình Phước

Do ông : **PHẠM PHI ĐIỀU**

CMND số : 285 345 089 cấp ngày 06/03/2008 tại CA tỉnh Bình Phước

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Làm đại diện pháp nhân.

Bên thuê lại đất (sau đây gọi là bên B)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Giấy ĐKKD: 3801184160

Địa Chi : Lô K1 - K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Người đại diện: **OU SHUNGUANG**

Chức vụ : Giám Đốc

Người phiên dịch

Họ và tên: **GIP THANH TUYỀN**

Địa chỉ: Tân Thành, Thanh Bình, Trảng Bom, Đồng Nai.

CMND số: 272589178 Ngày cấp: 04/04/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Đồng Nai

Căn cứ hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 21/9/2018.

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê lại đất theo các thoả thuận sau đây:

ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI

Bên A đồng ý cho bên B thuê lại đất đã được xây dựng xong kết cấu hạ tầng đối với quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436083 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CT08527 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Bình Phước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2017; Địa chỉ thửa đất: Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước; Tổng diện tích theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 859.517,7



m² (Tám trăm năm mươi chín ngàn năm trăm mười bảy phẩy bảy mét vuông)
Trong đó:

- Đất thương mại dịch vụ có diện tích: 82.318,7 (Tám mươi hai ngàn ba trăm mười tám phẩy bảy mét vuông).

- Đất khu công nghiệp có diện tích: 777.199 (Bảy trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm chín mươi chín mét vuông).

2. Diện tích đất cho Bên B thuê lại: 125.136,3 m² (Một trăm hai mươi lăm ngàn một trăm ba mươi sáu phẩy ba mét vuông), cụ thể như sau :

- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 23/11/2059;

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Vị trí đất thuê lại lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Bản đồ xác định vị trí và diện tích của khu đất thuê lại là một bộ phận pháp lý không tách rời của Hợp Đồng Thuê Lại Đất, và được đính kèm theo đây như là Phụ Đính-01.

3. Bên A cam đoan đã đầu tư xây dựng xong cơ bản kết cấu hạ tầng tại khu công nghiệp. Việc cho thuê lại đất thuê đã được xây dựng xong kết cấu hạ tầng không làm mất đi quyền sở hữu của nhà nước Việt Nam đối với đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

ĐIỀU 2

THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê lại đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng đến ngày 23 tháng 11 năm 2059.

Khi hết thời hạn thuê lại đất, nếu thời hạn thuê đất của Bên A với Nhà nước Việt Nam và thời hạn đầu tư của Bên B được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gia hạn, thì thời hạn thuê lại đất của Bên B sẽ được Bên A xem xét cho gia hạn tương ứng. Mức phí sử dụng đất trong thời gian gia hạn sẽ được hai Bên thỏa thuận lại theo giá thời điểm phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 3

MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê lại đất của Bên B phải phù hợp với mục đích sử dụng đất nêu tại Điều-1 trong Hợp đồng thuê lại đất này và phù hợp với Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh (hoặc chứng nhận đầu tư) do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt cấp cho Bên B và phải phù hợp với ngành nghề được tiếp nhận đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú.

ĐIỀU 4

VIỆC XÂY DỰNG

1. Việc xây dựng các công trình phải phù hợp với mục đích theo như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này và phải phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng như đã ghi trong giấy phép xây dựng do cơ quan chức năng tỉnh Bình Phước cấp cho Bên B. Đồng thời bên B phải thực hiện các thủ tục trước khi xây dựng, thiết kế và thi công theo đúng quy định về quản lý xây dựng của khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

2. Trước khi tiến hành thiết kế kỹ thuật xây dựng, Bên B phải liên hệ với Bên A để thống nhất cao trình xây dựng, đảm bảo thiết kế kỹ thuật các hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch và các hạng mục xây dựng khác trên diện tích đất đã thuê lại của Bên B phải được kết nối hoàn hảo với hệ thống hạ tầng chung của Khu Công Nghiệp Nam Đồng Phú. Bên A sẽ có văn bản thỏa thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật để bên B xin Giấy phép xây dựng.

3. Trước khi xây dựng bên B nộp cho bên A bản sao Giấy phép xây dựng và các bản vẽ thiết kế kèm theo: mặt bằng tổng thể, san nền, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch. Bên B chỉ tiến hành xây dựng khi đã nộp cho bên A các văn bản và bản vẽ nêu trên.

4. Bên B phải xây dựng các công trình trên diện tích đất thuê theo đúng như cam kết trong nội dung dự án đầu tư của giấy chứng nhận đầu tư đã được BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

5. Đối với những doanh nghiệp không xin giấy chứng nhận đầu tư, thời hạn cho phép tối đa không quá 02 năm doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng công trình trên diện tích đất thuê kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất chính thức.

6. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng theo những cam kết của Khoản 4, Khoản 5, Điều 4 thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đến hạn. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi lại diện tích đã cho thuê và tất cả các khoản thanh toán đều không được hoàn trả lại cho Bên B.

ĐIỀU 5

GIÁ THUÊ, TIỀN THUÊ ĐẤT VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá cả, tiền cơ sở hạ tầng, tiền thuê đất và các loại phí

1.1 Tiền cơ sở hạ tầng, tiền thuê đất: Bao gồm những chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu, giải tỏa đền bù và giải phóng Mặt Bằng, chi phí rà phá bom mìn, chi phí chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí trước bạ cho việc đăng ký giấy cấp chứng nhận thuê lại đất trong khu công nghiệp và nghĩa vụ tài chính trả cho Nhà Nước.

a) Đơn giá: 653.240 VND/m² (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

$$653.240 \text{ VND/m}^2_{\text{THUÊ Đ}} \times 125.136,3 \text{ m}^2 = 81.744.036.612 \text{ VND/THUÊ Đ}$$

(Bằng chữ: Tám mươi một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm mười hai đồng).

b) Thuế GTGT 10%:

$$81.744.036.612 \text{ VND/THUÊ Đ} \times 10\% = 8.174.403.661 \text{ VND/THUÊ Đ}$$

(Bằng chữ: Tám tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm lẻ ba ngàn sáu trăm sáu mươi một đồng).

c) Tổng giá trị tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất(a+b):

$$81.744.036.612 \text{ VND} + 8.174.403.661 \text{ VND} = 89.918.440.273 \text{ VND/THUÊ Đ}$$

(Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ chín trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Tổng giá trị Tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất là: 89.918.440.273 VND/THUÊ Đ (Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ chín trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

4/50
V.G.TY
H.X.TV
GỎ
1/10/11
T.Đ.Đ.

0.5
100
100
100

100

1.2 **Phí quản lý:** là khoản trả hàng năm, bao gồm Phí quản lý hạ tầng KCN bao gồm đường giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh...

Phí quản lý hạ tầng KCN được tính với giá là: 9.332 VND/m²/mỗi năm (Bằng chữ: *Chín ngàn ba trăm ba mươi hai đồng*) (Chưa bao gồm thuế GTGT). Số tiền này tăng tối đa 10% (Mười phần trăm) sau mỗi 05 (năm). Khi đến thời hạn tăng giá, bên A sẽ gửi văn bản thông báo chính thức đến bên B.

$$9.332 \text{ VND/m}^2/\text{mỗi năm} \times 125.136,3 \text{ m}^2 = 1.167.771.952 \text{ VND/mỗi năm}$$

(Bằng chữ: *Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn chín trăm năm mươi hai đồng*).

1.3 **Phí xử lý nước thải là:** 6.999 VND/m³ (Bằng chữ: *Sáu ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*) cho mỗi mét khối nước thải (Chưa bao gồm thuế GTGT). Tổng lượng nước thải được tính dựa trên đồng hồ đo được lắp tại cửa xả của Bên B. Phí này sẽ tăng tối đa 10% (mười phần trăm) sau mỗi 05 (năm). Phí xử lý nước thải này sẽ được tính và thanh toán theo Hợp đồng xử lý nước thải được ký kết giữa Bên A và Bên B.

1.4 Bên B không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê, lệ phí, phí, và chi phí nào khác, ngoài các khoản đã được liệt kê tại Điều 1.1, 1.2, và 1.3 của hợp đồng này cho mục đích thuê và sử dụng Khu Đất. Phí thu gom rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt sẽ được Bên A thông báo đến Bên B bằng văn bản trước khi cung cấp dịch vụ thu gom rác cho Bên B; đây được xem là dịch vụ khác ngoài giá tiền thuê lại đất.

2. Phương thức thanh toán:

2.1 Thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất

Bắt đầu từ ngày ký Hợp Đồng Thuê Lại Đất chính thức, việc thanh toán tiền sẽ do Bên B đảm nhiệm thực hiện chi trả cho Bên A như sau:

1) **Đợt 1:** Bên B chi trả cho Bên A với số tiền là: 17.983.688.054 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi bốn đồng*) thanh toán đợt 1 trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất chính thức.

2) **Đợt 2:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 2 cho bên A với số tiền là 17.983.688.054 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi bốn đồng*). Thanh toán lần 2 chậm nhất 19/03/2019

3) **Đợt 3:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 3 cho bên A với số tiền là: 17.983.688.055 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*). Thanh toán lần 3 chậm nhất 19/9/2019

4) **Đợt 4:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 4 cho bên A với số tiền là: 17.983.688.055 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*). Thanh toán lần 4 chậm nhất 19/3/2020

5) **Đợt 5:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 4 cho bên A với số tiền là: 17.983.688.055 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*). Thanh toán lần 4 chậm nhất 19/9/2020

Đây được xem là khoản thanh toán cuối cùng Tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất của Bên B đối với Bên A.

ISO 9001
TY
11V

HIỆP
NHẬP

HL
G
CH
15V

2.2. Phí quản lý hạ tầng KCN: (Thanh toán hàng năm)

Ngày mà Bên B bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh trên diện tích đất thuê lại sẽ được tính là thời điểm để Bên B bắt đầu đóng phí quản lý hạ tầng với số tiền là 1.167.771.952 VND/mỗi năm (Bằng chữ: Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn chín trăm năm mươi hai đồng). Việc thanh toán phí quản lý hạ tầng sẽ được thực hiện hàng năm; năm đầu tiên sẽ được thực hiện trước ngày 31/12 của năm bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Những năm tiếp theo sẽ được thanh toán một lần chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Giá trị thanh toán hàng năm này sẽ tăng tối đa 10% (mười phần trăm) sau mỗi 05 (năm) năm. Khi đó, Bên A sẽ có văn bản gửi đến Bên B trước ngày thanh toán để thông báo định kỳ tăng giá.

Trường hợp bên B không xây dựng nhà xưởng để đi vào hoạt động kinh doanh thì khi hết thời hạn xây dựng ghi trong Dự án đầu tư hoặc Phương án kinh doanh của bên B, được xác lập trước khi ký hợp đồng chính thức, bên B vẫn phải thanh toán Phí quản lý hạ tầng Khu Công nghiệp cho bên A như đã nêu trên.

2.3 Đối với những lần thanh toán tiếp theo kể từ lần thanh toán thứ nhất trở về sau, Bên A sẽ gửi giấy đề nghị chi trả tiền đến Bên B trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày đáo hạn thanh toán kế tiếp để thông báo cho Bên B. Việc thanh toán các khoản chi phí được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản. Phí chuyển tiền sẽ do người chuyển tự thanh toán.

Trong trường hợp có bất cứ sự thay đổi nào hoặc cần phải làm rõ hơn về phương thức thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng thì hai bên có thể thỏa thuận với nhau bằng một phụ lục hợp đồng đính kèm.

2.4 Tất cả tiền của khoản thanh toán hay tiền hoàn trả do một bên này nợ bên kia theo hợp đồng này sẽ được thực hiện trong thời hạn 5 (ngày) tính từ ngày những số tiền đó đáo hạn phải trả. Tất cả những sự thanh toán hay tiền hoàn trả sẽ được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

2.5 Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu bất kỳ Bên nợ nào chậm thanh toán cho bên còn lại, thì lãi suất 1%/tháng sẽ được áp dụng trên tổng số nợ đến hạn phải trả và ngày đáo hạn thanh toán sẽ là ngày áp dụng lãi suất. Mọi chi phí phát sinh có liên quan đến việc chậm thanh toán sẽ do bên nợ gánh chịu.

2.6 Trường hợp Bên B cố ý và không thực hiện việc thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất, phí quản lý theo như đã quy định trong Hợp Đồng thuê lại đất này cho Bên A và để những khoản nợ kéo dài quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày các khoản nợ này đến hạn cần phải trả mà không có bất kỳ sự chấp thuận bằng văn bản chính thức nào của Bên A cho phép Bên B chậm thanh toán thì Hợp Đồng Thuê Lại Đất này sẽ tự động chấm dứt. Khi đó bên A được quyền thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng và số tiền mà Bên B đã chi trả cho Bên A sẽ không được hoàn trả lại.

ĐIỀU 6

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao diện tích đất cho thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B đúng tiến độ theo quy định của hợp đồng;

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất thuê lại đúng mục đích;

- Nộp thuế sử dụng đất;

- Thu gom nước thải loại B của bên B vào hệ thống thu gom chung của Khu Công nghiệp về nhà máy xử lý nước thải tập trung của bên A để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi thải ra môi trường.

- Bên A Cung cấp cho bên B các tài liệu kỹ thuật trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng: hồ sơ địa chất, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch, cao độ bản giao mặt bằng, ranh đất, dấu nối giao thông, bản vẽ hiện trạng các công trình xung quanh liên quan... và các tài liệu liên quan khác nhằm mục đích phục vụ công tác thiết kế kỹ thuật thi công và triển khai xây dựng tại công trình của bên B.

- Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh vòng ngoài, trông và chăm sóc cây xanh vòng ngoài, Phòng cháy chữa cháy chung trong khu công nghiệp theo pháp luật.

- Bên A có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B hoàn tất việc thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất theo qui định tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 5 hoặc kể từ ngày bên B có giấy bảo lãnh của ngân hàng xác nhận sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng (tiền thuê cơ sở hạ tầng trả 1 lần) thay cho bên B.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất thuê lại không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê lại đã hết.

ĐIỀU 7

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng các công trình trên thửa đất thuê lại sau khi ký hợp đồng chính thức theo đúng thời hạn xây dựng đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, không quá 2 năm kể từ ngày nhận bản giao mặt bằng, bên B phải xây dựng hoàn thiện công trình trên diện tích đất thuê lại, theo đúng mục đích sử dụng đất, đúng thời hạn thuê lại và đúng giấy phép xây dựng. trong trường hợp bên B không xây dựng theo đúng như tiến độ đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, bên A sẽ áp dụng các điều khoản quy định hình thức xử phạt theo như luật hiện hành quy định về việc sử dụng đất thuê lại trong Khu Công Nghiệp.

- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất thuê lại;

- Trả đủ tiền thuê lại đất và tiền cơ sở hạ tầng theo phương thức đã thoả thuận tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 5.

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Đảm bảo nước thải thải ra từ các hoạt động kinh doanh trên diện tích đất thuê lại của bên B phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu từ loại B trở lên (được quy định bởi QCVN 40-2011).

- Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với Khu đất thuê; Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê lại;

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thừa đất có đầy đủ hạ tầng đúng như đã thỏa thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận.

- Được quyền thế chấp Quyền sử dụng đất tại ngân hàng.

- Được quyền thay đổi mục đích sử dụng đất ban đầu nhưng phải tuân thủ đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đăng ký kinh doanh của Bên B và phù hợp với các ngành nghề được phê duyệt trong đánh giá tác động môi trường của Khu Công Nghiệp Nam Đồng Phú.

- Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên Khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Khi đó Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao và Bên được chuyển nhượng (Bên thứ 3) phải ký một Hợp đồng thuê lại đất khác với Bên A trên cơ sở tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.

- Đồng thời hai bên có các quyền và nghĩa vụ theo như luật hiện hành quy định.

ĐIỀU 8

VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê lại đất, xin cấp Giấy chứng nhận Quyền Sử Dụng Đất thuê tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc đăng ký cho thuê lại đất, cấp Giấy chứng nhận Quyền Sử Dụng Đất thuê theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 9

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

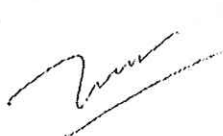
ĐIỀU 10

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất và kết cấu hạ tầng đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê lại theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

- Thửa đất thuê lại không có tranh chấp;
- Quyền sử dụng đất, kết cấu hạ tầng không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất thuê lại và kết cấu hạ tầng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 11

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Hợp đồng này được lập thành 11 bản, mỗi bên giữ 5 bản, Văn Phòng Công Chứng giữ lưu 1 bản chính./.

Bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN KCN



PHẠM PHI ĐIỀU

Bên B

CÔNG TY TNHH MTV



QUỐC THUNG QUANG

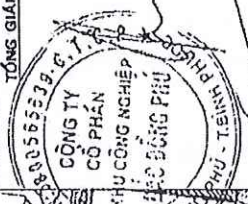
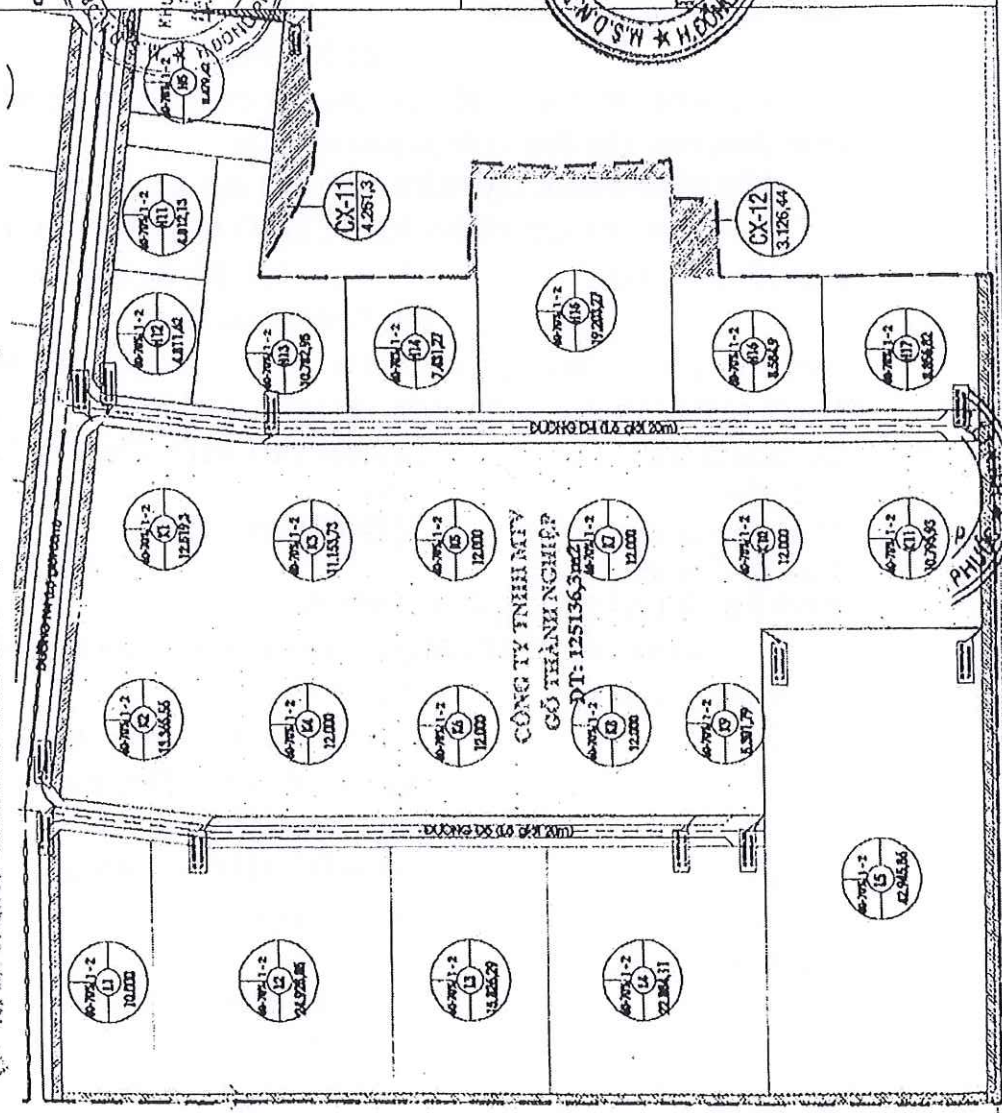
Tôi Cam kết đã đọc đúng và đủ cho ông Qu Shun Quang
nghe, hiểu và đồng ý ký vào hợp đồng số 09/2018/HĐ-BDP
Ngày 19/9/2018

 
Góp Thành Nghiệp



TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP KEN BẮC ĐÔNG PHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

200 KHU VỰC
SƠ ĐỒ BAN GIAO MẶT BẰNG CHỖ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ
THÀNH NGHIỆP - LỘ KÌ ĐÓN ĐÓN KHU VỰC KEN BẮC ĐÔNG PHƯƠNG



Phạm Thị Diệu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP



OU SHUNGUANG

Handwritten signature

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay ngày 26 tháng 9 năm 2018 (ngày hai mươi sáu, tháng chín, năm hai ngàn không trăm mười tám), tại Văn phòng công chứng Hoàng Kim Vinh, tỉnh Bình Phước, địa chỉ: 1355 Phú Riềng Đỏ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tôi Nguyễn Lê Lan....., Công chứng viên Văn phòng công Hoàng Kim Vinh, tỉnh Bình Phước.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp số 09/2018/HĐ-BĐP (kèm theo Phụ đính 1) được giao kết giữa:

BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT (gọi tắt là **Bên A**):

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 3800565639 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước Cấp ngày 21/05/2009.

Đại diện là ông : **PHẠM PHI ĐIỀU** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Sinh năm : 1965

Chứng minh nhân dân số : 285 345 089

Làm đại diện pháp nhân

BÊN THUÊ LẠI ĐẤT (gọi tắt là **Bên B**):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp : 380 118 4160

Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Đại diện là : Ông **OU SHUNGUANG** chức vụ: **Giám đốc**

Hộ chiếu số : G 38288699

Người phiên dịch:

Họ và tên : **GIP THANH TUYỀN** Sinh năm: 1990

Chứng minh nhân dân số : 272 589 178

Địa chỉ : Tân Thành, Thanh Bình, Trảng Bom, Đồng Nai

(Căn cứ Hợp đồng lao động số 01/HĐLD ngày 21/9/2018, Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP đã ký hợp đồng phiên dịch với bà **Gip Thanh Tuyền**)

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp này;

- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Một thành viên gỗ Thành Nghiệp

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 29/5/2020.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

DH 243860

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 48, tờ bản đồ số: 1 (khu công nghiệp Bắc Đồng Phú),
b) Địa chỉ thửa đất: thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước,
c) Diện tích: 125.136,3 m²,
(Bằng chữ: một trăm hai mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu phẩy ba mét vuông),
d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 23/11/2059,
g) Nguồn gốc sử dụng: thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

- a) Địa chỉ: thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước,
b) Loại công trình: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ,
c) Thông tin chi tiết về hạng mục công trình:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
01. Nhà xưởng 1	5.400,0	5.400,0	Sở hữu riêng	III	-/-
02. Nhà xưởng 2	6.992,0	6.992,0	Sở hữu riêng	III	-/-
03. Nhà xưởng 3 + văn phòng	6.886,36	7.097,64	Sở hữu riêng	III	-/-
04. Nhà xưởng 6	6.000,0	6.000,0	Sở hữu riêng	III	-/-
05. Nhà xưởng 7 + văn phòng	7.642,56	7.861,44	Sở hữu riêng	III	-/-
06. Nhà xưởng 8	7.752,0	7.752,0	Sở hữu riêng	III	-/-
07. Nhà kho	7.200,0	7.617,375	Sở hữu riêng	III	-/-
08. Nhà bảo vệ (02 nhà)	30,0	30,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
09. Hồ nước PCCC (02 hạng mục)	280,0	280,0	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

5. Ghi chú: -/-

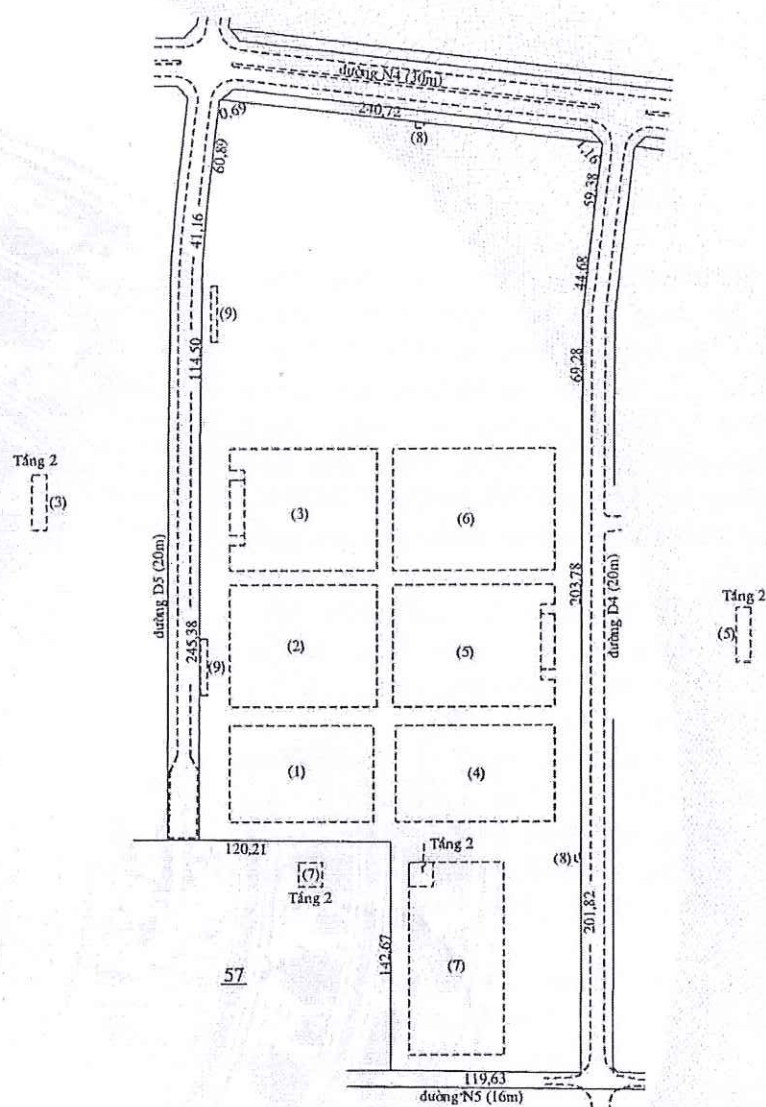
Bình Phước, ngày ...2... tháng ...7... năm ...2028
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Chín Bảy

Số vào sổ cấp GCN: CT.45.393.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN



Thửa đất số: 48

Tờ bản đồ số: 1 (KCN Bắc Đông Phú)

Số phát hành GCN: DH 243860. Số vào sổ cấp GCN: CT 45393

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 27/5/2022, Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Lầu 9, Tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo Hợp đồng số LUR-MTVN1852/STVN2059-22 ngày 27/5/2022 và theo phiếu yêu cầu ngày 27/5/2022. Ngày 27/5/2022, Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Lầu 9, Tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam để đảm bảo cho Công ty TNHH Đồ Gỗ Quốc Tường theo Hợp đồng số LUR-STVN2133-22 ngày 27/5/2022 và theo phiếu yêu cầu ngày 27/5/2022. Nội dung thế chấp được cập nhật từ GCNQSDĐ số CT 766497, số vào sổ CT 21462 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/02/2020. Đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại: Phòng 1, 2, 3, 9 lầu 7, phòng 1-9, Lầu 9, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo hợp đồng thế chấp số FAC-STVN2133-23 ngày 15/9/2023 và theo phiếu yêu cầu thế chấp ngày 15/9/2023./.	31/7/2023 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>(Signature)</i> <i>Le Văn Ngọc</i> 15/9/2023. PHÓ GIÁM ĐỐC <i>(Signature)</i> <i>Le Văn Ngọc</i>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01.....

(Mặt sau trang bổ sung)

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại: Phòng 1,2,3,9 lầu 7, phòng 1-9, Lầu 9, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo hợp đồng thế chấp số FAC-STVN2059-23 ngày 15/9/2023 và theo phiếu yêu cầu thế chấp ngày 15/9/2023./.	15/9/2023. PHÓ GIÁM ĐỐC  Lê Văn Ngọc
(Chuyển tiếp Trang bổ sung:.....)	

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6513982923.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư: Ngày 14 tháng 09 năm 2023.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ ba ngày 19/04/2023;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp nộp ngày 11/09/2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GỖ; mã số dự án 6513982923, do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ ba ngày 19/04/2023; được đăng ký điều chỉnh thay đổi lần thứ tư: Điều chỉnh quy mô; tiến độ thực hiện dự án.

(1/5/6513982923)



7/15

Nhà đầu tư: Ông Ou Shunguang; sinh ngày 17/10/1978; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số EE7741828, cấp ngày 17/01/2019 do Đại sứ quán Trung Quốc tại TP. Hồ Chí Minh cấp; địa chỉ thường trú tại Hualixi Chun, Simapu Town, Chao Nan, Shan Tou city, Guang Dong, Trung Quốc; chỗ ở hiện nay tại lô N6, đường N3, khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; email: steven@chengyefurniture.com; số điện thoại: 0934.683.710.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GỖ.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất; sản xuất, gia công các chi tiết bằng kim loại dành cho nội thất; sản xuất, gia công gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván MDF, ván PB và ván mỏng khác; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

3. Quy mô dự án:

- Giai đoạn 1:

+ Đợt 1: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 30.000 sản phẩm/năm.

+ Đợt 2: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 25.000 m².

- Giai đoạn 2:

+ Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1). Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000 m² (đã cho thuê).

+ Cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất: 125.136,3 m².

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 159.250.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi chín tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 7.000.000 USD (bảy triệu đô la

Mỹ) (Tỷ giá áp dụng: 1 USD = 22.750 VNĐ, theo tỷ giá cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu ngày 12/9/2018), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 113.750.000.000 VNĐ (một trăm mười ba tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 5.000.000 USD (năm triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 71,42% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
01	OU SHUNGUANG	113.750.000.000	5.000.000	100	Tiền mặt	Đã góp đủ ngày 22/9/2020

- Vốn huy động: 45.500.000.000 VNĐ (bốn mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng), tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ)

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến hết ngày 23/11/2059.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a. Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ ngày 22/09/2020.

- Tiến độ huy động vốn: Đã huy động đủ ngày 02/07/2021.

b. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

Giai đoạn 1:

Đợt 1:

- Hoàn thành hồ sơ pháp lý, xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ, lắp đặt máy móc thiết bị từ tháng 09/2018 đến tháng 10/2020.

- Vận hành thử từ tháng 11/2020 đến tháng 02/2021.

- Hoạt động từ tháng 03/2021.

Đợt 2:

- Hoàn thành hồ sơ pháp lý (giấy phép môi trường) từ tháng 11/2022 đến tháng 05/2023.

- Vận hành thử từ tháng 05/2023 đến tháng 06/2023.

- Hoạt động từ tháng 07/2023.

* Giai đoạn 2:

- Hoàn thành hồ sơ pháp lý, xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ từ tháng 06/2023 đến tháng 02/2024.

- Đi vào khai thác vận hành từ tháng 03/2024.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Cục thống kê tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ ba ngày 19/04/2023.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT.



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Chiến



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG Số : 2.2./GPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng dự án: “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”.

Mật độ xây dựng: 64,73%

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 22 do Công ty TNHH MTV Tư Vấn Xây dựng Kiến Thành Phát lập.

Vị trí xây dựng: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng:

- Cách 15m tính từ tim đường D4; D5
- Cách 27m tính từ tim đường N4.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

1. Nhà xưởng 2: 01 nhà (Thay thế mục 2. Nhà xưởng 2, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $92\text{m} \times 76\text{m} = 6.992\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

2. Nhà xưởng 3 + văn phòng: 01 nhà (Thay thế mục 9. Nhà kho xưởng 1, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng

- Diện tích xây dựng nhà xưởng: $(76\text{m} \times 85,05\text{m}) + (15,2\text{m} \times 6,95\text{m} \times 2) = 6.675,08 \text{ m}^2$.

- Diện tích xây dựng nhà văn phòng: $30,4\text{m} \times 6,95\text{m} = 211,28 \text{ m}^2$.

- Diện tích sàn văn phòng 02 tầng: $(30,4\text{m} \times 6,95\text{m}) \times 2 \text{ tầng} = 422,56\text{m}^2$.

- Tổng diện tích sàn xây dựng: $6.675,08\text{m}^2 + 422,56\text{m}^2 = 7.097,64 \text{ m}^2$.

- Chiều cao công trình: 16,9m

- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.

- Giải pháp kết cấu: Nhà xưởng: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính; Nhà văn phòng: khung, cột, sàn, mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, hệ thống cửa nhôm kính.

3. Nhà xưởng 4: 01 nhà (Thay thế mục 3. Nhà xưởng 3, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III

- Số tầng: 01 tầng

- Diện tích xây dựng: $92\text{m} \times 76\text{m} = 6.992\text{m}^2$.

- Chiều cao công trình: 16,9m

- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ± 0.200 .

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

4. Nhà xưởng 5: 01 nhà (Thay thế mục 4. Nhà xưởng 4, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III

- Số tầng: 01 tầng

- Diện tích xây dựng: $92\text{m} \times 76\text{m} = 6.992\text{m}^2$.

- Chiều cao công trình: 16,9m

- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

5. Nhà xưởng 7 + văn phòng: 01 nhà (Thay thế mục 6. Nhà xưởng 6, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III

- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng nhà xưởng: $(76\text{m} \times 94,8\text{m}) + (15,2\text{m} \times 7,2\text{m} \times 2) = 7.423,68\text{m}^2$.
- Diện tích xây dựng nhà văn phòng: $30,4\text{m} \times 7,2\text{m} = 218,88\text{m}^2$.
- Diện tích sàn nhà văn phòng 02 tầng: $(30,4\text{m} \times 7,2\text{m}) \times 2\text{ tầng} = 437,76\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $7.423,68\text{m}^2 + 437,76\text{m}^2 = 7.861,44\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: : Nhà xưởng: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính; Nhà văn phòng: khung, cột, sàn, mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, hệ thống cửa nhôm kính.

6. Nhà xưởng 8: 01 nhà (Thay thế mục 10. Nhà kho xưởng 2, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $102\text{m} \times 76\text{m} = 7.752\text{m}^2$
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

7. Nhà xưởng 9: 01 nhà (Thay thế mục 7. Nhà xưởng 7, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $102\text{m} \times 76\text{m} = 7.752\text{m}^2$
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

8. Nhà xưởng 10: 01 nhà nhà (Thay thế mục 8. Nhà xưởng 8, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $102\text{m} \times 76\text{m} = 7.752 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

9. Nhà kho: 01 nhà (Thay thế mục 11. Nhà kho, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng tầng 1: $120\text{m} \times 60\text{m} = 7.200 \text{ m}^2$
- Diện tích xây dựng sàn: $22,5\text{m} \times 20,95\text{m} = 417,375\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $7.200 \text{ m}^2 + 417,375\text{m}^2 = 7.617,375\text{m}^2$
- Chiều cao công trình: 15,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

10. Nhà văn phòng: 01 nhà (Thay thế mục 12. Nhà văn phòng, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 04 tầng
- Diện tích xây dựng tầng 1: $(28\text{m} \times 20\text{m}) + (4,5\text{m} \times 4,2\text{m}) = 578,9\text{m}^2$.
- Diện tích xây dựng tầng 2, 3, 4: $(28\text{m} \times 20\text{m}) \times 3 \text{ tầng} = 1.680\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng xin điều chỉnh: $578,9\text{m}^2 + 1.680\text{m}^2 = 2.258,9\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 17m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,35m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái bằng BTCT; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

11. Nhà ăn + nhà xe: 01 nhà (Thay thế mục 15. Nhà ăn + nhà xe, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV

- Số tầng: 02 tầng
- Diện tích xây dựng: $80\text{m} \times 26\text{m} = 2.080\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $2.080\text{m}^2 \times 2 \text{ tầng} = 4.160\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 9,150m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái lợp tole, hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

12. Nhà vệ sinh: 06 nhà (Cấp mới và thay thế 03 nhà vệ sinh tại mục 16. Nhà vệ sinh, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $(18\text{m} \times 2\text{m}) \times 6 \text{ nhà} = 216 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 3,2m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái lợp tole, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt- nhôm kính

13. Mái che lối đi nối xưởng 1 & 6: (Cấp mới)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $8\text{m} \times 14\text{m} = 112\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 7,050m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Diện tích xây dựng xin điều chỉnh: $8\text{m} \times 14\text{m} = 112\text{m}^2$.
- Giải pháp kết cấu: móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; mái lợp tole, xà gồ thép.

14. Bể xử lý nước thải: 03 bể (Cấp mới)

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $(15\text{m} \times 4\text{m}) \times 3 \text{ bể} = 180\text{m}^2$.
- Thể tích xây dựng: $(15\text{m} \times 4\text{m} \times 3\text{m}) \times 3 \text{ bể} = 540\text{m}^3$
- Cốt nền công trình: Thấp hơn so với mặt hoàn thiện là 3m.
- Giải pháp kết cấu: Đáy, vách, nắp bể bằng Bê tông cốt thép.

15. Nhà hút bụi: 01 nhà (Ký hiệu số 20)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $17\text{m} \times 4,58\text{m} = 77,86\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 6,780m
- Cốt nền công trình: Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ± 0.000 .

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bên tông, tường xây gạch má lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : Diện tích $125.136,3\text{m}^2$, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 21462 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp ngày 04/02/2020.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 06 tháng 5 năm 2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.QHXDTNMT.



Nguyễn Huy Hoàng

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 05./GPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng dự án: "Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 30.000 sản phẩm/năm"

Mật độ xây dựng: 54,54 %.

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 25 do Công ty TNHH Kiến trúc - Xây dựng nhà Đông Á lập.

Vị trí xây dựng: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng :

- Cách 15m tính từ trục đường D4.
- Cách 15m tính từ trục đường D5.
- Cách 27m tính từ trục đường N4.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

1. Nhà xưởng 1: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90m \times 60m = 5.400 m^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

2. Nhà xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90m \times 60m = 5.400 m^2$



- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

3. Nhà xưởng 3: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90m \times 60m = 5.400 m^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

4. Nhà xưởng 4: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90m \times 60m = 5.400 m^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

5. Nhà xưởng 5: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $100m \times 60m = 6.000 m^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

6. Nhà xưởng 6: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 13m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

7. Nhà xưởng 7: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 13m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

8. Nhà xưởng 8: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 13m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6,0 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

9. Nhà kho xưởng 9: 01 nhà

44160
B TY
MT
SỞ
NGH
BIN



- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90\text{m} \times 60\text{m} = 5.400 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

10. Nhà kho xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13,000 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6,0 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

11. Nhà kho: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $120\text{m} \times 60\text{m} = 7.200 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13,000 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

12. Nhà văn phòng: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng tầng 1: $(51\text{m} \times 18\text{m}) + (7\text{m} \times 5\text{m}) = 953 \text{ m}^2$

- Diện tích xây dựng tầng 2: $51\text{ m} \times 18\text{ m} = 918\text{ m}^2$

- Tổng diện tích sàn xây dựng: $953\text{ m}^2 + 918\text{ m}^2 = 1.871\text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 12,395 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ bằng mặt sân hoàn thiện là 0,48m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, dầm kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái lợp ngói, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

13. Nhà bảo vệ: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $(3\text{ m} \times 3\text{ m}) \times 2\text{ nhà} = 30\text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 4,8 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Giải pháp kết cấu : Móng, dầm kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

14. Hồ nước PCCC: 02 hạng mục.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $(35\text{ m} \times 4\text{ m}) \times 2\text{ hạng mục} = 280\text{ m}^2$

- Thể tích xây dựng: $(35\text{ m} \times 4\text{ m} \times 4,15\text{ m}) \times 2\text{ hạng mục} = 1.162\text{ m}^3$

- Chiều cao công trình: 4,15 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ thấp hơn so với mặt hoàn thiện là 4,0m.

- Giải pháp kết cấu : Đáy, vách, nắp bể bằng Bê tông cốt thép

15. Nhà ăn + nhà xe: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

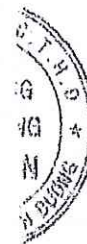
- Số tầng: 02

- Diện tích xây dựng: $(60\text{ m} \times 20\text{ m}) \times 2\text{ nhà} = 2400\text{ m}^2$

- Tổng diện tích sàn xây dựng: $2400\text{ m}^2 \times 2\text{ tầng} = 4800\text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 8,6 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.



- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

16. Nhà vệ sinh công nhân: 05 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $(22,5\text{m} \times 3,5\text{m}) \times 5 \text{ nhà} = 393,75\text{m}^2$
- Chiều cao công trình: 3,7 m.
- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

17. Nhà phụ trợ: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $(28\text{m} \times 5\text{m}) \times 2 \text{ nhà} = 280 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 4,6 m.
- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

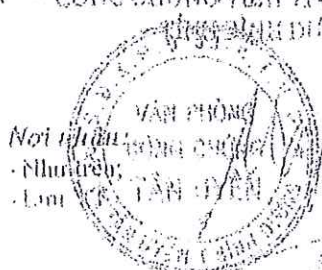
III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: 125.136m^2 ; Theo Hợp đồng thuê lại đất trong Khu công nghiệp số 09/2018/HĐ-BĐP giữa Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp ngày 19/9/2018. (Được xem xét cấp Giấy phép xây dựng tại Công văn số 3893/UBND-SX ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh).

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng.

(Chủ đầu tư/ký đơn vị xây dựng phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 13 tháng 02 năm 2020



Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu



CHÚ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh :

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép :

.....

.....

.....

Bình Phước, ngày tháng năm 201.

TRƯỞNG BAN

Số: 356 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 27. /12 / 2019 của: ...Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.....

Người đại diện là Ông/Bà: OUY SHUNGUANG..... Chức danh: ...Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN:

.....Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ.....

Địa điểm xây dựng:.....KCN Bắc Đồng Phú, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế:.....Công ty TNHH kiến trúc xây dựng nhà Đồng Á.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

Chủ đầu tư...;

-

- Lưu: PC07.

Bình Phước, ngày 31. tháng 12. năm 2019.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy
số 356/TĐ-PCCC, ngày 31 tháng 12 năm 2019)

[illegible]

Số: 153/TĐ-PCCC&CNCH

Bình Phước, ngày 15 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 356/TĐ-PCCC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 01 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ CỦA CÔNG TRÌNH

Bổ sung 02 hạng mục

- Nhà xưởng 02: Diện tích 5.400m², 01 tầng.
- Nhà xưởng 06: Diện tích 6.000m², 01 tầng.

II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng, trang bị đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, trang bị bình chữa cháy.

Quy mô hạng mục công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về điều chỉnh phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này. / *lưu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT - PC07.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số:/TD-PCCC&CNCH ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước)

[illegible]

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Số: 02/GXN-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 16 tháng 01 năm 2020

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
XÁC NHẬN**

Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án: “Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 30.000 sản phẩm/năm” ngày 10/01/2020. Địa điểm thực hiện dự án tại lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:

3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng.

a. Bố trí nhà 02 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt, đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 02/2020.

b. Có công trình thu gom và tái sử dụng nước thải xây dựng để phục vụ quá trình thi công xây dựng. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 02/2020.

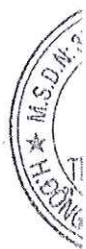
c. Bố trí khu vực để lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 02/2020.

d. Có các biện pháp, công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 02/2020.

3.2. Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

a. Lắp đặt hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Chụp hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2020.

b. Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn bao gồm các hạng mục chính:



Khí thải từ quá trình sơn → Chụp hút → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2020.

c. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn bao gồm các hạng mục chính: Nước thải từ nhà vệ sinh (qua bể tự hoại), nước thải từ nhà ăn (qua ngăn tách dầu) → bể thu gom → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để xử lý tiếp theo đạt quy chuẩn theo quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2020.

c. Xây dựng, lắp đặt kho chứa để lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2020.

d. Xây dựng, trang bị, lắp đặt các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2020.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, vi khí hậu và không khí trong khu vực sản xuất đạt các Quy chuẩn Việt Nam 22:2016/ BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT và các quy định hiện hành. Bụi và các chất hữu cơ trong khí thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $k_p = 1$, $k_v = 1$ và QCVN 20:2009/BTNMT. Nước thải phát sinh từ dự án phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Trồng cây xanh có tán xung quanh nhà máy với diện tích tối thiểu đạt 20% tổng diện tích của dự án.

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hoá chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Lũu: VT, P.QLQH-XD-TNMT.





Ký bởi: Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Phước
Cơ quan: Tỉnh Bình
Phước
Ngày ký: 07.07.2020
09:51:22 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1547/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:
“Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng
từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ
dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm;
cho thuê nhà xưởng dư thừa” do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp
làm chủ đầu tư tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11,
KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh
giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia
công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản
phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản
phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” họp ngày
20/02/2020 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;*



Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 03/CV-TN ngày 24/6/2020 của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 55/TTr-BQL ngày 03/7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 02/GXN-BQL ngày 16/01/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế hết hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 6. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH

MTV Gõ Thành Nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND thị trấn Tân Phú;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-32-QĐPD-BQL).



Huỳnh Anh Minh



Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm chủ đầu tư tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số ..1517../QĐ-UBND ngày ..07/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: Lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” thực hiện trên diện tích 125.136,3 m² tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8; nhà kho xưởng 1, nhà kho xưởng 2 và nhà kho.

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn, hệ thống xử lý hơi keo, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, kho chứa chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại).

- Đường giao thông nội bộ, sân.

- Cây xanh.

- Các công trình phụ trợ.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

1.5.1. Quy trình sản xuất đồ gỗ gia dụng (tủ, giường gỗ):

Gỗ, ván nguyên liệu (đã được ngâm tẩm) → Cưa, cắt, khoan lỗ → Chà nhám → Trám bột → Sơn, sấy → Lắp ráp → Thành phẩm → Đóng gói.

1.5.2. Quy trình sản xuất chi tiết các sản phẩm nội thất:

Gỗ, ván nguyên liệu (đã được ngâm tẩm) → Cưa, cắt, khoan lỗ → Chà nhám → Bột trét → Sơn, sấy → Thành phẩm → Đóng gói.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Gồm bụi từ quá trình thi công san nền, đào đất; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công; khí thải phát sinh từ các phương tiện thi công; khí thải từ quá trình chà nhám, sơn, hàn công trình; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải xây dựng; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám; bụi, khí thải từ quá trình sơn, sấy; hơi keo từ quá trình lắp ráp các chi tiết sản phẩm; mùi, khí thải từ quá trình nấu ăn; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại... Riêng các đơn vị thuê xưởng phải có trách nhiệm lập hồ sơ môi trường cho các dự án của mình, căn cứ vào ngành nghề sản xuất để đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu phù hợp đối với các loại chất thải phát sinh của dự án, tự chịu trách nhiệm đối với các loại chất thải phát sinh từ dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 05 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm là chất rắn lơ lửng, TDS, COD.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà ăn:* Phát sinh khoảng 105 m³/ngày, thành phần gồm pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình thi công san nền, đào đất:* Bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị; từ các máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, SO₂, HC.

- *Khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình*: Quá trình sơn, hàn phát sinh chủ yếu là bụi, hơi dung môi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy*: Thành phần khí thải gồm bụi, NO_x , SO_x , CO , C_xH_y ...

- *Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất*: Chủ yếu phát sinh từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám; quá trình sơn.

- *Khí thải từ quá trình sơn, sấy*: Thành phần khí thải gồm xylen, butyl acetate, n-butanol, VOC...

- *Hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết sản phẩm*: Thành phần chủ yếu chứa vinyl acetate, VOC...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 1.543,24 tấn trong suốt quá trình xây dựng, chủ yếu là sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu, giấy, thùng carton, gạch vỡ, tôn thừa và vật liệu khác...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 22,5 kg/ngày, thành phần gồm thực phẩm, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Khối lượng phát sinh như sau:

Khoảng 2.111,23 kg/tháng, gồm giấy văn phòng, pallet thải, bao bì carton thừa; đinh, ghim thừa; giấy nhám thừa; bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt...

Khoảng 355.280,17 kg/tháng, gồm mùn cưa, phôi bào, gỗ thừa; ván và gỗ vụn (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn thông thường).

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 675 kg/ngày, gồm bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng phát sinh khoảng 47 kg/tháng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải, que hàn thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3.039,17 kg/tháng, gồm giẻ lau dính dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì cứng thải bằng nhựa, than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải, tấm giấy lọc buồng sơn đã dính bụi sơn...

Ngoài ra còn một lượng chất thải bao gồm mùn cưa, phoi bào, gỗ thừa; ván và gỗ vụn (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại) với khối lượng phát sinh khoảng 355.280,17 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Bố trí hệ thống mương thu gom tạm thời; quản lý tốt nguyên vật liệu xây dựng, chất thải phát sinh; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn; tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Thuê 02 nhà vệ sinh di động sử dụng cho Dự án để công nhân sử dụng trong thời gian xây dựng bể tự hoại 03 ngăn. Mỗi nhà vệ sinh có dung tích chứa chất thải 1.000 lít.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn:* Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và nước thải từ nhà ăn (sau bể tách dầu) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sản xuất:* Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình thi công san nền, đào đất:* Lập tiến độ thi công và bố trí nhân lực hợp lý; các loại xe chuyên chở vật liệu phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; che chắn khu vực thi công; trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ các máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Các máy móc, phương tiện phải đảm

bảo đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bảo dưỡng thường xuyên phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải; bố trí tuyến vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý; bố trí thời gian thi công hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình:* Bố trí thời gian thi công hợp lý; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí cho công nhân; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào Nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám:* Lắp đặt 06 hệ thống xử lý bụi với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Các khu vực phát sinh bụi → Chụp hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$), được phát tán ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải. Ống thoát khí thải phải đảm bảo thoát khí thải sau xử lý ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn xả thải và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn:* Lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Khí thải từ quá trình sơn → Tầm lọc buồng sơn → Chụp hút → Tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, được phát tán ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải. Ống thoát khí thải phải đảm bảo thoát khí thải sau xử lý ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn xả thải và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Biện pháp xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết sản phẩm:* Lắp đặt 05 hệ thống xử lý hơi keo với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Hơi keo → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải

công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, được phát tán ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải. Ống thoát khí thải phải đảm bảo thoát khí thải sau xử lý ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn xả thải và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh. Tái sử dụng đối với chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng. Đối với chất thải rắn xây dựng không thể tận dụng: Thu gom về khu vực lưu chứa tạm thời với diện tích khoảng 15 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định hiện hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa thích hợp để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 25 - 120 lít (được đặt ở khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như văn phòng, nhà vệ sinh...), sau đó tập kết về khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 20 m². Khu vực lưu chứa có mái che và vách bao quanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận

chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: 01 ngày/lần.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sản xuất:* Thu gom, phân loại và đưa vào khu vực chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 42 m². Khu vực lưu chứa có mái che và vách bao quanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: 01 tuần/lần.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong khu vực tập kết chất thải nguy hại có diện tích 10 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ bao quanh, rãnh thoát nước... theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, sau đó lưu giữ vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích 30 m². Khu vực chứa chất thải nguy hại mái che, vách bao quanh và nền gạch chống thấm, có gờ bao quanh, rãnh thoát nước... theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 06 tháng/lần.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh

môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các xe chuyên dụng; sắp xếp thời gian thi công hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do độ rung:* Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm cao su; bố trí các máy móc, phương tiện có độ rung lớn hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:* Hạn chế thi công vào những ngày mưa; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các cống thoát nước; không để rơi vãi dầu nhớt, nhiên liệu ra môi trường xung quanh; dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng thi công đảm bảo thoát nước mặt, tránh gây ú đọng nước...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động, nút bịt tai cho công nhân; trồng cây xanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa:* Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng; thông thoáng nhà xưởng; bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường; trang bị quạt thông gió dọc theo hai bên tường nhà xưởng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng cây xanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:* Lắp đặt hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải; nguyên liệu được lưu chứa trong nhà có mái che; lắp đặt lọc rác hoặc song chắn rác tại hố ga thoát nước mưa; thường xuyên kiểm tra, tu bổ hệ thống thoát nước mưa, thu dọn rác tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Công tác phòng cháy và chữa cháy:* Lắp đặt hệ thống báo cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống PCCC để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt; đặt biển báo dễ cháy nổ tại khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, nổ; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt; trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân; đào tạo định kỳ về an toàn lao động; từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động...

- *Phương án phòng ngừa tai nạn giao thông:* Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ Dự án được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện giao thông; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao; chờ đúng tải trọng quy định; bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm:* Nhập nguyên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng; khu vực ăn uống phải được vệ sinh sạch sẽ; khám sức khỏe định kỳ cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại:* Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại; thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn; bổ sung men vi sinh giúp quá trình phân hủy chất bẩn được diễn ra nhanh hơn...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên theo dõi kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; nhân viên vận hành được tập huấn kỹ thuật, chuyên môn...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, hơi keo*: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải, hơi keo; có nhật ký vận hành, nhật ký kiểm tra, sửa chữa; tập huấn công nhân vận hành trực tiếp hệ thống xử lý...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất*: Bố trí khu vực lưu chứa hóa chất theo đúng quy định; sắp xếp, sử dụng hóa chất hợp lý; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước*: Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn; thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất; không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; khóa van đầu nguồn và tiến hành thay thế đường ống cấp thoát nước bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất, sau khi khắc phục xong sự cố rò rỉ, vỡ đường ống mới mở van cấp hoặc xả nước thải...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn: 13 bể tự hoại, có tổng dung tích là 201 m³.
- Bể tách dầu: 01 bể, dung tích 8,1 m³.
- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 20 m².
- Công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất, diện tích 42 m².
- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 30 m².
- Công trình, hệ thống xử lý bụi: 06 hệ thống; công suất thiết kế: 9.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn: 02 hệ thống; công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý hơi keo: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 11.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý hơi keo: 04 hệ thống; công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 125 m³/ngày.đêm.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga trước hố ga đầu nối với KCN.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, SS, tổng N, tổng P, amoni, coliform.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (chỉ giám sát sau khi Nhà máy xây dựng xong bể tự hoại và công nhân thi công, xây dựng sử dụng bể tự hoại).

- Quy chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- Vị trí, thông số giám sát: 06 vị trí tại các khu vực sau:

+ Khu vực cưa, cắt, khoan và chà nhám: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

+ Khu vực lắp ráp chi tiết: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, vinyl acetate ($C_4H_6O_2$), ethylbenzen.

+ Khu vực sơn: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, xylen, butyl acetate, phenol, butanol.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- Vị trí, thông số, quy chuẩn so sánh: 26 vị trí tại các khu vực sau:
- + Vị trí: 06 điểm tại đầu vào của 06 hệ thống xử lý bụi gỗ, 06 điểm tại 06 ống thoát khí của 06 hệ thống xử lý bụi. Thông số: Lưu lượng, bụi. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$; $k_v = 1$).
- + Vị trí: 02 điểm tại đầu vào 02 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn, 02 điểm tại 02 ống thoát khí của 02 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn. Thông số: Lưu lượng, bụi, n-butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$), xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$). Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$; $k_v = 1$), QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
- + Vị trí: 05 điểm tại đầu vào 05 hệ thống xử lý hơi keo, 05 điểm tại 05 ống thoát khí của 05 hệ thống xử lý hơi keo. Thông số: Lưu lượng, cyclohexane (C_6H_{12}), ethybenzen (C_8H_{10}). Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, 01 điểm tại hố ga đầu nối với KCN.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng coliform, dầu mỡ tổng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.
- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại :

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục; báo cáo định kỳ về cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 09/CV-TN ngày 26/4/2023 của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 19/TTr-BQL ngày 10/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ tại lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp (KCN) Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” - Giai đoạn 1 (sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa) (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” - Giai đoạn 1 (sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6513982923 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 12/9/2018, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 19/4/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801184160 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 17/9/2018, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 29/5/2020.

1.4. Mã số thuế: 3801184160.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng; sản xuất, gia công các chi tiết dành cho nội thất; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Diện tích thực hiện Dự án: 125.136,3 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

- + Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm.

- + Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 22.273,32 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Gổ Thành Nghiệp:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH MTV Gổ Thành Nghiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú, Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày ~~17~~ tháng 5 năm 2023 đến ngày 17 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định tại

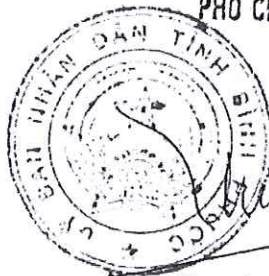
Khoản 5, Điều 66, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-8GP_{12/3}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

IC. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

Phụ lục 1.

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...53.../GPMT-UBND
ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 (do nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú, không xả ra môi trường).

- Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ Dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú tại các văn bản đã ký với Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú), bao gồm: Hợp đồng thuê lại đất số 09/2018/HĐ-BĐP ngày 19/9/2018; Biên bản bàn giao mặt bằng đầu nối ngày 25/4/2022; Biên bản nghiệm thu đầu nối nước thải số 36/NTĐN ngày 19/9/2022; Hợp đồng xử lý nước thải số 31/HĐXLNT ngày 30/9/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ Dự án bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp và công nhân viên của đơn vị thuê nhà xưởng. Nước thải sinh hoạt (lưu lượng khoảng 45 m³/ngày) được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 216 m³), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy có công suất thiết kế 125 m³/ngày (24 giờ).

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường D5 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X:1268852; Y: 567978 (Hệ tọa độ VN2000: kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau bể tự hoại) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank 1,2 → Bể lắng sinh học

→ Bể khử trùng → Đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Công suất thiết kế: 125 m³/ngày (24 giờ).
- Hóa chất sử dụng: Calcium Hypochlorite.
- Chế độ vận hành: liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ hút bùn thải từ bể tự hoại. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- Phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 125 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, lấy tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập

trung của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của KCN Bắc Đồng Phú, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình thu gom nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú và phải ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 2.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...57.../GPMT-UBND
ngày 17/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công gỗ (cưa, cắt, khoan).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến 106°15', múi chiều 3 ^o	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	1268568	567992
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	1268568	567988
3	Dòng khí thải số 03	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	1268584	567991
4	Dòng khí thải số 04	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	1268584	567988

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp, địa chỉ tại lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 04: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $k_p = 0,9$ và $k_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $k_v = 0,9$ và $k_p = 1$	
1	Tại 04 ống thoát của hệ thống xử lý bụi	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
		Bụi	mg/Nm ³	180	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý

Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công gỗ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (nguồn số 01).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Bụi → Chụp hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 54.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công gỗ (dòng số 01): công suất thiết kế 54.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

04 vị trí, tương ứng với 04 ống thoát khí thải của 01 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, k_p = 0,9, k_v = 1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 3.

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...57.../GPMT-UBND
ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- + Nguồn số 01: Khu vực cưa, cắt nguyên liệu.
- + Nguồn số 02: Khu vực khoan.
- + Nguồn số 03: Khu vực lắp ráp sản phẩm.
- + Nguồn số 04: Khu vực hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công gỗ.
- + Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiều 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	Khu vực cưa, cắt nguyên liệu	1268558	568055
2	Khu vực khoan	1268559	568158
3	Khu vực lắp ráp sản phẩm	1268561	568197
4	Khu vực hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công gỗ	1268647	567992
5	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1268781	567988

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...5.7..../GPMT-UBND
ngày 17.1.5.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, dầu mầu, gỗ thừa, ván ép và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	09 01 01	KS	11.315
2	Giẻ lau thải	Rắn	18 02 01	KS	30
3	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	3
4	Chất kết dính và chất bịt kín (keo sữa trắng dán giấy)	Lỏng	08 03 01	KS	40
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng chứa sơn)	Rắn	18 01 02	KS	25
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	120
7	Dầu nhớt thải, dầu động cơ	Lỏng	17 02 03	NH	40
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	5
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa keo)	Rắn	18 01 03	KS	50
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	3
11	Nhựa thải có thành phần nguy hại (bút chấm sơn)	Rắn	16 01 09	KS	15
Tổng cộng					11.646

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Pallet gỗ thải	09 01 02	TT - R	420
2	Giấy văn phòng, bao bì carton thừa	18 01 05	TT - R	6.505,2
3	Đinh, gim thừa	11 04 03	TT - R	48
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	TT	16.380
Tổng cộng				23.353,2

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 450 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì lưu chứa chuyên dụng có dán nhãn, có nắp đậy, chống thấm.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, có biển cảnh báo, thiết bị PCCC...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa chuyên dụng.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 42 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: có mái che, vách tường, có nền cao chống thấm, có gờ chắn, có biển cảnh báo,...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 120 lít.



b) Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có mái che, vách tường, nền bê tông,...

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...57.../GPMT-UBND
ngày 17/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với việc cho thuê nhà xưởng dư thừa.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.



Số: 1990 /STNMT-CCBVMT

Bình Phước, ngày 10 tháng 08 năm 2023

V/v thông báo kết quả kiểm tra các
công trình xử lý chất thải để vận hành
thử nghiệm của Công ty TNHH MTV
gỗ Thành Nghiệp

Kính gửi: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cử công chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của Dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” - Giai đoạn 1 (sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa) do Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp làm chủ đầu tư tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Dự án) trong quá trình vận hành thử nghiệm.

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải Dự án đầu tư trong quá trình vận hành thử nghiệm ngày 21/7/2023, Công văn số 01/2023/CV-TN ngày 30/7/2023 của Công ty và Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án (sau khi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo Biên bản ngày 21/7/2023); Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Hiện trạng sản xuất

Tại thời điểm kiểm tra, Nhà máy đang hoạt động sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 5.000 sản phẩm/tháng; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 10.000 sản phẩm/tháng; có 240 người làm việc. Hiện tại, có 02 đơn vị hợp đồng thuê nhà xưởng là Công ty TNHH Kim Liên Hợp và Công ty TNHH Yin Hai New Material Việt Nam.

2. Hệ thống, công trình, thiết bị, thu gom, xử lý nước thải:

2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ Dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Nhà máy và đơn vị thuê xưởng được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (khu hành chính, khu nhà ăn, nhà xưởng cho thuê), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà máy sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung

của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nổi nước thải: X:1268584; Y: 568242 (Hệ tọa độ VN2000: kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải đã thực hiện:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau bể tự hoại)
→ Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học
→ Bể khử trùng → Đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Công suất thiết kế: $125 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Calcium Hypochlorite.

- Chế độ vận hành: liên tục.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường, chưa phát sinh bùn thải.

2.3. Việc thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải so với giấy phép môi trường đã được cấp và văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đã gửi cơ quan cấp phép:

Công ty đã có Công văn số 04/CV-TN ngày 29/5/2023 về việc thông báo Kế hoạch vận hành ổn định công trình xử lý chất thải của Dự án; Công văn số 05/CV-TN ngày 13/7/2023 về việc lấy mẫu đối chứng tại dự án: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ” - Giai đoạn 1 (sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa).

Dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 5/2023, vận hành ổn định từ ngày 02/7/2023. Công ty đã phối hợp với Công ty CP DV TV môi trường Hải Âu tiến hành lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp từ ngày 03 - 05/7/2023.

Theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh thì việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; cụ thể: bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Theo báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm của Công ty, các kết quả phân tích của hệ thống xử lý nước thải công suất $125 \text{ m}^3/\text{ngày}$, giai đoạn vận hành ổn định do Công ty CP DV TV môi trường Hải Âu lấy, phân tích đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B.

2.4. Nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải: Công ty chưa cung cấp nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3. Hệ thống, công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải:

3.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh thì các dòng khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy phải vận hành thử nghiệm gồm:

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Hiện trạng lắp đặt hệ thống xử lý
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	Đã hoàn thành
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	Đã hoàn thành
3	Dòng khí thải số 03	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	Đã hoàn thành
4	Dòng khí thải số 04	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01)	Đã hoàn thành

3.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải đã hoàn thành: Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Nguồn số 01).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 54.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

3.3. Việc thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải so với giấy phép môi trường đã được cấp và văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đã gửi cơ quan cấp phép:

Công ty đã thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công gỗ. Việc vận hành thử nghiệm được bắt đầu từ tháng 5/2023, giai đoạn vận hành ổn định từ ngày 02/7/2023. Công ty đã phối hợp với Công ty CP DV TV môi trường Hải Âu tiến hành lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định: từ ngày 03 - 05/7/2023.

Theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh thì việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; cụ thể: bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm của Công ty, các kết quả phân tích của hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công gỗ, công suất 54.000 m³/giờ, do Công ty CP DV TV môi trường Hải Âu lấy, phân tích cho thấy thông số Bụi trong giai đoạn vận hành ổn định đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, kp = 0,9, kv = 1,0).

Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế các công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của Dự án, Kết quả phân tích số 1006/2023/PKQPT ngày 26/7/2023 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp nghiêm túc thực hiện một số nội dung sau:

- Trong quá trình hoạt động phải vận hành các công trình xử lý chất thải đúng quy trình bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên rà soát quy trình sản xuất (khu vực phát sinh chất thải); hệ thống thu gom, xử lý chất thải đảm bảo thu gom và xử lý triệt để, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp biết để thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./

Nơi nhận:

- Như trên;
- BQLKKT (để p/h);
- Lưu: VT, CCBVMT.

Như

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Văn Đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

**V/v vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý
(Số 01/HĐKT)**

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự và Luật thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2015;
- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;
- Căn cứ vào Nghị định 80/CP/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: DỊCH VỤ VỆ SINH ĐÔ THỊ - VẬN TẢI NGUYỄN XUÂN LỘC

Do ông: **Nguyễn Xuân Lộc** – Làm đại diện

Địa chỉ: Kp Tân An, TT. Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0918.035.246

Số tài khoản: 25101986 – tại Ngân hàng Á CHÂU (ACB)– Chi nhánh tỉnh Bình Phước

MST: 3800788963

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Do ông/bà: **OU SHUN GUANG** – Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, Lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú. Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 02713.832.388

MST: 3801184160

Số tài khoản:..... – tại Ngân hàng:.....

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

I. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1) Nội dung hợp đồng:

- Bên B giao cho Bên A vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trong hoạt động kinh doanh của bên B
- Bên A chịu trách nhiệm vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt của bên B theo quy trình, 3 ngày thu rác 1 lần, không để quá bốn ngày (trừ chủ nhật và lễ tết)
- Khối lượng dao động khoảng dưới 3 tấn/ tháng.
- Bên A phải đảm bảo vệ sinh trong khu vực tập kết rác của bên B



- Địa điểm tập kết: Tại nhà máy của bên B, sau đó bên A vận chuyển đi xử lý

2) Giá trị hợp đồng:

Được tính theo tháng, với giá trị là 3.500.000 đ/tháng (Đã bao gồm phí hóa đơn)

(Bằng chữ: Ba triệu, năm trăm ngàn đồng)

3) Hình thức và phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thanh toán hàng tháng vào từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 10 của tháng sau đó (nếu ngày thanh toán trùng vào ngày chủ nhật thì thanh toán vào ngày tiếp theo)

II. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN:

1) Trách nhiệm của bên B:

Chịu trách nhiệm thu gom và tập kết rác đến địa điểm tập kết tại CÔNG TY BÊN B

- Thanh toán cho bên A theo đúng giá trị hợp đồng
- Không để lẫn rác thải sinh hoạt với các loại rác thải công nghiệp, rác thải y tế và rác thải nguy hại khác

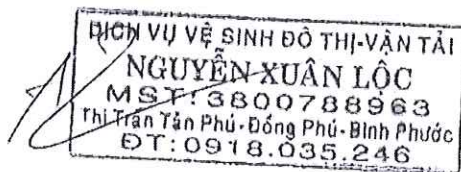
2) Trách nhiệm của bên A:

- Vận chuyển đi xử lý rác của bên B theo đúng quy trình và luật định
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có bất kỳ sự cố xảy ra nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý rác sinh hoạt đã nhận
- Trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ cho người lao động

III. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong vòng 01 năm
- Hai bên quan hệ chặt chẽ với nhau trên tinh thần hợp tác cùng hoàn thành trách nhiệm theo nội dung hợp đồng
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản

ĐẠI DIỆN BÊN A

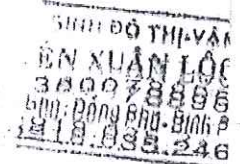


Nguyễn Xuân Lộc

ĐẠI DIỆN BÊN B



OU SHUNGUANG



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
黄莲环境责任有限公司

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh
Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình
Dương, Việt Nam

地址：越南、平陽省、土龙木市、正义坊、正义住宅

区、吴嘉嗣 238、2 楼

Tel: 0274.246.1222

电话：0274.246.1222

E-mail: moitruongsenvang@gmail.com

邮箱：moitruongsenvang@gmail.com

Web: moitruongsenvang.com

网页：moitruongsenvang.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

独立-自由-幸福

Số: 646 HD/SV - 2023

编号: 646 HD/SV - 2023

Bình Dương, ngày ...19... tháng ...09... năm 2023

平陽、2023 年 19 月 09 日

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

经济合同

V/v : Xử lý chất thải nguy hại.

关于工业废物

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- 依据越南社会主义共和国国会于 2015 年 11 月 24 日通过并自 2017 年 01 月 01 日起生效的 91/2015/QH13 号民事法
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- 依据越南社会主义共和国国会于 2005 年 06 月 14 日通过并自 2006 年 01 月 01 日起生效的 36/2005/QH11 号贸易法
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- 依据越南社会主义共和国于 2014 年 06 月 23 日颁布的 55/2014/QH13 号环保法
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2015;
- 依据资源与环境部于 2015 年 06 月 30 日颁布的 36/2015/TT-BTNMT 号通函关于管理危险废物
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3701224331 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần 10, ngày 09 tháng 02 năm 2018.
- 根据平陽省计划与投资厅于 2018 年 02 月 09 日第十次变更签发的 3701224331 号企业注册证书
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 5-6.038.VX của Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021.
- 根据资源与环境部于 2021 年 02 月 03 日签发给金莲环境责任有限公司的 QLCTNH: 5-6.038.VX 号危险废物处理许可证

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

双方代表包括

BÊN A : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP
Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
地址 :

Điện thoại 电话 :

Mã số thuế 税号 : 3801184160

Người đại diện : **OU SHUNGUANG**

代表人 :

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc.**

职务 : 总经理

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
乙方 : 黄莲环境责任有限公司

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

地址: 越南、平陽省、土龙木市、正义坊、正义住宅区、吴嘉嗣 238、2 楼

Điện thoại 电话 : 0274.246.1222

Mã số thuế 税号 : 3701224331

Người đại diện : **NGUYỄN VĂN HÒA**

代表人 : 阮文和

职务 : 总经理

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc.**

Tài khoản số : 0711010293098 tại NH ABBANK- PGD Thuận An - Bình Dương

账号: 0711010293098 开户银行: ABBANK 银行 平阳顺安分理处

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

双方经友好协商共同签署本合同，具体的条款如下

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

第一条: 合同内容和期限

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp, phế liệu cần huy phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- 乙方承揽收集、运输、储存从甲方运营过程中产生的危险废物、工业废物
- Thời hạn hợp đồng: 01 (một) năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- 合約期限 : 01 (1) 一年合同签订之日起 . .

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

第二条: 处理数量、单价

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

每种废物的数量: 是总数量包括此废物的包装物, 在甲方废物储存库进行称量。若无法在甲方的仓库确定数量, 将根据乙方电子称台的称重票或甲方指定的电子称台称重票确定

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

交收废物数量: 将根据双方实际交收的交收记录确定(或危险废物单证)。若发生第 2 条第 2.3 项报价清单外的废物甲方将书面通知给乙方让双方在收集之前商量价格和收集方式

2.3 Đơn giá:

单价

STT 次序	Loại chất thải 廢棄物名稱	Mã CTNH 毒害垃圾編號	Phương án xử lý 處理方案	ĐVT 單位	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT) 處理單價
1	Dầu tổng hợp thải 废润滑油	070305	TĐ-HR	Kg	3.800
2	Cặn sơn thải 废油漆渣	080101	TĐ-HR		
3	Hộp mực in thải 廢墨水盒	080204	TĐ-HR		
4	Bóng đèn huỳnh quang 廢電燈	160106	Nghiền 研磨 -HR		
5	Dầu nhớt thải 廢機油	170204	TĐ-HR		
6	Bao bì mềm 廢化原料袋子	180101	TĐ-HR		
7	Bao bì kim loại thải 廢金屬包裝	180102	Súc rửa 冲 洗-TC		
8	Bao bì nhựa thải 廢塑料包裝	180102	Súc rửa 冲 洗-TC		
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ dính dầu nhớt 吸水材料, 過濾材料, 廢布有黏機油, 油性防护布	180201	TĐ-HR		
10	Dung môi thải 废溶剂	170803	TĐ-HR		
11	Keo thải 废胶水	080301	TĐ-HR		
12	Pin, ắc quy chì thải 廢電池, 廢鉛	190601	Tẩy rửa 清 洗-TC		

Ghi chú:

备注:

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- 上述单价包括收集、运输、处理费用
- Bao bì chứa chất thải không hoàn trả sau khi xử lý.
- 当处理后不退还废物包装物
- Đơn giá xử lý chất thải chưa gồm thuế GTGT.
- 废物处理单价未包括增值税

ĐIỀU 3: THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM THU GOM – SĐT LIÊN HỆ THU GOM, PHẢN ÁNH

第三条: 收集时间-地点-收集、反馈电话

- Thời gian thu gom: Theo yêu cầu của Bên A. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) Bên A thông báo trước 03 ngày cho Bên B thực hiện thu gom.
收集时间: 按甲方的要求, 具体收集时间(但国定假日和星期天除外)甲方提前 03 天通知乙方进行收集,
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Một Thành Viên Gổ Thành Nghiệp - Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
- 地址:- 地址:
- Số điện thoại liên hệ phản ánh: 0916 085 739.
- 反馈电话: 0916 085 739

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第四条: 付款方式

- Dựa vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế Bên B phát hành hóa đơn tài chính và hóa đơn chất thải nguy hại cho Bên A.

- 根据实际收集的废物量，乙方发行商业发票和危险废物发票给甲方
- Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B 100% giá trị hóa đơn trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- 当收到乙方发行的增值税发票之日起 30(三十)天内甲方以汇款或现金的方式付款给乙方 100%发票价值。
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.
- 当甲方的发票信息发生变化，甲方要书面通知乙方。若甲方不通知乙方开具发票后不负责

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

第五条：双方的责任

5.1 Trách nhiệm Bên A:

甲方的责任：

- Phân loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- 按现行环境规定分类危险废物、工业废物成不同的种类。废物分类后要装入不同的容器内，不得泄露到环境，贴上废物标签并在移交给乙方之前储存在固定的区域内。
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 2, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 700.000 đ/lần.
- 按第二条的规定移交废物。若在第二条规定的废物交收日，乙方的运输车到甲方公司而甲方不移交废物给乙方，甲方要签收不移交废物，同时向法律完全负责并要支付运输费给乙方为 700.000 越盾/次
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- 在交收过程中若乙方发现甲方的危险废物混合其他废物乙方将不接受此货批。
- Khi bàn giao chất thải nguy hại Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao.
- 当移交危险废物时甲方要指派人员称量确定移交废物数量。
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- 在甲方仓库交收废物过程中安排人员、工具协助乙方。提供便利条件给乙方到现场收集废物。当乙方要求时提供有关废物的所需信息（符合合同的工作）
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 4. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại Điều 4 hợp đồng này.
- 按第四条规定支付废物处理费。若甲方不按约定期限支付，自本合同第四条规定的付款期限满之日起甲方要承受逾期付款利息（按平阳县农业与农村发展银行公布的利息）
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 依法规定的其他权利和义务

5.2 Trách nhiệm Bên B: 乙方的责任:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- 按越南现行规定关于危险废物、工业废物负责收集、运输甲方的废物并在乙方的工厂储存、处理（在平阳县槟吉市正富和坊 1B 社区）
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- 当把废物运出甲方的仓库后废物泄漏到环境要完全向法律负责。
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- 按本合同第三条约定的时间收集废物。否则，乙方要负责过期储存甲方的危险废物，被视为违约行为(但双方另行协商除外)
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- 在整个收集、运输和处理甲方按规定移交的全部废物过程中负责维持卫生、确保安全。在收集过程中所有乙方人员要遵守甲方的规章关于劳动安全、环境、卫生、保护资产。
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- 不接受报价清单范围外废物以及与报价样品性质不同性质的废物
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A, trong vòng 1 tháng (30 ngày) kể từ ngày nhận chất thải nguy hại.
- 自接收危险废物之日起 1 个月(30 天)内进行检查、确认和移交危险废物单证给甲方
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 依照法律规定的其他权利和义务

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

第六条: 暂停-终止合同的情况

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- 当本合同或合同附件失效，或双方之一违反环境法律规定，本合同自动终止。
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
- 在履约过程中若发生下列情况下乙方有权书面通知暂停收集废物给甲方:
 - + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
 - + 因甲方违反合同
 - + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
 - + 因甲方自收到发票之日起超过 30 天未付款
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + 按授权机关的要求
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
 - + 因不可抗力情况: 天灾、洪水等
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- 自乙方正式书面通知甲方之日起 15 天后乙方有权单方面终止本合同若甲方违反本合同任意内容或因甲方违反现行规定导致影响到乙方的运营活动

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- 自甲方正式书面通知乙方之日起 15 天后甲方有权单方面终止本合同若乙方违反本合同任意内容或因乙方违反现行规定导致影响到乙方的运营活动
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.
- 双方之一想提前终止本合同要提前 30 (叁拾) 天通知对方, 同时在此期间双方要对方完成合同义务。

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第七条：共同条款

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 5). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 双方承诺严格执行本合同约定的条款, 未征得双方的书面同意之前一方不得自行变更本合同的内容或单方面终止合同(但第五条第一项除外)。违约方要负责赔偿因自己违反行为遭受给守约方的损失
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án kinh tế Tỉnh Bình Dương là quyết định cuối cùng có hiệu lực buộc các Bên phải thi hành.
- 各方之间有关本合同的所有争议首先要通过友好商量和解。若商量不成, 将提起授权法院解决, 平阳省经济法院的决定是最终决定, 对双方具有约束力
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng thì hợp đồng này tự động gia hạn thêm 01 (một) năm nữa.
- 本合同期满后若双方不办理清理合同的手续, 本合同自动延期 1 (壹) 年
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 本合同一式 04(肆)份越南文, 具有双方的所有签字和公章, 各执 02(贰)份具有同等的法律价值并自签章之日起生效

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表



OU SHUNGUANG

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表



NGUYỄN VĂN HÒA

阮文和

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

.....o0o.....

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
THU GOM RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP KHÔNG NGUY HẠI
VÀ THU MUA PHẾ LIỆU
無害工業廢棄物收集和廢料採購服務合同
SỐ 編號: /2023/SGX-ĐT**

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
根據 2015 年 11 月 24 日第 91/2015/QH13 號民法及 2005 年 6 月 14 日第 36/2005/QH11 號商法 ;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
依據 2014 年 6 月 23 日第 55/2014/QH13 號環境保護法 ;
- Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
根據政府 2015 年 4 月 24 日關於廢棄物和廢料管理的第 38/2015/ND-CP 號議定 ;
- Căn cứ Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ tài nguyên môi trường về quản lý chất thải không nguy hại;
根據自然資源與環境部 2015 年 6 月 30 日關於無害廢棄物管理的第 36/2015/TT-BTNMT 通知 ;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên về việc thu gom và vận chuyển xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại.
根據雙方對無害工業廢棄物收集、運輸和處理的能力和需求。

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2023, Chúng tôi gồm có:

今日，2023 年 10 月 01 日，我們包括：

BÊN A: CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NAM PHÚ GIA

甲方：南富嘉環境處理責任有限公司

Địa chỉ: 3/56, Tổ 5, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận an, tỉnh Bình Dương.

地址：平陽省，順安市，順交坊，平順 1 區，5 組，3/56 號

Điện thoại 電話: 0908479325

Mã số thuế 稅號: 3702928972

Người đại diện: Bà LÊ THỊ LAN

代表人：黎氏蘭 女生

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

職務：總經理

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

乙方：誠業家具一人責任有限公司

Địa chỉ: Lô K1 đến K8 1 Phần K9 Lô k10 k11 Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

地址：越南·平福省·同富縣·新富鎮·K1 至 K8· 1 部分 K9 地塊 k10 k11· 北同富工業區

Mã số thuế 稅號：3801184160

Đại diện: Ông OU SHUNGUANG

代表人：OU SHUNGUANG 女生

Chức vụ : Tổng Giám đốc.

職務：總經理

Sau khi thảo luận và thỏa thuận hai bên cùng đồng ý ký kết hợp đồng thu gom và vận chuyển xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại với các điều khoản như sau:
經過討論並達成一致後，雙方同意簽訂無害工業廢棄物收集、運輸和處理合同，條款如下：

ĐIỀU 1: Nội dung hợp đồng

第一條：合同內容

- Bên A thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý các loại rác thải công nghiệp không nguy hại cho Bên B.
甲方履行服務：為乙方收集、運輸、處理無害工業廢棄物。
- Địa điểm thu gom rác thải tại địa chỉ của bên B.
垃圾收集地點位於乙方地址。
- Phương tiện vận chuyển: Xe vận chuyển bên A
運輸工具：甲方運輸車輛。
- Thời hạn hợp đồng: Thời hạn 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng
合約期限：自合同簽訂日起 1 年。
- Bên công ty bỏ gọn rác vào bịch hoặc thùng.
乙方將廢棄物放入袋子或垃圾桶中。

ĐIỀU II: Danh mục chất thải công nghiệp(CTCN) và đơn giá.

第二條：工業廢棄物 (CTCN) 清單和單價。

TT 序號	Phế liệu 廢料	Trạng thái 狀態	Mã CTN H 有害 廢棄 物代 碼	Đơn vị tính 計算單位	PP xử lý 處 理 方 式	Đơn giá (VNĐ) 單價	
						Giá xử lý 處理單 價	Giá thu mua 採購單價
01	Sắt phế liệu	Đã sử dụng 已過使用		Kg			6.500đ
02	Bọc nylon sạch 乾淨的塑膠袋	Đã sử dụng 已過使用		Kg			7.000đ
03	Dây đai 打包帶	Đã sử dụng 已過使用		Kg			3.000đ
04	Giấy thùng, carton 紙箱	Đã sử dụng 已過使用		Kg			3.000đ
05	Gỗ vụn các loại 各類碎木塊	Đã sử dụng 已過使用		Xe 3,5 tấn 3.5 噸			1.300.000đ

06	Mùn cưa, dăm bào 碎木, 木屑	Đã sử dụng 已過使用		Xe 3,5 tấn 3.5 噸		Miễn phí 免費	Miễn phí 免費
07	Chất thải công nghiệp 無害廢棄物	Đã sử dụng 已過使用		Kg		Miễn phí 免費	Miễn phí 免費

Ghi chú 備註:

- Đơn giá trên chưa bao gồm 8% VAT. 以上單價未含 8% 增值稅。

ĐIỀU 3 : Hình thức thanh toán

第 3 條 : 付款方式

- Khối lượng rác thải được xác nhận dựa trên biên bản giao nhận rác thải của hai bên
廢棄物數量；根據雙方廢棄物交付記錄確認
- Bên A thanh toán bằng tiền mặt ngay sau khi thu gom rác thải.
甲方收集廢棄物後立即以現金支付。

ĐIỀU 4 : Điều kiện thực hiện hợp đồng

第四條 : 合約履行條件

- Bên B chứa rác thải tại một vị trí nhất định, gọn gàng để Bên A thu gom rác nhanh chóng và đảm bảo vệ sinh.
乙方將廢棄物存放整齊並集中在指定的地點，以便甲方能夠快速收集垃圾並保證衛生。
- Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn khi Bên A không thu gom rác nhiều ngày làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường trong khu vực của bên B.
當甲方連續多日未來收廢棄物，影響乙方區域的環境衛生時，乙方有權提前終止合約。
- Bên A vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp đúng theo qui định về môi trường của nhà nước trong quá trình thu gom và vận chuyển xử lý.
甲方在收集、運輸和處理過程中依照國家環保規定進行工業廢棄物的運輸和處理。
- Bên B phải chuyển giao tất cả các mặt hàng phế liệu cho bên A bao gồm (sắt , bịch pe , giấy , dây đaivv) không được cho bên thứ 3 vào công ty lấy những mặt hàng liên quan đến phế liệu trong thời gian hợp đồng với bên A
乙方必須將所有廢品轉交給甲方包括 (鐵、PE 袋、紙、大包帶...等)，並且在與甲方的合同期間不得允許第三方進入乙方收取與廢品相關的物品
- Nếu bên A phát hiện hàng hóa bên B vận chuyển ra bên ngoài mà không phải đơn vị bên A thu gom thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất và chi phí theo quy định của pháp luật.
如果甲方發現乙方的貨物運送到外面，但不是甲方單位收取，乙方須依法負責賠償損失及費用。
- Phí thu gom rác thải có thể thay đổi trong thời hạn thực hiện hợp đồng và phải được sự đồng ý của hai bên bằng văn bản hoặc phụ lục hợp đồng.
廢棄物收集費用在合約期限內可能會發生變動，必須由雙方以書面或在合同附錄中達成協議。

72 - C.
G TY
HH
TRUỒI
HÚ GIA
T. BÌNH

34160.
G TY
MTV
NGHIỆ
T. BÌNH

- Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên A khi ra vào công ty của bên B phải chịu sự kiểm tra, giám sát của bên B và thực hiện đúng quy định của bên B.
甲方的交通車輛和人員進出乙方公司必須接受乙方的檢查和監督，並遵守乙方的規定。
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi công ty của bên B. Bên A phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.
廢棄物運出乙方公司後如果洩漏到環境中，甲方必須嚴格遵守登記和許可規定，依照法律規定收集、運輸和處理廢棄物，並承擔法律責任。

ĐIỀU 5 : Điều khoản chung

第 5 條：一般條款

- Hai bên cùng thực hiện đúng các điều khoản đã ghi rõ trong hợp đồng.
雙方必須遵守合同中明確規定的條款。
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh trở ngại thì hai bên cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.
合同履行過程中，如出現任何障礙，雙方將本著互利合作的精神，共同協商解決。
- Nếu quá trình thương lượng không thống nhất thì tòa án là nơi sẽ giải quyết theo pháp luật, án phí bên thua phải chịu hoàn toàn.
如果協商過程無法達成一致，則將由法院依法解決，敗訴方必須承擔所有法律費用。
- Bên A không chịu trách nhiệm thu gom và vận chuyển chất thải bùn cống
甲方不負責收集和運輸：污水泥
- Khi hợp đồng hết hạn và hai bên không còn nợ nhau thì Hợp đồng xem như tự thanh lý và không còn giá trị pháp lý.
當合同到期且雙方不再相互欠債時，合同被視為自行清算，不再具有法律效力。
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành hai bản mỗi bên giữ một bản có giá trị pháp lý như nhau.
本合同自簽訂日起生效，一式兩份，雙方各執一份，具有同等法律價值。

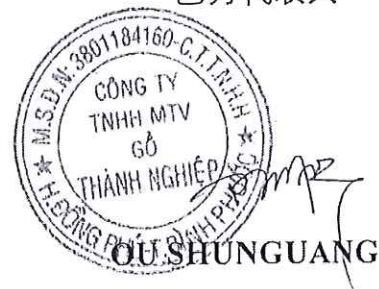
ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 2125...../2023/5-6.038.VX					
1. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng Mã số QLCTNH: 5-6.038.VX Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC. Chánh Nghĩa, P. Chánh Nghĩa, TP. TDM, Bình Dương. ĐT: 0274.2461222 Địa chỉ cơ sở: KLH xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Kp 1B, Chánh Phú Hòa, Bến Cát, BD ĐT: 0274.3543.843							
2. Chủ xử lý CTNH 2:Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): Địa chỉ văn phòng:ĐT: Địa chỉ cơ sở:ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, Lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, Tân Phú, Đồng Phú, Bình Phước ĐT: Địa chỉ cơ sở: Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, Lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, Tân Phú, Đồng Phú, Bình Phước ĐT:							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		X		070305	-	TĐ-HR
2	Cặn sơn thải	X	X		080101	40	TĐ-HR
3	Hộp mực in thải	X			080204	-	TĐ-HR
4	Bóng đèn huỳnh quang	X			160106	30	Nghiên -HR
5	Dầu nhớt thải	X			170204	-	TĐ-HR
6	Bao bì mềm thải	X			180101	700	TĐ-HR
7	Bao bì kim loại thải	X			180102	70	Súc rửa -TC
8	Bao bì nhựa thải	X			180103	300	Súc rửa -TC
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ dính dầu nhớt	X			180201	200	TĐ-HR
10	Dung môi thải		X		170803	-	TĐ-HR
11	Keo thải	X	X		080301	80	TĐ-HR
12	Pin, ắc quy chì thải	X			190601	-	Tẩy rửa -TC
Tổng Cộng						1420	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Số hiệu phương tiện:61C18949.....Nguyễn Văn Tân.....Ký:Ngày 26 tháng 10 năm 2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:Ký:Ngày tháng năm 2023							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Phước, ngày 26 tháng 10 năm 2023				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu) Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2023			
							
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1□ - 2□ 3□ - 4□							

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

SỐ

1: BÊN GIAO (chủ nguồn thải chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, một phần K9, Lô K10, K 11, KCN Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng phú, tỉnh Bình phước

SỐ ĐIỆN THOẠI: 028.3898 2224

MÃ SỐ THUẾ: 3801184160

2: BÊN NHẬN (chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý) **CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NAM PHÚ GIA**

Địa chỉ văn phòng: 3/56, tổ 5, khu phố Bình Thuận 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI: 84908479325

MÃ SỐ THUẾ: 3702928972

3: Khối lượng :CTRCNTT chuyển giao

Biển Số Xe 62H-01941.....

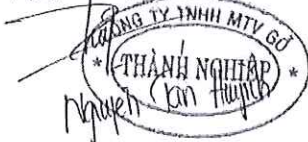
STT	CÁC LOẠI CHẤT THẢI	CTRCNTT chuyển giao	GHI CHÚ
1	Chất thải xử lý		
2	Rác công nghiệp	950 kg	
3			
4			
5			
6			
	TỔNG	950kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình. Phước..., ngày.../...tháng.../...năm 2023

Bên giao

(ký ghi rõ họ tên)


CÔNG TY TNHH MTV GỖ
THÀNH NGHIỆP
Nguyễn Văn Thuận

Bình. Phước..., ngày.../...tháng.../...năm 2023

Bên nhận

(ký ghi rõ họ tên)


Lam

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
SỐ

1: BÊN GIAO (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**

Địa chỉ văn phòng: 3/56, tổ 5, khu phố Bình Thuận 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI: 028.3898.2224

MÃ SỐ THUÊ: 3801184160

2: BÊN NHẬN (chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý) **CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NAM PHÚ GIA**

Địa chỉ văn phòng: 3/56, tổ 5, khu phố Bình Thuận 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI: 84908479325

MÃ SỐ THUÊ: 3702928972

3: Khối lượng :CTRCNTT chuyển giao

Biển Số Xe 62H-01941

STT	CÁC LOẠI CHẤT THẢI	CTRCNTT chuyển giao	GHI CHÚ
1	Chất thải xử lý	1	
2	Rác công nghiệp	1250 kg	
3			
4			
5			
6			
	TỔNG	1250 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Bên giao
(ký ghi rõ họ tên)




Bình Phước, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Bên nhận
(ký ghi rõ họ tên)



BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
SỐ



1: BÊN GIAO (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**

Địa chỉ văn phòng: 10/10, một phần K9, Lô K10, K 11, KCN Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

SỐ ĐIỆN THOẠI: 028 3898 2224

MÃ SỐ THUẾ: 3801184160

2: BÊN NHẬN (chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý) **CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NAM PHÚ GIA**

Địa chỉ văn phòng: 3/56, tổ 5, khu phố Bình Thuận 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI: 84908479325

MÃ SỐ THUẾ: 3702928972

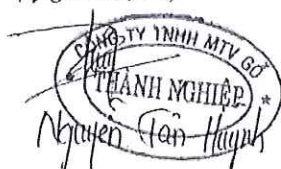
3: Khối lượng :CTRCNTT chuyển giao

Biển Số Xe 62H-01911

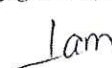
STT	CÁC LOẠI CHẤT THẢI	CTRCNTT chuyển giao	GHI CHÚ
1	Chất thải xử lý	\	
2	Rác công nghiệp	860 kg	
3			
4			
5			
6			
	TỔNG	860 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 30 tháng 10 năm 2023
Bên giao
(ký ghi rõ họ tên)


CÔNG TY TNHH MTV GỖ
THÀNH NGHIỆP

Bình Phước, ngày 30 tháng 10 năm 2023
Bên nhận
(ký ghi rõ họ tên)



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
THẢO DƯƠNG XANH
MST: 3800769008
Địa chỉ: Xã Tân Quan, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.ĐT: 0271.3708900

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số /2023-TDX/BBCN

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT.....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

Biển số xe: 93H-02279

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	870 kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	870 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2023

Bên giao

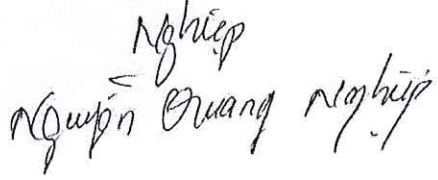
(Ký ghi rõ họ tên)


CÔNG TY TNHH MTV GỖ
THÀNH NGHIỆP

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2023

Bên nhận

(Ký ghi rõ họ tên)


Nguyễn Quang Nghiệp

TỈNH
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
BÌNH PHƯỚC XANH
MST: 3800769008
Địa chỉ: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước.ĐT: 0271.3708900

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số /2023-TDX/BBCN

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

Biển số xe: 93H-02279

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	600 kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	600 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bên giao

(Ký ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP
Nguyễn Văn Huỳnh

Bình Phước, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bên nhận

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Nghiệp

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số /2023-TDX/BBCN

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

Biển số xe: 93H-02279

STT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	1370 kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	1370 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

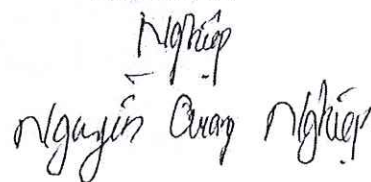
Bình Phước, ngày 13 tháng 08 năm 2023

Bên giao
(Ký ghi rõ họ tên)


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Bình Phước, ngày 13 tháng 08 năm 2023

Bên nhận
(Ký ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Hùng

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

Biên số xe: 93H-02279

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	1110 Kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	1110 Kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 07 tháng 09 năm 2023

Bên giao

(Ký ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Huỳnh

Bình Phước, ngày 07 tháng 09 năm 2023

Bên nhận

(Ký ghi rõ họ tên)

Nghiep
Nguyễn Quang Nghiệp

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT.....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

Biển số xe: 93H-02279

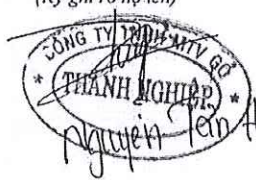
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	1420 Kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	1.420 Kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 17 tháng 06 năm 2023

Bên giao

(Ký ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tiến Hưng

Bình Phước, ngày 17 tháng 06 năm 2023

Bên nhận

(Ký ghi rõ họ tên)

Nghiep
Nguyễn Quang Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THẢO DƯƠNG XANH
MST: 3800769008
Đ/c: Xã Lách, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước. ĐT: 0271.3708.900

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số /2023-TDX/BBCN

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

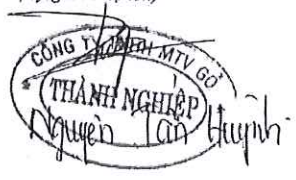
Biển số xe: 93H-02279

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	1250 Kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	1250 Kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

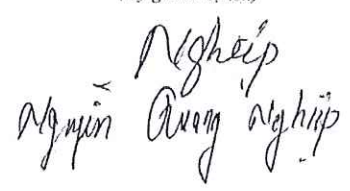
Bình Phước, ngày 12 tháng 05 năm 2023

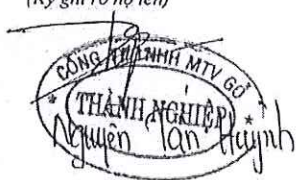
Bên giao
(Ký ghi rõ họ tên)

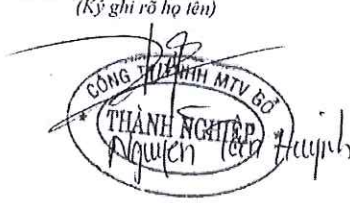


Bình Phước, ngày 12 tháng 05 năm 2023

Bên nhận
(Ký ghi rõ họ tên)



TỈNH BÌNH PHƯỚC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH MST: 3800769008 Địa chỉ: Xã Tân Quan, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước - ĐT: 0271.3708900	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số /2023-TDX/BBCN		
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT:			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900 Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao Biển số xe: 93H-02279			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	1700 kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng	1700 kg	
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Bình Phước, ngày 08 tháng 04 năm 2023 Bên giao (Ký ghi rõ họ tên) 		Bình Phước, ngày 08 tháng 04 năm 2023 Bên nhận (Ký ghi rõ họ tên) nghiệp Nguyễn Quang nghiệp	

TỈNH BÌNH PHƯỚC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH MST: 3800769008 Kê khai, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước - ĐT: 0271.3708900	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số /2023-TDX/BBCN		
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT:			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900 Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, Bình Phước. ĐT: 0271.3708900			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao Biển số xe: 93H-02279			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp	730 Kg	
2			
3			
4			
5			
	Tổng		
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2023 Bên giao (Ký ghi rõ họ tên)  		Bình Phước, ngày 13 tháng 03 năm 2023 Bên nhận (Ký ghi rõ họ tên) Nguyễn Dương Nghiệp	

Số: 31/HĐXLNT

Bình Phước, ngày 30 tháng 9 năm 2022

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa XI;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ vào nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 6 tháng 8 năm 2014 về việc thoát nước và xử lý nước thải

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải

Căn cứ thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Căn cứ Quyết định số: 206/QĐ-BDP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trong KCN Bắc Đồng Phú;

Căn cứ vào hợp đồng thuê lại đất số: 09/2018/HĐ-BDP ngày 19/9/2018 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận đầu nối số 36/TTĐN ngày 19/9/2022 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Văn phòng Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên nhận xử lý:(gọi tắt là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ.

Người đại diện: Ông **Phạm Phi Điền**

- Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Trụ sở: Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Số điện thoại: 02713.833833.

Số Fax: 02713.833838.

MST: 3800565639.

Tài khoản: 65510000045679 Tại ngân hàng đầu tư phát triển tỉnh Bình Phước

2. Bên thoát nước:(gọi tắt là Bên B): CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

- Đại diện là Ông: **OU SHUNGUANG**

- Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ thuê đất: Lô K1-K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Mã số thuế: 3801184160

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những điều khoản và điều kiện quy định như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Định nghĩa nước thải: Nước thải là nước được thải ra sau khi đã sử dụng, là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác (nước thải từ dịch vụ hàng ăn, nước rửa xe, rửa sân khu vực chợ...).

1.2. Bên A nhận xử lý nước thải của Bên B đã được xử lý đạt tiêu chuẩn Cột B (quy chuẩn QCVN 40:2011 theo quy định tại thông tư 47/2011/TT—BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ tài nguyên môi trường hoặc quy định thay thế khi Thông tư này hết hiệu lực) từ nhà máy của Bên B vào hệ thống cống thu gom nước thải dẫn đến nhà máy xử lý nước thải KCN Bắc Đồng Phú để xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra điểm xả thải.

Điều 2: Điểm đầu nối

2.1. Bên B phải tự xây dựng điểm đầu nối (hố ga đầu nối) tại vị trí bên ngoài hàng rào của Doanh nghiệp theo đúng Quy định của Bên A theo mẫu điển hình có đặc điểm như sau: tường hố ga bằng bê tông. nắp dẹt hố ga dạng lưới thép có gắn khóa, phía trong hố ga lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và van (Đồng hồ phải được kiểm định của đơn vị có chức năng). Bên B chịu trách nhiệm bảo quản, sửa chữa, bảo trì hố ga đầu nối và các thiết bị kèm theo trong suốt quá trình hoạt động xả thải.

2.2. Khi bên A bắt đầu tiếp nhận nguồn nước thải từ bên B thì Bên B bàn giao đồng hồ nước, van khóa và ổ khóa cho Bên A quản lý để tiện phục vụ cho việc kiểm tra chất lượng và lưu lượng nước thải của Bên B.

Điều 3: Chất lượng nước thải của Bên B.

Nước thải của Bên B phải xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn Cột B (quy chuẩn QCVN 40:2011 theo quy định tại thông tư 47/2011/TT—BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ tài nguyên môi trường) trước khi thải vào hệ thống cống thu gom của khu công nghiệp. Nếu nước thải vượt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu bị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A

4.1.1. Chịu trách nhiệm tiếp nhận nước thải của Bên B đạt tiêu chuẩn Cột B, QCVN 40:2011 và xử lý đạt tiêu chuẩn Cột A, QCVN 40:2011 theo quy định trước khi cho thải ra điểm xả thải.

4.1.2. Cung cấp đầy đủ các hóa đơn chứng từ cho bên B. Hàng tháng, bên A phải phát hành thông báo thu phí đến bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc đầu tiên của tháng.

4.1.3. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận nước thải của Bên B khi Bên B không thực hiện việc thanh toán được quy định tại Điều 5 cho Bên A trong thời hạn 50 (năm mươi) ngày kể từ ngày phát hành thông báo thu phí.

4.1.4. Bên A có quyền kiểm tra định kỳ và bất thường các chỉ tiêu đầu ra nước thải của Bên B theo các quy định pháp luật do các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường ban hành và quy định Bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

4.1.5. Báo cho bên B biết khi nguồn nước thải của bên B vượt tiêu chuẩn tiếp nhận của bên A để bên B khắc phục kịp thời.

4.1.6. Bảo quản an toàn cho hố ga và van khóa bên B đã bàn giao cho bên A.

4.1.7. Thực hiện đóng phí xả thải.

4.2. Quyền và nghĩa vụ Bên B.

4.2.1. Phải đảm bảo các chỉ tiêu đầu ra của nước thải đạt Cột B như đã cam kết tại Điều 3 của hợp đồng này.

4.2.2 Trong quá trình hoạt động nếu các chỉ tiêu đầu ra nước thải của Bên B vượt tiêu chuẩn như Điều 3 thì Bên B phải giữ lại nước thải bên trong hệ thống của mình và chịu trách nhiệm xử lý đạt yêu cầu mới được xả ra để không gây ảnh hưởng đến thiết bị của hệ thống xử lý nước thải của Bên A.

4.2.3 Bên B phải cung cấp đầy đủ cho Bên A giấy kiểm nghiệm tiêu chuẩn nước thải của bên B (theo kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan chức năng phê duyệt).

4.2.4 Nếu Bên B không tạo điều kiện hoặc không hợp tác theo Điều 4.1.4 của Hợp đồng này thì Bên A có quyền từ chối tiếp nhận nước thải của Bên B.

4.2.5 Khi đi chốt chỉ số lưu lượng nước thải bên A phải thông báo cho bên B và hai bên cùng tiến hành chốt lưu lượng nước thải hàng tháng. Sau khi chốt lưu lượng nước thải thì hai bên ký vào biên bản xác định khối lượng nước thải hàng tháng do bên A cung cấp, mỗi bên lưu giữ 2 bản để làm căn cứ khi thanh toán.

4.2.6 Thanh toán cho Bên A các chi phí như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

4.2.7 Nếu van khóa tại hố ga đầu nối và Đồng hồ đo lưu lượng bị hỏng không phải do bên A gây ra thì bên B phải khắc phục sửa chữa hoặc thay mới trong thời gian sớm nhất. Trong thời gian khắc phục hoặc sửa chữa, lượng nước thải trong tháng đó sẽ được tính bằng trung bình của 3 tháng gần nhất và bên B phải có biên bản xác nhận sự cố hư hỏng thiết bị cho bên A.

4.2.8. Bên B cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Nếu bên B vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường mà dẫn đến bên A bị phạt thì bên B sẽ chịu trách nhiệm trả tiền phạt vi phạm theo các văn bản của cơ quan kiểm tra chức năng nhà nước cho bên A với số tiền tương ứng mà bên A bị phạt, việc xác định vi phạm phải đúng thời điểm và được xác nhận của 02 bên.

Điều 5: Phí thoát nước, phương thức thanh toán

5.1. Phí thoát nước:

5.1.1. Đơn giá xử lý: 6.999 VND/m³. Bằng chữ: Sáu nghìn chín trăm chín mươi chín đồng trên một mét khối nước thải, giá này chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

Đơn giá xử lý nước thải sẽ tăng 10% sau mỗi 05 (năm) năm kể từ ngày hợp đồng thuê đất có hiệu lực (19/9/2018)

5.1.2. Cách xác định lưu lượng nước thải phát sinh hàng tháng.

Lưu lượng nước thải phát sinh hàng tháng căn cứ vào chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước thải của Công ty.

5.1.3. Phí xử lý thoát nước thải được xác định hàng tháng bằng cách sau: Lưu lượng nước thải phát sinh (điều 5.1.2) nhân với đơn giá xử lý nước thải (điều 5.1.1).

5.2. Phương thức thanh toán:

5.2.1 Bên B thanh toán cho Bên A chi phí xử lý nước thải hàng tháng được xác định tại Điều 5.1 và các khoản phạt tại Điều 6.1 của Hợp đồng này (nếu có).

5.2.2 Bên A sẽ gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán phí xử lý nước thải của tháng đó (gồm Biên bản xác nhận khối lượng nước thải hàng tháng, giấy đề nghị thanh toán) cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày đầu của tháng sau. Bên B sẽ thanh toán cho Bên A chi phí xử lý trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán.

20631
NG TY
PHÁT
ÔNG N
ĐỒNG

HỮU

311841
CÔNG
TNHH
GI
HÀNH
G PHÚ

Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên A nêu dưới đây:

- Tên tài khoản ngân hàng: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú
- Số tài khoản: 65510000045679
- Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển chi nhánh tỉnh Bình Phước.

Sau khi bên B thực hiện thanh toán, Bên A sẽ xuất hóa đơn cho bên B trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày bên A nhận được khoản phí do bên B thanh toán.

Quá thời hạn trên mà Bên B chưa thanh toán, Bên B phải trả thêm tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên A với lãi suất 1%/tháng trên tổng số tiền phải trả nhân với số ngày chậm trễ. Thời điểm tính lãi suất từ ngày thứ 31 (ba mươi mốt) sau khi phát hành thông báo thu phí. Trong mọi trường hợp, việc thanh toán chậm trễ quá 50 (năm mươi) ngày thì Bên A có quyền từ chối tiếp nhận nước thải theo quy định tại Điều 4.1.3.

Điều 6: Xử lý vượt chỉ tiêu ô nhiễm

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Bên B gặp sự cố dẫn đến nước thải không đạt tiêu chuẩn theo Điều 3 thì Bên B phải khắc trong vòng 20 ngày kể (kể từ ngày phát hiện hệ thống không đạt tiêu chuẩn Cột B QCVN 40:2011) Đồng thời bên B phải trả thêm tiền xử lý nước thải cho bên A:

6.1. Cách tính chi phí xử lý nước thải khi các chỉ tiêu vượt quy định.

- Công thức tính khi vượt Cột B, QCVN 40:2011:

$$F_1 = f \times V \times K_T$$

Trong đó:

f : Đơn giá xử lý được xác định theo mục 5.1.1

V : Thể tích nước thải trong thời gian xảy ra sự cố (đơn vị tính m³), được tính như sau: Tại thời điểm bất kỳ Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu nước thải đầu ra của Bên B, nếu nước thải vượt Cột B, QCVN 40:2011 thì bên A sẽ tiến hành lập biên bản xác nhận và chốt chỉ số nước thải hoặc nước sạch từ thời điểm này (biên bản được lập với sự chứng kiến của 2 bên và cùng đồng ý ký vào biên bản).

K_T: Hệ số điều chỉnh, phụ thuộc vào nồng độ chất gây ô nhiễm được xác định theo các chỉ tiêu trong QCVN 40:2011 phân tích tại phòng thí nghiệm của Bên A, hoặc tại đơn vị Trung tâm quan trắc tài nguyên môi trường thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước

Nồng độ ô nhiễm	Hệ số K _T
Nhỏ hơn hoặc bằng 1 lần cột B, QCVN 40:2011	1
Nhỏ hơn hoặc bằng 1.5 lần cột B, QCVN 40:2011 và lớn hơn 1 lần cột B, QCVN 40:2011	1.5
Nhỏ hơn hoặc bằng 2 lần cột B, QCVN 40:2011 và Lớn hơn 1.5 lần cột B, QCVN 40:2011	2

- Lưu ý: Hệ số K_T được tính với tất cả các chỉ tiêu trong QCVN 40:2011 của Bộ tài nguyên và môi trường (bất kỳ một chỉ tiêu nào trong QCVN 40:2011 vượt cột B đều bị xử lý vượt chỉ tiêu ô nhiễm).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong thời gian khắc phục, cải tạo lại hệ

thống xử lý nước thải, bên A sẽ tiếp nhận nước thải sau xử lý của bên B có chỉ tiêu BOD₅ không vượt quá 400 mg/l, chỉ tiêu COD không vượt quá 600 mg/l, chỉ tiêu TSS không vượt quá 400 mg/l, chỉ tiêu amoni không vượt quá 45 mg/l, chỉ tiêu N không vượt quá 40 mg/l, tất cả các chỉ tiêu còn lại phải đạt tiêu chuẩn loại B theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Trường hợp nước thải của bên B vượt tiêu chuẩn như điều 3 thì bên B phải thực hiện xả thải có kiểm soát : Bên B phải báo cáo các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn xả thải, báo cáo thời gian sẽ xả thải lượng nước này vào hệ thống xử lý khu công nghiệp (không được xả thải vào ban đêm hoặc lúc trời mưa) để bên A chủ động tiếp nhận và xử lý từng trường hợp cụ thể. Nếu bên A phát hiện Bên B xả thải vượt tiêu chuẩn mà không báo cáo thì Bên A có quyền từ chối tiếp nhận nước thải của Bên B bằng cách đóng van tiếp nhận nước thải, bên B phải chịu trách nhiệm lưu giữ, xử lý lượng nước thải phát sinh và tự chịu trách nhiệm theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Nếu bên B vi phạm các điều khoản trên thì bên A từ chối tiếp nhận nguồn nước thải phát sinh của bên B bằng cách khóa van đầu nối cho đến khi bên B khắc phục triệt và hệ thống bên B hoạt động ổn định các thông số đạt **Cột B QCVN 40:2011**.

Lưu ý: Trong trường hợp về nước thải của bên B không đạt tiêu chuẩn Cột B QCVN 40:2011 mà không ảnh hưởng đến môi trường và được phép xả thải thì phải có sự đồng ý của cơ quan chức năng thì cách tính phí xử lý nước thải khi các chỉ tiêu vượt quy định không áp dụng

Điều 7: Xử lý các vấn đề nước mưa liên quan.

Nếu phát hiện có nước thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp hoặc có nước chảy ra từ hệ thống thoát nước mưa vào vị trí đầu nối nước mưa trong lúc trời không mưa, thì bên B phải ngưng ngay việc xả thải không đúng quy định này, song song đó bên A sẽ lập biên bản nhắc nhở bên B tối đa 01 lần. Trường hợp tái phạm (vi phạm quá 01 lần) thì bên A sẽ tiến hành lập biên bản vi phạm và ngay lập tức báo cáo sự việc cho các cơ quan quản lý nhà nước để tiến hành làm việc.

Nếu bên B để nước thải chảy vào hệ thống nước mưa chung của Khu công nghiệp mà bị các cơ quan chức năng phát hiện và xử lý vi phạm thì bên B phải tự chịu toàn bộ trách nhiệm.

Điều 8: Xử lý các trường hợp khác.

8.1. Bên B cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Nếu bên B vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường mà dẫn đến bên A bị phạt thì bên B sẽ chịu trách nhiệm trả tiền phạt vi phạm theo các văn bản của cơ quan kiểm tra chức năng nhà nước cho bên A với số tiền tương ứng mà bên A bị phạt.

8.2. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Bên B phải tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo luật pháp hiện hành về xả thải khí thải, bụi,... và chất lượng môi trường xung quanh. Trường hợp trong quá trình hoạt động sản xuất mà Bên B làm phát sinh khói bụi, gây ô nhiễm môi trường hoặc xả thải khí thải không đạt quy chuẩn cho phép, chất lượng môi trường xung quanh không đảm bảo làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp lân cận thì:

- Nếu phát hiện lần đầu thì bên A sẽ tiến hành lập biên bản nhắc nhở bên B.
- Trường hợp tái phạm (vi phạm quá 01 lần) thì bên A sẽ tiến hành lập biên bản vi phạm và báo cáo sự việc cho cơ quan quản lý nhà nước.

8.3. Thời gian và số lượng mẫu nước thải cần lấy trong kiểm tra định kỳ và bất thường các chỉ tiêu đầu ra nước thải của Bên B được xác định cụ thể như sau:

a. Thời gian lấy mẫu bất thường: Khi bên A yêu cầu bằng cách gọi điện thoại thì bên B phải có mặt sau 10 phút. Trường hợp bên B không có mặt tại vị trí lấy mẫu theo quy định trên thì bên A sẽ khóa van nước thải đầu ra của bên B, không cho thải vào hệ thống của bên A cho đến khi bên B có mặt để lấy mẫu.

b. Số lượng mẫu: lấy 02 mẫu; 01 mẫu được phân tích tại phòng thí nghiệm của bên A và 01 mẫu được lưu giữ tại phòng thí nghiệm của Bên A (được 02 bên cùng ký làm dấu và niêm phong).

8.4. Trường hợp Bên B không chấp nhận kết quả phân tích tại phòng thí nghiệm của bên A thì bên B có thể gửi mẫu còn lại (được lưu giữ tại phòng thí nghiệm của bên A) đến Trung tâm quan trắc tài nguyên môi trường thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước hoặc đơn vị có chức năng được hai bên thống nhất để phân tích. Nếu kết quả phân tích có một hoặc nhiều hơn một trong những chỉ tiêu vượt Cột B, QCVN40:2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Bên B sẽ phải chi trả chi phí phân tích này.

8.5. Trường hợp đồng hồ bị kẹt số, hư hỏng không lên số thì hai bên tiến hành lập biên bản xác nhận tình trạng hư hỏng của đồng hồ. Số lượng nước thải trong thời gian đồng hồ bị sự cố sẽ được xác định bằng số ngày đồng hồ bị sự cố nhân với lưu lượng trung bình ngày được tính bằng lưu lượng của tháng trước đó.

8.6. Xe đưa đón cán bộ công nhân viên Bên B không được dừng, đỗ trên vỉa hè, hành lang đi bộ của Khu công nghiệp. Nếu vi phạm lần 01 thì bên A lập biên bản và nhắc nhở, nếu vi phạm lần 02 thì bên A sẽ không cho xe vi phạm đỗ trong Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, (Trong quá trình lập biên bản phải có đại diện tổ chức hành chánh hoặc bộ phận quản lý xe của bên B ký tên trong biên bản), người điều khiển phương tiện và tổ chức vi phạm phải nghiêm túc thực hiện.

Bên B có trách nhiệm nhắc nhở cán bộ công nhân viên bỏ rác đúng nơi quy định, không được vứt rác bừa bãi ra đường trong quá trình vào ra ca, tại vị trí chốt trực bảo vệ của bên B, Hàng rào các tuyến đường với Khu công nghiệp.

8.7. Bên B có trách nhiệm phải tự quản lý rác, để thùng rác bên trong phạm vi sử dụng đất của Doanh nghiệp (cụ thể là bên trong vạch vàng) vào khoảng 20 giờ hoặc khi có xe thu gom thì đem ra sát đường cho đơn vị thu gom rác vận chuyển.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng

9.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

9.2. Hợp đồng sẽ hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

Hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

Bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này gây thiệt hại nghiêm trọng cho Bên A và vụ việc trên không thể giải quyết qua thương thảo. Khi đó, Bên B phải chi trả bồi thường với giá trị tương ứng với phần tổn thất phát sinh do việc vi phạm trên gây ra;

Bên B không thể tiếp tục hoạt động do bị truy cứu trách nhiệm làm tổn hại đến an ninh chính trị quốc gia Việt Nam;

Trường hợp bất khả kháng mang tính khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên dẫn đến một bên hoặc hai bên không thể hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này;

Hợp đồng thuê lại đất hết hiệu lực.

Điều 10: Điều khoản chung

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng. Không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Nếu có khó khăn trở ngại, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu hai bên không thể giải quyết các khó khăn phát sinh thì vấn đề sẽ được đưa ra Tòa án tỉnh Bình Phước giải quyết. Phán quyết của Tòa án Bình Phước là chung cuộc có hiệu lực đối với hai bên. Bên vi phạm phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến trình tự tố tụng.

10.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng này gồm Phiếu thu thập thông tin và khảo sát địa điểm lắp đặt điểm đầu nối và các văn bản xác nhận nghiệm thu đầu nối.

10.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này nếu một trong hai bên thấy cần bổ sung hoặc chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế thì cùng nhau bàn bạc và thống nhất để ký phụ lục bổ sung các điều khoản cần bổ sung hoặc thay đổi.

10.4. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ ba (03) bản.

Đại diện Bên A



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Phi Diệu

Đại diện Bên B



OU SHUNGUANG



Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG ĐẤU NỔI

Hôm nay, vào lúc 9h30 ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại vị trí đường D5 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, chúng tôi tiến hành bàn giao vị trí mặt bằng xây dựng hồ ga nước thải như sau:

1. Đại diện Bên A: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú

Ông: Nguyễn Việt Khanh

– Chức vụ: T. Phòng CN – MT

Ông: Phan Đức Trí

– Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

2. Đại diện Bên B: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Ông/Bà:

– Chức vụ:

Ông/Bà:

– Chức vụ:

3. Nội dung bàn giao:

Các bên cùng thống nhất bàn giao một số nội dung sau:

Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú bàn giao vị trí mặt bằng và quy cách xây dựng hồ ga nước thải cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp theo 2 bản vẽ cụ thể như sau:

- + Bản vẽ mặt bằng vị trí xây hồ ga nước thải (theo bản vẽ đính kèm).
- + Bản vẽ hồ ga nước thải (theo bản vẽ đính kèm).
- + Vị trí hồ ga đầu nổi: HT7 (đường D5, KCN Bắc Đồng Phú).

Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp phải xây dựng đúng quy cách, kích thước hồ ga mà Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú đã gửi.

Người kiểm tra và giám sát công tác xây dựng hồ ga và đầu nổi:

Ông: Phan Đức Trí

Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

Biên bản này là cơ sở để xây dựng và nghiệm thu hồ ga, nếu xây dựng sai quy cách trong bản vẽ đính kèm mà không được sự đồng ý của Phòng Công nghiệp Môi trường thì sau này không được nghiệm thu đầu nổi nước thải.

Trong quá trình xây dựng hồ ga đầu nổi Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Biên bản kết thúc vào lúc 10h30 phút cùng ngày. Biên bản này được 02 bên thống nhất và thông qua, lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP
BẮC ĐỒNG PHÚ

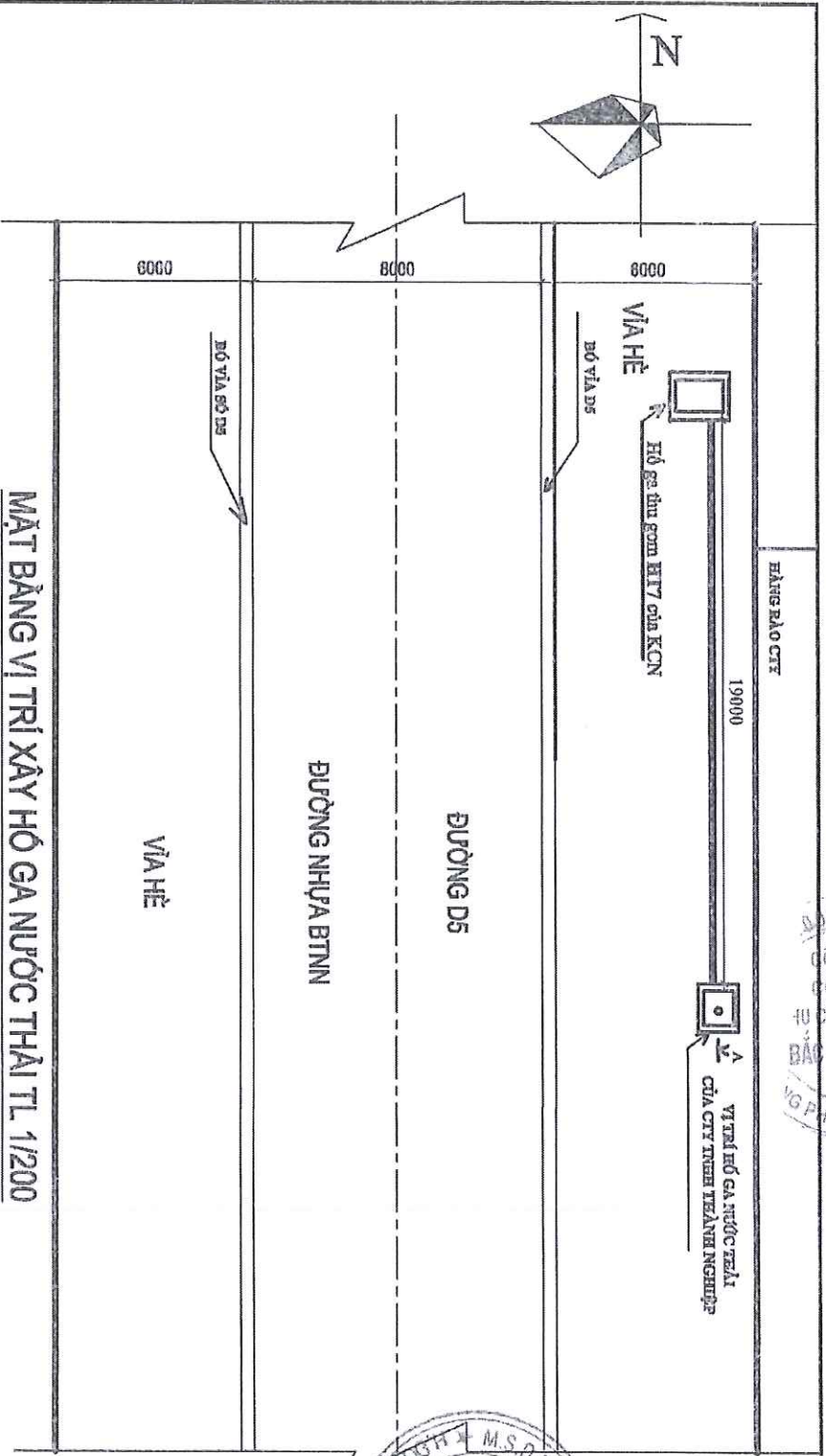
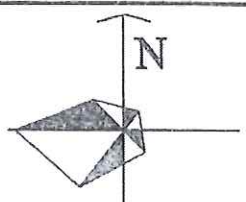

Nguyễn Việt Khanh

CÔNG TY TNHH MTV
GỖ THÀNH NGHIỆP

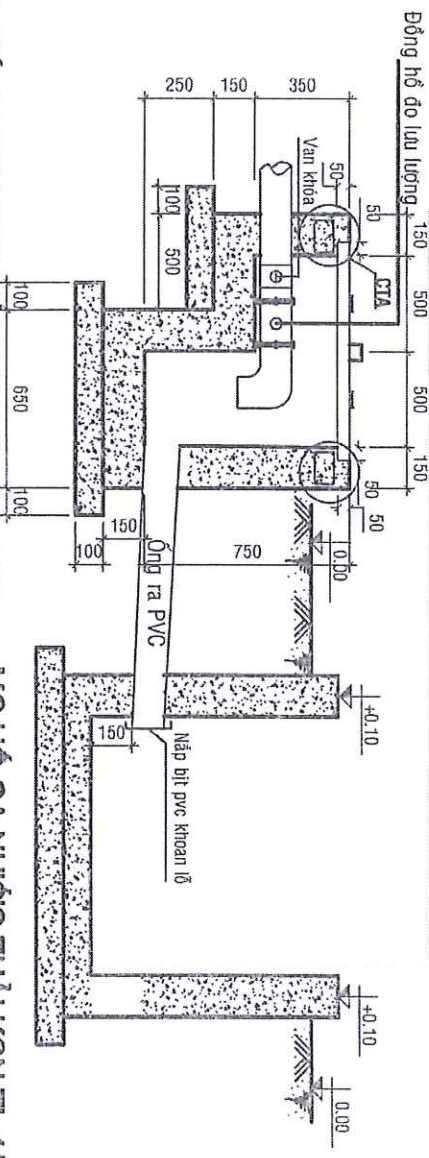


OU SHUNGUANG

5506
CÔNG TY TNHH MTV/GỖ THÀNH NGHIỆP
CHỖ ĐÓNG CHẤM
TU CÔNG TY TNHH MTV/GỖ THÀNH NGHIỆP
BẮC CẦN GIANG
V. PH. H. B.

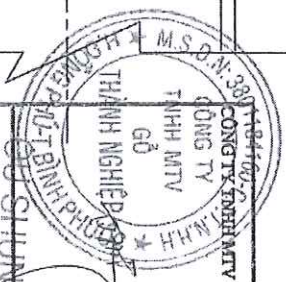


MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY HỐ GA NƯỚC THẢI TL 1/200



MCA - A HỒ GA NT MTV THÀNH NGHIỆP TL 1/10

MCH HỒ GA NƯỚC THẢI KCN TL 1/10



ÔNG SI HANGUANG
CÔNG TY CP KCN BẮC ĐÔNG PHÚ
PHÒNG CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

Handwritten signature of the project manager.

NGUYỄN VIỆT KHANH

THIẾT KẾ

Handwritten signature of the designer.
PHẦN ĐỐC TRỊ

CÔNG TRÌNH: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐÔNG PHÚ
HÀNG MŨC: HỒ GA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY HỒ
GA NƯỚC THẢI

HOÀN THÀNH:	BVCN	01
04 - 2022		01

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI

SỐ: 36/NTĐN

Công trình: Hệ thống thoát nước thải Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Hạng mục: Hồ ga đầu nối, van và đồng hồ đo lưu lượng

Hôm nay, vào lúc 8h00 ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp, chúng tôi gồm có:

+ Đại diện: Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (Bên A)

Ông: Phan Văn Trinh

– Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc

Ông: Nguyễn Việt Khanh

– Chức vụ: T. Phòng CN – MT

Ông: Phan Đức Trí

– Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

+ Đại diện: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp (Bên B)

Ông: OU SHUN GUANG

– Chức vụ: Giám đốc

Ông: GONG JIA BING

– Chức vụ: Hiệp lý

I/ Nội dung làm việc:

Chúng tôi tiến hành kiểm tra và xác nhận tại hồ ga đầu nối nước thải giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp như sau:

1. Phần xây dựng:

- Đã thi công hoàn thiện phần hồ ga đầu nối theo thỏa thuận đầu nối ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

2. Phần thiết bị và hồ sơ:

- Đã lắp đặt 1 van cổng DN80, 1 đồng hồ đo lưu lượng DN80.

- Công văn số 02/TN.22 về việc xin chấp thuận đầu nối nước thải ngày 13/9/2022 của Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

- Kết quả thử nghiệm số: 2022.693/KQ-EUC ngày 04/8/2022 của Công ty TNHH Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp, lấy mẫu ngày 25/7/2022. Lấy mẫu nước thải sau xử lý.

II/ Kết luận:

Bên A đồng ý tiếp nhận nguồn nước thải của bên B theo tiêu chuẩn cột B QCVN40:2011/BTNMT tại hồ ga đầu nối thoát nước thải (ký hiệu: HT7 giữa bên B và bên A).

Bên B quản lý, bảo vệ tài sản bao gồm: Van khóa nước (01 cái), đồng hồ nước (01 cái).

Người kiểm tra và xác nhận số lượng nước thải và hư hỏng của thiết bị:

Bên A: Các Ông/Bà là nhân viên của Phòng Phòng CN – MT, SĐT liên hệ: 02713834789

Bên B: Ông: SUN ZHI XIANG Chức vụ: Nhân viên, SĐT liên hệ: 0937524523

Biên bản kết thúc vào lúc 11h00 cùng ngày, được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị ngang nhau. Các bên đồng ý ký tên *duo*

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP

BẮC ĐỒNG PHÚ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Văn Trinh

CÔNG TY TNHH MTV

GỖ THÀNH NGHIỆP



GONG JIA BING



Bình Phước, ngày 9 tháng 10 năm 2023

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**

Căn cứ biên bản đấu nối nước thải số 36/TTĐN ký ngày 19/9/2022 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số: 31/HĐXLNT ký ngày 30/9/2022 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ vào biên bản hư hỏng số 01-TN/BBHH-CNMT ngày 24/2/2023 đã được ký kết giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

Căn cứ vào quá trình hoạt động của đồng hồ đo đếm lưu lượng nước thải và thông báo tiền nước tháng 8/2023 của Công ty CP Cấp thoát nước Bình Phước.

Hôm nay, lúc 9 giờ 00 phút ngày 9 tháng 10 năm 2023, chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

- Ông: Trần Trung Hiếu

Chức vụ: P.Phòng CN - MT

- Bà: Trần Vũ Bảo Ngọc

Chức vụ: CV. Phòng CN - MT

2. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

- Ông: SUN ZHI XIANG

Chức vụ: Chủ quản bảo trì

- Bà: Lý Thị Hằng

Chức vụ: Phiên dịch

Chúng tôi tiến hành xác định lưu lượng nước thải của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp phát sinh trong tháng 9/2023.

Lượng nước thải phát sinh trong tháng 9/2023 sẽ được tính bằng 80% lượng nước cấp mà Doanh nghiệp sử dụng, cụ thể:

Thời gian phát sinh	Nước cấp sử dụng theo hóa đơn tiền nước (m ³)	Nước thải phát sinh (m ³)
Tháng 9/2023	1.636	1.636 x 0,8 = 1.309

Khối lượng nước thải phát sinh của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp trong tháng 9/2023 là **1.309 m³**.

Biên bản kết thúc vào lúc 9 giờ 30 phút, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

CÔNG TY CP KCN BẮC ĐỒNG PHÚ
PHÒNG CN - MT

Trần Trung Hiếu

CÔNG TY TNHH MTV
GỖ THÀNH NGHIỆP





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Nguyễn Văn Linh, KP Phú Tân, P. Tân Phú.,
TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 10/2023
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Tên khách hàng: Công Ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10,K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú,
Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tài khoản:

Mã số khách hàng: 4006845

Đối tượng: SX1

Mã số thuế: 3801184160

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
46530	44894	1.636	SX	14.960	24.474.560 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					24.474.560 đ
Thuế suất GTGT: 5%					1.223,728 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					2.447,456 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					28.145.744 đ
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:

- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 06/10/2023

C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



Bình Phước, ngày 6 tháng 11 năm 2023

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**

Căn cứ biên bản đầu nối nước thải số 36/TTĐN ký ngày 19/9/2022 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số: 31/HĐXLNT ký ngày 30/9/2022 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ vào biên bản hư hỏng số 01-TN/BBHH-CNMT ngày 24/2/2023 đã được ký kết giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

Căn cứ vào quá trình hoạt động của đồng hồ đo đếm lưu lượng nước thải và thông báo tiền nước tháng 10/2023 của Công ty CP Cấp thoát nước Bình Phước.

Hôm nay, lúc 9 giờ 00 phút ngày 6 tháng 11 năm 2023, chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

- Ông: Trần Trung Hiếu

Chức vụ: P.Phòng CN - MT

- Bà: Trần Vũ Bảo Ngọc

Chức vụ: CV. Phòng CN - MT

2. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

- Ông: SUN ZHI XIANG

Chức vụ: Chủ quản bảo trì

- Bà: Lý Thị Hằng

Chức vụ: Phiên dịch

Chúng tôi tiến hành xác định lưu lượng nước thải của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp phát sinh trong tháng 10/2023.

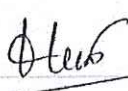
Lượng nước thải phát sinh trong tháng 10/2023 sẽ được tính bằng 80% lượng nước cấp mà Doanh nghiệp sử dụng, cụ thể:

Thời gian phát sinh	Nước cấp sử dụng theo hóa đơn tiền nước (m ³)	Nước thải phát sinh (m ³)
Tháng 10/2023	2.086	$2.086 \times 0,8 = 1.669$

Khối lượng nước thải phát sinh của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp trong tháng 10/2023 là **1.669 m³**.

Biên bản kết thúc vào lúc 9 giờ 30 phút, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

CÔNG TY CP KCN BẮC ĐỒNG PHÚ
PHÒNG CN - MT


Trần Trung Hiếu

CÔNG TY TNHH MTV
GỖ THÀNH NGHIỆP





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Nguyễn Văn Linh, KP Phú Tân, P. Tân Phú,
TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC

Tháng 11/2023
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Tên khách hàng: Công Ty TNHH MTV Gổ Thành Nghiệp

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú,
Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tài khoản:

Mã số khách hàng: 4006845

Đối tượng: SX1

Mã số thuế: 3801184160

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
48616	46530	2.086	SX	14.960	31.206.560 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					31,206,560 đ
Thuế suất GTGT: 5%					1,560,328 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					3,120,656 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					35.887.544 đ
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:

- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 06/11/2023

C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



Bình Phước, ngày 6 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**

Căn cứ biên bản đầu nổi nước thải số 36/TTĐN ký ngày 19/9/2022 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số: 31/HĐXLNT ký ngày 30/9/2022 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Căn cứ vào biên bản hư hỏng số 01-TN/BBHH-CNMT ngày 24/2/2023 đã được ký kết giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

Căn cứ vào quá trình hoạt động của đồng hồ đo đếm lưu lượng nước thải và thông báo tiền nước tháng 11/2023 của Công ty CP Cấp thoát nước Bình Phước.

Hôm nay, lúc 9 giờ 00 phút ngày 6 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

- Ông: Trần Trung Hiếu

Chức vụ: P.Phòng CN - MT

- Bà: Trần Vũ Bảo Ngọc

Chức vụ: CV. Phòng CN - MT

2. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

- Ông: SUN ZHI XIANG

Chức vụ: Chủ quản bảo trì

- Bà: Lý Thị Hằng

Chức vụ: Phiên dịch

Chúng tôi tiến hành xác định lưu lượng nước thải của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp phát sinh trong tháng 11/2023.

Lượng nước thải phát sinh trong tháng 11/2023 sẽ được tính bằng 80% lượng nước cấp mà Doanh nghiệp sử dụng, cụ thể:

Thời gian phát sinh	Nước cấp sử dụng theo hóa đơn tiền nước (m ³)	Nước thải phát sinh (m ³)
Tháng 11/2023	1.951	1.951 x 0,8 = 1.561

Khối lượng nước thải phát sinh của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp trong tháng 11/2023 là **1.561 m³**.

Biên bản kết thúc vào lúc 9 giờ 30 phút, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

CÔNG TY CP KCN BẮC ĐỒNG PHÚ
PHÒNG CN - MT

Trần Trung Hiếu

CÔNG TY TNHH MTV
GỖ THÀNH NGHIỆP





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Nguyễn Văn Linh, KP Phú Tân, P. Tân Phú.,
TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC

Tháng 12/2023

(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Tên khách hàng: Công Ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10,K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú,
Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tài khoản:

Mã số khách hàng: 4006845

Đối tượng: SX1

Mã số thuế: 3801184160

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHOẢNG LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
50567	48616	1.951	SX	14.960	29.186.960 đ
			CỘNG TIỀN HÀNG:		29,186,960 đ
			Thuế suất GTGT: 5%		1,459,348 đ
			Phi BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%		2,918,696 đ
			TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:		33.565.004 đ
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm lẻ bốn đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:

- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 06/12/2023

C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

**THUYẾT MINH QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**

Vận hành hệ thống

-Công việc:

- + Vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.
- + Vệ sinh khu vực vận hành vào cuối ca làm việc.
- + Kiểm tra, khắc phục nhanh chóng các sự cố xảy ra và báo ngay cho bộ phận chuyên trách giải quyết.
- + Thực hiện bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

-Tủ điều khiển:

- + Vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải. + Vệ sinh khu vực vận hành vào cuối ca làm việc.
- + Kiểm tra, khắc phục nhanh chóng các sự cố xảy ra và báo ngay cho bộ phận chuyên trách giải quyết.
- + Thực hiện bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

LƯU Ý:

✓ Nguồn cấp vào tủ là điện 03 pha nên rất nguy hiểm cho người nếu bất cẩn hay không hiểu biết về điện. Mọi người khi vào hệ thống xử lý phải tuyệt đối tuân thủ các quy tắc an toàn khi tiếp xúc với điện.

Đối với những người không được giao nhiệm vụ, tuyệt đối không tự ý đóng mở cũng như không được điều chỉnh các công tắc trên tủ điều khiển.

✓ Không ai được lắp đặt, điều chỉnh, sửa chữa điện ngoài những người có chứng chỉ, bằng cấp nghề điện và được người có thẩm quyền giao nhiệm vụ này.

✓ Không sờ mó vào dây điện, thiết bị điện trong tình trạng tay ướt.

✓ Không phun, để rơi vãi chất lỏng lên thiết bị điện.

✓ Không để đồ đạc hay các dụng cụ có tính dẫn điện trong tủ điện

✓ Không để dây dẫn vắt qua các thiết bị kim loại

✓ Khi lắp đặt, điều chỉnh, sửa chữa điện phải ngắt hẳn điện nguồn. -Nguyên tắc hoạt động:

Trạm xử lý gồm có 2 chế độ vận hành chủ yếu cho các thiết bị xử lý khí thải như sau:

Chế độ:

- **ON** Bật thiết bị; **OFF** - Tắt thiết bị

Quy trình vận hành

-Kiểm tra:

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống gồm:

+ Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa; Bật CB tổng trong tủ điện và kiểm tra 3 đèn báo xem có đủ 3 pha hay không; Nhìn đồng hồ Vol kế ngoài mặt tủ xem điện áp có đủ 380V hay không.

+ Kiểm tra hệ thống

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

LƯU Ý:

✓ Đối với những người không được giao nhiệm vụ, tuyệt đối không tự ý đóng mở các van trên đường ống, điều chỉnh vít xoay của các bơm cũng như không được điều chỉnh các công tắc trên tủ điều khiển, nếu không có trang bị bảo hộ lao động.

✓ Người trực tiếp vận hành hoặc khách tham quan hệ thống phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của nhân viên vận hành.

-Hoạt động hệ thống:

+ Trạng thái tự động:

Bước 1: Nhấp vào hệ thống để hiển thị màn hình vận hành bằng tiếng Trung. Bước

2: Nhấp vào cài đặt áp suất gió của đường ống.

Bước 3: Điền giá trị áp suất gió đầu vào, chọn xác nhận.

Sau khi hoàn thành cài đặt áp suất gió, hãy quay lại màn hình đang chạy.

Nhập tối đa giới hạn: 5000

Bước 4: Chọn số lượng đường ống

1~4 đường ống có thể chọn sử dụng (ON) theo ý muốn, Không sử dụng (OFF) 1~4 đường ống đều được chọn không sử dụng (OFF), Quạt sẽ không hoạt động.

Bước 5: Nhấn nút “Khởi động tự động” trên tủ điều khiển, hệ thống tự động vận hành.

Nhấn nút “Dừng tự động” tại tủ điều khiển, hệ thống được dừng tự động. Bước 6: Hiển thị giá trị áp suất gió hiện tại.

Nhấn vào trang tiếp theo để vào sơ đồ đường cong áp suất gió để xem sự thay đổi của đường cong áp suất gió. Bấm để quay lại trang trước để về màn hình vận hành.

Nhấp vào trang tiếp theo để vào màn hình IO, bạn có thể thấy trạng thái đầu vào và đầu ra. Bấm để quay lại trang trước để về màn hình vận hành.

+ Trạng thái thủ công:

Bước 1: Chọn “Vào hệ thống”, hiển thị màn hình vận hành bằng tiếng Trung.

Bước 2: Chọn số lượng đường ống.

1~4 Đường ống có thể chọn sử dụng (BẬT) và không sử dụng (TẮT)

1~4 Đường ống đều được chọn không sử dụng (TẮT). Quạt sẽ không chạy

Bước 3: Xả liệu

Chọn theo thứ tự “Van Rotaly 1” → “trục xoán ốc 1” Chọn theo thứ tự “Van Rotaly 2” → “trục xoán ốc 2” *Vui lòng chọn theo thứ tự “1 đến 1”, “2 đến 2”*

Bước 4: Chọn van điện từ rũ bụi “ON rũ bụi”, “OFF tắt rũ bụi” Bước 5: Vận hành quạt hút bụi

Nhấp vào “Vận hành biến tần số 1 ON”, “Tắt biến tần số 1 OFF” Nhấp vào “Vận hành biến tần số 2 ON”, “Tắt biến tần số 2 OFF”

Cần vận hành cả 2 biến tần cùng lúc, không được vận hành chỉ 1 máy *Hoạt động thủ công mà không cần kiểm soát cài đặt áp suất gió*

Bước 6: Điều chỉnh áp suất
“Nút +” Tăng áp suất, tăng tốc biến tần. “Nút -” Giảm áp suất, giảm tốc biến tần.

**THUYẾT MINH QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 125 M³/NGÀY.ĐÊM**

Quy trình vận hành và chế độ vận hành

⚡ Hệ thống điều khiển

Hệ thống điều khiển tự động hoàn toàn bao gồm:

+ 01 bộ điều khiển tâm. Thu thập số liệu từ các thiết bị, trạng thái hoạt động của thiết bị, ra quyết định điều khiển các cơ cấu chấp hành.

+ Hệ thống thiết kế có thể vận hành theo 3 chế độ:

✓ Tự động hóa hoàn toàn.

✓ Bán tự động.

✓ Vận hành bằng tay.

Kiểm tra hệ thống điện: Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp, thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

+ Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, MCB, MCCB. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

+ Các ký hiệu bên trong tủ điện:

ON, OFF – Đóng, mở nguồn cung cấp cho tủ điện khiêu khiển. AUTO, OFF, MAN

– Chế độ điều khiển tự động, tắt và bằng tay Đèn của máy nào trên tủ điện sáng xanh thì máy đó đang hoạt động. Đèn báo màu xanh: Mở máy

Đèn báo màu vàng: Máy bị sự cố

⚡ Vận hành

Các chế độ hoạt động của hệ thống

Hệ thống xử lý nước thải được điều khiển ở 02 chế độ:

+ Chế độ Auto - Điều khiển tự động theo tín hiệu của phao mực nước và Timer.

Khi làm việc ở chế độ Auto, các thiết bị điện trong hệ thống sẽ tự đóng ngắt theo một chế độ định trước như sau: Khi CB tổng bật, các công tắc thiết bị được gạt qua chế độ Auto

+ Chế độ Manual - Hoạt động theo sự điều khiển của người vận hành tại tủ động lực.

Chế độ này chỉ tiến hành khi hệ thống gặp sự cố, khi thử máy.

Khi làm việc ở chế độ Manual, các thiết bị điện trong hệ thống sẽ hoạt động chỉ theo sự điều khiển của người vận hành mà không theo tín hiệu phao mực nước hay Timer thời gian: Khởi động CB tổng bật, các công tắc thiết bị được gạt qua chế độ Manual.

⚡ Kiểm tra hệ thống xử lý nước thải trước khi vận hành

Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng:

Kiểm tra mực hóa chất ở bồn chứa, đảm bảo mực nước tối thiểu không được nhỏ hơn 1/4 chiều cao của bồn chứa.

Kiểm tra thiết bị:

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong STP. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

-Công tác kiểm tra như sau:

Bảng: Công tác kiểm tra thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Thiết bị	Chi tiết kiểm tra
1	Bơm chìm	Nguồn điện cấp vào bơm.
		Tín hiệu truyền về Hệ thống điều khiển tự động (HT ĐKTD)
		Chiều quay của bơm tự động.
		Lưu lượng bơm khi hoạt động.
		Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động.
		Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, ...
		Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: phốt bơm, lượng dầu, nhớt, mỡ bôi, gioăng, mối nối...
		Các van (độ mở).
		Hoạt động (có nước/bùn).
2	Bơm định lượng	Nguồn điện cấp vào bơm.
		Các van (độ mở).
		Hoạt động (có hóa chất).
		Chiều quay của motor.
		Liều lượng (vị trí điều chỉnh).
3	Phao mực nước	Khả năng đóng/mở tiếp điểm
		Chế độ đóng/mở bơm
4	Máy thổi khí	Nguồn điện cấp vào máy.
		Tín hiệu truyền về HT ĐKTD.
		Hoạt động của máy theo chương trình điều khiển tự động.

		Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động.
		Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van,...
		Dây coroa (mức độ giãn).
		Lọc khí (mức độ sạch).
		Bulông (mức siết chặt).
		Mức dầu bôi trơn (thêm dầu nếu dầu cạn, không được châm dầu đầy vì có thể gây nổ máy).
		Thử van an toàn.
5	Hệ thống phân phối và khuếch tán khí bể điều hòa và sục khí	Khả năng phân phối khí trên bề mặt bể ở tất cả các vị trí.
		Bọt khí (độ đồng đều)
		Các van điều chỉnh tốc độ khí.
6	Máy khuấy	Nguồn điện cấp vào máy khuấy.
		Tín hiệu truyền về Hệ thống điều khiển tự động (HT ĐKTD).
		Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động.
		Các phụ tùng, linh kiện hao mòn.
		Chiều quay của motor.
7	Bồn chứa hóa chất	Lượng cặn đóng dưới đáy bồn.
		Lượng hóa chất trong bồn.
		Mối nối từ bồn vào các thiết bị khác như: bơm, van, ống thông khí,...
8	Tủ điện điều khiển	Hiển thị và hoạt động.

Hướng dẫn hóa chất

- Chuẩn bị hóa chất:

Bước 1: Cung cấp nước sạch vào đầy các bồn pha chế hóa chất theo dung tích định

mức của bồn chứa.

Bước 2: Cân hóa chất các loại theo lượng tương ứng với nồng độ cần để điều chỉnh quá trình vận hành.

Bước 3: Rót hóa chất vào các bồn tương ứng và khuấy đến khi thấy hóa chất tan hoàn toàn mới được phép đưa dung dịch vào sử dụng.

- Kiểm tra điện:

Bước 1: Kiểm tra bên trong tủ điện, tất cả CB/MCB/MCCB đều phải ở vị trí sẵn sàng (đã mở)

Bước 2: Kiểm tra điện có đủ pha hay không.

Trên tủ điều khiển sử dụng nguồn 3 pha bao giờ cũng được thiết kế các đèn báo pha màu xanh đỏ vàng. Khi có điện truyền tới tủ, các đèn báo pha sẽ sáng hết (nếu đủ 3 pha) hoặc không sáng hết (mất 1 hoặc 2 pha) và để người vận hành biết được không nên cho máy hoạt động lúc này.

Bước 3: Kiểm tra nguồn điện điều khiển của tủ đã sẵn sàng hay chưa bằng cách nhìn lên đèn báo ở phía dưới 03 đèn báo pha.

Nếu nguồn điện điều khiển của tủ chưa sẵn sàng thì cần phải kiểm tra CB nguồn điện điều khiển nằm trong tủ và công tắc bật tắt điện điều khiển trên cánh tủ

Bước 4: Kiểm tra điện áp hiển thị tại đồng hồ đo, giá trị điện áp có thể đưa vào vận hành là $380V \pm 10\%$.

Bước 5: Bật lần lượt công tắc điều khiển của các động cơ (trên cánh tủ) sang vị trí Auto (nếu muốn hoạt động tự động) hoặc Man (nếu muốn hoạt động bằng tay).

+ Ở trạng thái Auto (automatic): các thiết bị sẽ hoạt động tự động theo tín hiệu điều khiển đưa về từ hệ thống. Trường hợp này người vận hành (NVH) không phải thực hiện bất kỳ thao tác nào tại khu vực tủ điều khiển chính.

+ Ở trạng thái Man (manual): sau khi chuyển công tắc trạng thái sang vị trí Man, NVH phải bật thêm công tắc lựa chọn thiết bị hoạt động sang vị trí ON.

BIÊN BẢN

Kiểm tra, làm việc, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, môi trường, lao động tại Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp

Thực hiện Quyết định số 143/QĐ-BQL ngày 10/11/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc thành lập Đoàn kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, lao động và giám sát, đánh giá đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh

Hôm nay, lúc 13 giờ 30 phút, ngày 04/12/2023 tại Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp địa chỉ: KCN Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, đoàn công tác tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo quyết định số 143/QĐ-BQL :

*** Thành phần Đoàn công tác của Ban Quản lý Khu kinh tế:**

1. Ông Nguyễn Trọng Tiến, Phó Trưởng ban - Trưởng đoàn;
2. Ông Nguyễn Văn Dũng, Phó Trưởng phòng Quản lý ĐTDNLĐ – Thành viên;
3. Ông Nguyễn Văn Hiếu, Phó phòng phụ trách phòng Quản lý QHXDTNMT - Thành viên;
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh, Phòng Quản lý ĐT-DN-LĐ – Thư ký.
5. Ông Nguyễn Chính Việt, Phòng Quản lý QHXDTNMT – Thành viên.

*** Đại diện nhà đầu tư hạ tầng:**

Ông Nguyễn Viết Khanh - Đại diện Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú

*** Đại diện Doanh nghiệp:**

- Ông Liu Chao – Phó Giám đốc được ủy quyền của ông Ou Shun Guang – Giám đốc Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp theo Giấy ủy quyền ngày 04/12/2023.

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| - Ông Nguyễn Tấn Huỳnh | – Phụ trách môi trường |
| - Ông Hoàng Ngọc Nghĩa | – Phiên dịch |
| - Bà Phan Nữ Nguyên Trâm | – Kế toán |

NỘI DUNG LÀM VIỆC

- Ông Nguyễn Trọng Tiến – Trưởng Đoàn công tác công bố quyết định kiểm tra, làm việc, hướng dẫn và chương trình làm việc.

- Đại diện doanh nghiệp báo cáo với Đoàn công tác các nội dung theo Đề cương kiểm tra kèm theo quyết định.

- Đoàn tiến hành kiểm tra, làm việc về hồ sơ, sổ sách chứng từ có liên quan, kiểm tra, làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp: Nhà máy sản xuất gia công các sản phẩm gỗ

Người đại diện theo pháp luật: OU SHUN GUANG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Mã số doanh nghiệp 3801184160

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số dự án 6513982923

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Sản xuất gia công đồ gỗ gia dụng nội thất

Điện thoại giao dịch: 028.3898 2224

Trụ sở chính của doanh nghiệp: Lô K1 đến K8, một phần K9, Lô K10, K 11, KCN Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, LÀM VIỆC

I. Lĩnh vực đầu tư:

1. Sơ bộ dự án

1.1. Tên dự án đầu tư (điều chỉnh lần thứ 4 ngày 14/9/2023): Nhà máy sản xuất gia công các sản phẩm gỗ.

1.2. Tổng vốn đầu tư ban đầu 5 triệu USD. Nay đã điều chỉnh lên 7 triệu USD (trong đó vốn góp là 5 triệu USD ~ 113,75 tỷ đã góp đủ). Đăng ký hoạt động chính thức của giai đoạn 01: Đợt 1: 03/2021, Đợt 2: 07/2023; giai đoạn 2: 03/2024.

1.3. Diện tích đất thuê lại: 12,51 ha. Hiện đã xây dựng nhà văn phòng và 04 nhà xưởng, đang tiếp tục xây dựng 04 nhà xưởng.

1.4. Mục tiêu dự án:

- Giai đoạn 1:

+ Đợt 1: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 30.000 sản phẩm/năm.

+ Đợt 2: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm (đã bao gồm đợt 1); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến 25.000 m².

- Giai đoạn 2:

+ Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 160.000 sản phẩm/năm.

phẩm/năm (đã hoạt động giai đoạn 1). Cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích dự kiến khoảng 25.000 m² (đã cho thuê).

+ Cho thuê nhà xưởng dư thừa còn lại với diện tích dự kiến khoảng 44.000 m².

Như vậy, Công ty đã điều chỉnh tăng thêm công suất sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 95.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 190.000 sản phẩm/năm; bỏ hoạt động sản xuất, gia công các chi tiết bằng kim loại dành cho nội thất; sản xuất, gia công gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván MDF, ván PB và ván mỏng khác so với hồ sơ đăng ký đầu tư ban đầu.

Hiện tại, Công ty sản xuất theo quy mô của giai đoạn 1.

Công ty cho Công ty TNHH Silversea New Material Việt Nam (Công ty cũ là Yin Hai New Material Việt Nam) thuê nhà xưởng 21.748 m² và 560 m² nhà văn phòng, cho Công ty TNHH Nội thất Thịnh Đạt Bình Phước thuê 3.800 m².

2. Hiệu quả hoạt động của dự án:

Doanh thu năm 2022: 309,89 tỷ (năm 2021 là 212,084 tỷ)

Lợi nhuận trước thuế: Năm 2022: Theo kết quả kiểm tra của Cục Thuế lỗ (0,24) tỷ (Công ty báo cáo lỗ 5,13 tỷ) (năm 2021 là (21,37) tỷ).

Thuế và các khoản nộp NSNN 2022 là 11,44 triệu (năm 2021 là 28,40 triệu).

Việc cho thuê nhà xưởng mới phát sinh năm 2023, có nhà xưởng chỉ cho thuê 01 phần nhà xưởng.

II. Lĩnh vực lao động:

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động:

1.1. Tình hình thực hiện việc ký kết Hợp đồng lao động (HDLĐ) với người lao động:

- Tổng số lao động năm 2022 (31/12/2022): 392 người trong đó Nam 211 người, Nữ 181 người

- Tổng số lao động 6 tháng đầu năm 2023: 240 người trong đó Nam 137 người, Nữ 103 người,

- Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm kiểm tra: 165 Trong đó: Nam: 88 người, Nữ: 77 người.

1.2. Tình hình thực hiện việc ký kết Hợp đồng lao động (HDLĐ) với người lao động:

- Số người thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: 165 người.

- Số người đã ký kết hợp đồng lao động: 165 người chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 164 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn không quá 36 tháng: 1 người.

- Số người chưa được ký kết hợp đồng lao động: 1 người, lý do: đang thử việc.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

1.3. Việc thực hiện hiện các quy định về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, làm thêm giờ:

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 tiếng/ngày, 48 tiếng/tuần

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Không có

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi: 1 giờ/ngày

- Số giờ làm thêm hàng ngày, hàng tuần và hàng năm: 4 giờ/ngày, 12 giờ/tuần, 40 giờ/tháng, không quá 300 giờ/năm

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương: có thực hiện theo quy định của nhà nước

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường 12 ngày;

1.4. Việc thực hiện các quy định về tiền lương và trả công lao động:

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 5,000,000 đồng

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: Theo thời gian.

- Các khoản phụ cấp khác: 1,000,000 đồng. Chi tiết: Chuyên cần 600,000 Nhà trọ 400,000

1.5. Thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT):

- Thực hiện đối thoại trực tiếp tại nơi làm việc: Có

- Thực hiện tổ chức thương lượng tập thể.

- Nội dung TULĐTT đã ký: Có

- Việc gửi TULĐTT đã ký đến cơ quan liên quan: Có

1.6. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất:

- Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động: Có

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm kiểm tra: 02

1.7. Việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động:

- Mạng lưới an toàn vệ sinh viên: 18 người, Phân định chế độ trách nhiệm cá nhân về an toàn vệ sinh lao động: Có. Có quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

- Số lượng cán bộ làm công tác an toàn bán chuyên trách: 02

- Xây dựng Kế hoạch An toàn vệ sinh lao động hàng năm: Xây dựng lồng ghép hằng năm với dự trù kinh phí

- Thực hiện chế độ tự kiểm tra về công tác an toàn vệ sinh lao động: Hàng tháng

- Thành lập bộ phận y tế cơ sở hoặc ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe với các cơ quan y tế địa phương: Đã ký với bệnh viện Hoàn Mỹ

- Quan trắc môi trường lao động: có Số mẫu đã đo: 15 mẫu, số mẫu đạt tiêu chuẩn: 15 mẫu và số mẫu không đạt tiêu chuẩn: 0 mẫu

- Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động: đã trang bị tủ sơ cấp cứu tại các xưởng

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động: 01 lần/năm. Khám gần nhất: 04/8/2023.

- Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động: Có

- Việc tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho các nhóm đối tượng theo quy định: Đã tổ chức huấn luyện cho các nhóm đối tượng.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo danh mục nghề: Có

- Xây dựng các nội quy, quy trình vận hành và xử lý sự cố các loại máy, thiết bị và các biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh lao động: Có

- Việc lắp đặt các phương tiện che chắn các bộ phận dễ gây nguy hiểm của máy, thiết bị có nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại: Có.

Việc niêm yết các bản chỉ dẫn về an toàn lao động ở những nơi làm việc, nơi đặt máy, thiết bị, : Có

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ 01/01/2022 đến thời điểm kiểm tra: 03

Trong đó: tai nạn nhẹ: 03 vụ 03 người; tai nạn nặng: 0 vụ 0 người; tai nạn chết người: 0 vụ 0 người.

+ Việc thực hiện các chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: có

+ Số vụ tai nạn lao động đã khai báo với Sở LĐ-TB&XH: 0.

III. Lĩnh vực môi trường:

- Công ty đã lập Báo cáo ĐTM cho Dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 07/7/2020.

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường giai đoạn 1 (sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa) tại Giấy phép số 57/GPMT-UBND ngày 17/5/2023.

- Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra các công trình để vận hành thử nghiệm và ban hành Thông báo số 1990/STNMT-CCBVMT ngày 10/8/2023 kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm.

- Công ty cung cấp hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý môi trường Nam Phú Gia để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp không nguy hại tại Hợp đồng số..../2023/SGX-ĐT ngày 01/10/2023.

- Công ty cung cấp Hợp đồng với Công ty môi trường Sen Vàng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp, phế liệu tại Hợp đồng kinh tế số 646HĐ/SV-2023 ngày 19/9/2023.

- Công ty chưa cung cấp kết quả quan trắc môi trường trong năm 2023.

- Công ty cung cấp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SAU KIỂM TRA, LÀM VIỆC

I. Lĩnh vực đầu tư:

- Công ty đã được Ban Quản lý khu kinh tế cấp tài khoản trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (fdi.gov.vn). Công ty đã thực hiện.

- Về báo cáo giám sát định kỳ: Công ty đã thực hiện nhưng không chi tiết đầy đủ thông tin.

- Doanh thu năm 2022: 309,89 tỷ (năm 2021 là 212,084 tỷ) tăng 46%.

- Lợi nhuận trước thuế: Năm 2022: Theo kết quả kiểm tra của Cục Thuế, Công ty lỗ (0,24) tỷ (Công ty báo cáo lỗ 5,13 tỷ) (năm 2021 là (21,37) tỷ).

- Thuế và các khoản nộp NSNN 2022 là 11,44 triệu (năm 2021 là 28,40 triệu) là thuế thu nhập cá nhân.

II. Lĩnh vực lao động:

1. Những nội dung doanh nghiệp đã thực hiện theo quy định của pháp luật:

- Trả lương người lao động đầy đủ theo quy định.

- Đã xây dựng và đăng ký Nội quy lao động với cơ quan quản lý Nhà nước.

- Đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động: Do Công ty CP Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Phước thực hiện.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo Công văn số 01.0422.01BP/MTLĐ ngày 08/4/2023 của Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng.

2. Những nội dung doanh nghiệp chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa đúng quy định:

2.1. Về lao động:

- Chưa thực hiện thông báo làm thêm giờ về Ban Quản lý Khu kinh tế khi tổ chức cho người lao động làm thêm giờ tối đa 300 giờ/năm.

- Chưa thực hiện báo cáo tình hình thay đổi lao động theo quy định.

- Căn cứ của Hợp đồng lao động áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực (Nghị định 148/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động).

2.2. Về an toàn, vệ sinh lao động:

Có 04 bình chịu áp lực hết hạn kiểm định ngày 19/10/2023.

III. Lĩnh vực môi trường:

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận. Tại thời điểm kiểm tra, các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi,...) hoạt động bình thường.

- Lưu lượng nước thải phát sinh tại Công ty trong tháng 10/2023 là 1.669 m³ (theo Biên bản xác nhận lưu lượng giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty ngày 06/11/2023).

- Rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh được Công ty thu gom và lưu giữ tạm thời vào các kho chứa. Công ty đã hợp đồng với các đơn vị đến thu gom, vận chuyển và xử lý. Tuy nhiên, chất thải rắn phát sinh chưa được bố trí ngăn nắp, gọn gàng trong kho chứa.

- Đoàn kiểm tra sẽ trưng cầu đơn vị có chức năng lấy mẫu đột xuất của Công ty (nếu thấy cần thiết) để làm cơ sở đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý chất thải (việc thu mẫu có biên bản lấy mẫu kèm theo là một phần không thể tách rời biên bản này). Đồng thời, đơn vị có chức năng lấy mẫu chịu trách nhiệm pháp lý về việc thu mẫu, bảo quản và phân tích mẫu.

D. KIẾN NGHỊ SAU LÀM VIỆC, KIỂM TRA

Yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp thực hiện đúng và đầy đủ những quy định sau:

I. Lĩnh vực Đầu tư:

- Đề nghị Công ty thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/06/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

- Việc cho thuê Văn phòng không có trong dự án đầu tư. Đề nghị Công ty liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư – Doanh nghiệp và Lao động để được hướng dẫn.

II. Lao động:

- Điều chỉnh hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 21, Bộ Luật Lao động năm 2019 và hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020.

- Thông báo về Ban Quản lý Khu kinh tế khi tổ chức cho người lao động làm thêm từ 200 – 300 giờ/năm theo quy định tại khoản 4 Điều 107 Bộ Luật Lao động năm 2019.

- Thực hiện đăng kiểm máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng hoạt động 04 bình chịu áp lực do hết thời hạn kiểm định.

- Thực hiện báo cáo thay đổi lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Thực hiện tự kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật lao động theo Thông tư số 17/2018/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

III. Môi trường:

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào KCN theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường đã được UBND tỉnh cấp và các hồ sơ khác có liên quan, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn phát sinh từ dự án cần được bố trí ngăn nắp, gọn gàng trong kho chứa.

- Vận hành, bảo dưỡng thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo chất thải phát sinh từ dự án được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc cho đơn vị thuê lại nhà xưởng phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch và hồ sơ môi trường của KCN Bắc Đồng Phú. Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án theo đúng quy định.

- Cung cấp kết quả quan trắc môi trường năm 2023, đồng thời lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật và gửi báo cáo về Ban Quản lý Khu kinh tế và cơ quan khác có liên quan theo quy định.

- Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường khác (thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020,...) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đề nghị doanh nghiệp thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra và gửi báo cáo về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước trước ngày 20/12/2023.

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 00' cùng ngày, được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe, đồng ý và ký tên dưới đây./.



PHIÊN DỊCH

Hoàng Ngọc Nghĩa

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Trọng Tiến

Đ/D NHÀ ĐẦU TƯ HẠ TÀNG

Nguyễn Việt Khang.

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Kim Thanh

Số : 159-03/22-1.31 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/03/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

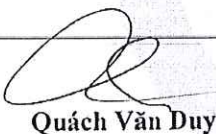
STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
1.Khu vực sản xuất	83	31,4	67,2	0,4
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM****PHÒNG GIÁM ĐỐC**

Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 159-03/22-1.31 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/03/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	Vinyl acetat ^(c)	OSHA Method 51	NIOSH Method 1453	0,025 mg/m ³
3	Cyclohexane*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
4	Etylbenzen ^(c)	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,137 mg/m ³
5	Butylaxetat ^(c)	NIOSH Method 1450	NIOSH Method 1450	0,0084 mg/m ³
6	Butanol ^(c)	NIOSH Method 1400	NIOSH Method 1400	0,056 mg/m ³
7	Phenol*	NIOSH Method 2546	NIOSH Method 2546	0,0038 mg/m ³
8	Xylen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	Etylbenzen	Butyl axetat	Butanol	Phenol	Xylen
I.Khu vực sản xuất	0,89	0,53	32,2	14,6	KPH	29,7
QCVN 02:2019/BYT ⁽ⁿ⁾ QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	-	-	117,1875	3,125	78,125
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	500	-	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4

BM02-TT17. LẦN BH 02: SD 03 (NGÀY BH. SD: 29/01/2021)

Số : 159-03/22-1.31 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/03/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ (Đo tại nguồn thải)	8.977	111	-	-	-	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn (Đo tại nguồn thải)	7.015	30	89,6	12,5	102,4	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chỉ tiết (Đo tại nguồn thải)	11.800	-	-	13,6	-	15,1
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn-B)	C x Kp x Kv Kp=0,9; Kv=1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KÝ GIAM ĐỐC TRUNG TÂM
TRUNG HẠO GIAM ĐỐC
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VÀ DINH
LÀO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 159-03/22-1.31 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/03/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,2°C)	-	6,61	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	48	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	87	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	38	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	6,02	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,27	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	1,5	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	2.800	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17. LẦN BH 02: SĐ 03 (NGÀY BH. SĐ: 29/01/2021)

Số : 360-06/22-1.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 02/06/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
1. Khu vực sản xuất	80	30,8	67,3	0,2
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 360-06/22-1.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 02/06/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	Vinyl acetat ^(c)	OSHA Method 51	NIOSH Method 1453	0,025 mg/m ³
3	Cyclohexane*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
4	Etylbenzen ^(c)	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,137 mg/m ³
5	Butylacetat ^(c)	NIOSH Method 1450	NIOSH Method 1450	0,0084 mg/m ³
6	Butanol ^(c)	NIOSH Method 1400	NIOSH Method 1400	0,056 mg/m ³
7	Phenol*	NIOSH Method 2546	NIOSH Method 2546	0,0038 mg/m ³
8	Xylen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	Etylbenzen	Butyl axetat	Butanol	Phenol	Xylen
1.Khu vực sản xuất	0,96	0,26	28,1	16,9	KPH	17,1
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	-	-	117,1875	3,125	78,125
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	500	-	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG




Quách Văn Duyệt

ThS Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 360-06/22-1.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2022.

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 02/06/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

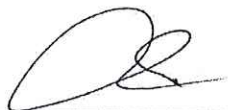
KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ (Đo tại nguồn thải)	8.716	104	-	-	-	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn (Đo tại nguồn thải)	7.302	25	67,5	8,02	121,1	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chỉ tiết (Đo tại nguồn thải)	10.945	-	-	9,27	-	12,5
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C x Kp x Kv Kp=0,9; Kv=1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
VĂN CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG
TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 360-06/22-1.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 02/06/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hồ ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,8°C)	-	6,44	2 +12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	55	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	109	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	47	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	15,5	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,77	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	0,40	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	4.000	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 534-08/22-1.21 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 09/08/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
I.Khu vực sản xuất	78	31,3	64,0	0,5
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN SỨC KHỎE
LÀO ĐỘNG
ThS/Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH. SD: 29/01/2021)

Số : 534-08/22-1.21 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 09/08/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ (Đo tại nguồn thải)	8.423	113	-	-	-	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn (Đo tại nguồn thải)	6.986	28	61,0	5,26	104,4	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết (Đo tại nguồn thải)	11.088	-	-	7,01	-	10,0
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn-B)	C x Kp x Kv Kp=0,9; Kv=1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LÀO ĐỘNG
Th.S. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 534-08/22-1.21 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 09/08/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hồ ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,2°C)	-	6,78	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	34	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	72	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	34	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	9,36	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,75	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	3.500	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17. LẦN BH 02: SP 03 (NGÀY BH. SP: 29/01/2021)

Số : 794-11/22-3.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/11/2022

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
1.Khu vực sản xuất	82	30,6	62,3	0,3
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy


KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
QUẬN 10 - TP. HCM
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/1

BM02-TT17. LẦN BH 02: SĐ 03 (NGÀY BH. SĐ: 29/01/2021)

Số : 794-11/22-3.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/11/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	Cyclohexane*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
3	Etylbenzen**	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,137 mg/m ³
4	Butyl acetat**	NIOSH Method 1450	NIOSH Method 1450	0,0084 mg/m ³
5	Phenol*	NIOSH Method 2546	NIOSH Method 2546	0,0038 mg/m ³
6	Xylen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	Etylbenzen	Butylacetat (mg/m ³)	Phenol	Xylen
1.Khu vực sản xuất	0,96	0,19	18,3	KPH	12,2
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	-	-	3,125	78,125
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	500	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận

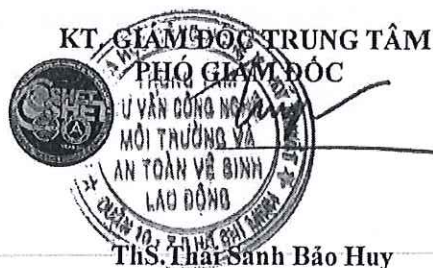
(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



Th.S Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH. SĐ: 29/01/2021)

Số : 794-11/22-3.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/11/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ (Đo tại nguồn thải)	8.012	126	-	-	-	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn (Đo tại nguồn thải)	7.236	34	78,6	8,25	75,9	-
Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết (Đo tại nguồn thải)	10.200	-	-	5,36	-	12,5
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C x Kp x Kv Kp=0,9; Kv=1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 794-11/22-3.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,4°C)	-	6,51	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	48	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	99	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	43	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	14,5	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,36	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	4.700	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÒNG GIÁM ĐỐC
THUNG TÂM
VĂN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAU ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/1

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 195-03/23-4.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/03/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

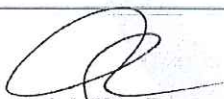
BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
195-03/23-4.11K.Khu vực sản xuất	79	31,6	60,2	0,4
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy


GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17. LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

Số : 195-03/23-4.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/03/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	Cyclohexane*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
3	Etylbenzen**	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,137 mg/m ³
4	Butyl acetat**	NIOSH Method 1450	NIOSH Method 1450	0,0084 mg/m ³
5	Phenol*	NIOSH Method 2546	NIOSH Method 2546	0,0038 mg/m ³
6	Xylen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	Etylbenzen	Butylacetat	Phenol	Xylen
	(mg/m ³)				
195-03/23-4.11K.Khu vực sản xuất	0,82	0,15	10,2	KPH	8,63
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	-	-	3,125	78,125
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	500	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận

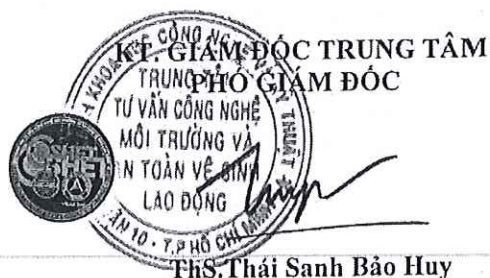
(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4

BM02-TT17. LẦN BH 02: SD 03 (NGÀY BH. SD: 29/01/2021)

Số : 195-03/23-4.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/03/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

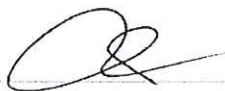
KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
195-03/23-4.11L1. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ	7.696	136	-	-	-	-
195-03/23-4.11L2. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn	7.5806	26	61,5	5,20	64,0	-
195-03/23-4.11L3. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết	9.401	-	-	2,78	-	15,8
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C x Kp x Kv Kp = 0,9; Kv = 1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TRUNG TÂM
PHÒNG GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

BM02-TT17. LẦN BH 02: SD 03 (NGÀY BH. SD: 29/01/2021)

Số : 195-03/23-4.11 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/03/2023

4/ Loại mẫu : 195-03/23-4.11NT.Nước thải tại hố ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(28,7°C)	-	6,61	2 +12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	35	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	73	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	32	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	7,64	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,68	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	3.400	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17. LẦN BH 02: SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 608-06/23-7.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/06/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

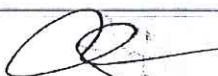
BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
608-06/23-7.1K.Khu vực sản xuất	79	31,6	60,2	0,4
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÒNG GIÁM ĐỐC



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH. SĐ: 29/01/2021)

Số : 608-06/23-7.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/06/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	Etylbenzen**	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,137 mg/m ³
3	Butyl acetat**	NIOSH Method 1450	NIOSH Method 1450	0,0084 mg/m ³
4	Phenol*	NIOSH Method 2546	NIOSH Method 2546	0,0038 mg/m ³
5	Xylen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	Etylbenzen	Butylaxetat	Phenol	Xylen
	(mg/m ³)				
608-06/23-7.1K.Khu vực sản xuất	0,60	KPH	7,23	KPH	10,5
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	-	-	3,125	78,125
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	500	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

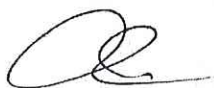
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

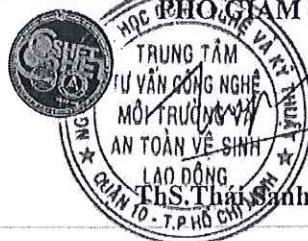
BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÒNG GIÁM ĐỐC



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4

BM02-TT17, LÀN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 608-06/23-7.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/06/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
608-06/23-7.1L1. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ	7.006	120	-	-	-	-
608-06/23-7.1L2. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn	7.142	20	45,8	2,36	45,2	-
608-06/23-7.1L3. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết	8.863	-	-	3,29	-	12,8
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C x Kp x Kv Kp=0,9; Kv=1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LÀO ĐỘNG
Th.S. Thái Bình Bảo Huy
T.P. HỒ CHÍ MINH

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 608-06/23-7.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/06/2023

4/ Loại mẫu : 608-06/23-7.1NT.Nước thải tại hồ ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,2°C)	-	6,87	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	99	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	42	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	12,5	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,25	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	4.100	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Th.S. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 849-08/23-1.10 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/08/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
849-08/23-1.10K.Khu vực sản xuất	79	31,7	60,2	0,2
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

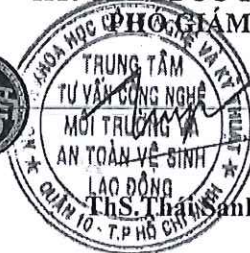
Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duyệt

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Anh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17 1 ẦN RH 02- SF 03 (NGÀY RH SF) 29/01/2021

Số : 849-08/23-1.10 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/08/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	Etylbenzen**	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,137 mg/m ³
3	Butyl acetat**	NIOSH Method 1450	NIOSH Method 1450	0,0084 mg/m ³
4	Phenol*	NIOSH Method 2546	NIOSH Method 2546	0,0038 mg/m ³
5	Xylen*	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1501	0,005 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	Etylbenzen	Butylacetat (mg/m ³)	Phenol	Xylen
849-08/23-1.10K.Khu vực sản xuất	0,77	KPH	4,52	KPH	13,6
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	-	-	3,125	78,125
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	500	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

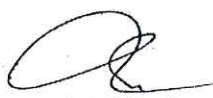
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG

Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4

BM02-TT17 TÀI LIỆU 02- SĐ 03 (NGÀY 02- SĐ 03/01/2021)

Số : 849-08/23-1.10 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/08/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	n-Butyl axetat*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
3	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
4	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
5	Etylbenzen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
6	Cyclohexan*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,03 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	Xylen	Etylbenzen	Butyl axetat	Cyclohexan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)				
849-08/23-1.10L1. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ	6.758	115	-	-	-	-
849-08/23-1.10L2. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn	6.901	16	34,2	1,59	36,3	-
849-08/23-1.10L3. Khí thải ống khói thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết	8.212	-	-	2,55	-	8,25
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C x Kp x Kv Kp = 0,9; Kv = 1	180	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT		-	870	870	950	1.300

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duyệt

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LÀP ĐẶT

Phs. Ths. Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

Số : 849-08/23-1.10 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

2/ Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/08/2023

4/ Loại mẫu : 849-08/23-1.10NT.Nước thải tại hồ ga đầu nối với Khu công nghiệp

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(28,9°C)	-	7,24	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	13	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	65	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	29	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	8,02	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,62	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	3.300	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17 LẦN BH 02: SĐ 03 (NGÀY BH: SĐ: 29/01/2021)



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.03.2044/2-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	27/03/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
Địa chỉ/ Address : Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.031804 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 1)
KT.031805 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 2)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 18/03/2023

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/03/2023 – 25/03/2023

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.031804	KT.031805	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.362	12.880	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	73,5	59,7	200

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SE:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.03.2044/2-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	27/03/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
Địa chỉ/ Address : Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.031806 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 3)
KT.031807 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 4)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 18/03/2023
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/03/2023 – 25/03/2023
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.031806	KT.031807	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.065	11.952	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	86,1	78,0	200

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vlmcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vlmcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vlmcerts241@gmail.com
☎ http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.06.4363/2-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	17/06/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
Địa chỉ/ Address : Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.060919 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 1)
KT.060920 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 2)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 09/06/2023
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 10/06/2023 – 16/06/2023
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.060919	KT.060920	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.651	13.068	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	66,9	72,3	200

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.06.4363/2-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	17/06/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
 Địa chỉ/ Address : Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
 Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.060921 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 3)
 KT.060922 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 4)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 09/06/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 10/06/2023 – 16/06/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.060921	KT.060922	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	13.294	12.511	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	79,8	83,2	200

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
 The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT.7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7469/2-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	26/09/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
Địa chỉ/ Address : Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.091824 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 1)
KT.091825 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 2)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 18/09/2023
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 19/09/2023 – 25/09/2023
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.091824	KT.091825	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.097	13.361	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	78,3	82,0	200

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✉ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✉ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✉ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7469/2-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	26/09/2023 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
Địa chỉ/ Address : Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.091826 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 3)
KT.091827 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 4)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 18/09/2023
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 19/09/2023 – 25/09/2023
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.091826	KT.091827	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.766	12.113	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	70,5	74,9	200

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimocerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimocerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimocerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.12.11049/2-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/12/2023
Trang/Page: 1/1

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ/ Address

: Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Loại mẫu/ Type of sample

: Khí thải

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

: KT.121306 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 1)

KT.121307 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 2)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 13/12/2023

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 14/12/2023 – 20/12/2023

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.121306	KT.121307	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12,869	12,452	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	60,3	75,7	200

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1627/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.12.11049/2-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	21/12/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

Địa chỉ/ Address

: Lô K1 – K8, một phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Loại mẫu/ Type of sample

: Khí thải

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

: KT.121308 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 3)

KT.121309 – Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn gia công gỗ (Dòng khí thải số 4)

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 13/12/2023

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 14/12/2023 – 20/12/2023

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.121308	KT.121309	
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	13.128	12.452	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	64,3	71,9	200

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

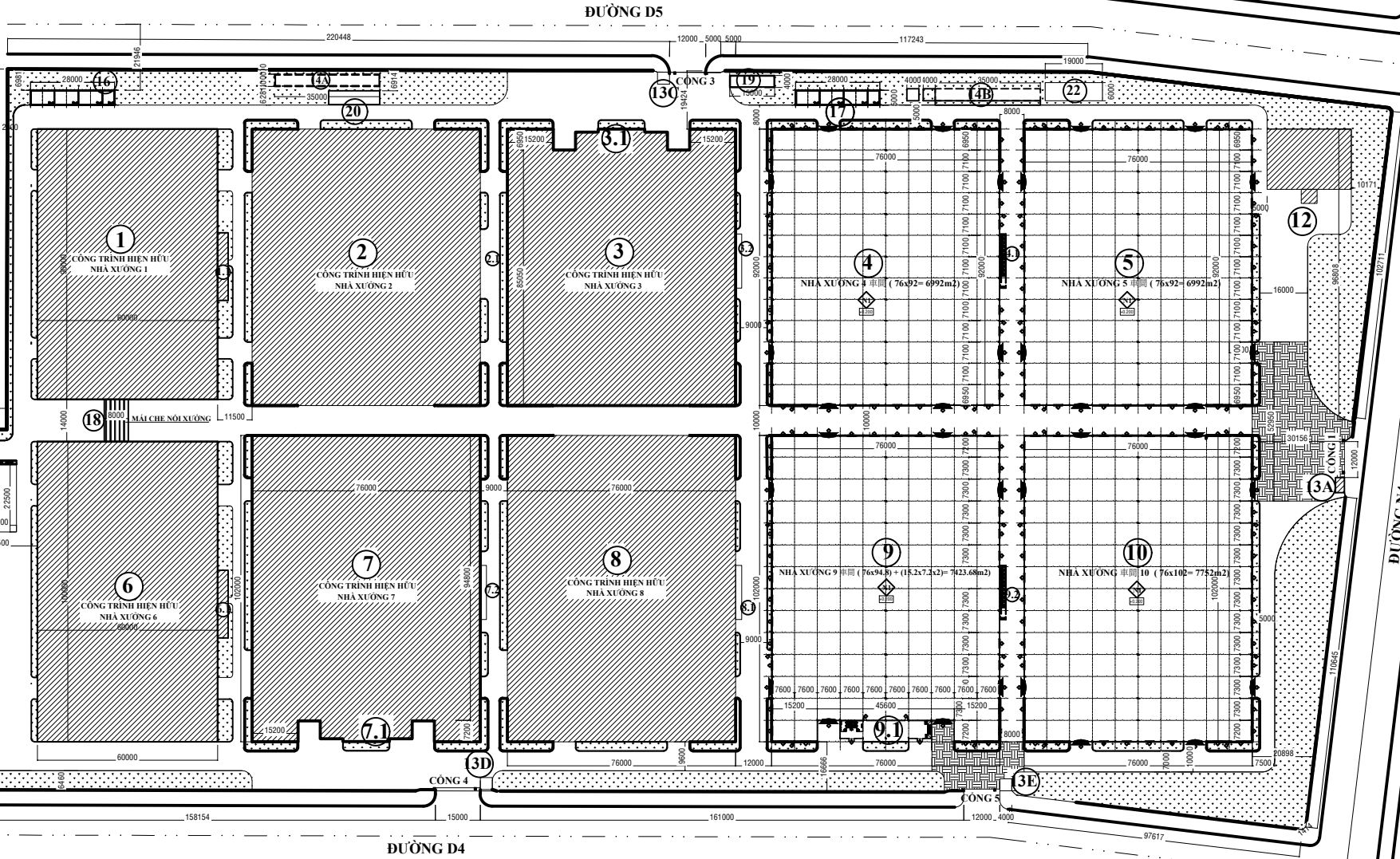
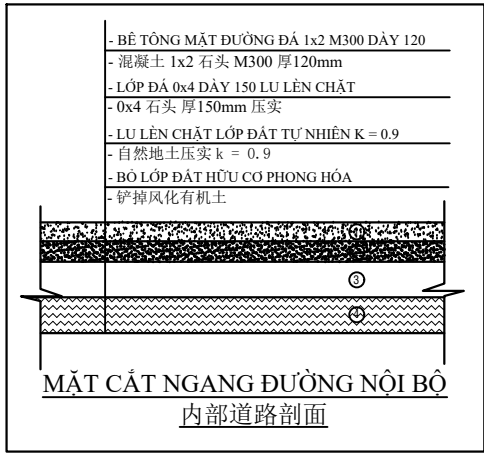
CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn

BẢN VẼ



MẶT BẰNG TỔNG THỂ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH VÀ CẤP PHÉP MỚI

TL: 1/100

- ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 1 (BT DÀY 12CM, ĐÁ 1x2, M250) 重型混凝土道路 (混凝土厚 12cm, 标号 M250, 1*2 石头), ĐÁ 0x4 DÀY 150 LU LÊN CHẶT (0x4 石头 厚 150mm 压实)
- ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 2 (BT DÀY 12CM, ĐÁ 1x2, M250, LƯỚI THÉP HÀN Ø8@200) 重型混凝土道路 (混凝土厚 15cm, 标号 M250, 1*2 石头, 钢筋 Ø8@200), ĐÁ 0x4 DÀY 150 LU LÊN CHẶT (0x4 石头 厚 150mm 压实)

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
1	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
1.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
2	NHÀ XƯỞNG 車間 2 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	92	76	6992
2.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
3	NHÀ XƯỞNG 車間 3 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2		
3.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 3 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	30.4	6.95	211.28
3.2	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
4	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
4.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
5	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
6	NHÀ XƯỞNG 6 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
6.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
7	NHÀ XƯỞNG 車間 7 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2		
7.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 7 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	30.4	6.95	211.28

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
7.2	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
8	NHÀ XƯỞNG 車間 8 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	102	76	7752
8.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	102	76	7752
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2		
9.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28
9.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
10	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752
11	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200
1.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	20.95	471.375
12	NHÀ VĂN PHÒNG 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	20	587
12	NHÀ VĂN PHÒNG 1 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	28	20	614
3A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15
3B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
13C	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
13B	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
13E	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
14A	BÊ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	4
14B	BÊ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	4
15	NHÀ ĂN + NHÀ XE 2F. SL: 1 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	80	26	2080
15	NHÀ KHO 2 SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	70	31	2170
16	NHÀ PHỤ TRỢ 輔房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
17	NHÀ PHỤ TRỢ 輔房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
18	MÁI CHE LỐI ĐI NƠI XƯỞNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	8	14	112
19	BÊ XLNT SL: 2 CÁI (ĐÃ CẤP PHÉP)	15	4	60
20	NHÀ HÚT BỤI 木灰房 (ĐÃ CẤP PHÉP)	17	4.58	77.86
21	NHÀ VĂN PHÒNG 2 辦公樓 4F (XIN CẤP PHÉP)	23	15	369.75
22	BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI THẾP CT3 (XIN CẤP PHÉP)	19	6	114

BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	81311.39	64.98
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25027.2	20
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	18797.41	15.02
A CÂY XANH 绿化 B SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO C CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU			



ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG

I.A.DESIGN



ĐC: 8/48D ĐƯỜNG HOÀNG HOA THẨM, P. PHÚ LỢI,
TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG.
Tel: 0868.4868.89

Signature

GIÁM ĐỐC: HOÀNG XUÂN ĐẠI

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

Signature

Kts: HOÀNG XUÂN ĐẠI

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC

Signature

Kts: ĐẶNG NGUYỄN MINH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Signature

Kts: VÕ THỊ KIM NGÂN

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN KÙ K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC: MẶT BẰNG TỔNG THỂ

XPXD ☒

THIẾT KẾ THI CÔNG ☐

P.C.C.C ☐

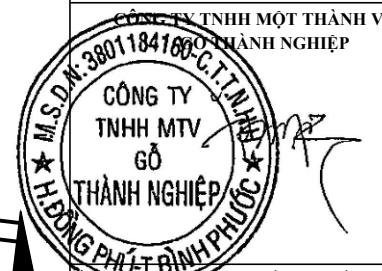
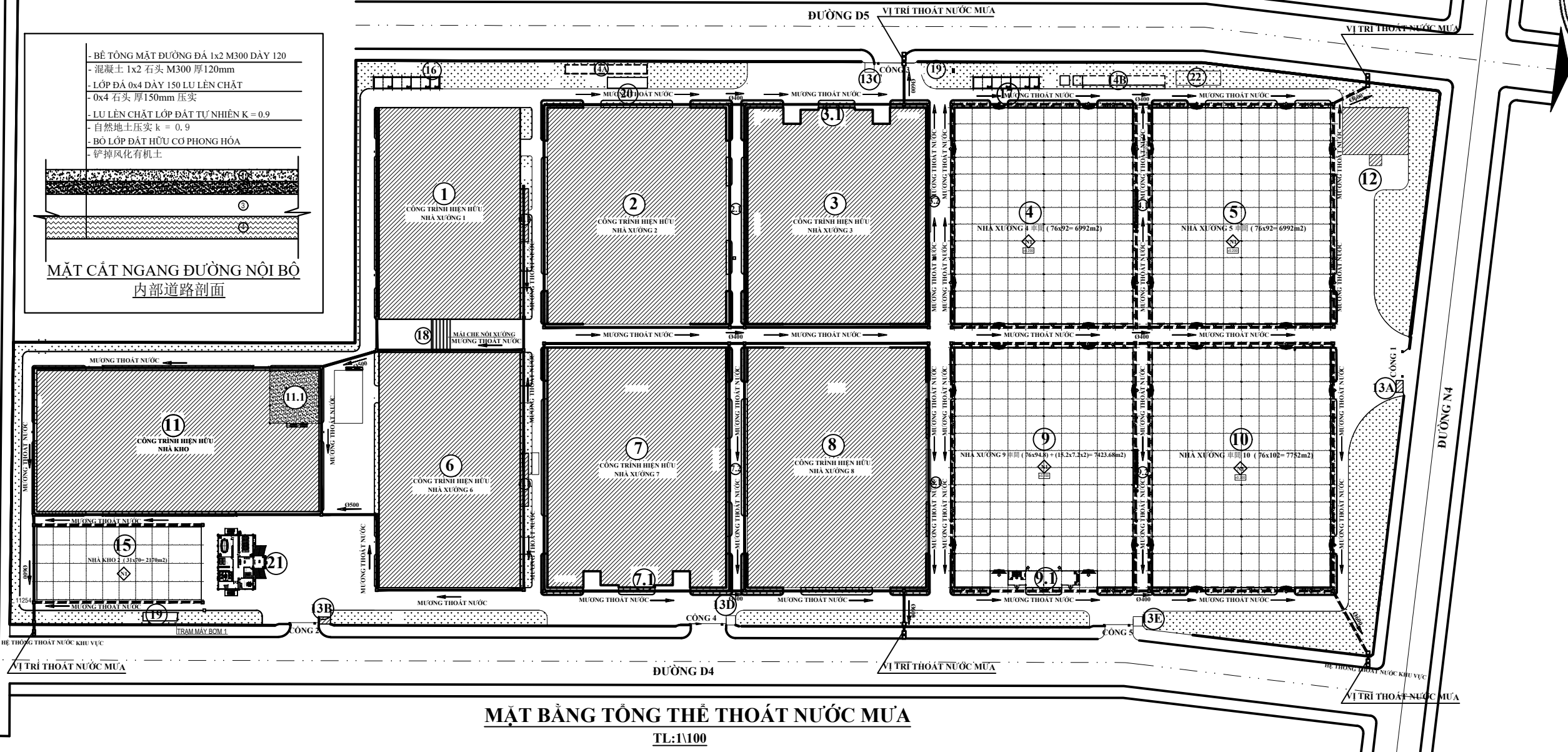
HOÀN CÔNG ☐

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH VÀ CẤP PHÉP MỚI

NGÀY HOÀN THÀNH
THÁNG /2023

KÍ HIỆU
TT



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP
ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ MÔI TRƯỜNG
I.A.DESIGN

I.A.DESIGN®
KIẾN TẠO KHÔNG GIAN NHÀ ĐẸP
ĐC: 8/48D ĐƯỜNG HOÀNG HOA THẨM, P. PHÚ LỢI,
TP. THỦ ĐẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG.
Tel: 0868.4868.89

GIÁM ĐỐC: **HOÀNG XUÂN ĐẠI**

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC
HOÀNG XUÂN ĐẠI

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
ĐẶNG NGUYỄN MINH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
VÕ THỊ KIM NGÂN

TÊN CÔNG TRÌNH
**NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP**

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN KÙ K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM
HẠNG MỤC: MẶT BẰNG TỔNG THỂ

XPXD ☒
THIẾT KẾ THI CÔNG ☐
P.C.C.C ☐
HOÀN CÔNG ☐

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
NGÀY HOÀN THÀNH
THÁNG /2023
KÍ HIỆU
TT **01/06**

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m ²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
1	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
1.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
2	NHÀ XƯỞNG 車間 2 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	92	76	6992
2.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
3	NHÀ XƯỞNG 車間 3 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2		
3.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 3 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	30.4	6.95	211.28
3.2	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
4	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
4.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
5	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
6	NHÀ XƯỞNG 6 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
6.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
7	NHÀ XƯỞNG 車間 7 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2		
7.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 7 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	30.4	6.95	211.28

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m ²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
7.2	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
8	NHÀ XƯỞNG 車間 8 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	102	76	7752
8.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	102	76	7752
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2		
9.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28
9.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
10	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752
11	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200
1.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	20.95	471.375
12	NHÀ VĂN PHÒNG 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	20	587
12	NHÀ VĂN PHÒNG 1 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	28	20	614
3A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15
3B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m ²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
13	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
13.1	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
13.2	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
14	BỂ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	560m3
14.1	BỂ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	560m3
15	NHÀ ĂN + NHÀ XE 2F. SL: 1 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	80	26	2080
15.1	NHÀ KHO 2 SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	70	31	2170
16	NHÀ PHỤ TRỢ 輔房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
17	NHÀ PHỤ TRỢ 輔房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
18	MÁI CHE LỐI ĐI NƠI XƯỞNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	8	14	112
19	BỂ XLNT SL: 2 CÁI (ĐÃ CẤP PHÉP)	15	4	60
20	NHÀ HÚT BỤI 灰灰房 (ĐÃ CẤP PHÉP)	17	4.58	77.86
21	NHÀ VĂN PHÒNG 2 辦公樓 4F (XIN CẤP PHÉP)	23	15	369.75
22	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI THẾP CT3 (XIN CẤP PHÉP)	19	6	114

BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT		
STT	LOẠI ĐẤT 地种	MẬT ĐỘ 比率 (%)
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	81311.39
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25027.2
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	18797.41

A

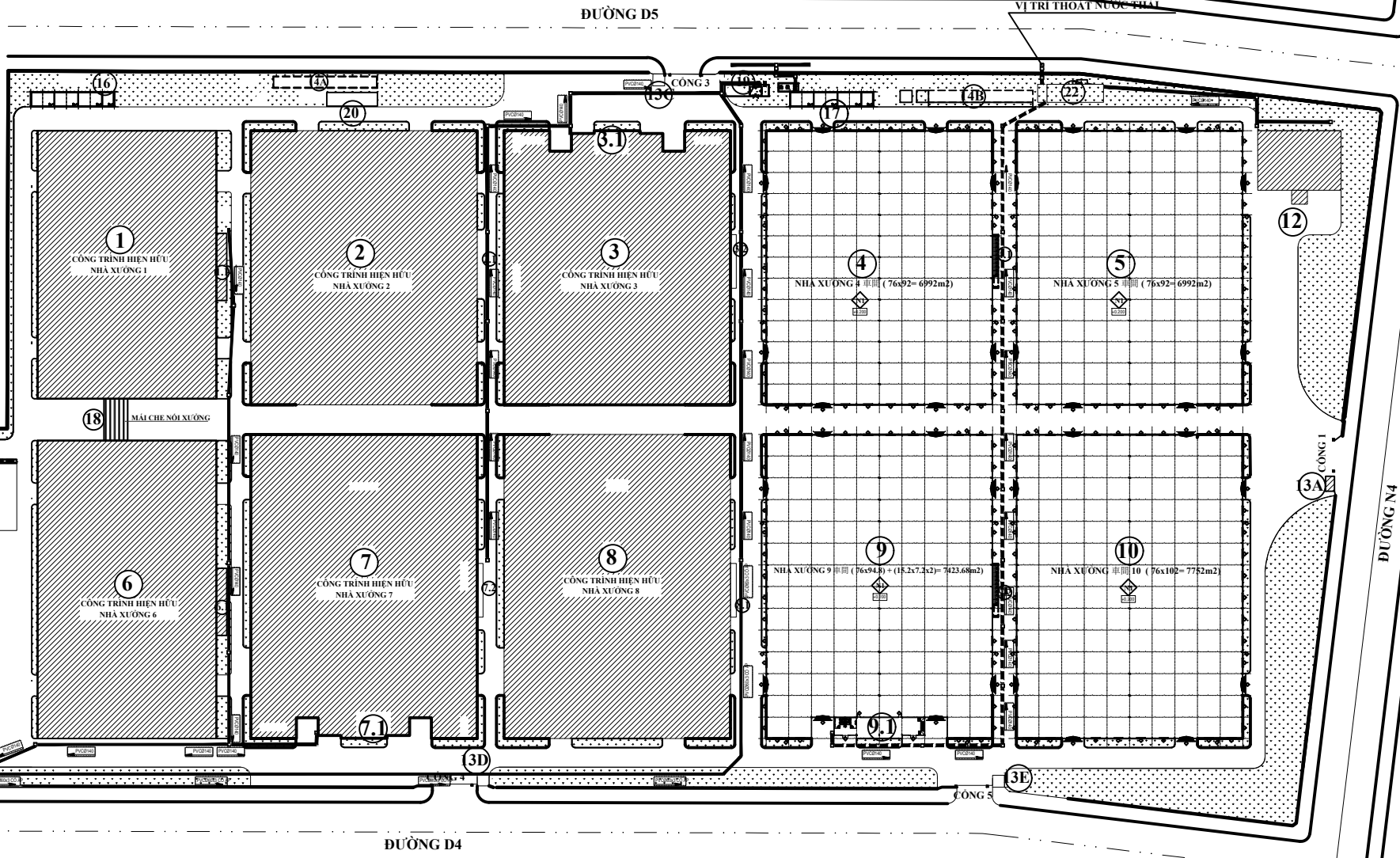
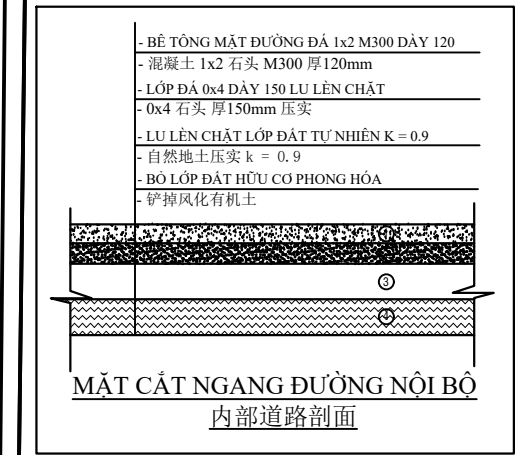
CÂY XANH 绿化

B

SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO

C

CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU



CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
1	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
1.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
2	NHÀ XƯỞNG 車間 2 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	92	76	6992
2.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
3	NHÀ XƯỞNG 車間 3 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2		
3.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 3 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	30.4	6.95	211.28
3.2	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
4	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
4.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
5	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
6	NHÀ XƯỞNG 6 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
6.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
7	NHÀ XƯỞNG 車間 7 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2		
7.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 7 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	30.4	6.95	211.28

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
7.2	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
8	NHÀ XƯỞNG 車間 8 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	102	76	7752
8.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	18	2	36
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	102	76	7752
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2		
9.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28
9.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
10	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752
11	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200
11.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	20.95	471.375
12	NHÀ VĂN PHÒNG 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	20	587
12	NHÀ VĂN PHÒNG 1 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	28	20	614
3A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15
3B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)
		DÀI 长	RỘNG 宽	
13	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
13	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
13	NHÀ BẢO VỆ (XIN CẤP PHÉP)	4	4	16
14	BÊ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	4
14	BÊ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	4
15	NHÀ ĂN + NHÀ XE 2F. SL: 1 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	80	26	2080
15	NHÀ KHO 2 SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	70	31	2170
16	NHÀ PHỤ TRỢ 輔房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
17	NHÀ PHỤ TRỢ 輔房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
18	MÁI CHE LỐI ĐI NỐI XƯỞNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	8	14	112
19	BÊ XLNT SL: 2 CÁI (ĐÃ CẤP PHÉP)	15	4	60
20	NHÀ HÚT BỤI 灰灰房 (ĐÃ CẤP PHÉP)	17	4.58	77.86
21	NHÀ VĂN PHÒNG 2 辦公樓 4F (XIN CẤP PHÉP)	23	15	369.75
22	BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI THẾP CT3 (XIN CẤP PHÉP)	5.5	4.5	1404.75
22	BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI THẾP CT3 (XIN CẤP PHÉP)	19	6	114

BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT		
STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m ²)
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	81311.39
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25027.2
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	18797.41
MẬT ĐỘ 比率 (%)		
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	100
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	64.98
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	20
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	15.02
CÂY XANH 绿化		
A	CÂY XANH 绿化	
SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO		
B	SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO	
CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU		
C	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



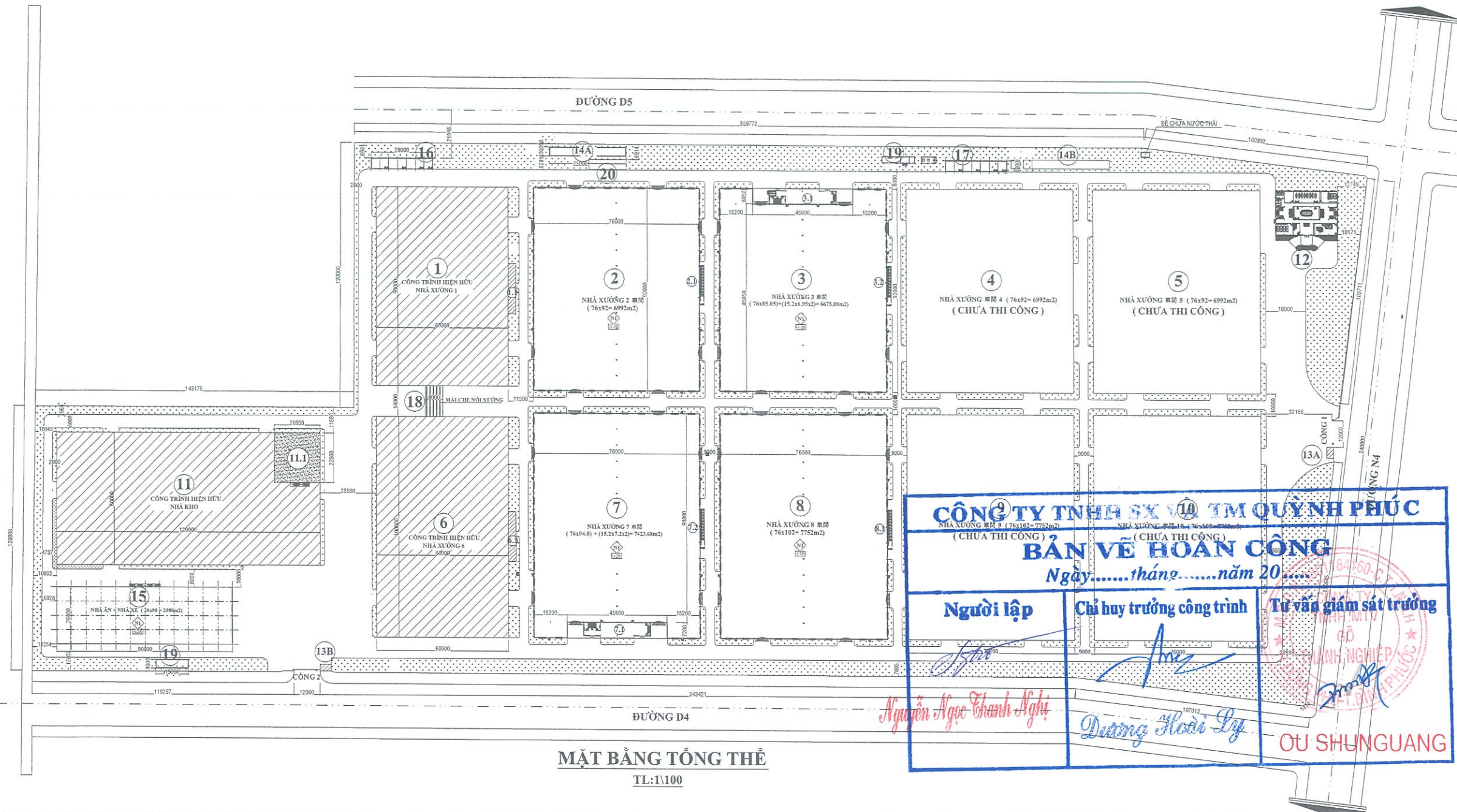
BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY TNHH SX&TM QUỲNH PHÚC

ĐỊA CHỈ XÂY DỰNG: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TL: 1/100

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m ²)
		ĐÀI 长	RỘNG 宽	
1	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
1.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
2	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
2	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
2.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
3	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
3	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m ²		
3.1	NHÀ VÂN PHÒNG XƯỞNG 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28
3.2	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
3.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
4	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
4	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992
4.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
4.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
5	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400
5	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m ²)
		ĐÀI 长	RỘNG 宽	
6	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
6.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
7	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
7	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m ²		
7.1	NHÀ VÂN PHÒNG XƯỞNG 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28
7.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
8	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
8	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752
8.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75
8.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
9	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752
9.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36
10	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000
10	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DT. SÀN 地板面积 (m ²)
		ĐÀI 长	RỘNG 宽	
11	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200
11	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	22.5	20.95	471.375
12	NHÀ VÂN PHÒNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	50	18	931.5
12	NHÀ VÂN PHÒNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	28	20	587
13A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15
13B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15
14A	BỂ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m ³) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140
14B	BỂ PCCC (35x4x4=560m ³) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140
15	NHÀ ĂN + NHÀ XE SL: 2 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	60	20	1200
15	NHÀ ĂN + NHÀ XE SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	60	20	1200
15	NHÀ ĂN + NHÀ XE SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	80	26	2080
16	NHÀ PHỤ TRỢ 補房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
17	NHÀ PHỤ TRỢ 補房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140
18	MÁI CHE LỐI ĐI NƠI XƯỞNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	8	14	112
19	BỂ XLNT SL: 2 CÁI (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	15	3	45
20	NHÀ HÚT BỤI 木灰房 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	17	4.58	77.86

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m ²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25
A CÂY XANH 绿化 B SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO C DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG ĐÃ CẤP PHÉP D CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU			

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TP. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

M.S.D.N: 3801184600

CÔNG TY TNHH MTV
GỖ THÀNH NGHIỆP

H. ĐÔNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

KTP
KIẾN THÀNH PHÁT CO., LTD

ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TEL.: 0986714391

EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

M.S.D.N: 3801184600

CÔNG TY TNHH MTV
TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

TP. THỦ ĐỨC - T. BÌNH DƯƠNG

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

LOẠI HỒ SƠ

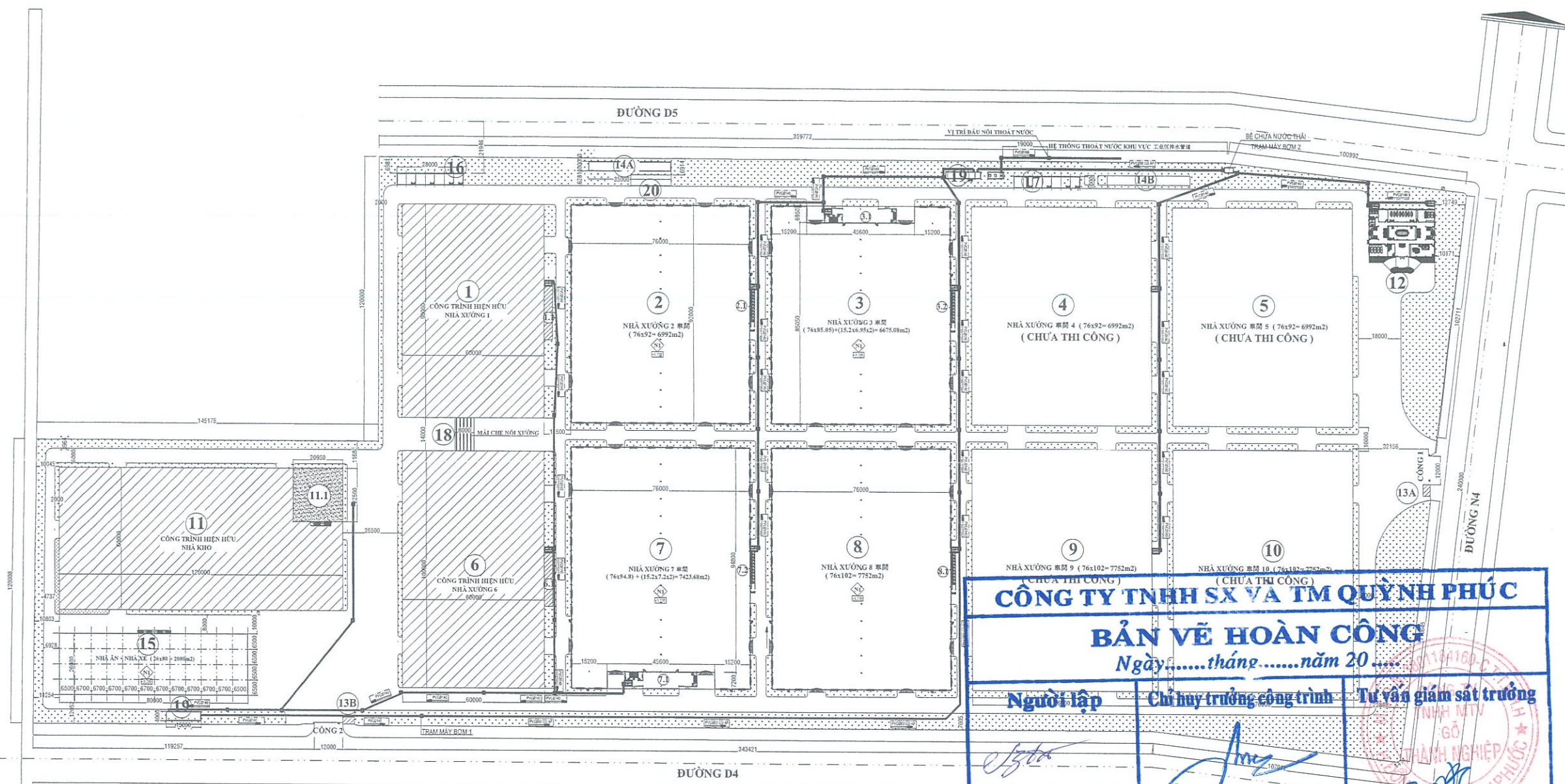
XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KỶ HIỆU BẢN VẼ

KT
01/03

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ
TL:1/100

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG					CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG					CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG					BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT						
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m²)	DT. SÀN 地板面积 (m²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m²)	DT. SÀN 地板面积 (m²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m²)	DT. SÀN 地板面积 (m²)	STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)
		DÀI 长	RỘNG 宽					DÀI 长	RỘNG 宽					DÀI 长	RỘNG 宽						
①	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑥	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑪	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200	7200	1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100
①.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑥.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑪.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	22.5	20.95	471.375	471.375	2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑫	NHÀ VÁN PHÒNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	50	18	931.5	1863	3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2				⑫	NHÀ VÁN PHÒNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	7	4.5			4.	DIỆN TÍCH SÂN BÀI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25
②.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑦.1	NHÀ VÁN PHÒNG XƯỞNG 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑬A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15	15	A B C D CÂY XANH 绿化 SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG ĐÃ CẤP PHÉP CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU			
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑬B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15	15				
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2				⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑭A	BỂ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3				
③.1	NHÀ VÁN PHÒNG XƯỞNG 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑭B	BỂ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3				
③.2	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑧.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE. SL: 2 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	60	20	1200	2400				
③.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑧.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE. SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	60	20	1200	2400				
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑯	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140				
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑰	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140				
④.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑨.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑱	MÁI CHE LỐI ĐI NỘI XƯỞNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	8	14	112	112				
④.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑲	BỂ XLNT. SL: 2 CÁI (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	15	3	45	135m3				
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑳	NHÀ HÚT BỤI 木灰房 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	17	4.58	77.86	77.86				
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992																

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

KTP

KIEN THANH PHAT CO.,LTD

ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỊ SÀI GÒN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TEL: 0986171991

EMAIL: xdkiepthanhphat@gmail.com

T. GIÁM ĐỐC

T. VẤN X. Y. D. U. G

KIẾN THÀNH PHÁT

T. THỦ ĐẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THANH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KỶ HIỆU BẢN VẼ

KT

03/03

NGÀY HOÀN THÀNH

...../2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

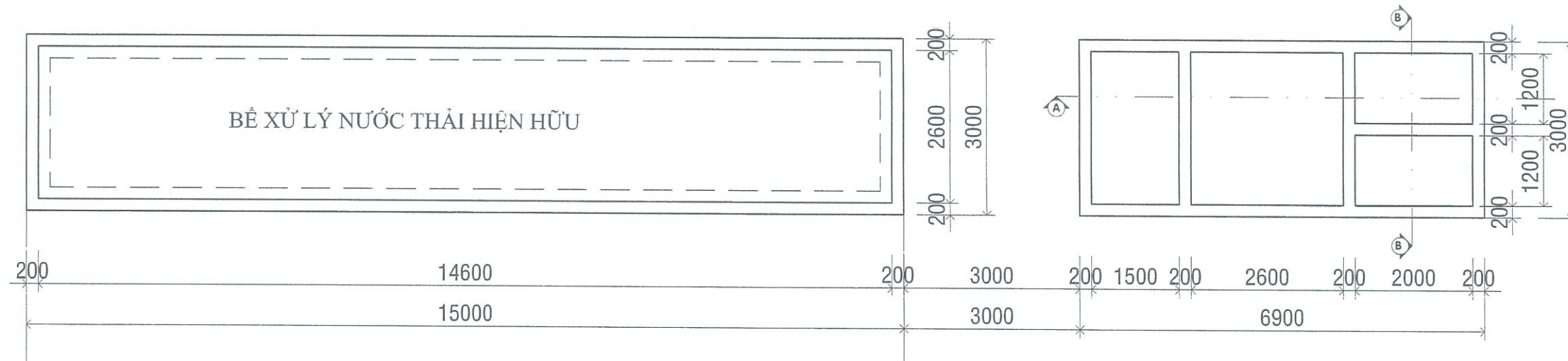


HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (6.9x3x4.8)m

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

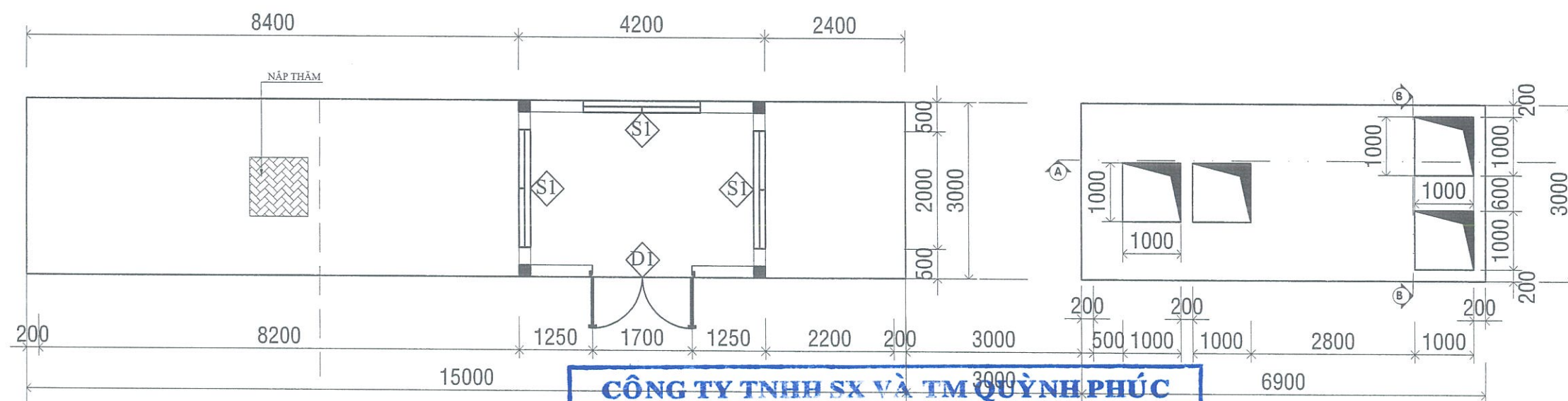
ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

MẶT BẰNG ĐÁY BỂ 池底平面

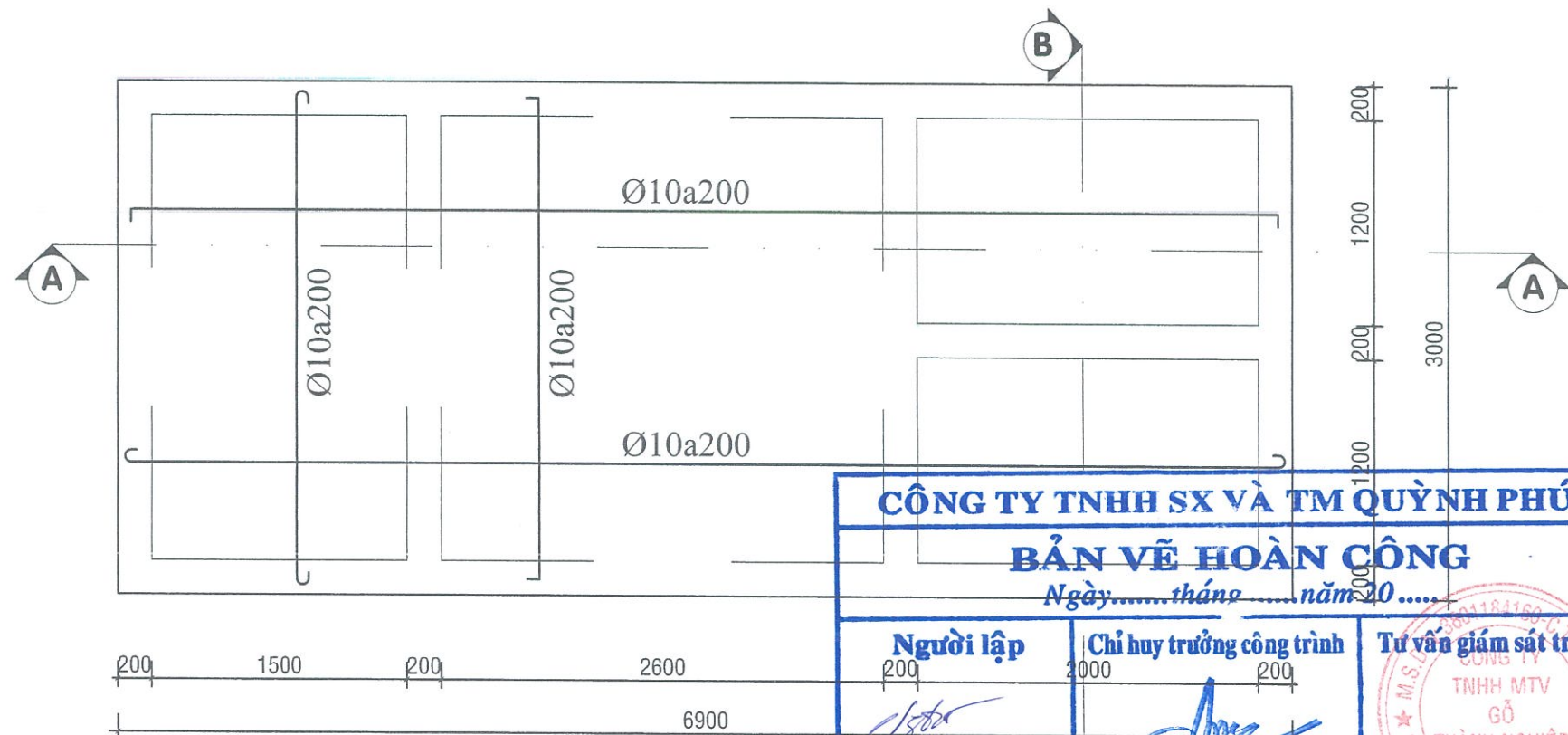


MẶT BẰNG NẮP BỂ

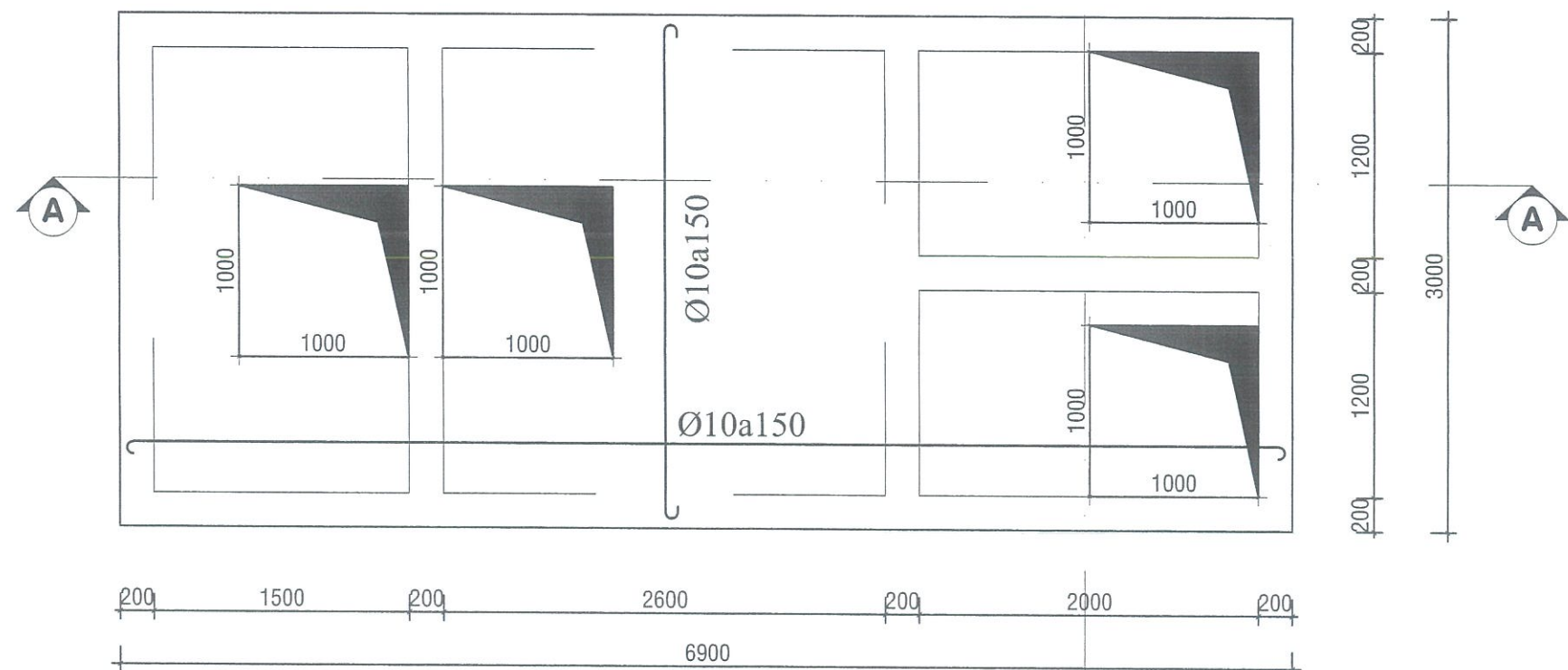
MẶT BẰNG NẮP BỂ 池底平面

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20....		
Người lập Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Chỉ huy trưởng công trình Dương Hoài Ly	Tư vấn giám sát trưởng ÔNG SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
ÔNG SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	THIẾT KẾ
Ks. NGUYỄN THANH SANG	QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MB ĐÁY MÓNG MB NẮP BỂ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/...../2022	



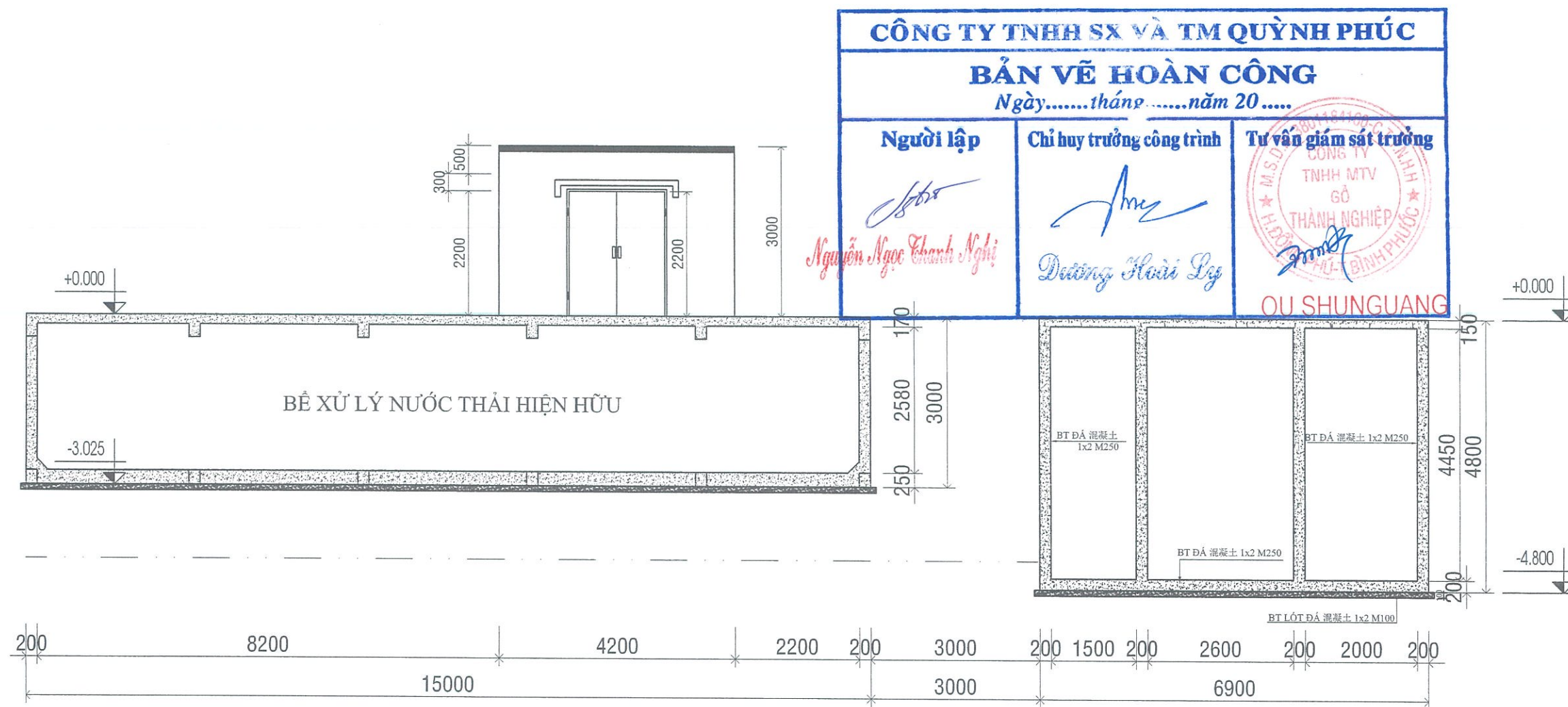
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ 池底平面



MẶT BẰNG THÉP NÁP BỂ 池底平面

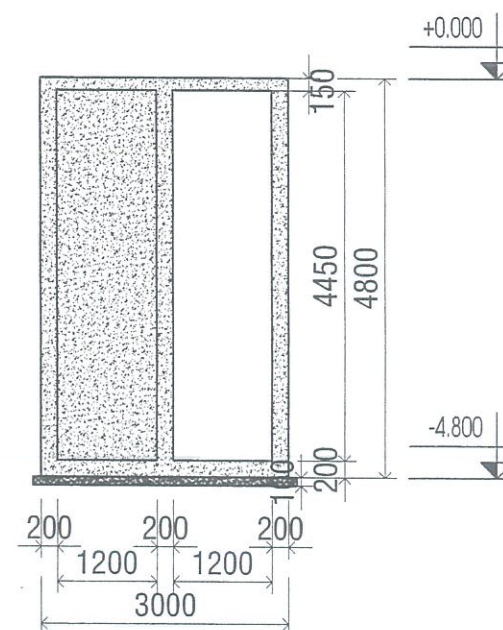
CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Dương Hoài Ly	OU SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MB THÉP ĐÁY BỂ MB THÉP NÁP BỂ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH...../2022	KT 02/04



MẶT CẮT 剖面

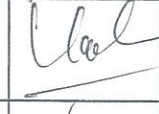
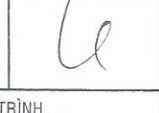
MẶT CẮT A-A

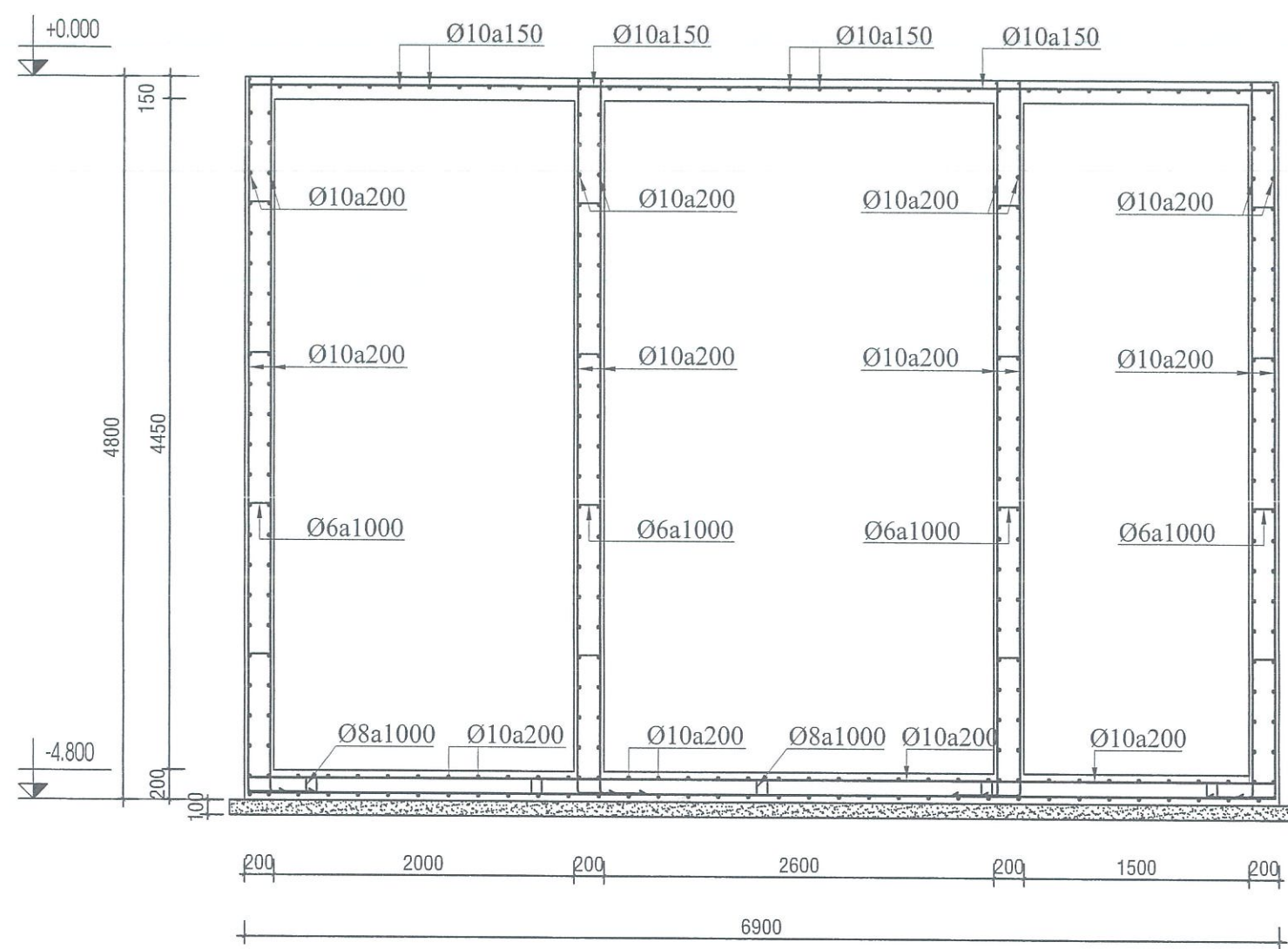


MẶT CẮT B-B

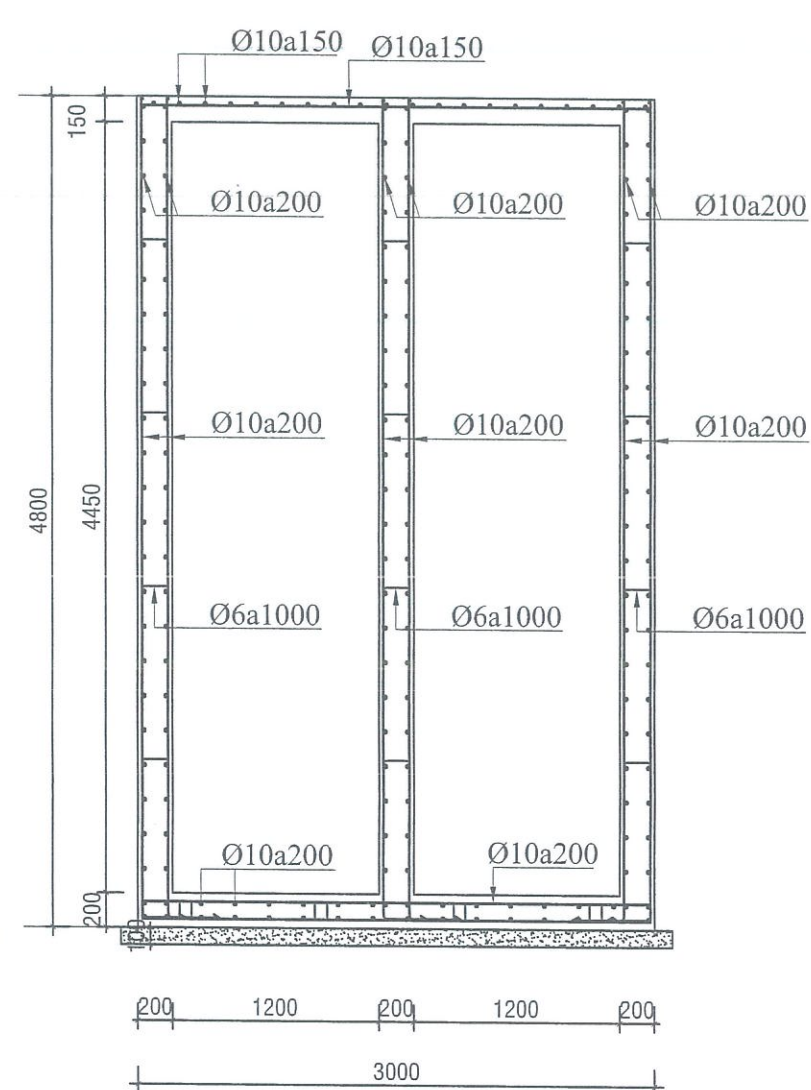
GHI CHÚ 备注:

- BÊ TÔNG BÊ M250 + PHỤ GIA CHỐNG THẤM B6
混凝土M250 + B6 防渗剂
- QUÉT CHỐNG THẤM SIKAPROOF MEMBRANE
(MÀNG CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI) 2 LỚP
刷两层SIKAPROOF MEMBRANE 防渗漆

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP	
OU SHUNGUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT  KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD	
ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: kienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT KTS. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT A-A MẶT CẮT B-B	
LOẠI HỒ SƠ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ KT 03/04
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

GHI CHÚ 备注:

- BÊ TÔNG BÊ M250 + PHỤ GIA CHỐNG THẤM B6
混凝土M250 + B6 防渗剂
- QUÉT CHỐNG THẤM SIKAPROOF MEMBRANE
(MÀNG CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI) 2 LỚP
刷两层SIKAPROOF MEMBRANE 防渗漆

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập
Nguyễn Ngọc Thanh Nghị

Chỉ huy trưởng công trình
Dương Hoài Ly

Tư vấn giám sát trưởng
OU SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT KTP KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD	
ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Thanh Sang</i> Ks. NGUYỄN THANH SANG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ <i>Nguyễn Duy Phương</i> Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG THIẾT KẾ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT A-A MẶT CẮT B-B	
LOẠI HỒ SƠ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ KT 04/04
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT**

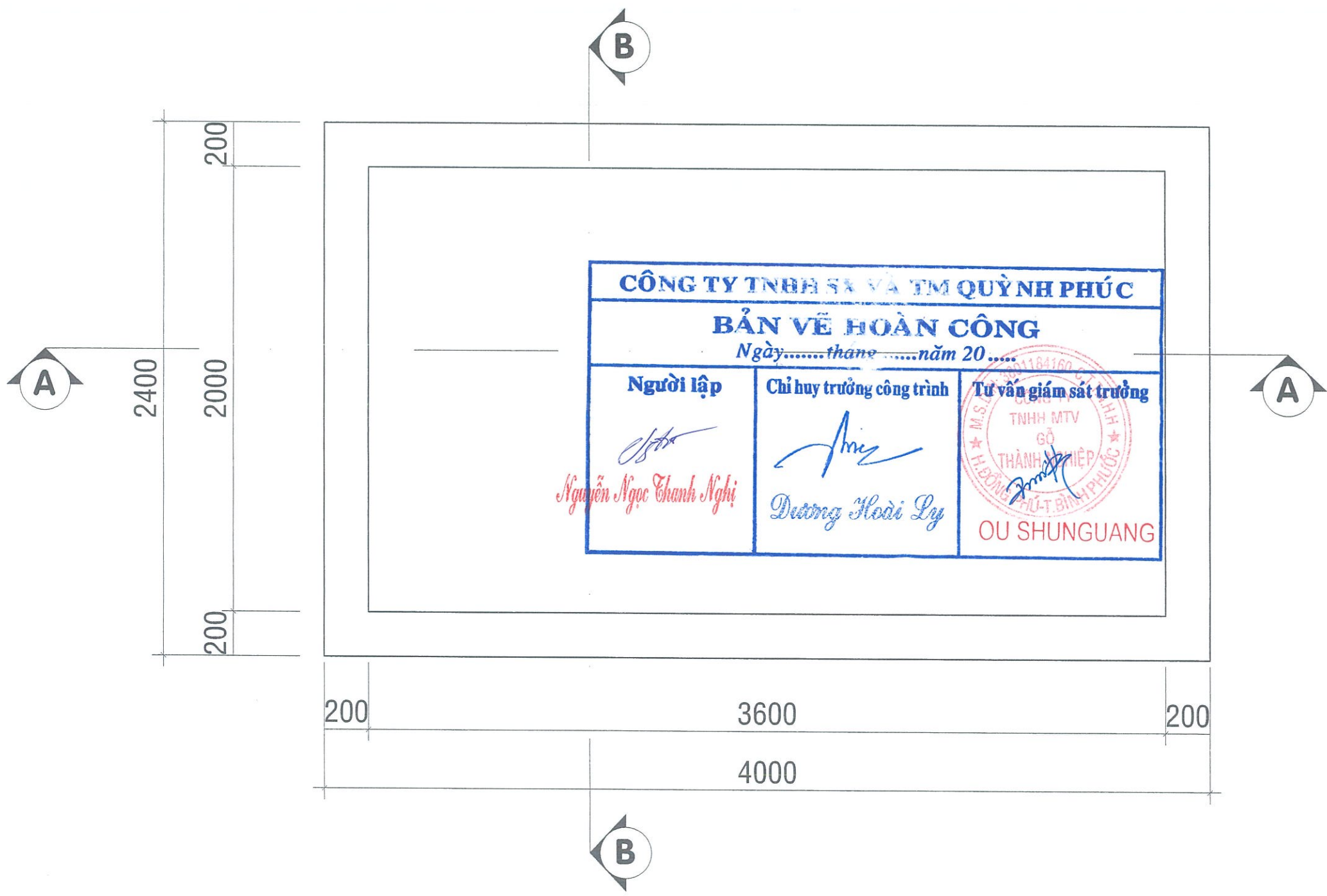


HẠNG MỤC: BỂ CHỨA NƯỚC THẢI (4x2.4x3.3)m

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

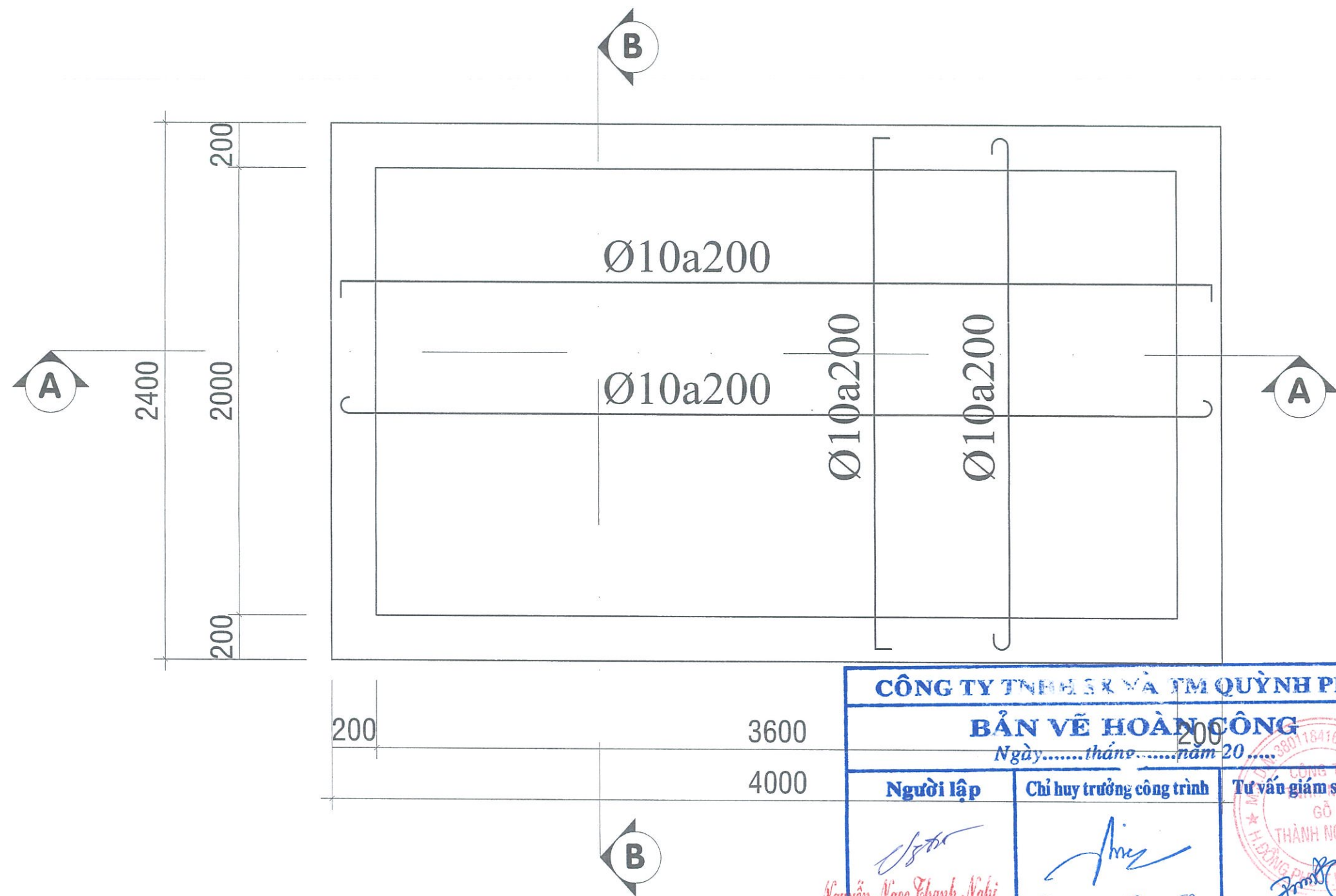
ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



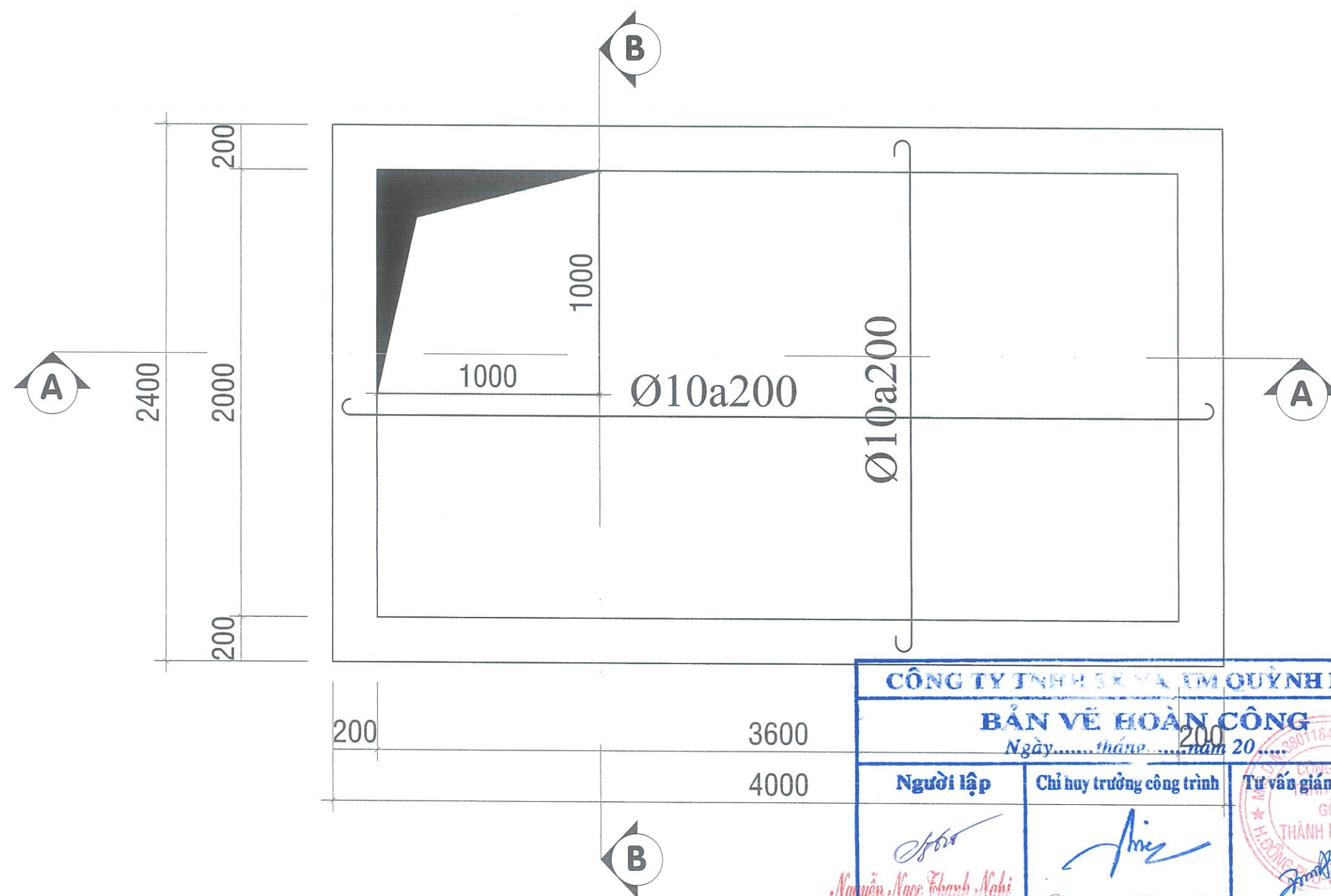
MẶT BẰNG ĐÁY BỂ 池底平面

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@ gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ CHỨA NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG ĐÁY BỂ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	KT 01/05

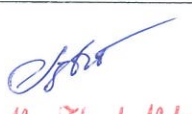
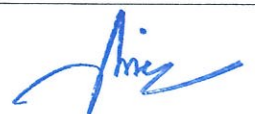


MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ 池底平面

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
 OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC Ks. NGUYỄN THANH SANG	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ CHỨA NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ KT
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	02/05



MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ 池底平面

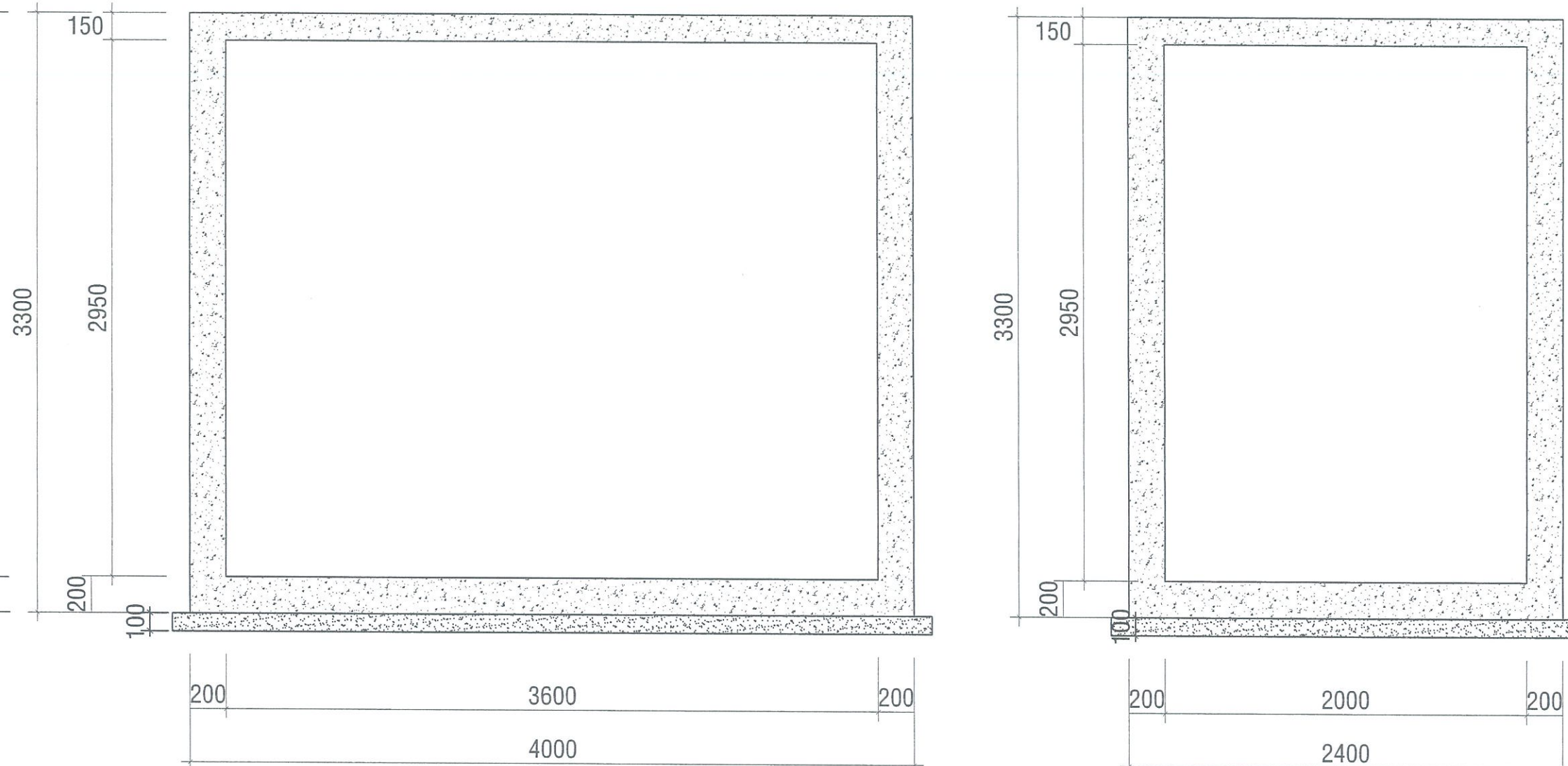
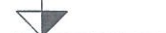
CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
 Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	 Dương Hoài Ly	 OU SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
	
ĐỊA CHỈ	
Số 7/8/3 Đường Phú Lợi, Khu 1, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	
TEL : 0986171391	
EMAIL : kienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
 Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	THIẾT KẾ
Ks. NGUYỄN THANH SANG	QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ CHỨA NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MB THÉP NẮP BỂ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH...../2022	KT 03/05

+0.000



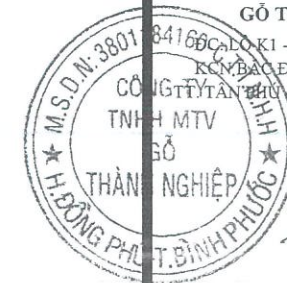
-3.300



MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT B-B

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Dương Hoài Ly	OU SHUNGUANG



OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC



Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG
THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT A-A
MẶT CẮT B-B

LOẠI HỒ SƠ

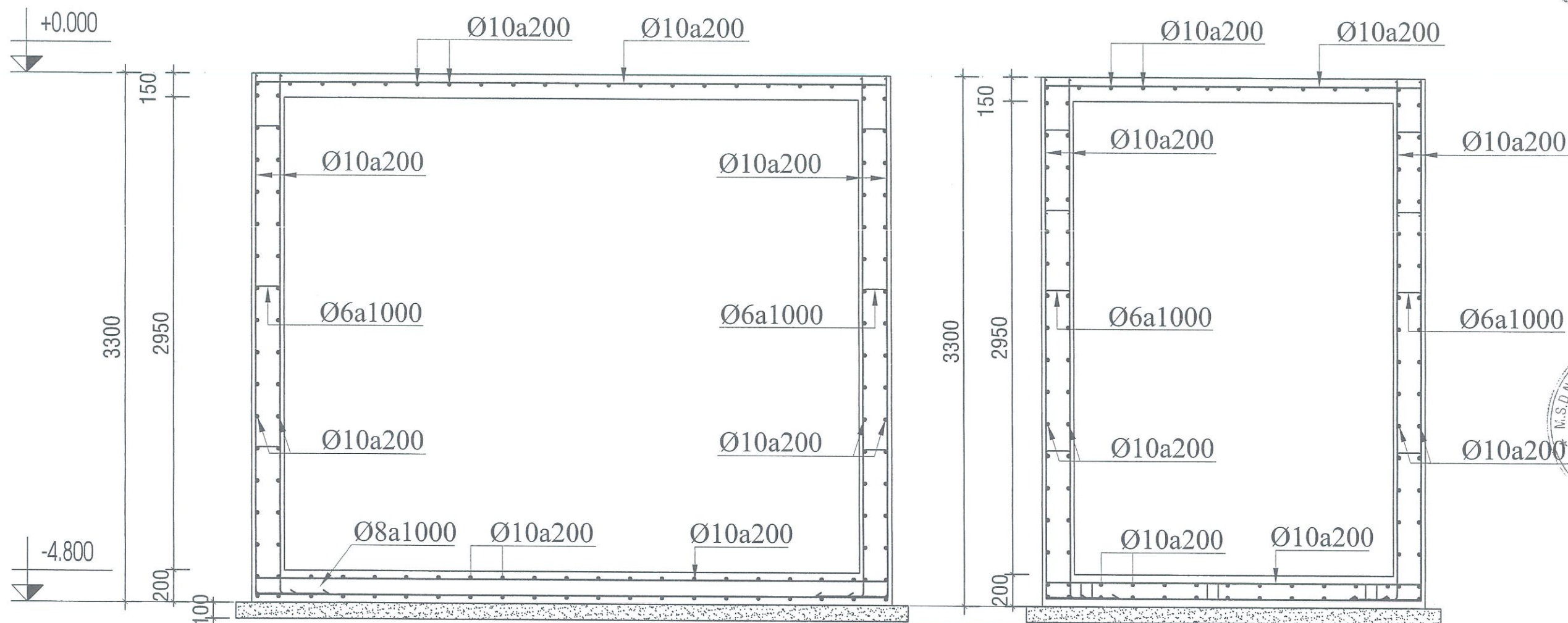
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

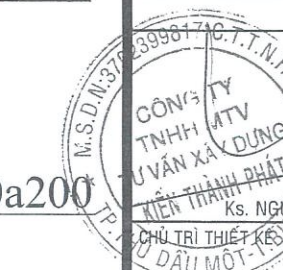
KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
04/05



CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
MẶT CẮT THÉP A-A		MẶT CẮT THÉP B-B



CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	THIẾT KẾ
Ks. NGUYỄN THANH SANG	QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ CHỨA NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT CẮT THÉP A-A	
MẶT CẮT THÉP B-B	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH	KT
...../2022	05/05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT**

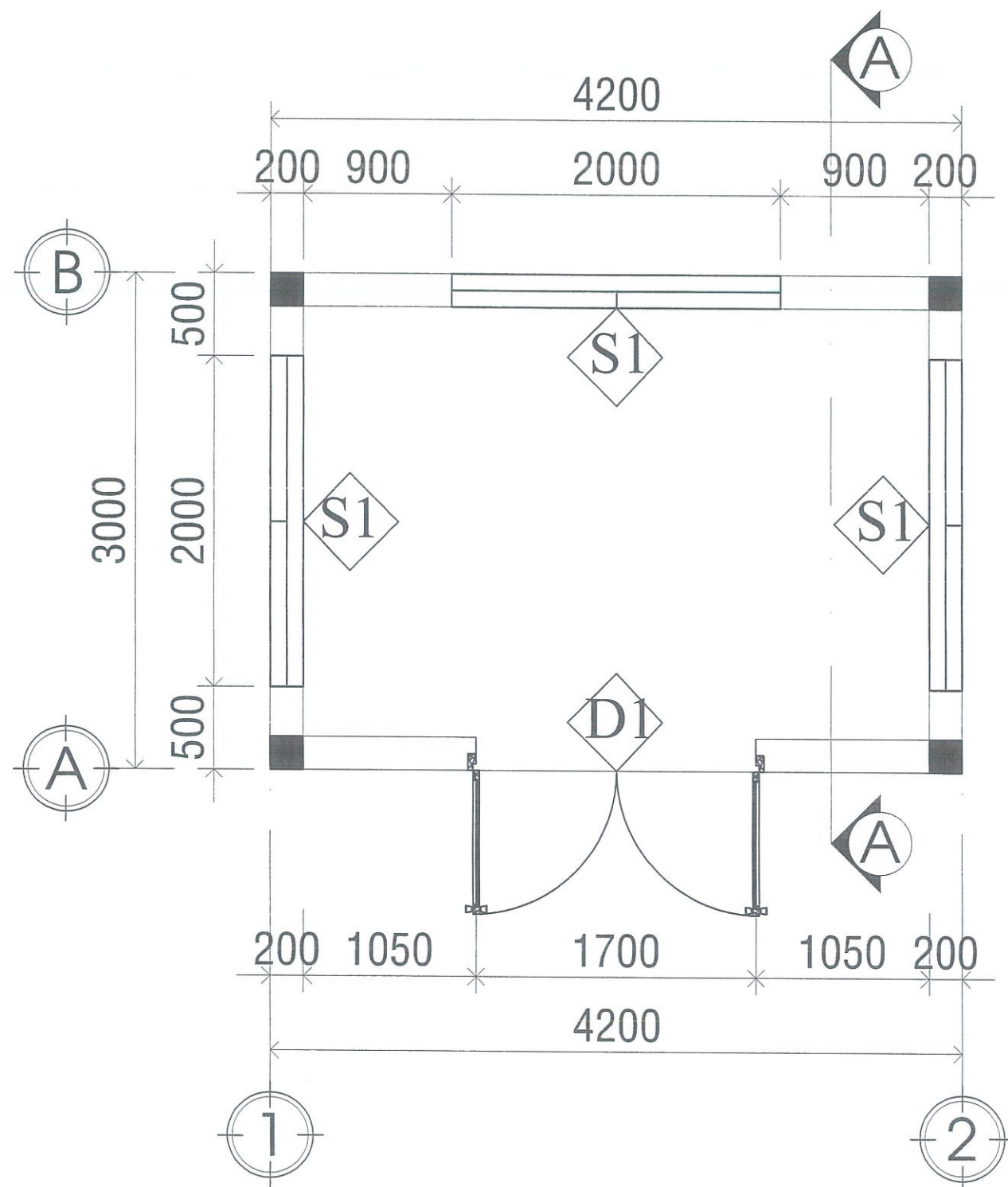


HẠNG MỤC: NHÀ TRÊN BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (4.2x3)m

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



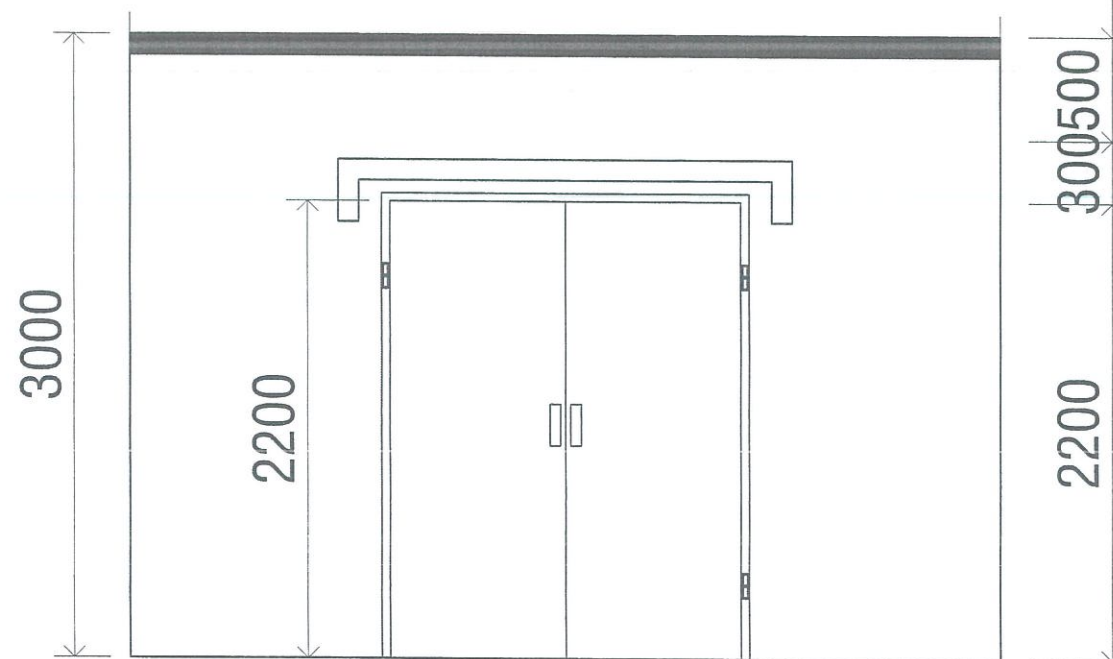
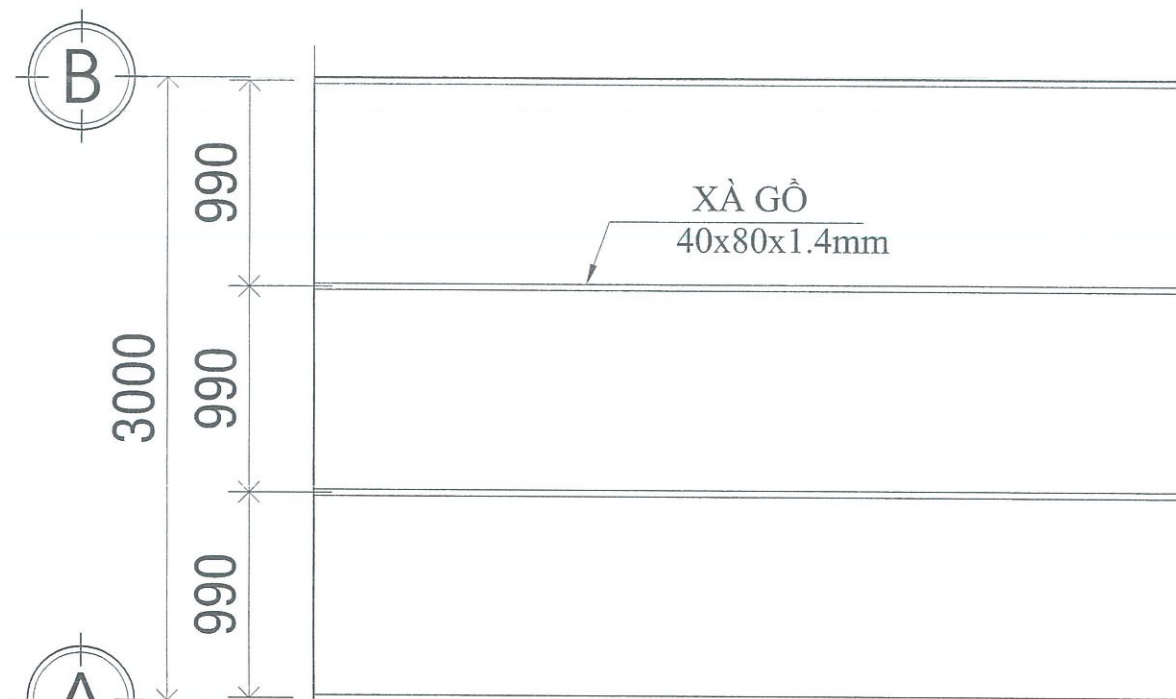
MẶT BẰNG 平面图



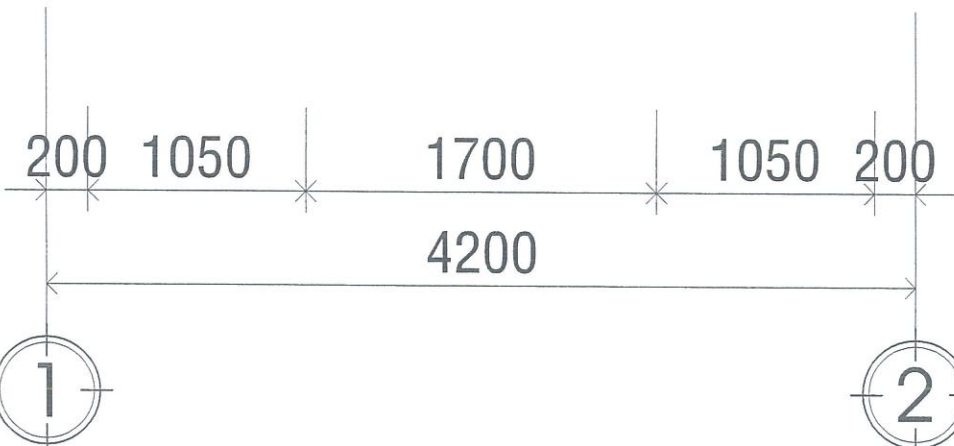
MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面图

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Dương Hoài Ly	ÔNG SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
K8, I PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP	
ÔNG SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
Số 7/8/3 Đường Phú Lợi, Khu 1, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	
TEL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, I PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
NHÀ TRÊN BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG MẶT BẰNG MÁI	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH	KT
...../2022	01/05



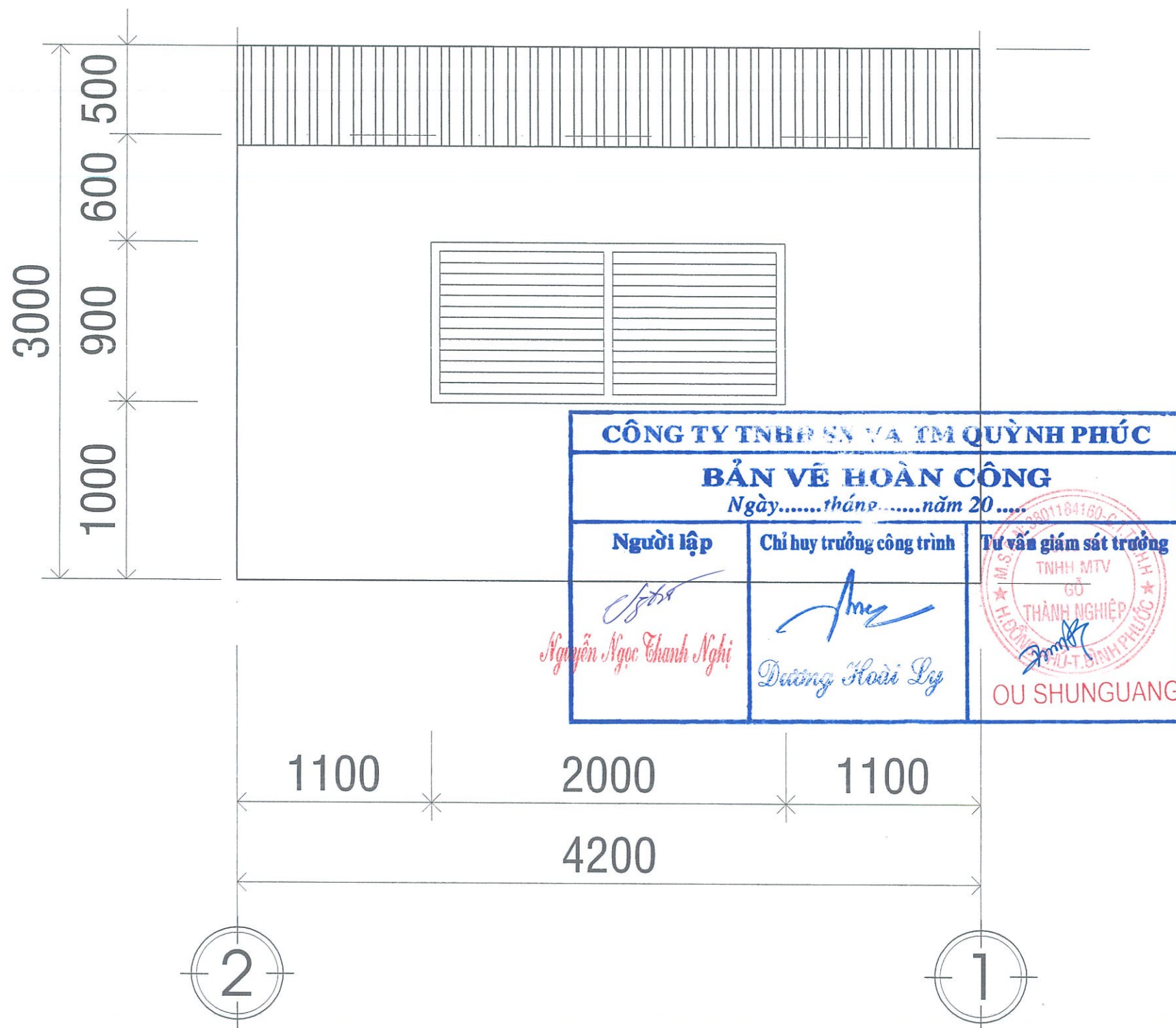
CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Dương Hoài Ly	OU SHUNGUANG



MB KHOẢNG CÁCH XÀ GỒ MẶT ĐỨNG TRỰC 立面图 1-2
MÁI

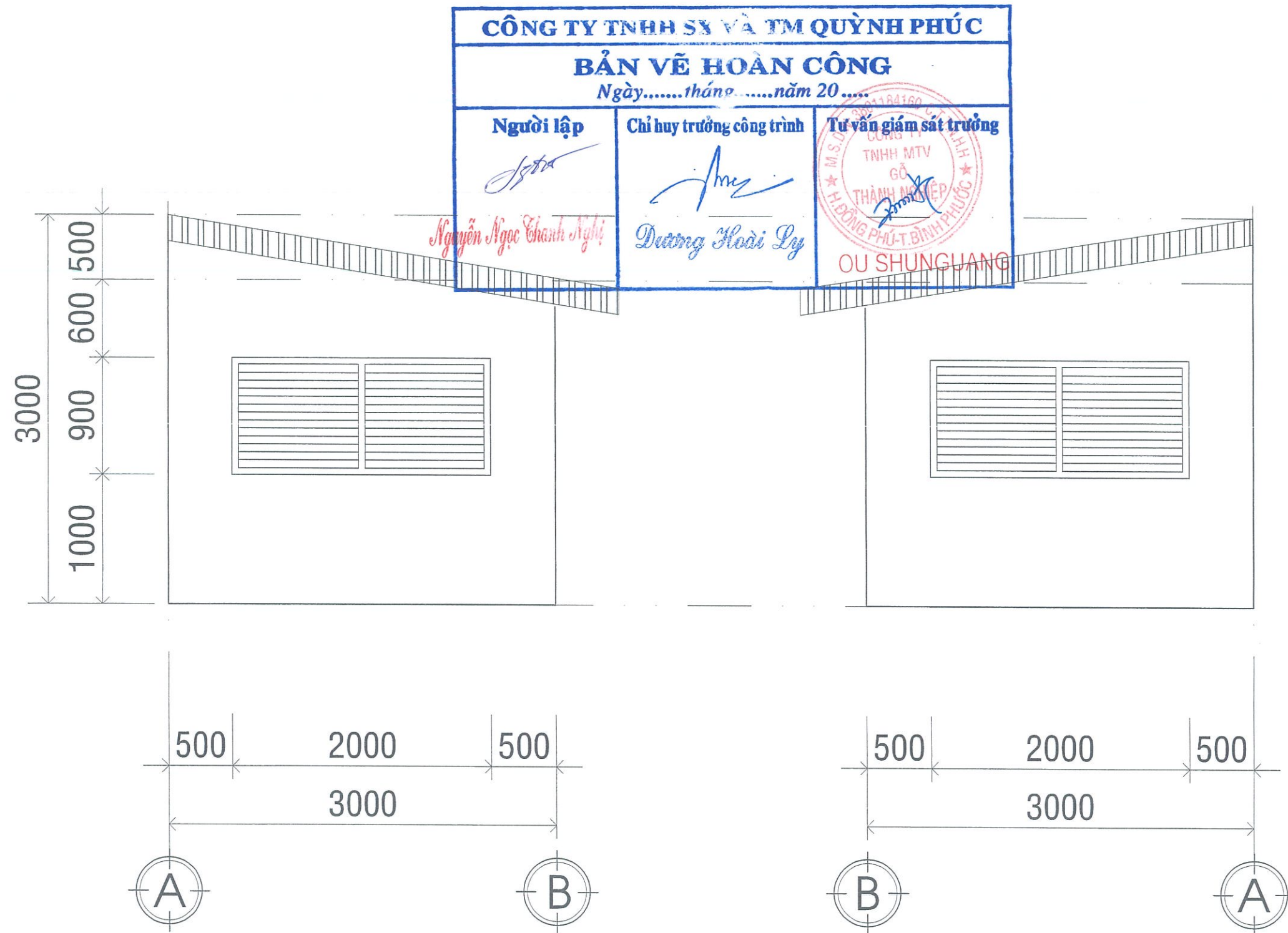


CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
NHÀ TRÊN BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MB KHOẢNG CÁCH XÀ GỒ MÁI MẶT ĐỨNG TRỰC 1-2	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH	KT
...../2022	02/05



MẶT ĐỨNG TRỰC 立面图 2-1

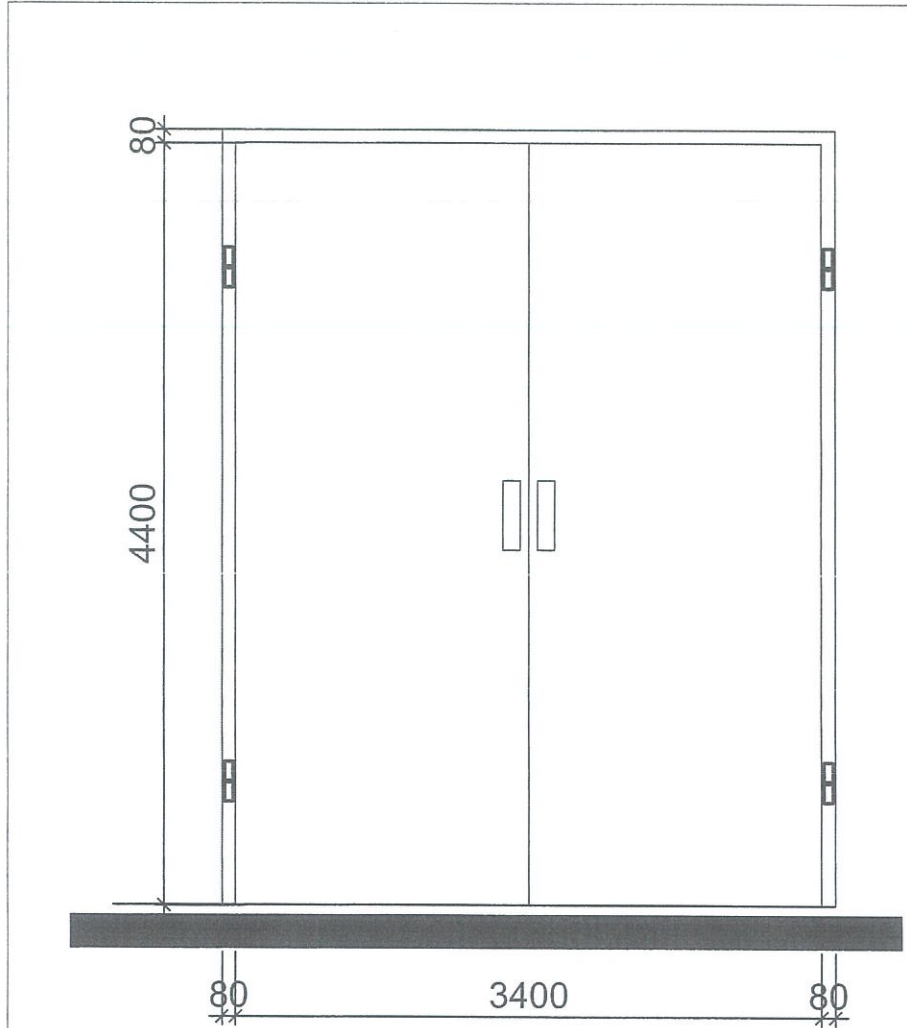
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
 SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
 KIẾN THÀNH PHÁT CO., LTD	
ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỖ TRƯỞNG THIẾT KẾ Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	THIẾT KẾ Ks. NGUYỄN THANH SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NHÀ TRÊN BÈ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ MẶT ĐỨNG TRỰC 2-1	
LOẠI HỒ SƠ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ KT
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	03/05



MẶT ĐỨNG TRỰC 立面图 A-B

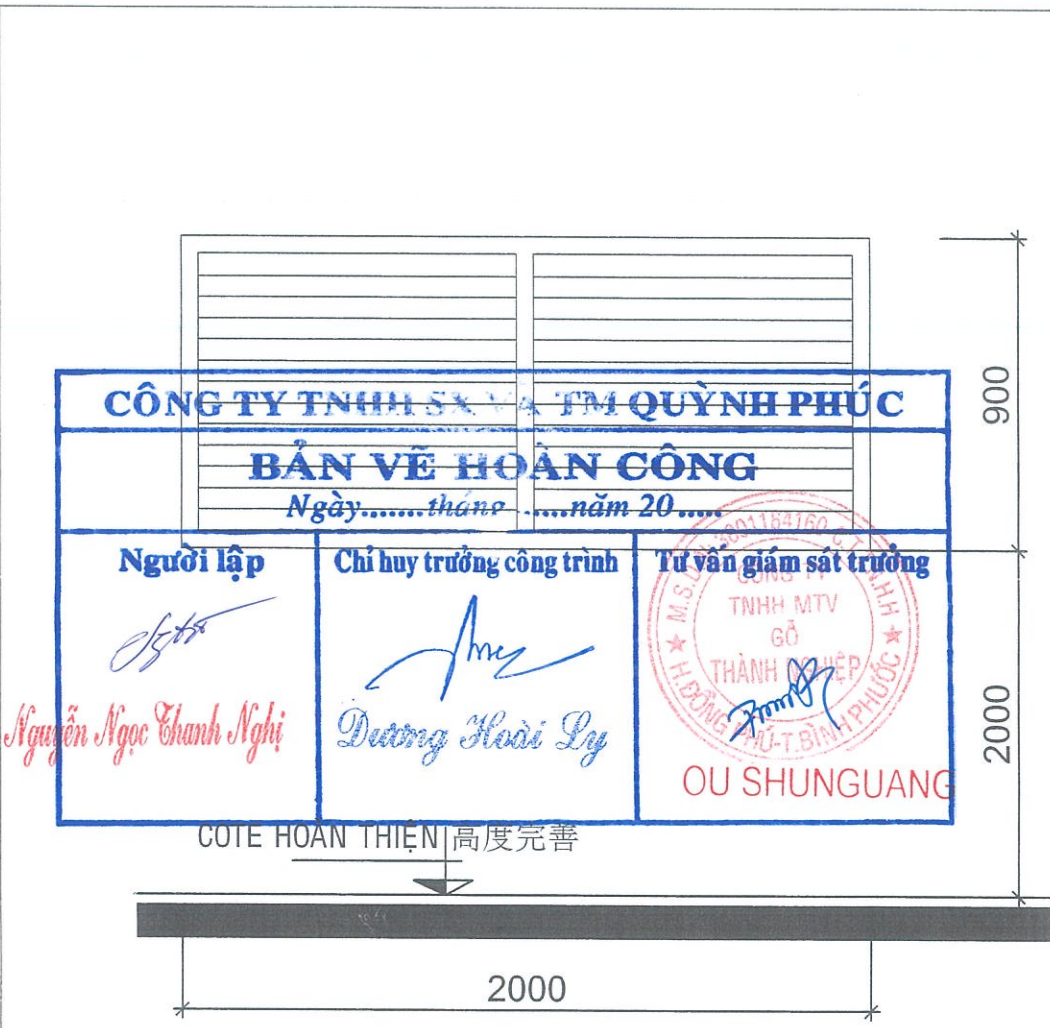
MẶT ĐỨNG TRỰC 立面图 B-A

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
ÔNG SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TEL : 0986171391	
EMAIL: xukienphat@gmail.com	
GIAM ĐỐC	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
NHÀ TRÊN BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT ĐỨNG TRỰC A-B	
MẶT ĐỨNG TRỰC B-A	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH	
...../2022	KT 04/05



CỬA MỜ 2 CÁNH

KÍCH THƯỚC 尺寸	1700*2200
SỐ LƯỢNG 数量	01 BỘ 式
VẬT LIỆU 材料	CỬA ĐI LỬA 2 CÁNH 進出門



LAM TOLE L1 百叶窗

KÍCH THƯỚC 尺寸	900*2000
SỐ LƯỢNG 数量	03 BỘ 式
VẬT LIỆU 材料	LAM TOLE THÔNG GIÓ DÀY 1MM 钢板百叶窗透气

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

KTP

KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD

ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TELL : 0986171391

EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

NHÀ TRÊN BỀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT CỬA

CHI TIẾT LAM

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

KT

05/05

NGÀY HOÀN THÀNH

...../2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

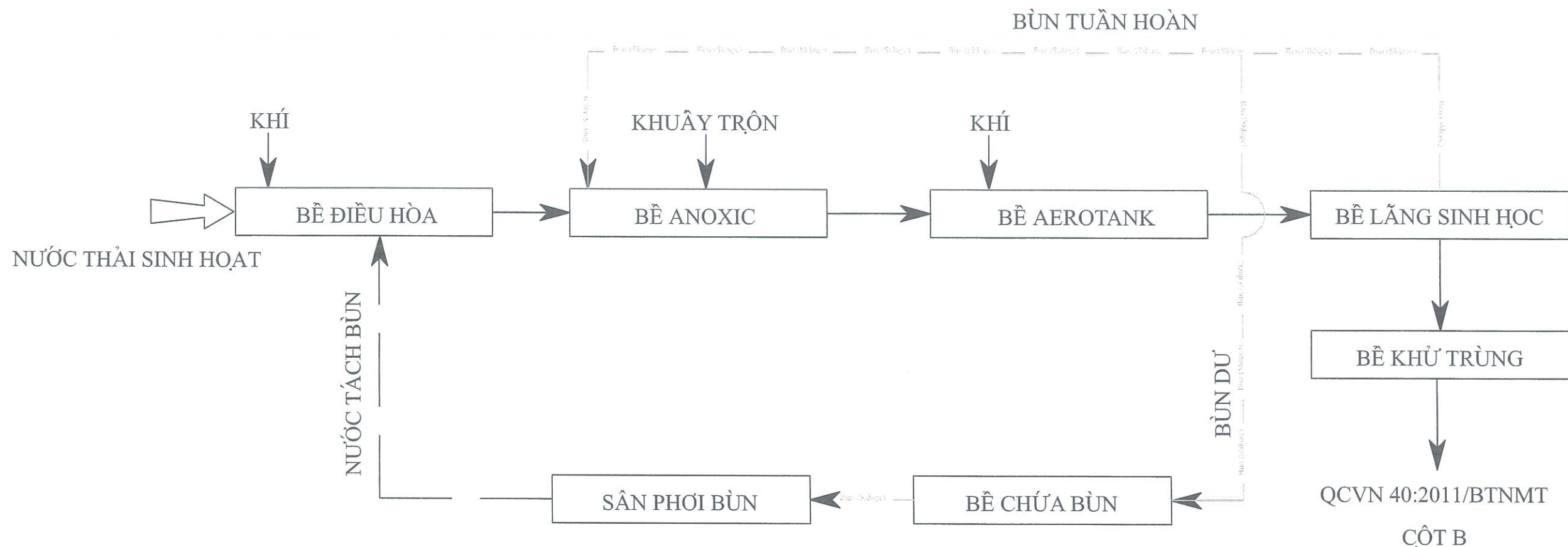


HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

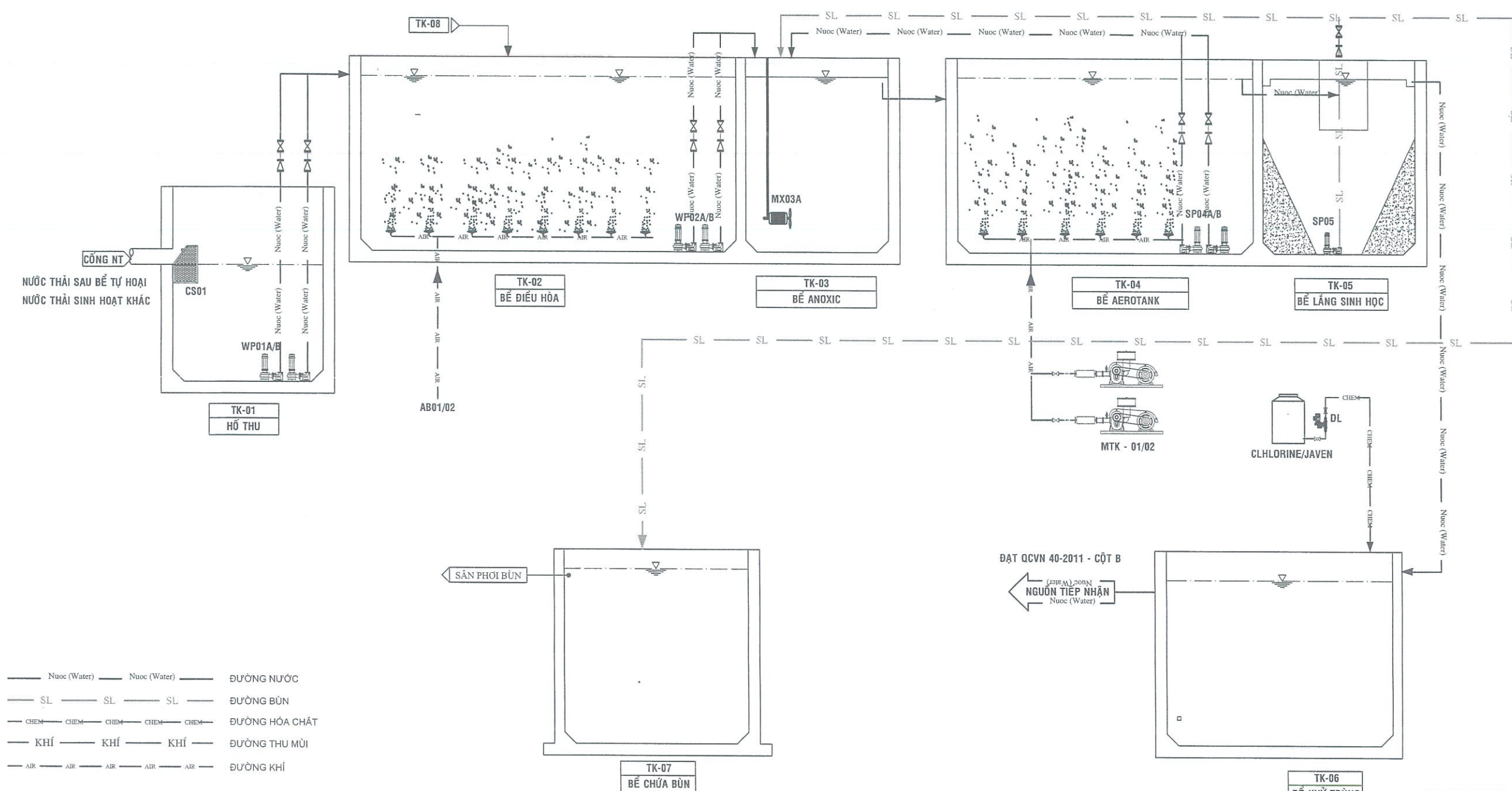
BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



SƠ ĐỒ KHÔI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 125M3/NGÀY.ĐÊM

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Chỉ huy trưởng công trình Dương Hoài Ly	Tư vấn giám sát trưởng OU SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
Số 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TEL: 09861743917 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC THIẾT KẾ	
Ks. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
SƠ ĐỒ KHÔI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 125M3/ NGÀY ĐÊM	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/...../2022	



GHI CHÚ:

- | | | | | | |
|-------|---------------|-------|----------------|--------|------------------|
| TK-01 | : HỒ THU | TK-06 | : BỂ KHỬ TRÙNG | WP.... | : BƠM NƯỚC THẢI |
| TK-02 | : BỂ ĐIỀU HÒA | TK-07 | : BỂ CHỨA BÙN | SP.... | : BƠM BÙN |
| TK-03 | : BỂ ANOXIC | CS | : GIỎ THU RÁC | AB.... | : MÁY THỔI KHÍ |
| TK-04 | : BỂ AEROTANK | | | DS.... | : BƠM ĐỊNH LƯỢNG |
| TK-05 | : BỂ LẮNG | | | | |

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập

Nguyễn Ngọc Thanh Nghị

Chỉ huy trưởng công trình

Dương Hoài Ly

Tư vấn giám sát trưởng

OU SHUNGUANG

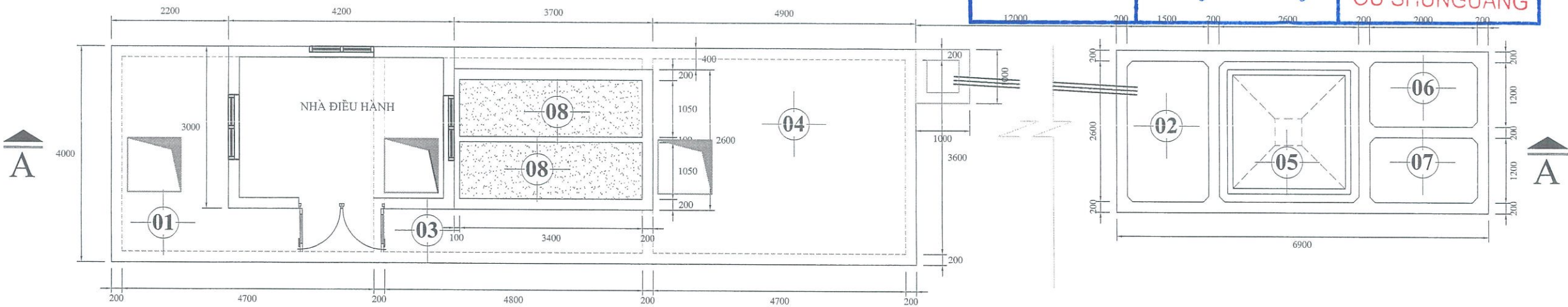
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 125M³/NGÀY.Đ

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TỈNH BÌNH DƯƠNG TEL: 0986477991 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC THIẾT KẾ	
Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 125M ³ /NGÀY.Đ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	

MẶT BẰNG HTXL NT SINH HOẠT, Q= 125M3/NGÀY --- QCVN 10:2015/BTNMT

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ



CÔNG SUẤT = 125 m3/ngày ↔ 5.21 m3/giờ (24/24)

TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V xd (m ³)	V chứa (m ³)
			D (m)	R (m)	H xd (m)	H chứa (m)		
1	Bể điều hòa	1	4.7	3.6	3	2.0	50.76	33.84
2	Bể Anoxic	1	2.6	1.5	4.5	4.2	17.55	16.38
3	Bể Aerotank 1	1	4.8	3.6	3	2.5	51.84	43.20
4	Bể Aerotank 2	1	4.7	3.6	3	2.5	50.76	42.30
5	Bể lắng sinh học	1	2.6	2.6	4.5	4	30.42	27.04
6	Bể khử trùng	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
7	Bể chứa bùn	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
8	Sân phơi bùn	2	3.4	1.05	1	0.7	7.14	5.00

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM QUỲNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập

Chủ tịch HĐQT

Tư vấn giám sát trưởng

Nguyễn Ngọc Thanh Nghị

Dương Hoài Ly

OU SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

M.S.D.N. 01184160

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

PHÚ-T. BÌNH PHƯỚC

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

KTP

KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD

ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TEL: 0986171991

Email: kdkienthanhphat@gmail.com

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THANH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MB HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT - HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ CHI TIẾT

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KỶ HIỆU BẢN VẼ

KT

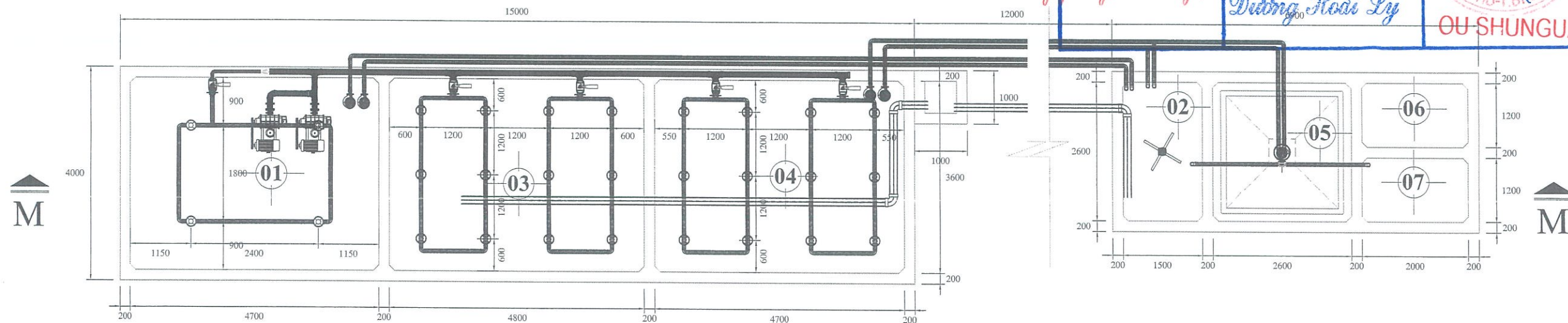
03/05

NGÀY HOÀN THÀNH

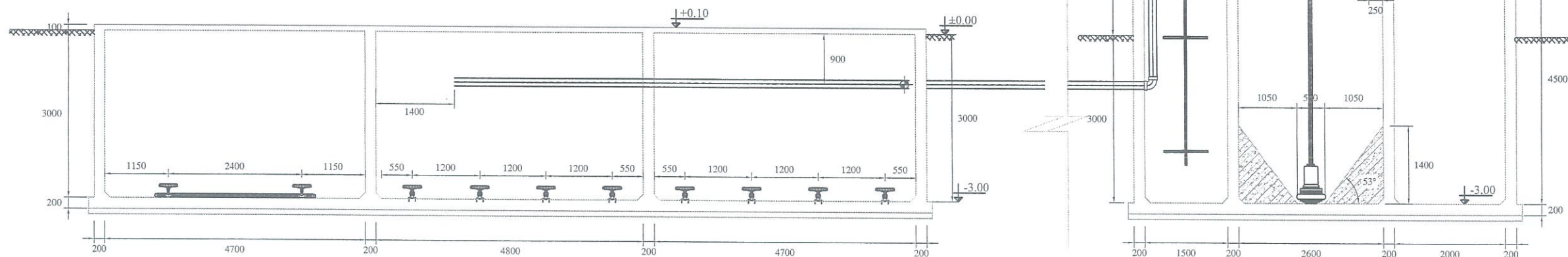
...../2022

MẶT BẰNG HTXL NT SINH HOẠT, Q= 125M3/NGÀY --- QCVN 40:2011/BTNMT

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ



MẶT CẮT M - M



HTXL NT SINH HOẠT, CÔNG SUẤT = 125 m3/ngày ↔ 5.21 m3/giờ (24/24)

TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V xd (m³)	V chứa (m³)	TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V xd (m³)	V chứa (m³)
			D (m)	R (m)	H xd (m)	H chứa (m)						D (m)	R (m)	H xd (m)	H chứa (m)		
1	Bể điều hòa	1	4.7	3.6	3	2.0	50.76	33.84	5	Bể lắng sinh học	1	2.6	2.6	4.5	4	30.42	27.04
2	Bể Anoxic	1	2.6	1.5	4.5	4.2	17.55	16.38	6	Bể khử trùng	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
3	Bể Aerotank 1	1	4.8	3.6	3	2.5	51.84	43.20	7	Bể chứa bùn	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
4	Bể Aerotank 2	1	4.7	3.6	3	2.5	50.76	42.30	8	Sân phơi bùn	2	3.4	1.05	1	0.7	7.14	5.00

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ TM QUẦN PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát trưởng

Nguyễn Ngọc Thanh Nghị

Dương Hoài Ly

OU SHUNGUANG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ THỌ, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TEL : 0988 171391
EMAIL: xkienthanphat@gmail.com

TU VẤN XÂY DỰNG

KIẾN THÀNH PHÁT

PHỤ THU DÂY MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MB HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT - HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ CHỊ TIẾT

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

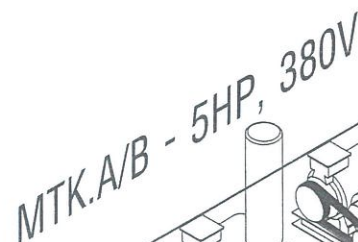
TỶ LỆ - SCALE 1/100

NGÀY HOÀN THÀNH

KÝ HIỆU BẢN VẼ

KT
04/05

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ CHI TIẾT



Ngày.....thángnăm 20...

Tư vấn giám sát trưởng

Dương Hoài Ly

OU SHUNGUANG

05/05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT**

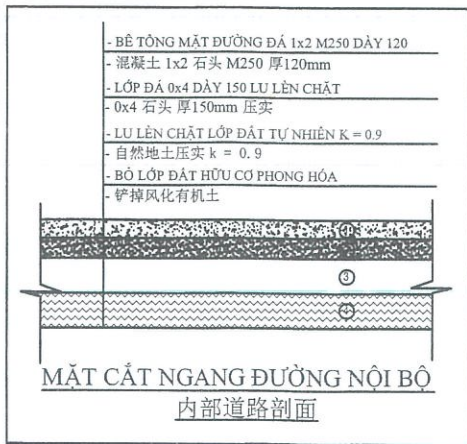


HẠNG MỤC: ĐẦU NỐI GIAO THÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022

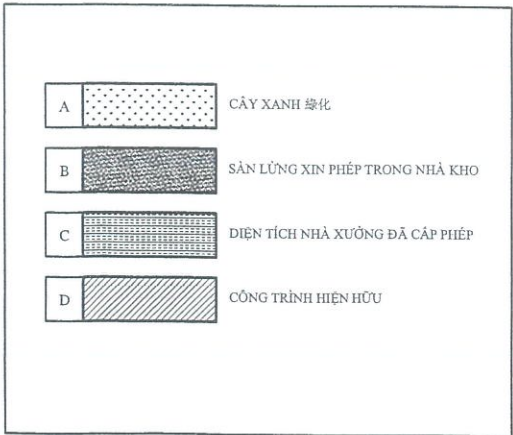


CÔNG TY TNHH SX & TM QUỲNH PHÚC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

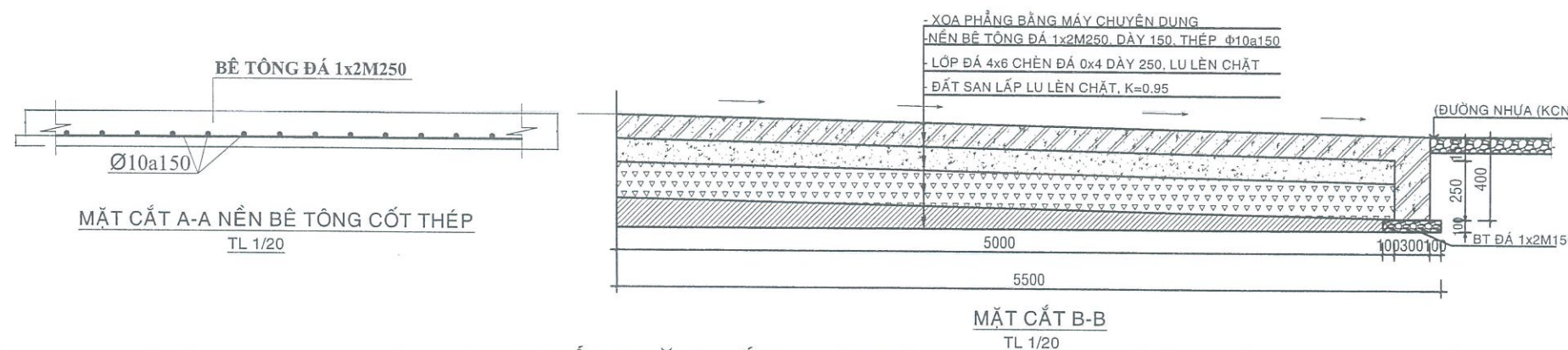
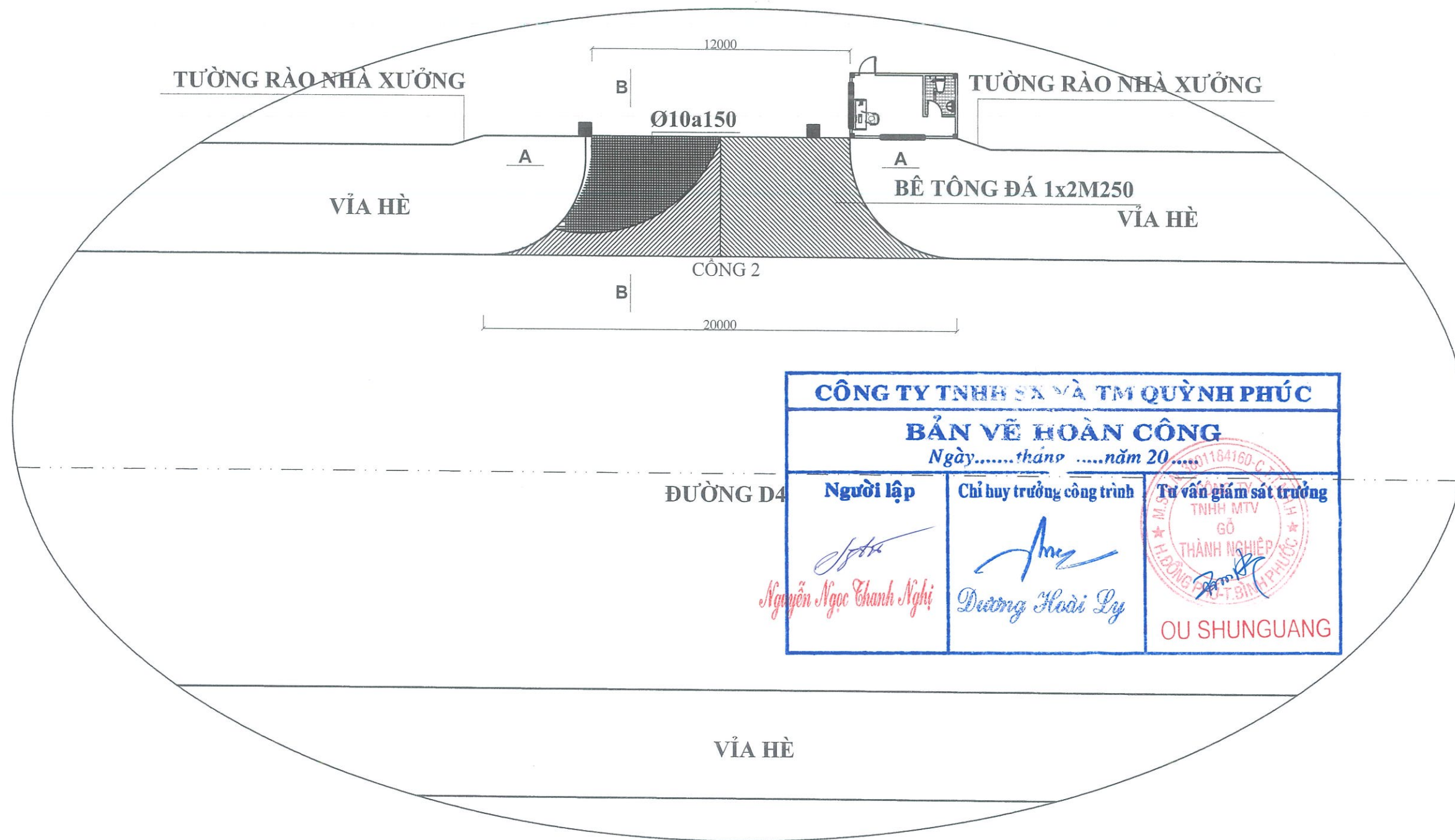
Người lập Nguyễn Ngọc Thanh Nghị	Chỉ huy trưởng công trình Dương Hoài Ly	Tư vấn giám sát trưởng ÔNG NGUYỄN VĂN PHÚ QU SHUNGUANG
--	---	---

VỊ TRÍ MỞ CÔNG - ĐẦU NỐI GIAO THÔNG
TL:1\100

BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m ²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25

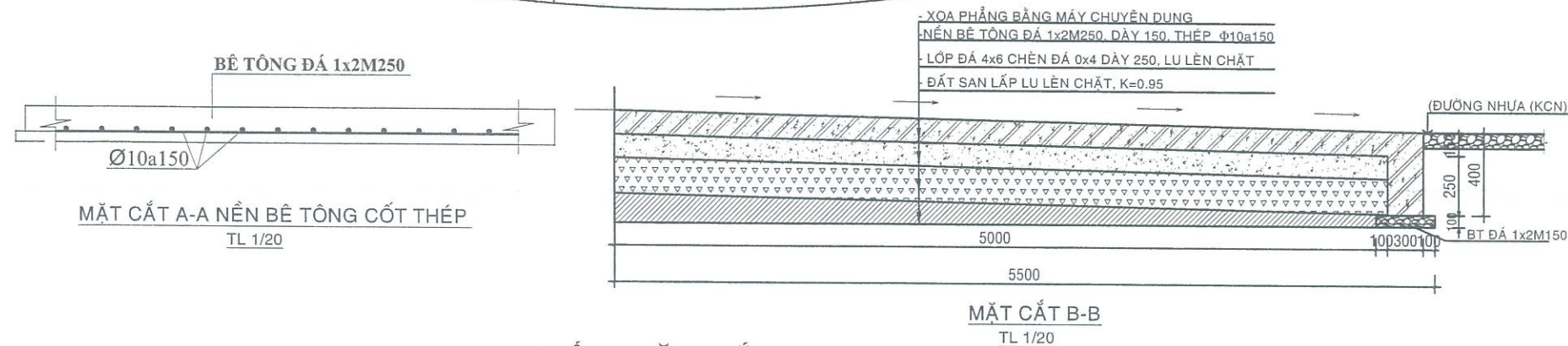
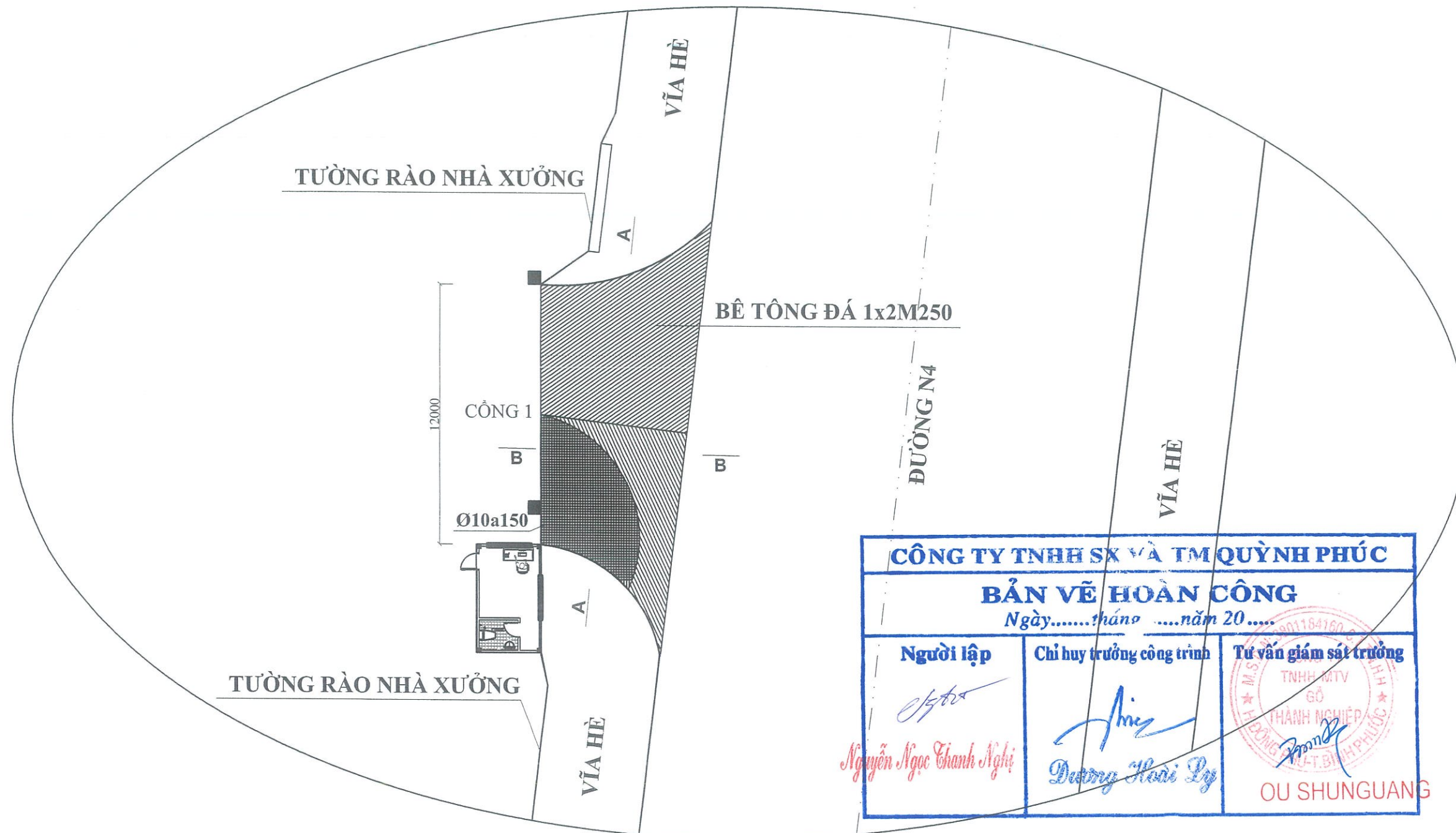


CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP H. ĐÔNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC	
CU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
 KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD	
ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TEL : 0986171391 Email: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT ÔNG NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC	
THIẾT KẾ Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
ĐẦU NỐI GIAO THÔNG	
TÊN BẢN VẼ	
CHI TIẾT CÔNG SỞ 2 - ĐƯỜNG D4	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	KT 01/03

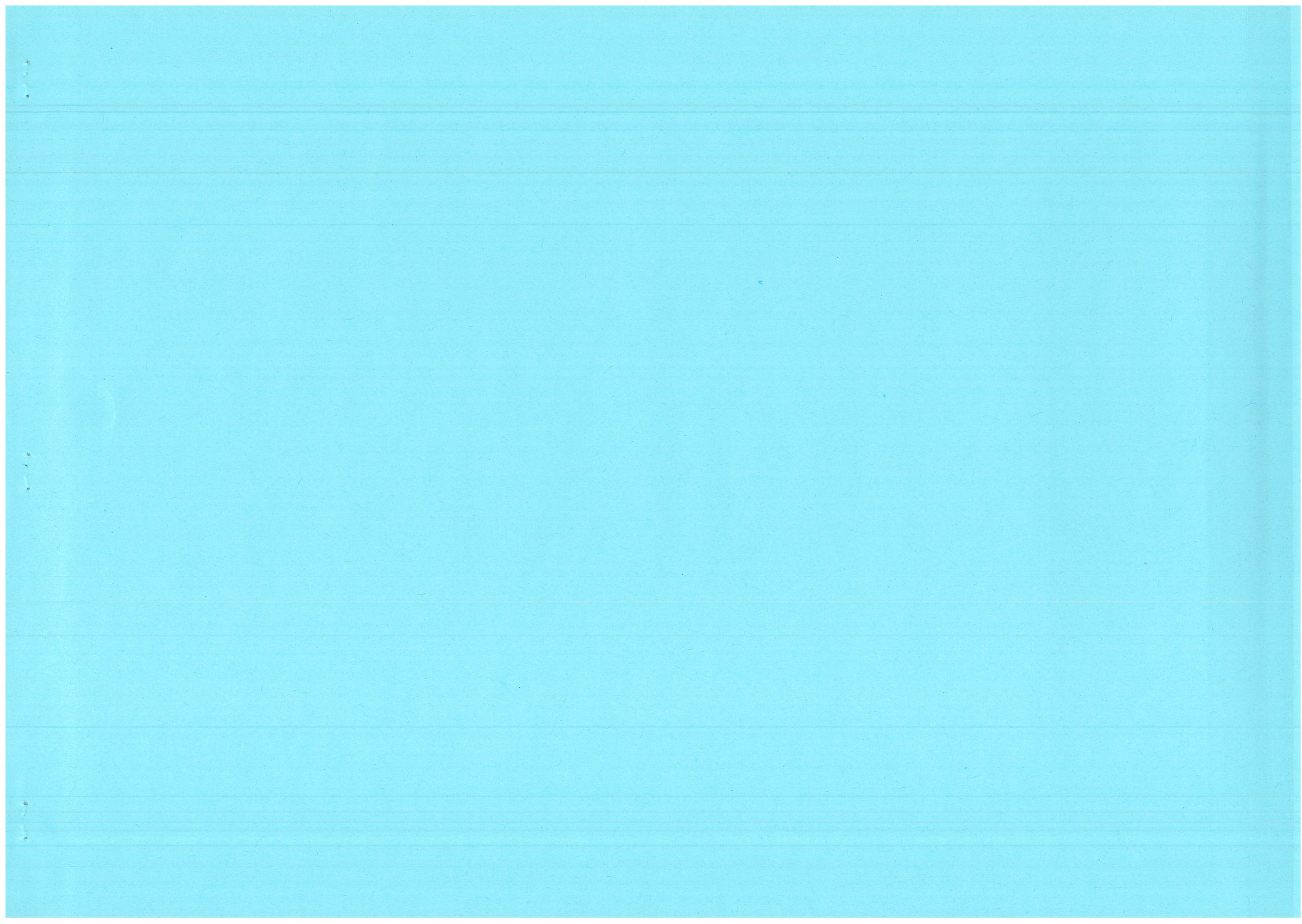


CHI TIẾT MẶT CẮT

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP ĐÔNG PHÚ-T. BÌNH PHƯỚC	
CU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
 KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD	
ĐỊA CHỈ SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC	
THIẾT KẾ Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
ĐẦU NÓI GIAO THÔNG	
TÊN BẢN VẼ	
CHI TIẾT CÔNG SỞ 2 - ĐƯỜNG D4	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	KT 02/03



CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THẠNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ	
Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
ĐẦU NÓI GIAO THÔNG	
TÊN BẢN VẼ	
CHI TIẾT CÔNG SỞ 1 - ĐƯỜNG N4	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	
KÝ HIỆU BẢN VẼ	
NGÀY HOÀN THÀNH	
03/03/2022	



HỆ THỐNG HÚT BỤI

用途：A.利用風機使風管內部產生負壓，使木工機械製造出的廢棄物可以集中回收，讓生產區保持乾淨。
B.收集起來的廢棄物粉塵藉由袋式集塵機過濾，使粉塵與乾淨空氣分離。

a.風機：使風管內產生負壓帶動粉塵流動
b.袋式集塵機：內有濾袋260支，可將廢棄物及粉塵過濾
c.螺桿：螺桿8支，可將過濾後的粉塵輸送至翻轉閥下料
d.翻轉閥：將粉塵下料至下方轉送風管輸送管道
e.裝車儲料箱：粉塵經由轉送管道經旋風離塵器下至儲料箱中，底部設有下料滑門，打開滑門可將粉塵下至裝載貨車
f.袋式集塵機：內有濾袋114支，可過濾旋風離塵器回收的粉塵，設有下料螺桿3支，翻轉閥1個，可將回收的粉塵下至轉送管道，形成一個封閉的循環迴路粉塵不外洩
g.粉塵及流動方向：以紅色箭頭標示
h.乾淨空氣及流動方向：以藍色箭頭標示

Mục đích :

- A. Sử dụng quạt để tạo ra áp lực hút các loại bụi và chất thải do máy móc tạo ra tập trung về bồn chứa, giúp làm sạch khu vực sản xuất.
- B. Các loại bụi và chất thải được lọc qua thùng chứa bụi túi vải, giúp tách bụi và làm sạch không khí.

Nguyên lý hoạt động :

Sử dụng quạt để tạo ra áp lực hút các loại bụi và chất thải do máy móc tạo ra, tập trung về thùng túi vải T260 , giúp làm sạch môi trường làm việc.

Sau đó hệ thống thu hồi bụi sẽ hút bụi và chất thải từ các thùng túi vải T260 tập trung về bồn chứa, được lọc thêm vài lần thông qua Cyclone và thùng túi vải T114, tạo thành 1 hệ thống khép kín, giúp cho bụi không thoát ra ngoài, tạo ra môi trường sản xuất sạch sẽ.

Bụi tại bồn chứa sẽ được xe tải chở đi xử lý

CÔNG TY TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

B.

Người (ký, ghi rõ họ tên)

F1



TEL:84-274-3610830(REP) FAX:84-274-3610832

總昌機械股份有限公司

Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

設計		單位	MM	修訂	
繪圖		日期		機型	
審核				日期	

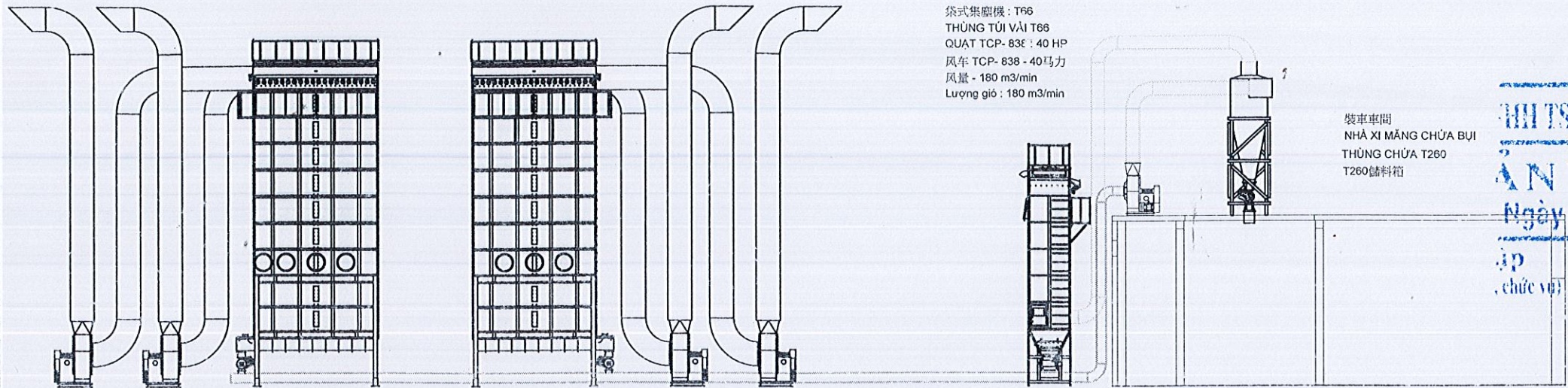
HỆ THỐNG HÚT BỤI

袋式集塵機 : T260
 THÙNG TÚI VẢI T260
 QUẠT TCP-916 : 100HP * 2pcs
 (SỬ DỤNG 75 HP)
 LƯỢNG GIÓ : 750 m³/min * 2pcs
 風車 TCP-916 100 馬力 * 2 pcs
 (使用75馬力)
 風量 - 750 m³/min * 2 = 1500 m³/min

袋式集塵機 : T260
 THÙNG TÚI VẢI T260
 QUẠT TCP-916 : 100HP * 2pcs
 (SỬ DỤNG 75 HP)
 LƯỢNG GIÓ : 750 m³/min * 2pcs
 風車 TCP-916 100 馬力 * 2 pcs
 (使用75馬力)
 風量 - 750 m³/min * 2 = 1500 m³/min

袋式集塵機 : T66
 THÙNG TÚI VẢI T66
 QUẠT TCP- 838 : 40 HP
 風車 TCP- 838 - 40 馬力
 風量 - 180 m³/min
 Lượng gió : 180 m³/min

裝車車間
 NHÀ XI MĂNG CHÙA BỤI
 THÙNG CHỨA T260
 T260 儲料箱



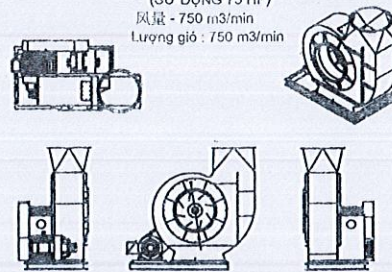
HITSUMI
 AN V
 Ngày
 ập
 (chức vụ)
 CH
 (k)



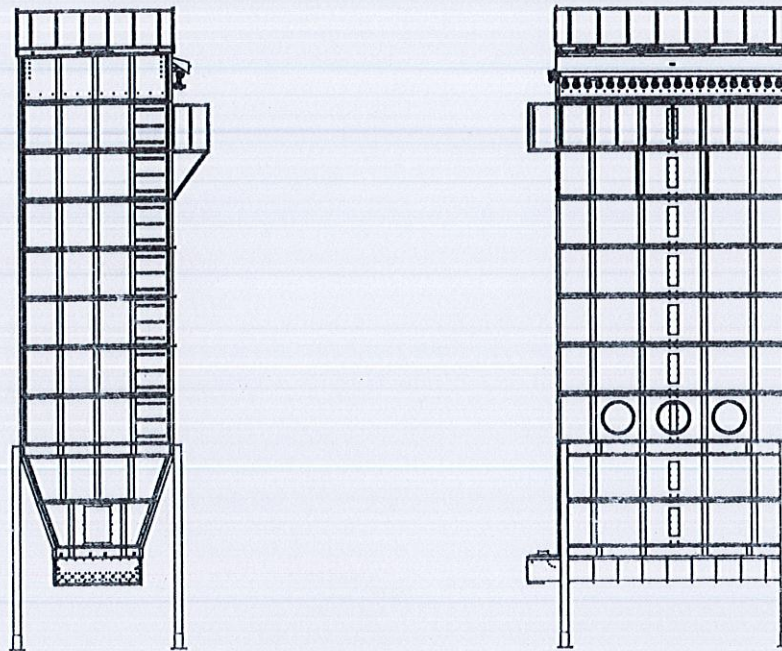
設計		單位	MM	修訂	
繪圖		日期		機型	
審核				日期	

QUẠT HÚT BỤI TCP-916

風車 TCP-916 100 馬力
(使用75馬力)
QUẠT TCP-916 100 HP
(SỬ DỤNG 75 HP)
風量 - 750 m³/min
Lượng gió : 750 m³/min



T-260-U9



HANG INTER
HOÀN
hàng
buy trường
ghi rõ họ tên)

P3



TEL:84-274-3610830(REP) FAX:84-274-3610832

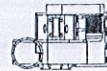
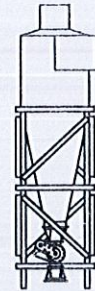
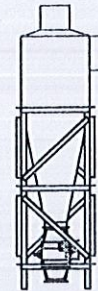
總昌機械股份有限公司

Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

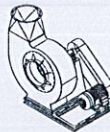
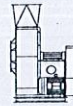
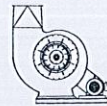
設計		單位	MM	修訂	
繪圖		日期		機型	
審核				日期	

BẢN VẼ CHI TIẾT

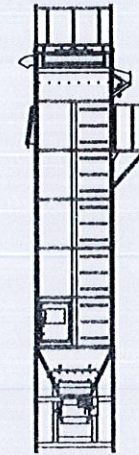
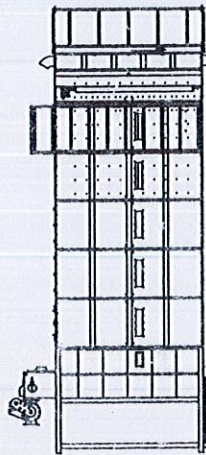
CYCLONE 1400



QUẠT TCP-838 : 40 HP
风车 TCP-838 - 40 马力
风量 - 180 m3/min
Lượng gió : 180 m3/min



THÙNG CHỨA BỤI TÚI VẢI T-66V5A



NATIONAL VI
CÔNG
ăm 20.....

Người giám sát
công trình của
(kỹ, ghi rõ

P4



TEL:84-274-3610830(REP) FAX:84-274-3610832

總昌機械股份有限公司

Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

設計

繪圖

審核

單位

日期

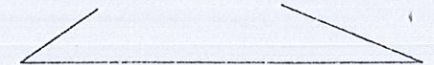
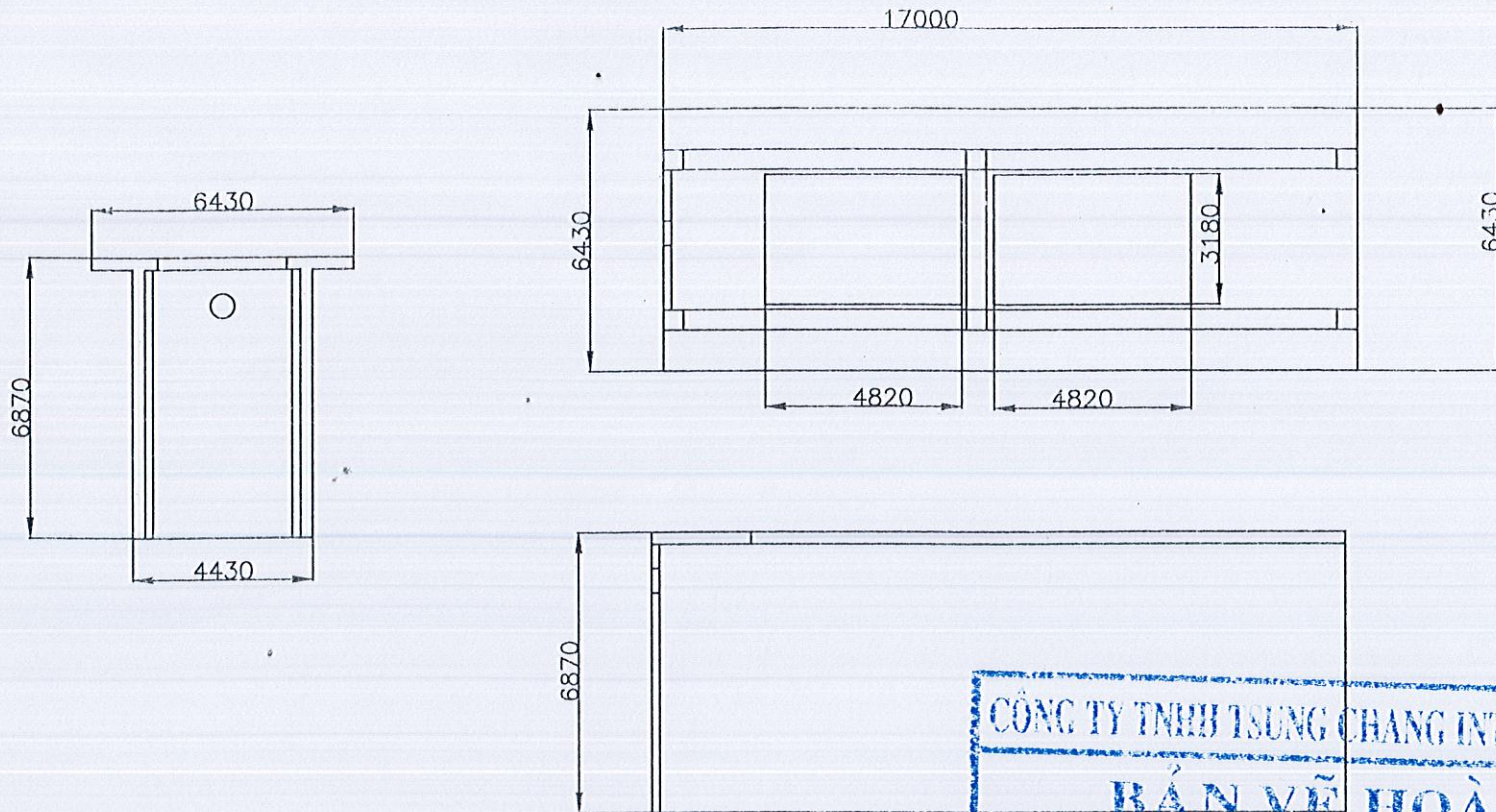
MM

修訂

機型

日期

NHÀ XI MĂNG CHỨA BỤI



出入方向

二只儲料箱

CÔNG TY TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL VIỆT NAM														
BẢN VẼ HOÀN CÔNG														
Ngày Tháng Năm 20.....														
Người lập (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công công trình của chủ đầu tư (ký, ghi rõ họ tên)												
Lô Văn Giàu														
<table border="1"> <tr> <td>Thiết kế</td> <td>Đơn vị</td> <td>MM</td> <td>Thay đổi</td> </tr> <tr> <td>Hình ảnh</td> <td>Ngày</td> <td></td> <td>Loại</td> </tr> <tr> <td>Thẩm định</td> <td></td> <td></td> <td>Ngày</td> </tr> </table>			Thiết kế	Đơn vị	MM	Thay đổi	Hình ảnh	Ngày		Loại	Thẩm định			Ngày
Thiết kế	Đơn vị	MM	Thay đổi											
Hình ảnh	Ngày		Loại											
Thẩm định			Ngày											



WU JIN WAN
TEL: 84-274-3610832 (REP) FAX: 84-274-3610832

總昌機械股份有限公司

Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

雙變頻集塵系統

設備操作使用說明

TYPE:FXT-00

Version Fxt20210207

CÔNG
N
(ký, ghi)



TEL: 84-274-3610830(REP) FAX: 84-274-3610832

總昌機械股份有限公司

Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

Trạng thái tự động

1: Nhấp Vào hệ thống để hiển thị màn hình vận hành bằng tiếng Trung.

2: Nhấp vào cài đặt áp suất gió của đường ống

3: Điền giá trị áp suất gió đầu vào, chọn xác nhận.

Sau khi hoàn thành cài đặt áp suất gió, hãy quay lại màn hình đang chạy.

* Nhập tối đa giới hạn: 5000 *

4: Chọn số lượng đường ống

4.1: 1 ~ 4 đường ống có thể chọn sử dụng (ON) theo ý muốn,
Không sử dụng (OFF)

4.2: 1 ~ 4 đường ống đều được chọn không sử dụng (OFF),
Quạt sẽ không hoạt động.

5: Nhấn nút "Khởi động tự động" trên tủ điều khiển, hệ thống tự động vận hành.

5.1: Nhấn nút "Dừng tự động" tại tủ điều khiển, Hệ thống được dừng tự động.

6: Hiển thị giá trị áp suất gió hiện tại.

6.1: Nhấp vào trang tiếp theo để vào sơ đồ đường cong áp suất gió để xem sự thay đổi của đường cong áp suất gió, Bấm để quay lại trang trước để về màn hình vận hành.

6.2: Nhấp vào trang tiếp theo để vào màn hình IO, bạn có thể thấy trạng thái đầu vào và đầu ra, Bấm để quay lại trang trước để về màn hình vận hành.

自動狀態

1:點選進入系統,顯示中文運行畫面

2:點選管道風壓設定

3:輸入風壓數值後按輸入鍵,
風壓設定完成後回到運行畫面。

* 輸入限制 MAX:5000 *

4:選擇管道使用數量

4.1: 1~4 號管道可任意選擇使用(ON)、
不使用(OFF)

4.2: 1~4 號管道全部選擇不使用(OFF)的狀態下,
風機將會無法運行。

5:啟動控制櫃的"自動啟動"按鈕,系統自動運行。

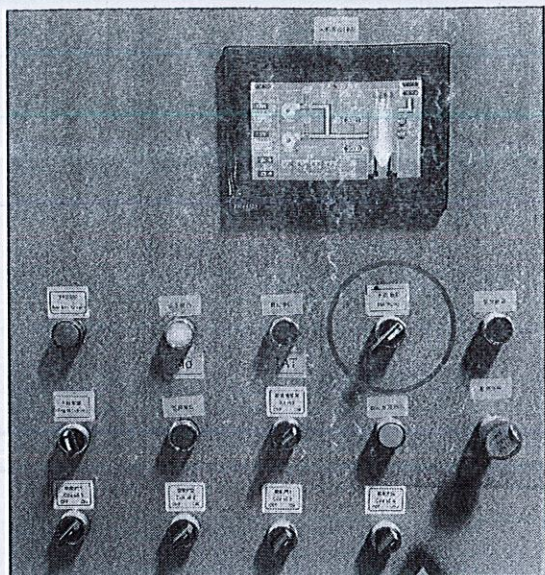
5.1:停機時啟動控制櫃的"自動停止"按鈕,
系統自動停機。

6:顯示當前風壓值。

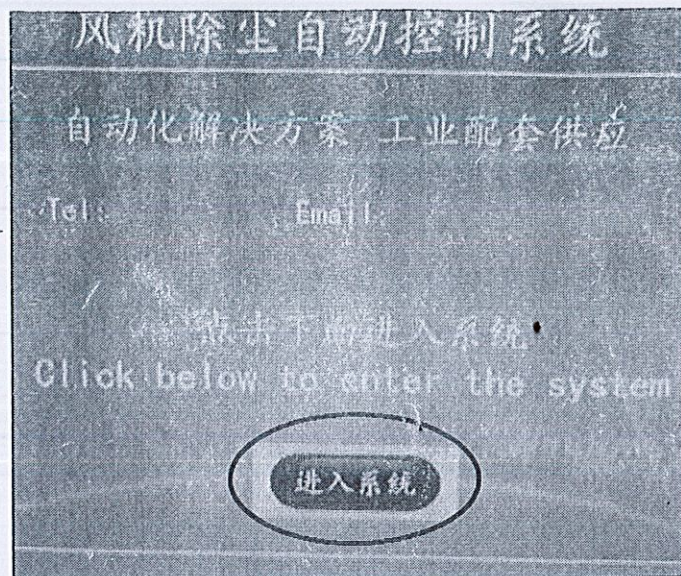
6.1:點選下一頁進入風壓曲線圖,可見風壓曲線變化,
點選返回上頁運行畫面。

6.2:點選下一頁進入IO畫面,可見輸入輸出狀態,
點選返回上頁中文運行畫面。

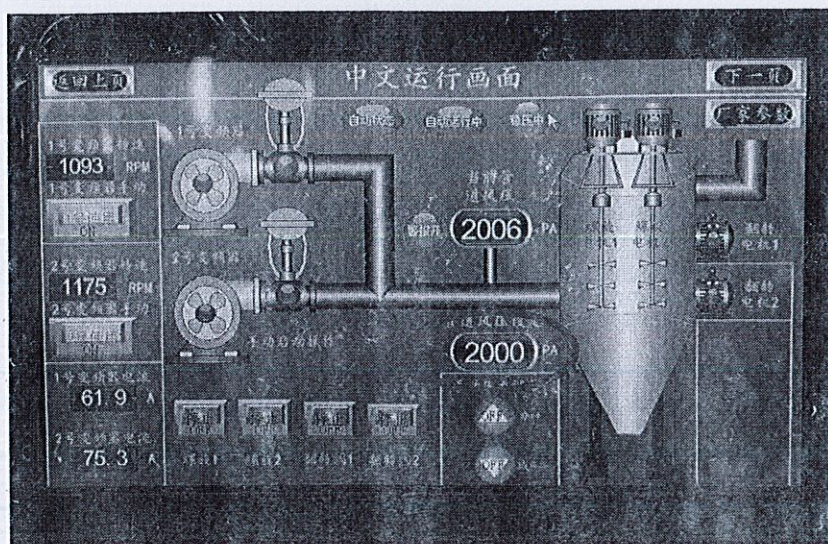




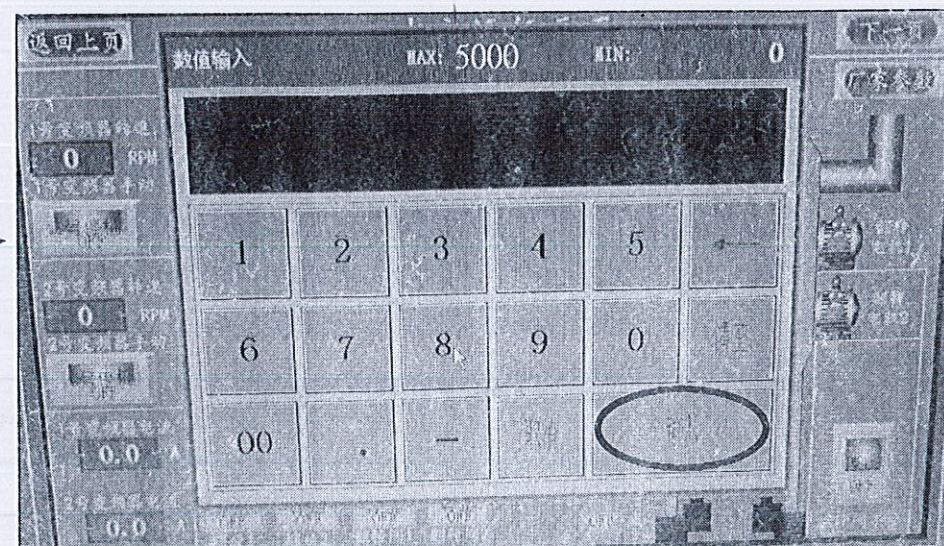
1
→

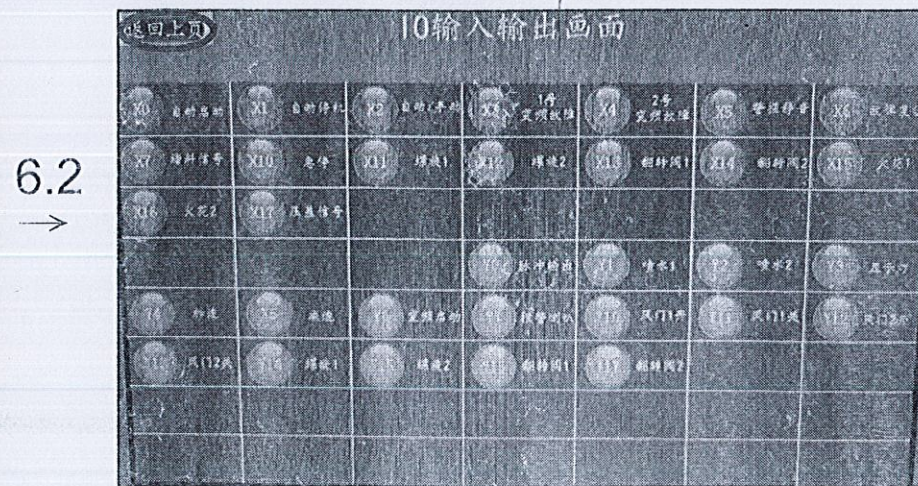
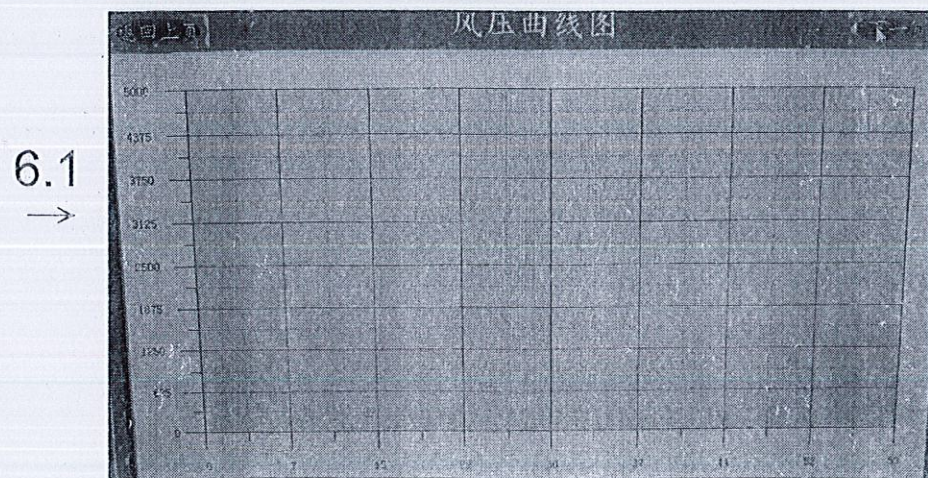
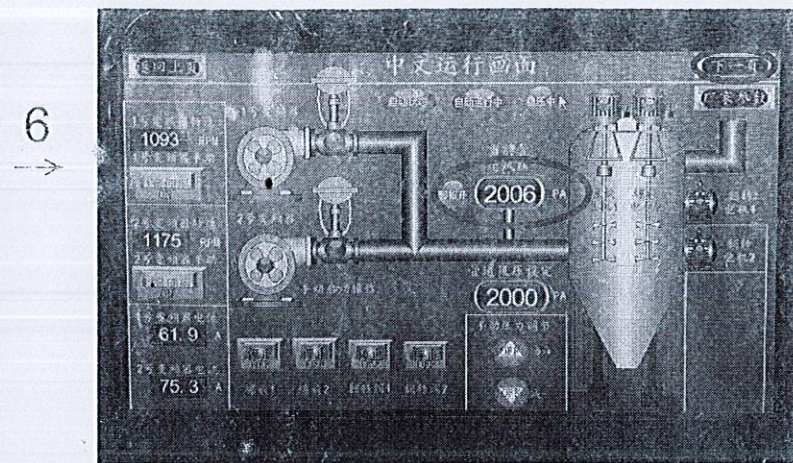
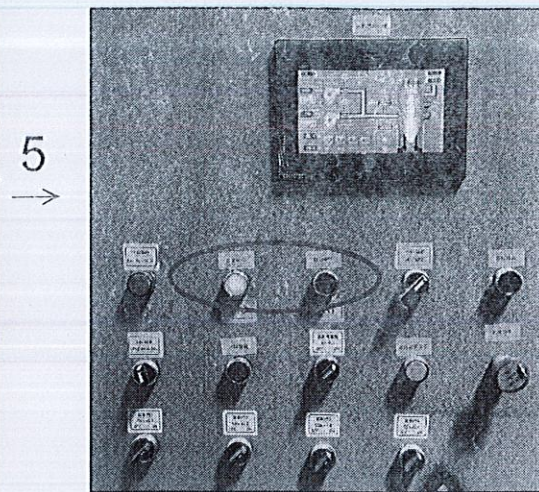
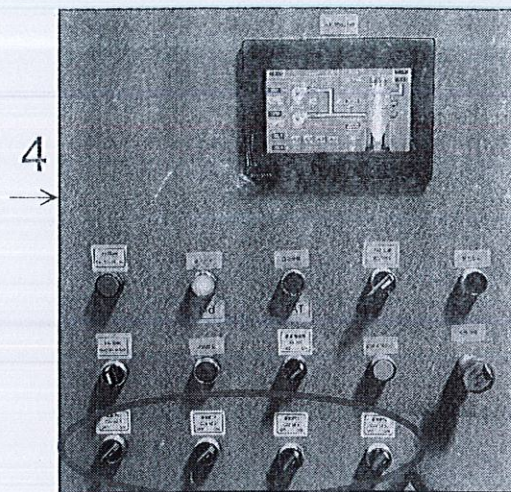


2
→



3
→





Trạng thái thủ công

- 1: Chọn "Vào hệ thống", hiển thị trang vận hành bằng tiếng Trung.
- 2: Chọn số lượng đường ống
 - 2.1: 1 ~ 4 Đường ống có thể chọn sử dụng (BẬT) và không sử dụng (TẮT)
 - 2.2: 1 ~ 4 đường ống đều được chọn không sử dụng (TẮT), Quạt sẽ không chạy.
- 3: Xả liệu
 - 3.1: Chọn theo thứ tự "Van Rotaly 1" → "trục xoắn ốc 1".
 - 3.1: Chọn theo thứ tự "Van Rotaly 2" → "trục xoắn ốc 2".

*Vui lòng chọn theo thứ tự "1 đến 1", "2 đến 2"***
- 4: Chọn van điện từ rũ bụi "ON rũ bụi", "OFF tắt rũ bụi"
- 5: Vận hành quạt hút bụi
 - 4.1: Nhấp vào "Vận hành biến tần số 1 ON", "Tắt biến tần số 1 OFF"
 - 4.2: Nhấp vào "Vận hành biến tần số 2 ON", "Tắt biến tần số 2 OFF"

Cần vận hành cả hai biến tần cùng lúc, không được vận hành chỉ 1 máy

Hoạt động thủ công mà không cần kiểm soát cài đặt áp suất gió
- 5: Điều chỉnh áp suất
 - 5.1: "Nút + " Tăng áp suất, tăng tốc biến tần .
 - 5.1: "Nút - " Giảm áp suất , giảm tốc biến tần

手動狀態

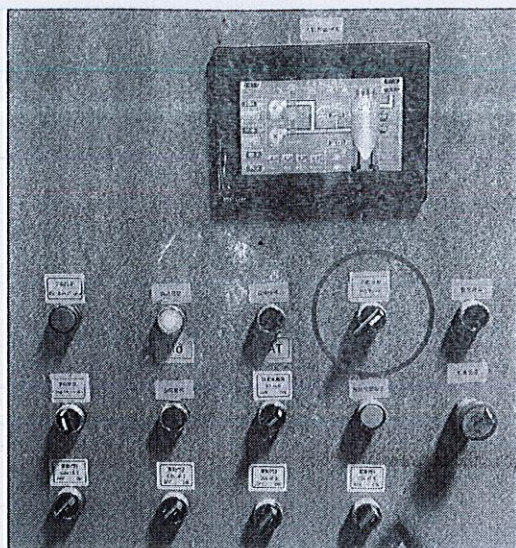
- 1: 點選進入系統, 顯示中文運行畫面
- 2: 選擇管道使用數量
 - 2.1: 1~4 號管道可任意選擇使用(ON)、不使用(OFF)
 - 2.2: 1~4 號管道全部選擇不使用(OFF)的狀態下, 風機將會無法運行。
- 3: 除塵下料
 - 3.1: 依序點選"翻轉閥1"→"螺旋1"
 - 3.1: 依序點選"翻轉閥2"→"螺旋2"

請依下料組別點選運轉"1對1"、"2對2"
- 4: 點選脈衝電磁閥"ON脈衝清洗", "OFF脈衝停止"
- 5: 風機運轉
 - 4.1: 點選"1號變頻運轉ON"、"1號變頻停止OFF"
 - 4.2: 點選"2號變頻運轉ON"、"2號變頻停止OFF"

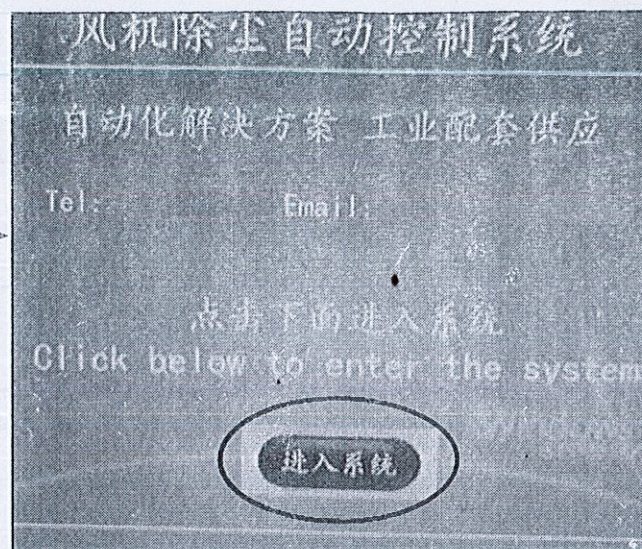
兩台風機都必須選擇"運轉ON", 不可單機運轉

手動運轉不受風壓設定調控
- 5: 壓力調節
 - 5.1: "加+" 壓力增加、變頻加速。
 - 5.1: "減-" 壓力減小、變頻減速。

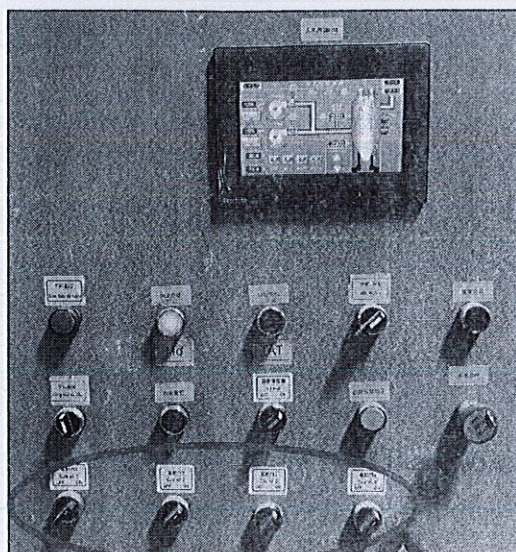




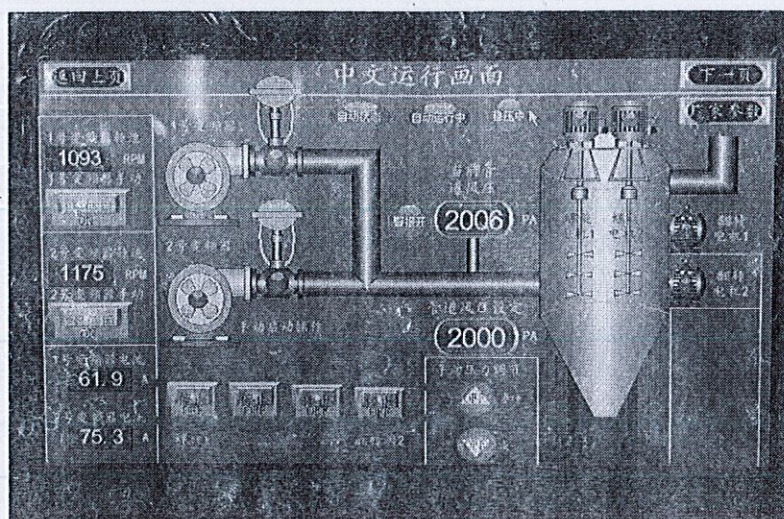
1
→



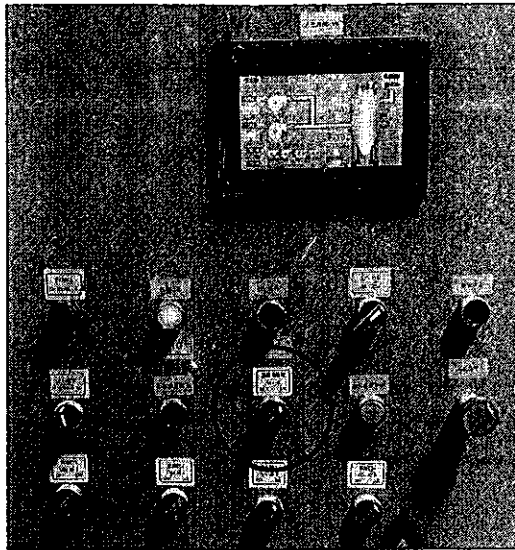
2
→



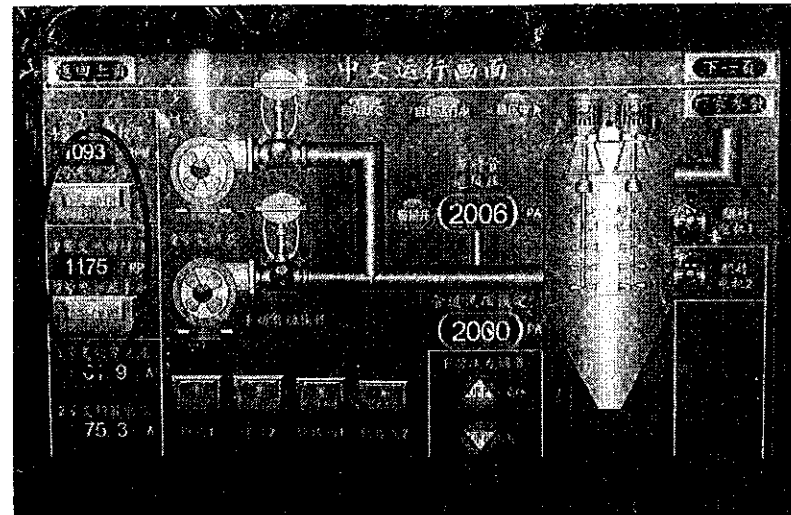
3
→



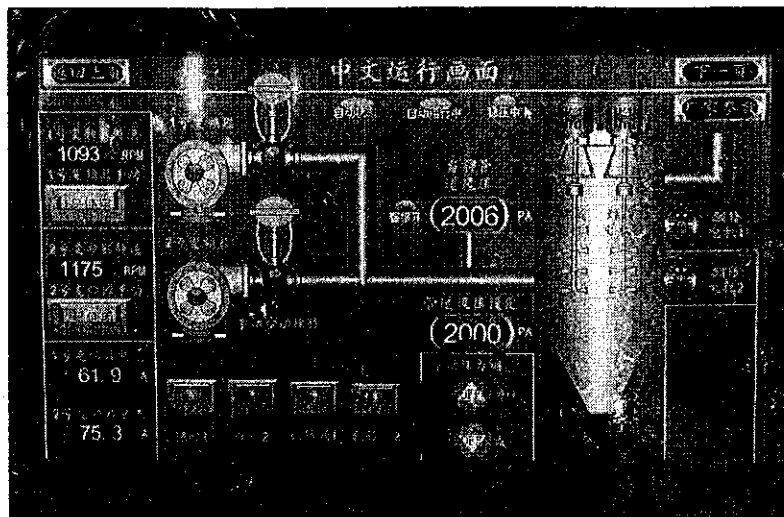
4
→



5
→



6
→



Thông tin báo động

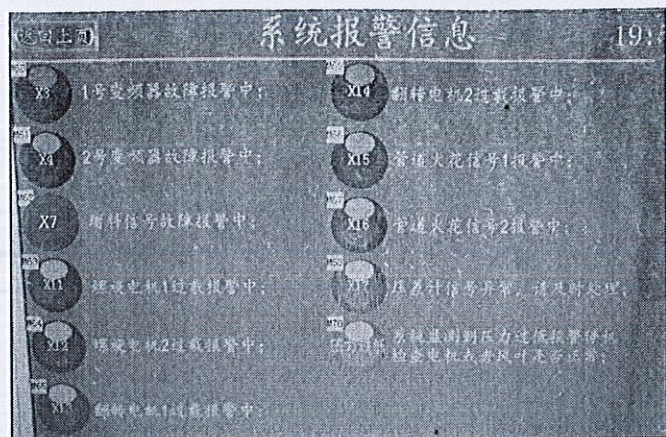
- 1: Trang "Thông tin báo động hệ thống" sẽ tự động bật lên khi hệ thống báo động, hiển thị nguyên nhân báo động.
- 2: Nút tắt báo động
 - 2.1: Tủ điều khiển có nút "Vô hiệu cảnh báo",
Có thể tắt âm thanh báo động
- 3: Tắt máy kiểm tra nguyên nhân báo động và khắc phục
*Hoặc Vui lòng liên hệ với công ty của chúng tôi xử lý **
- 4: Trở lại trạng thái vận hành
 - 4.1: Sau khi khắc phục, tự động quay lại "trang vận hành"
 - 4.2: Tủ điều khiển có nút "vận hành trở lại", sẽ vô hiệu báo động và quay lại "trang vận hành".

報警信息

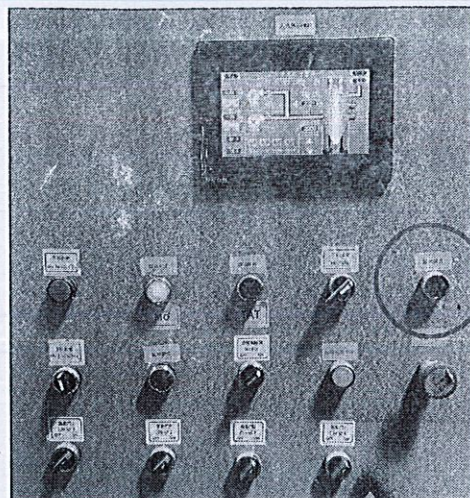
- 1: 系統報警時會自動彈出"系統報警信息"頁面,
顯示故障報警原因
- 2: 警報靜音
 - 2.1: 控制櫃設有"警報靜音"按鈕,
可解除警報聲音
- 3: 停機檢查報警原因, 排除故障
或請聯絡本司派員檢修
- 4: 復歸重置
 - 4.1: 故障原因排除後, 自動回到"運行頁面"
 - 4.2: 控制櫃設有"復歸按鈕"重置後,
警報解除回運行頁面



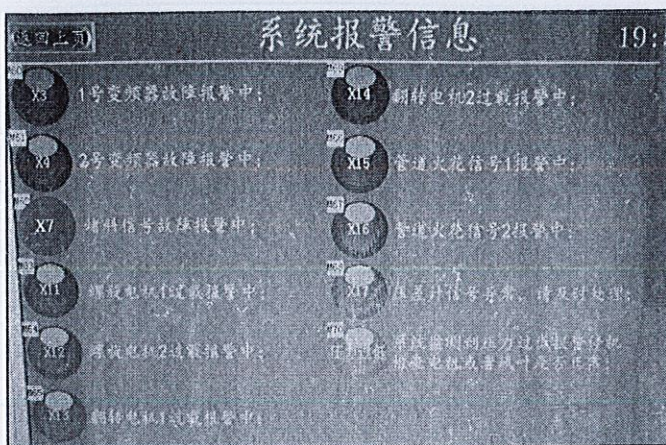
1
→



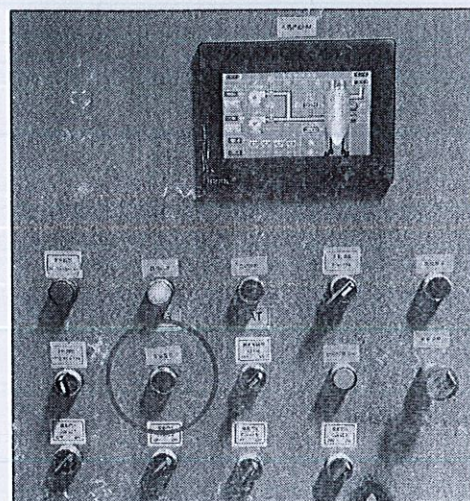
2
→



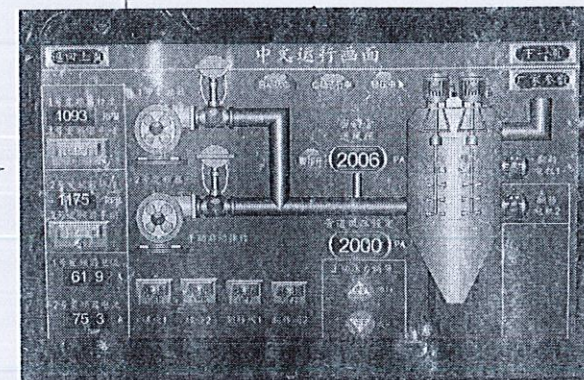
3
→



4
→



→



Tham số nhà sản xuất

- 1.1: Chọn "Vào hệ thống", hiển thị trang vận hành bằng tiếng Trung
- 1.2: Nhấp vào tham số nhà sản xuất
- 1.3: Nhập mật khẩu "888666", vào trang "Cài đặt tham số nhà máy"
- 1.4: Cài đặt gốc
 - Độ trễ khi tắt của quạt tản nhiệt (600) 0.1s
 - Cảnh báo tắt máy khi áp suất thấp (100) PA
 - Độ lệch áp suất (50) PA
- 1.5: Chọn quay lại trang trước, trở về trang vận hành bằng tiếng Trung

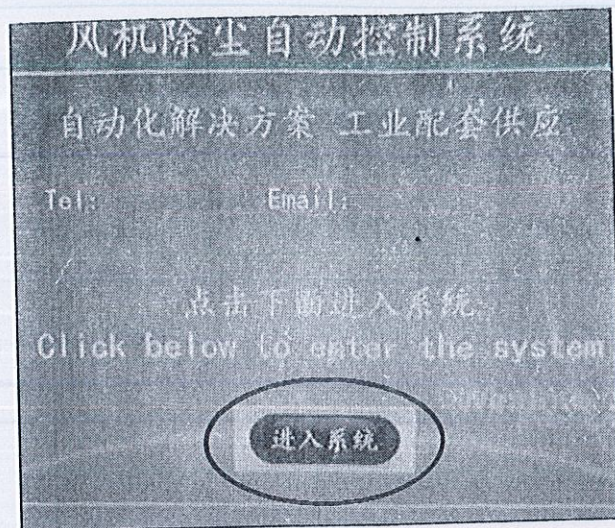
Không sửa đổi các tham số nếu bạn không phải là nhân viên kỹ thuật của công ty.

廠家參數

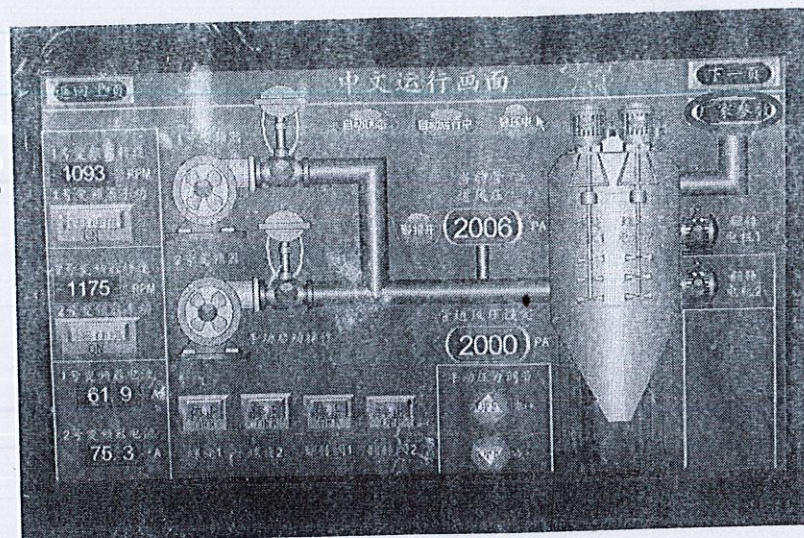
- 1.1: 點選進入系統, 顯示中文運行畫面
- 1.2: 點選廠家參數
- 1.3: 輸入密碼"888666" 點選輸入, 進入"廠家參數設定畫面"
- 1.4: 出廠設置
 - 散熱風機延時關閉時間(600)0.1S
 - 壓力過小報警停機(100)PA
 - 壓力上下偏差(50)PA
- 1.5: 點選返回上頁回中文運行畫面

非本公司技術人員請勿任意修改

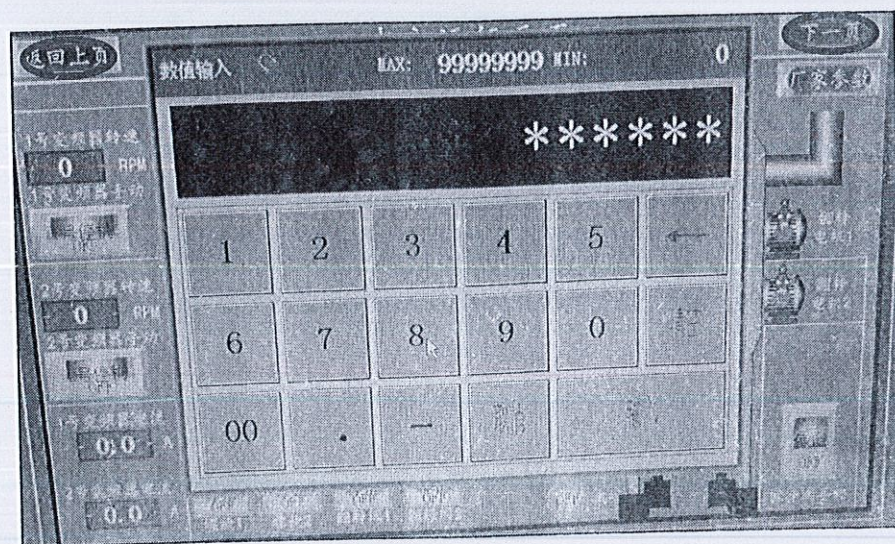




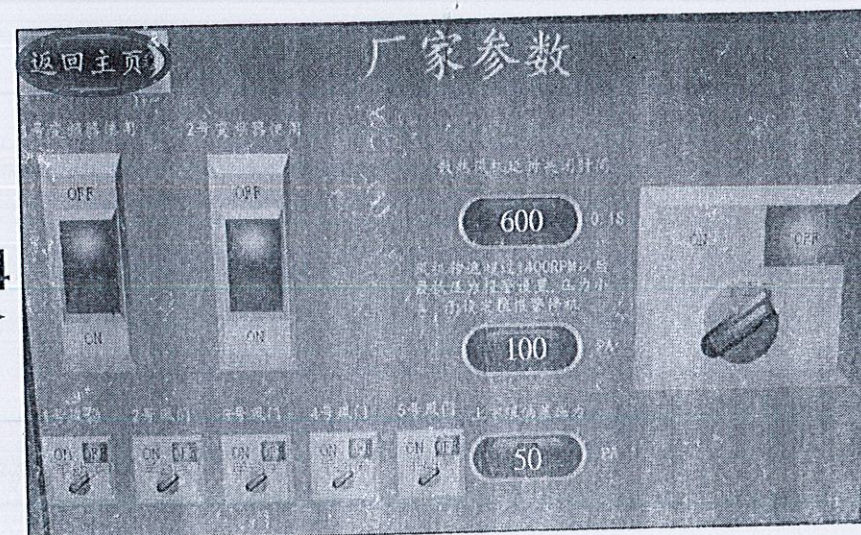
1.2
→

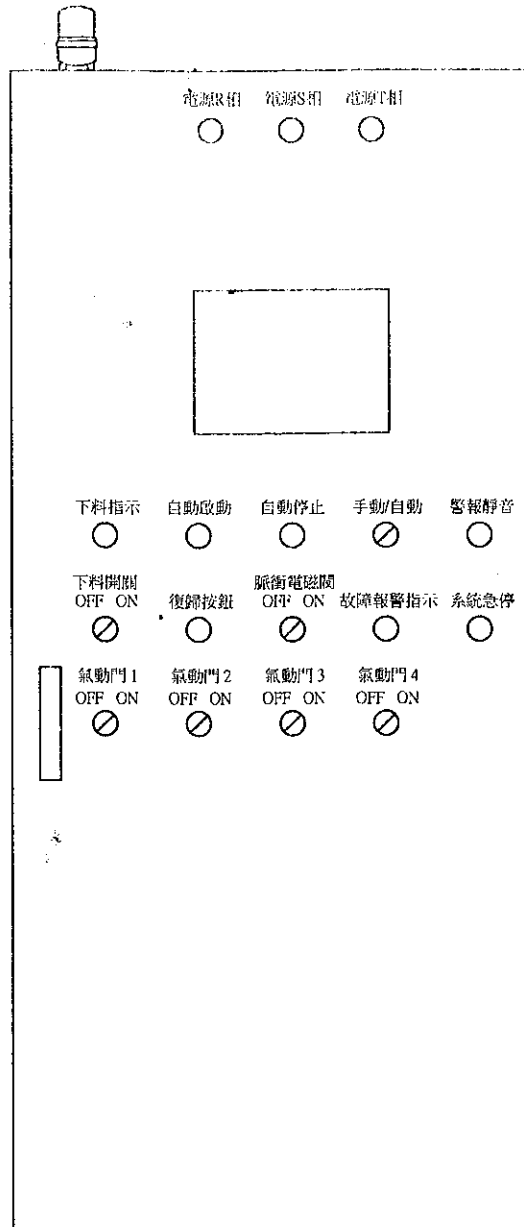


1.3
→

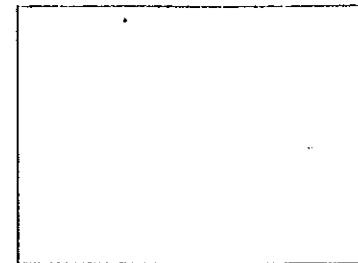


1.4
→





電源R相 電源S相 電源T相



下料指示 自動啟動 自動停止 手動/自動 警報靜音

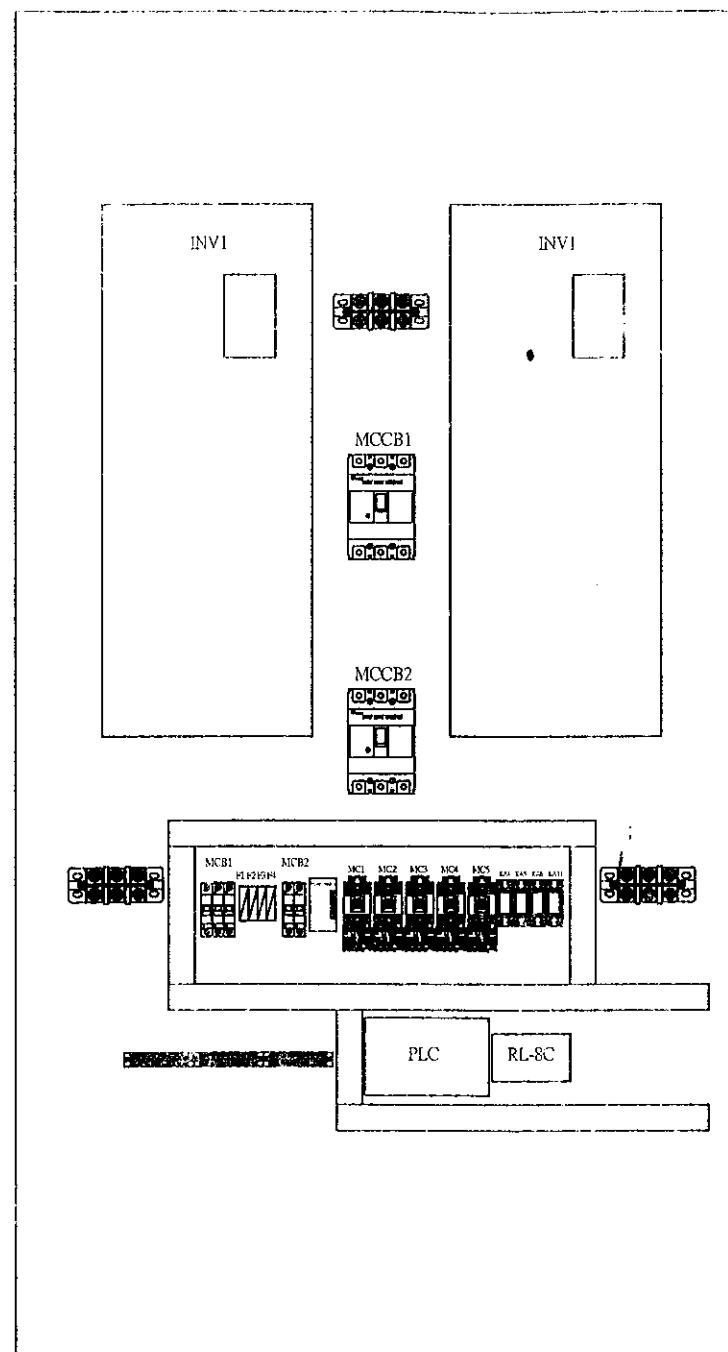
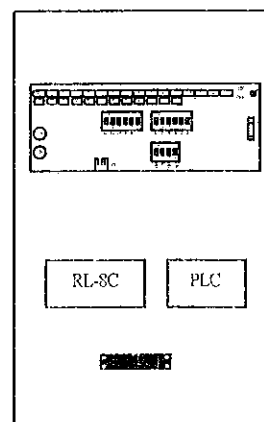


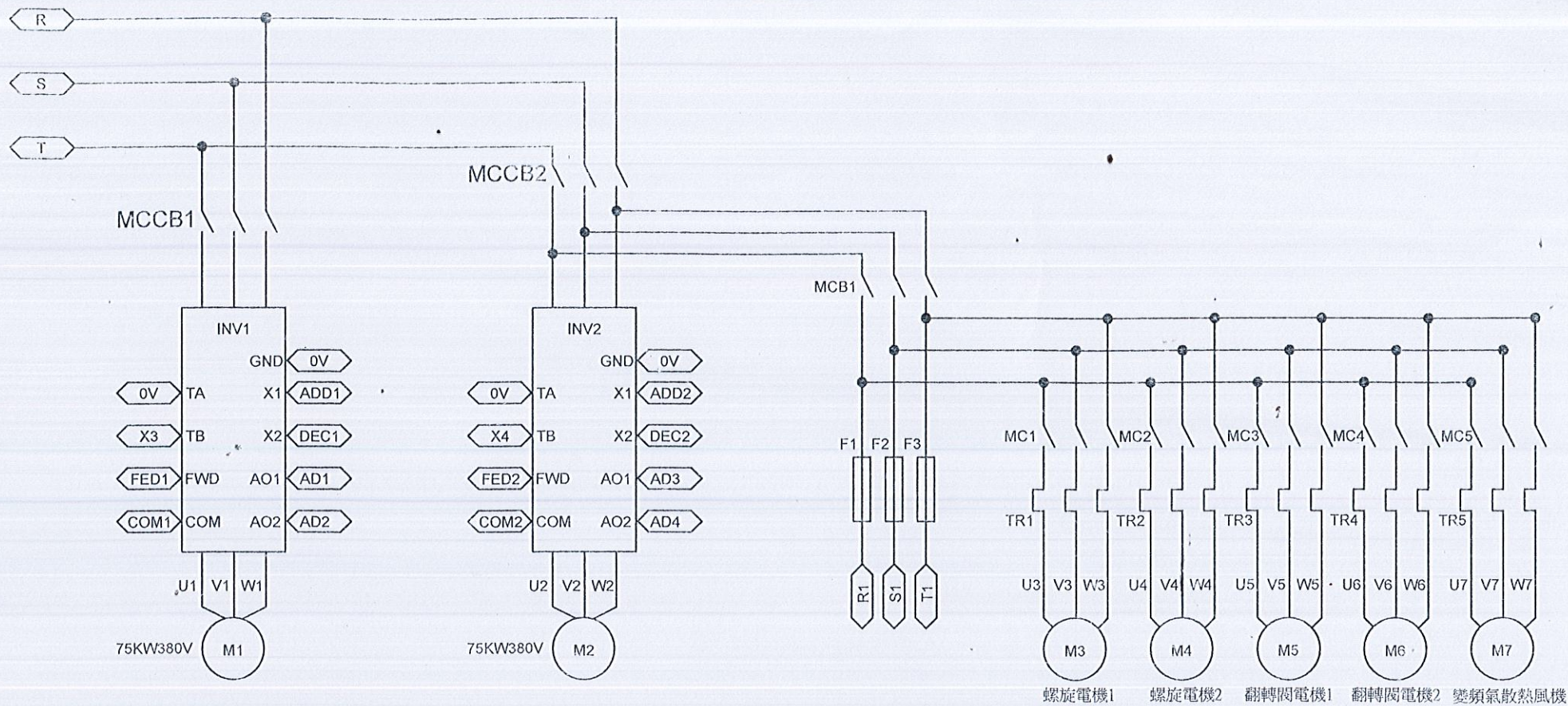
下料開關 OFF ON 脈衝電磁閥 OFF ON 復歸按鈕 故障報警指示 系統急停

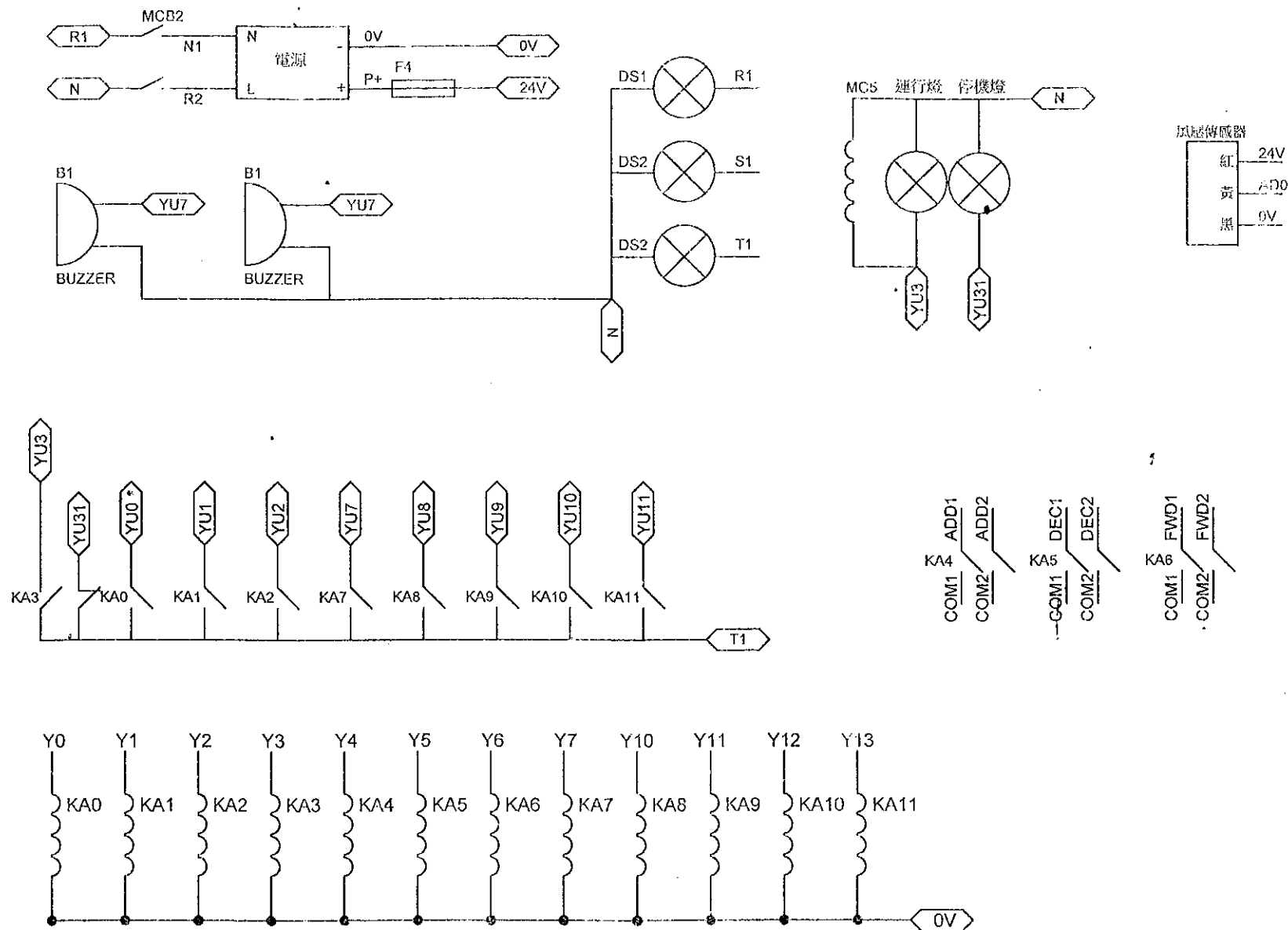


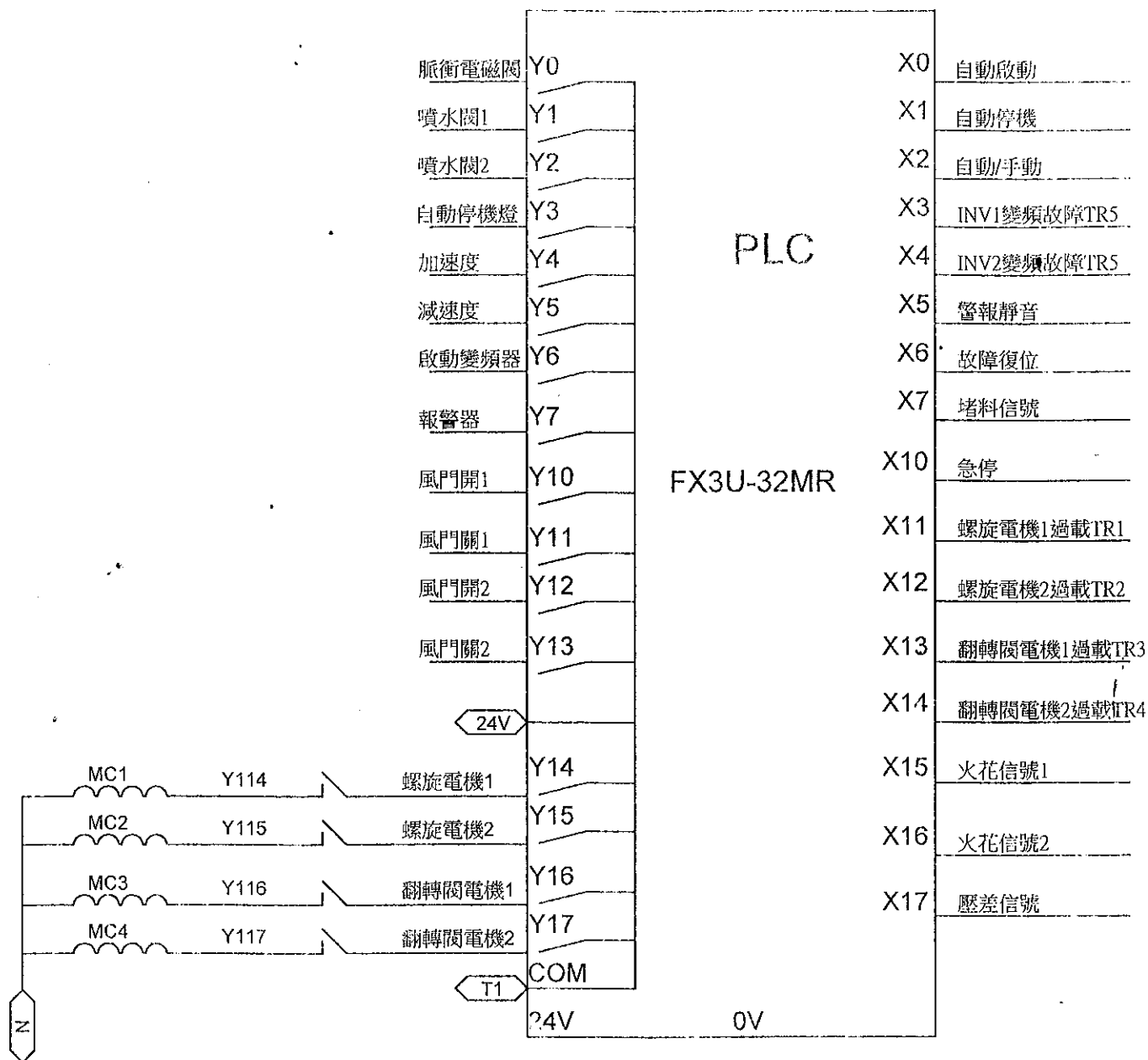
氣動門 1 OFF ON 氣動門 2 OFF ON 氣動門 3 OFF ON 氣動門 4 OFF ON











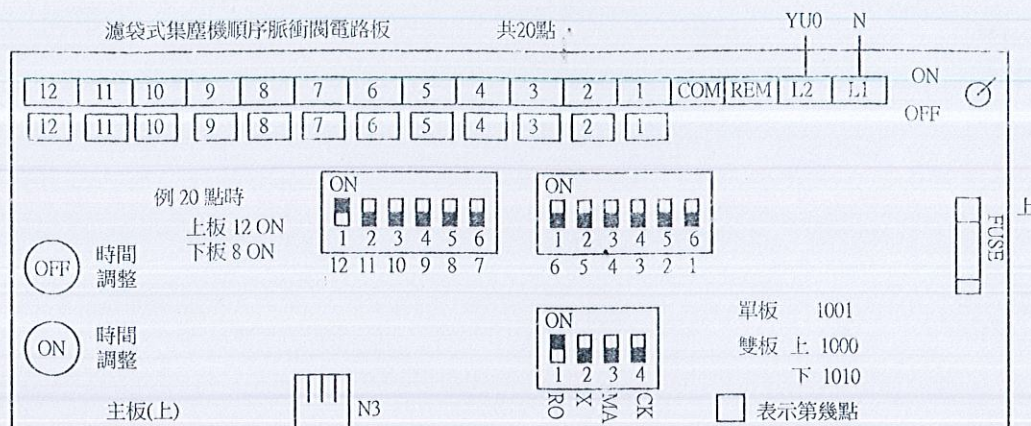
U1	V1	W1	U2	V2	W2	U3	V3	W3	U4	V4	W4	U5	V5	W5	U6	V6	W6	U7	V7	W7
主風機1 motor 75 kw			主風機2 motor 75 kw			螺旋電機1 trục xoắn bên trái			螺旋電機2 trục xoắn bên phải			翻轉閥電機1 xả liệu bên trái			翻轉閥電機2 xả liệu bên phải			變頻散熱風機 quạt mát của 75 kw		

AD0	0V	24V	X7	X15	X16	X17	YU0	YU1	YU2	N	N	YU8	YU9	YU10	YU11	105	106	107	108	109	110
風壓傳感器			阻料開關	火花信號1	火花信號2	壓差開關	脈衝電磁閥	噴水電磁閥1	噴水電磁閥2			氣控門1開	氣控門1關	氣控門2開	氣控門2關	氣控門3開	氣控門3關	氣控門4開	氣控門4關	氣控門5開	氣控門5關

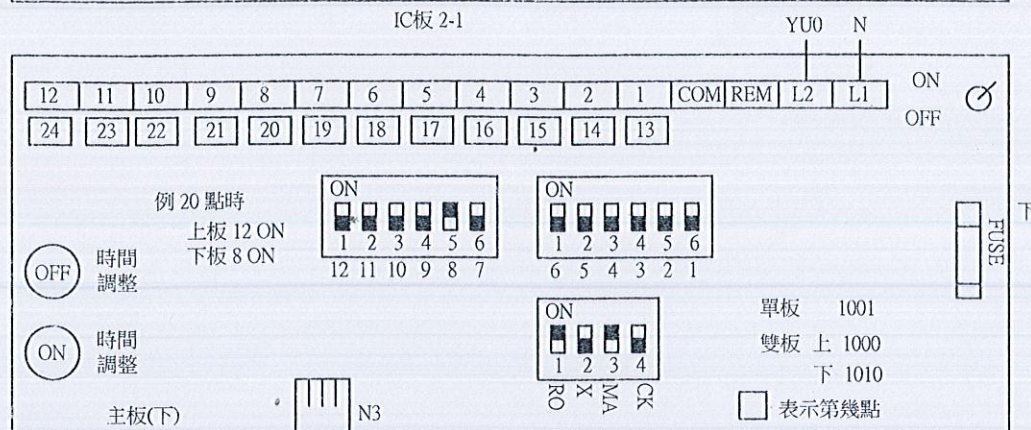
AD0	風壓傳感器 T.V. máy đo gió
0V	DC 0V(COM)
24V	DC +24V
X7	阻料開關 T.V. công tắc hạn chế
X15	火花信號1 báo cháy số 1
X16	火花信號2 báo cháy số 2
X17	壓差計 máy đo gió (màu trắng)

YU0	脈衝電磁閥 Bộ điều khiển van xung
YU1	噴水電磁閥1 van phun nước số 1
YU2	噴水電磁閥2 van phun nước số 2
N	N 220V (COM)
YU8	氣控門1開 mở cửa số 1
YU9	氣控門1關 đóng cửa số 1
YU10	氣控門2開 mở cửa số 2
YU11	氣控門2關 đóng cửa số 2

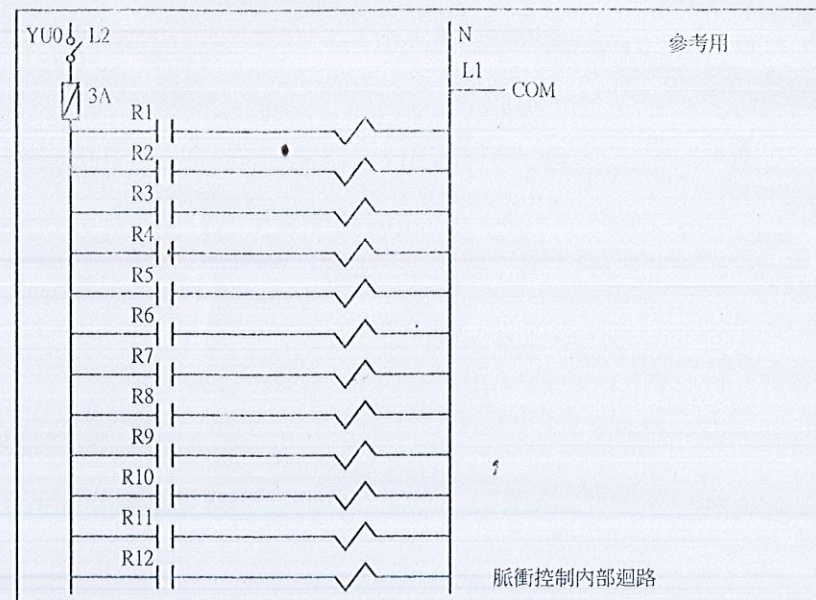
105	氣控門3開 mở cửa số 3
106	氣控門3關 đóng cửa số 3
107	氣控門4開 mở cửa số 4
108	氣控門4關 đóng cửa số 4
109	氣控門5開 mở cửa số 5
110	氣控門5關 đóng cửa số 5



IC板 2-1



IC板 2-2



按順序說明：

- A. 【噴氣時間調整】此處控制噴出空氣長短，一般設為1秒。
- B. 【間隔時間調整】指第1組電磁閥至第2組電磁閥之間隔時間，假設每組間隔為25秒，若有20組電磁閥，則每組間隔均為25秒，※時間設定，依粉塵濃度作調整。
- C. 【顯示器】由此可知電磁閥跳點動作。
- D. 【電磁閥、電源連接處】此處接電磁閥之電線(1~12號另外COM則連接電磁閥之共線端，REM作用為循環(設定請參考圖H說明)，機板電源(L1,L2)。
- E. 【電源開關】不論單板或雙板均切至ON狀態。

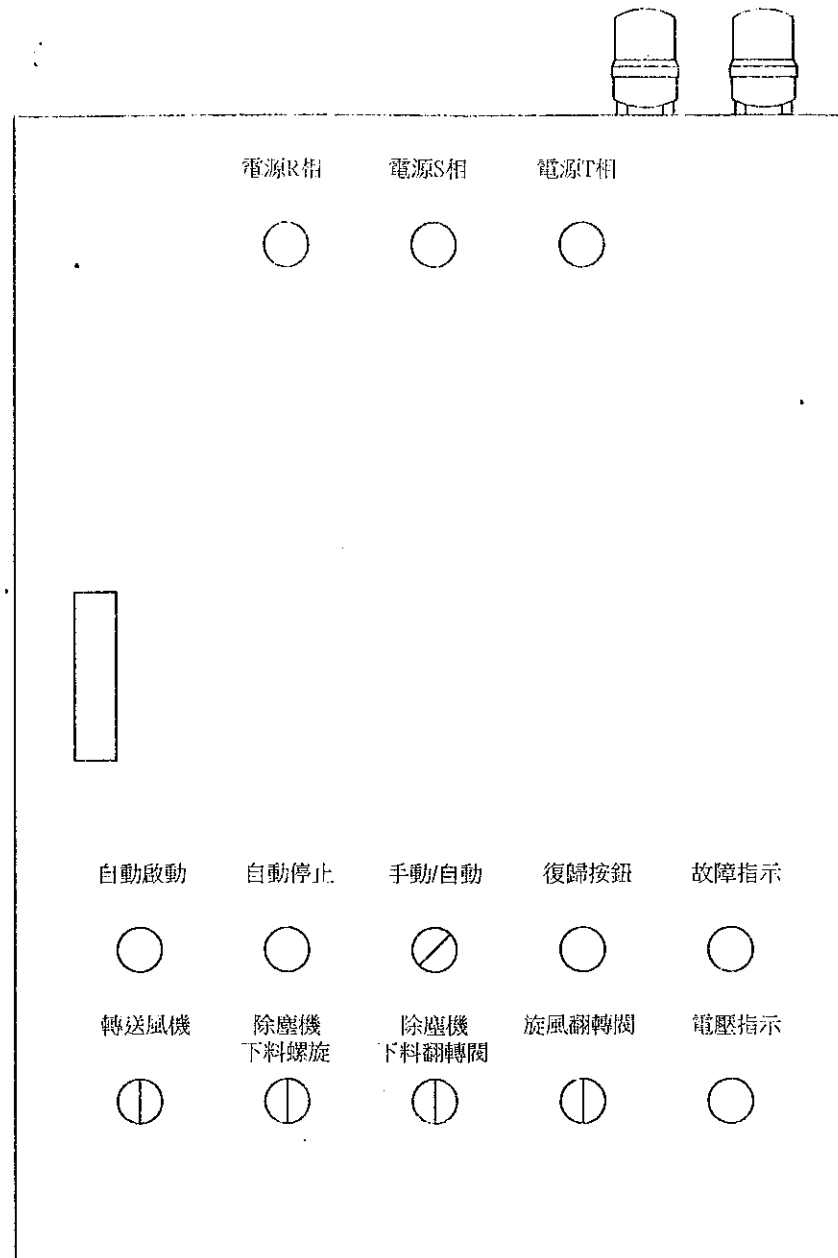


TEL: 84-274-3610830(REP) FAX: 84-274-3610832

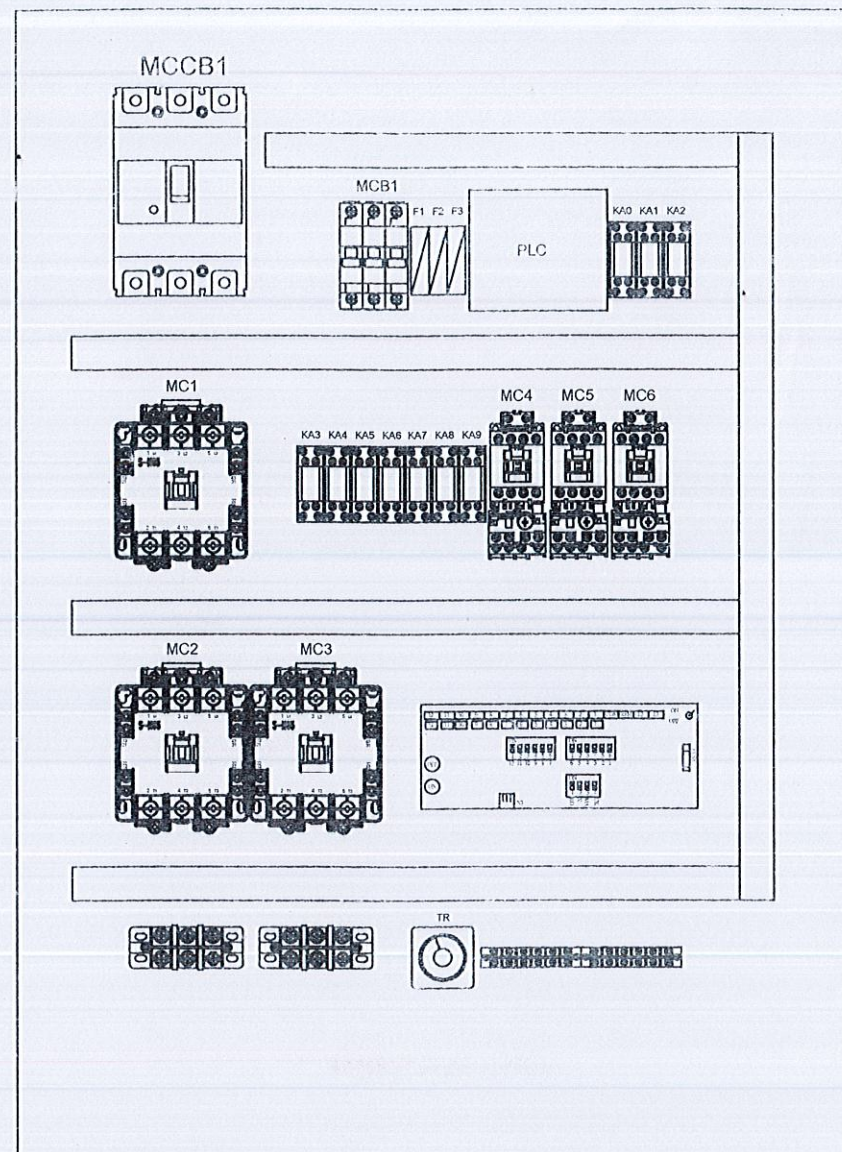
總昌機械股份有限公司

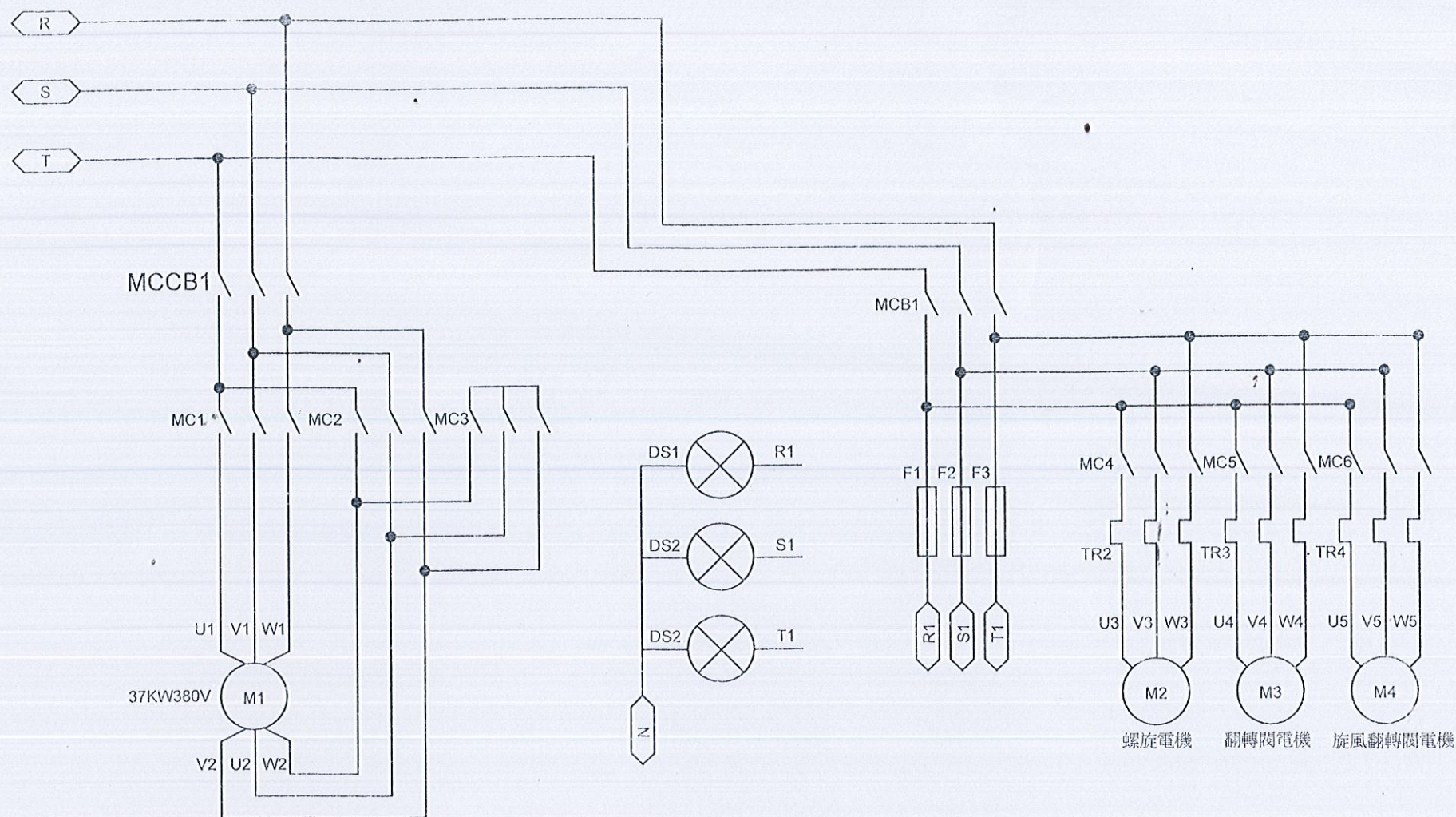
Qty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

設計	單位	M M	修訂	
繪圖	日期		機型	雙變頻線路圖
審核			日期	

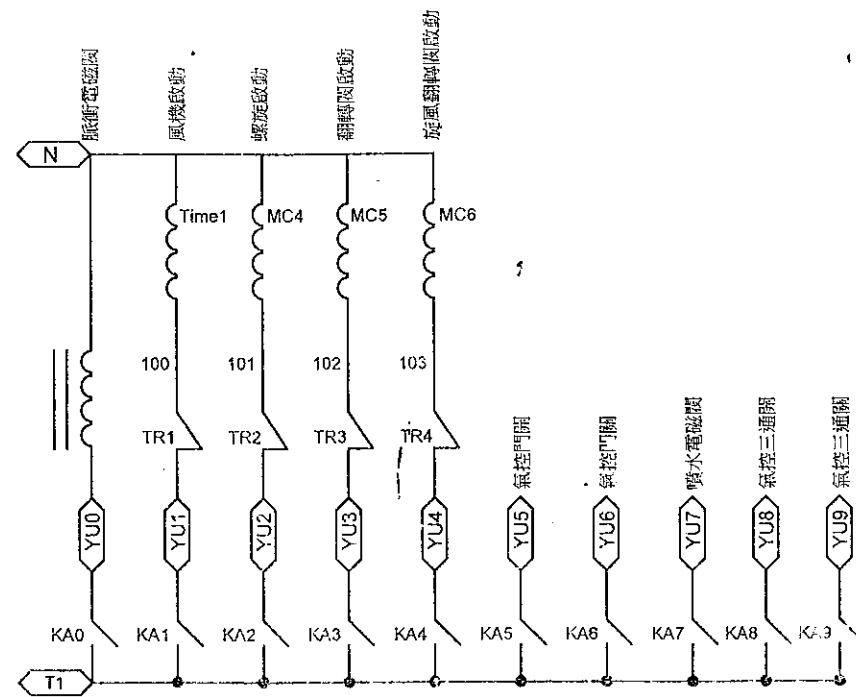
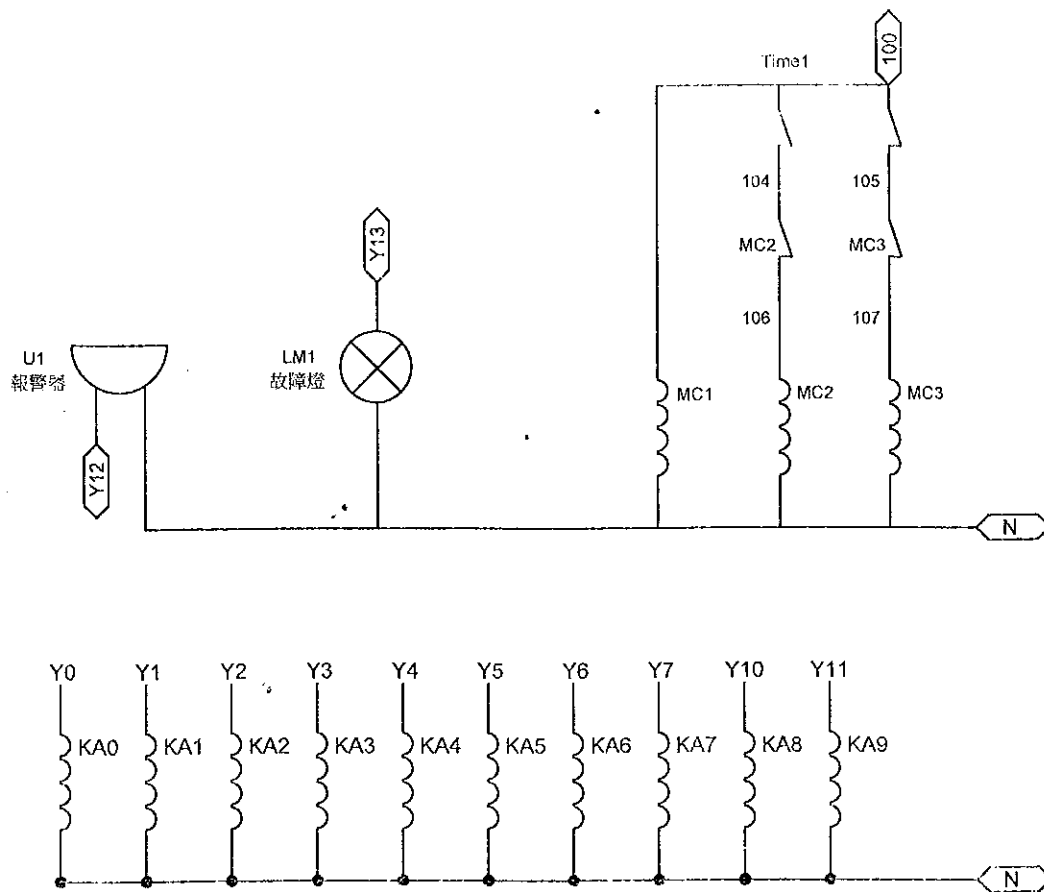


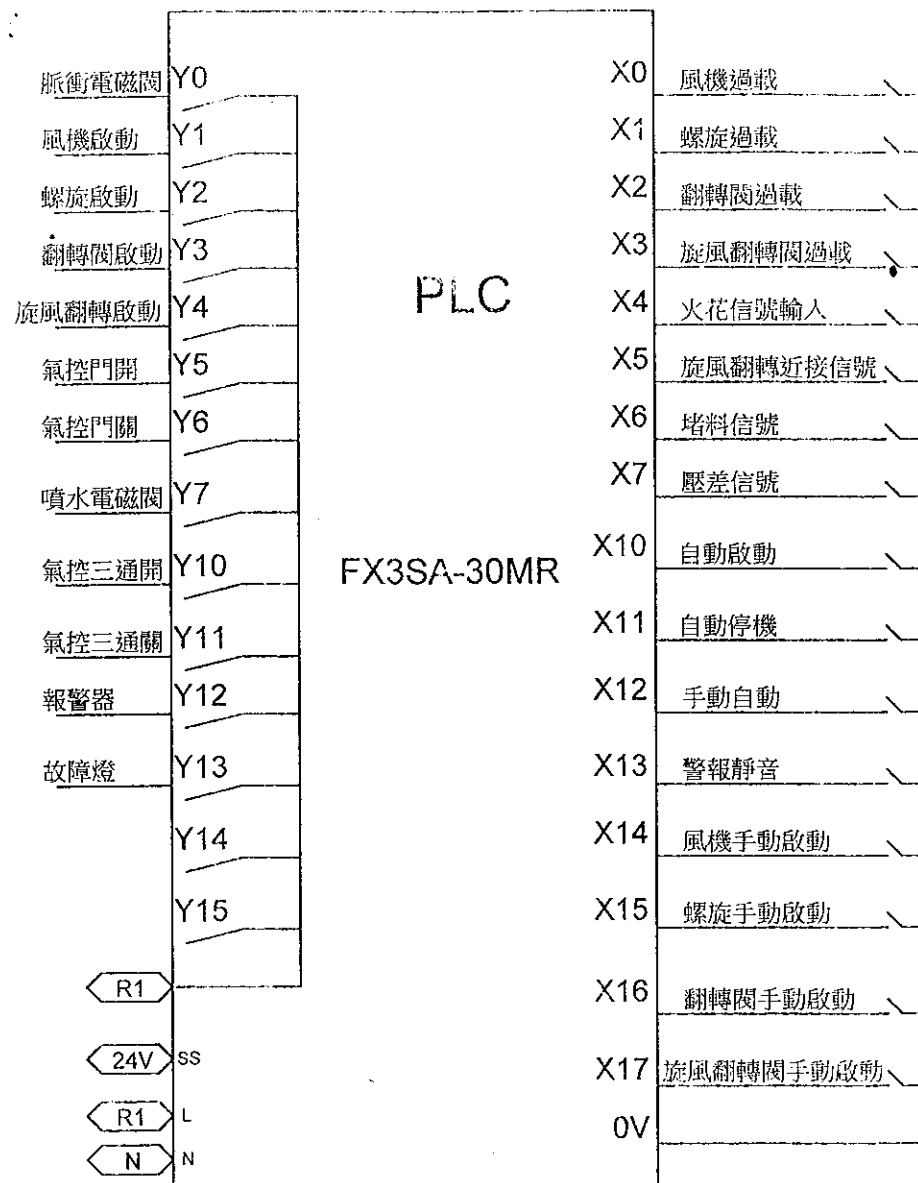
	TEL: 84-274-3610830(REP) FAX: 84-274-3610832	設計		單位	M M	修訂	
總昌機械股份有限公司		繪圖		日期		機型	轉送風機線路圖
Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)		審核				日期	

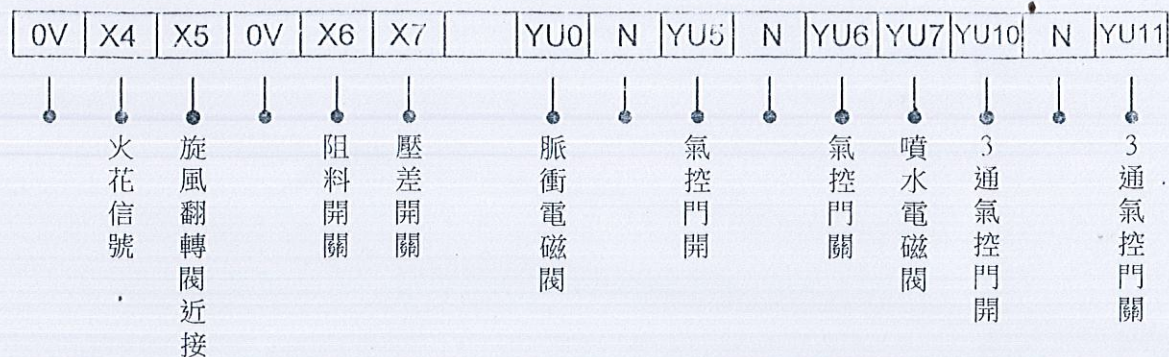
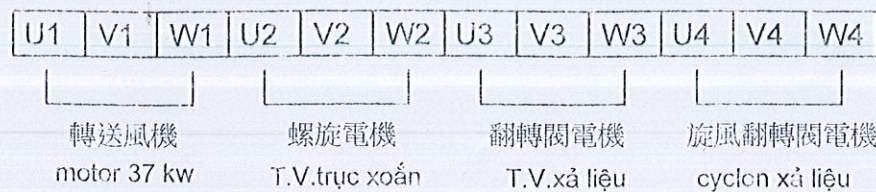




	TEL: 84-274-3610830(REP) FAX: 84-274-3610832		設計		單位	M M	修訂	
	總昌機械股份有限公司		繪圖		日期		機型	轉送風機線路圖
	Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)		審核				日期	

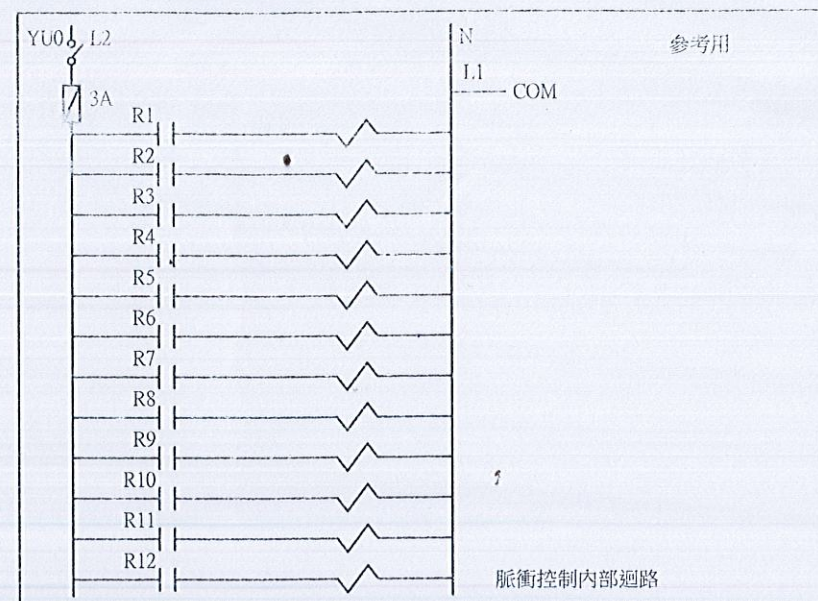
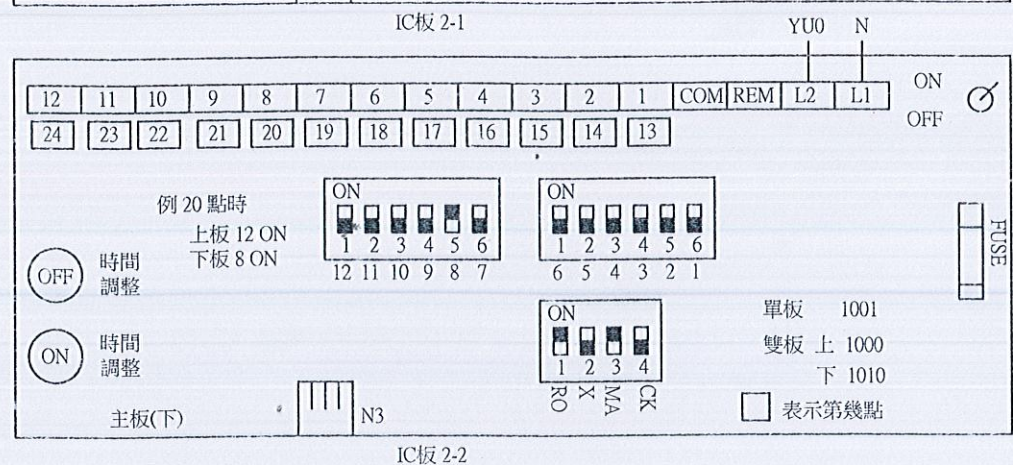
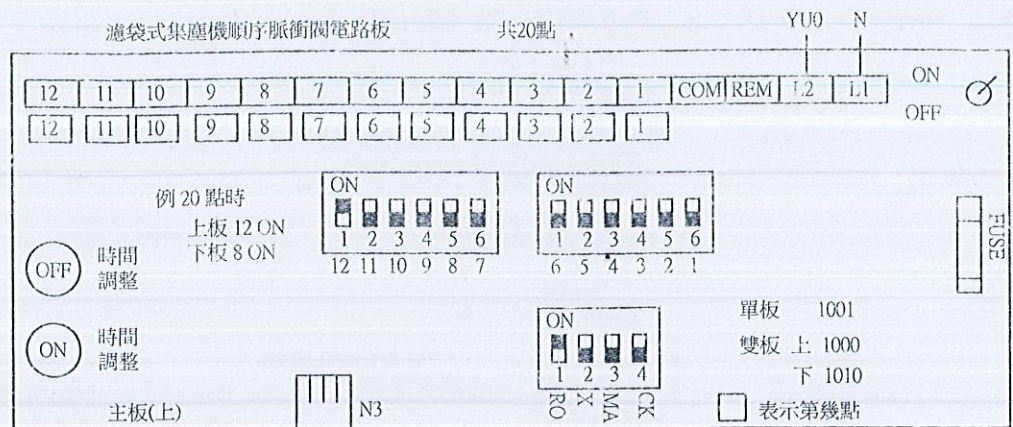






0V	DC 0V(COM)
X4	火花信號 báo cháy
X5	旋風翻轉閥近接 sensor của cyclon xả liệu
X6	阻料開關 T.V. công tắc hạn chế
X7	壓差開關 máy đo gió (màu trắng)

YU0	脈衝電磁閥 Bộ điều khiển van xung
YU5	氣控門開 mở cửa
YU6	氣控門關 đóng cửa
YU7	噴水電磁閥 van phun nước
YU10	3通氣控門開 mở cửa ba tong
YU11	3通氣控門關 đóng cửa ba tong
N	N 220V (COM)



按順序說明：

- A. 【噴氣時間調整】此處控制噴出空氣長短，一般設為1秒。
- B. 【間隔時間調整】指第1組電磁閥至第2組電磁閥之間隔時間，假設每組間隔為25秒，若有20組電磁閥，則每組間隔均為25秒，※時間設定，依粉塵濃度作調整。
- C. 【顯示器】由此可知電磁閥跳點動作。
- D. 【電磁閥、電源連接處】此處接電磁閥之電線(1~12號另外COM則連接電磁閥之公共線)，REM作用為循環(設定請參考圖H說明)，機板電源(L1,L2)。
- E. 【電源開關】不論單板或雙板均切至ON狀態。

CÔNG TY TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày Tháng Năm 20.....

Người lập (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Chỉ huy trưởng (ký, ghi rõ họ tên)

Người giám sát thi công công trình của chủ đầu tư (ký, ghi rõ họ tên)

WU JIN WAN

WU JIN WAN

24

TEL: 84-274-3610850(REP) FAX: 84-274-3610832

總昌機械股份有限公司

Cty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL (VIETNAM)

設計

繪圖

審核

單位

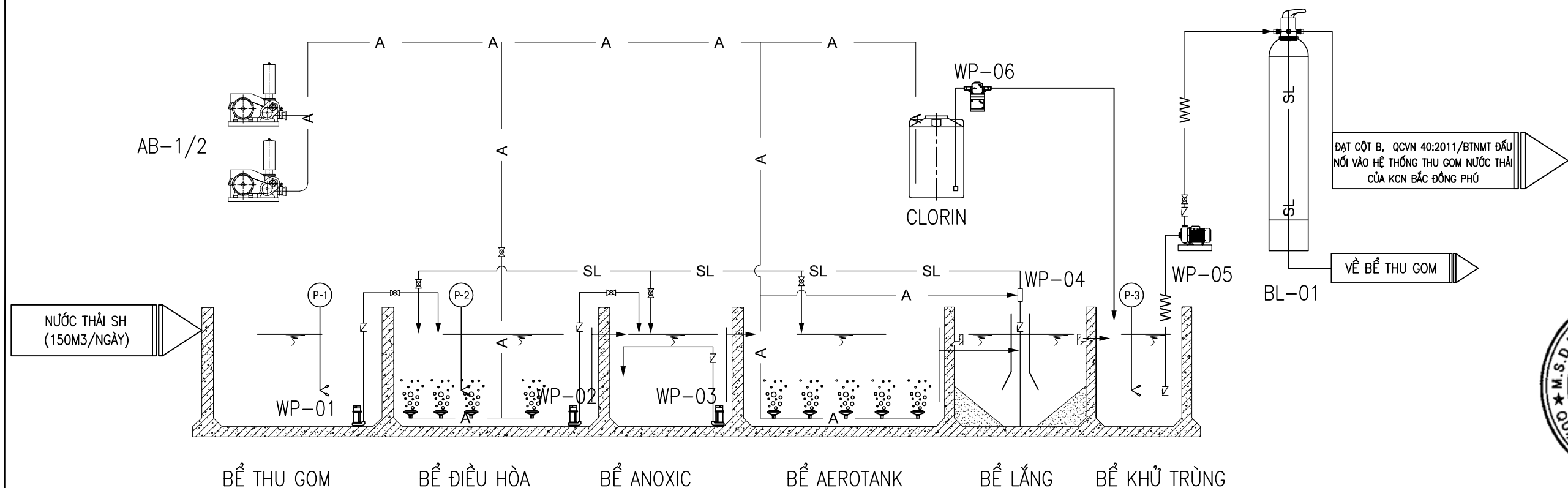
日期

機型

日期

轉送風機線路圖

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY.ĐÊM



WP-01: BƠM THU GOM
LOẠI: BƠM CHÌM
LƯU LƯỢNG: 11M3/H (MAX)
CÔNG SUẤT: 6M H2O

WP-02: BƠM ĐIỀU HÒA
LOẠI: BƠM CHÌM
LƯU LƯỢNG: 11M3/H (MAX)
CÔNG SUẤT: 6M H2O

WP-03: BƠM TRỘN CHÌM
LOẠI: BƠM CHÌM
CÔNG SUẤT: 2HP, 220V, 50HZ

WP-04: BƠM BÙN TUẦN HOÀN
LOẠI: BƠM KHÍ NÉN
LƯU LƯỢNG: 1M3/H

BỂ LẮNG
KÍCH THƯỚC: 4000X4000X2300 MM
VẬT LIỆU: THÉP

WP-05: BƠM LỌC ÁP LỰC
LOẠI: BƠM LY TÂM
LƯU LƯỢNG: 14M3/H (MAX)
CÔNG SUẤT: 20M H2O

BL-01: BỒN LỌC ÁP LỰC
KÍCH THƯỚC: 600X1800
VẬT LIỆU: COMPOSITE
VAN TAY SỨC RỬA

AB-1/2: MÁY THỔI KHÍ
LƯU LƯỢNG: 8M3/PHÚT
CÔNG SUẤT: 8HP, 380V, 50HZ

WP-06: BƠM HÓA CHẤT
LƯU LƯỢNG: 18L/H
CỘT ÁP: 15M
BỒN HÓA CHẤT: 500L

BỂ KHỬ TRÙNG
KÍCH THƯỚC: 4000X2000X2300 MM
VẬT LIỆU: THÉP

BỂ ĐIỀU HÒA
KÍCH THƯỚC: 6000X3500X2300 MM
VẬT LIỆU: THÉP

BỂ ANOXIC
KÍCH THƯỚC: 6000X4500X2300 MM
VẬT LIỆU: THÉP

BỂ AEROTANK
KÍCH THƯỚC: 6000X7000X2300 MM
VẬT LIỆU: THÉP

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
ĐƯỜNG HÓA CHẤT
ĐƯỜNG BÙN
ĐƯỜNG KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE :

DỰ THẦU / BIDDING ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ / PRELIMINARY ☐
TRÌNH DUYỆT / APPROVAL ☒
THIẾT KẾ CHI TIẾT / SHOP DRAWING ☐
SẢN XUẤT / PRODUCTION ☐
THI CÔNG / CONSTRUCTION ☐
XIN PHÉP / PERMISSION ☐

REV.	DATE	PURPOSE OF THE ISSUE	CHECK
LẦN	NGÀY	MỤC ĐÍCH XUẤT BẢN	KIỂM

ĐẠT CỘT B, QCVN 40:2011/BTNMT ĐẦU
NỐI VÀO HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI
CỦA KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / ADVISE

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
VI TA

Địa chỉ: Khu Đô Thị Mới, Phường Lợi Đồng, TP. Thủ Đức, HCM



TRẦN THỊ THANH THÚY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
THỂ HIỆN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM / JOBSITE LOCATION:
KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, THỊ TRẤN TÂN PHÚ, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TRÌNH / CONSTRUCTION:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY.ĐÊM

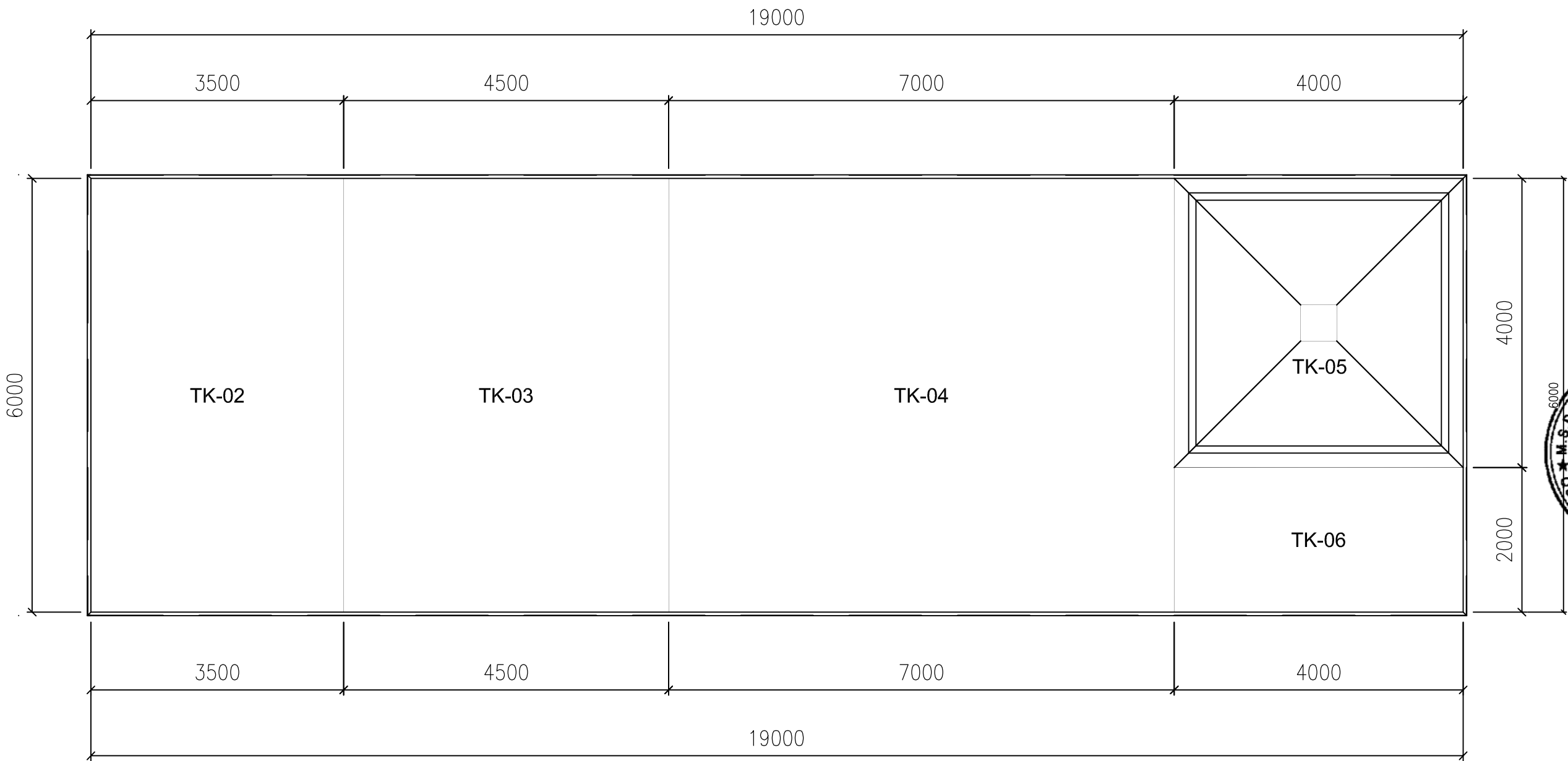
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

PID

TÊN HÀNG MỤC/BUILDING NAME	LOẠI BẢN VẼ : DWG TYPES :	1/100
	BẢN VẼ SỐ: DWG No.:	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỤM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT :100 M3/NGÀY.ĐÊM



CÔNG SUẤT BỂ XỬ LÝ					
STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	KÍCH THƯỚC (MM)	VẬT LIỆU	THỂ TÍCH (M3)
1	BỂ ĐIỀU HÒA	TK-02	6000X3500X2300	THÉP	42
2	BỂ ANOXIC	TK-03	6000X4500X2300	THÉP	54
3	BỂ AEROTANK	TK-04	6000X7000X2300	THÉP	84
4	BỂ LẮNG	TK-05	6000X3000X2300	THÉP	36
5	BỂ KHỬ TRÙNG	TK-06	6000X1000X2300	THÉP	12

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE :

- DỰ THẦU / BIDDING ☐
- THIẾT KẾ SƠ BỘ / PRELIMINARY ☐
- TRÌNH DUYỆT / APPROVAL ☒
- THIẾT KẾ CHI TIẾT / SHOP DRAWING ☐
- SẢN XUẤT / PRODUCTION ☐
- THI CÔNG / CONSTRUCTION ☐
- XIN PHÉP / PERMISSION ☐

REV.	DATE	PURPOSE OF THE ISSUE	CHECK
LẦN	NGÀY	MỤC ĐÍCH XUẤT BẢN	KIỂM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / ADVISE

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG

VI TA

Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN, P. AN LỢI ĐÔNG, TP. THỦ ĐỨC, HCM



TRẦN THỊ THANH THÚY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
THỂ HIỆN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

GỖ THÀNH HIỆP

ĐỊA ĐIỂM / JOBSITE LOCATION:

KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, THỊ TRẤN TÂN PHÚ, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TRÌNH /CONSTRUCTION:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN HẠNG MỤC/BUILDING NAME

LOẠI BẢN VẼ :

DWG TYPES :

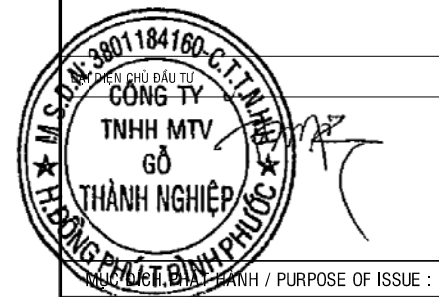
BẢN VẼ SỐ :

DWG No.:

1/100

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP



DỰ THẢO / DRAFTING	☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ / PRELIMINARY	☐
TRÌNH DUYỆT / APPROVAL	☒
THIẾT KẾ CHI TIẾT / SHOP DRAWING	☐
SẢN XUẤT / PRODUCTION	☐
THI CÔNG / CONSTRUCTION	☐
XIN PHÉP / PERMISSION	☐

REV. LẦN	DATE NGÀY	PURPOSE OF THE ISSUE MỤC ĐÍCH XUẤT BẢN	CHECK KIỂM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / ADVISE

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
VI TA

Địa chỉ: KHU ĐÔ THỊ SALA, P. AN LỢI ĐÔNG, TP. THỦ ĐỨC, HCM

GIẤM ĐOC



TRẦN TỊ THANH THÚY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
THỂ HIỆN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH HIỆP

ĐỊA ĐIỂM / JOBSITE LOCATION:

KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, THỊ TRẤN TÂN PHÚ, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TRÌNH /CONSTRUCTION:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY ĐỂ

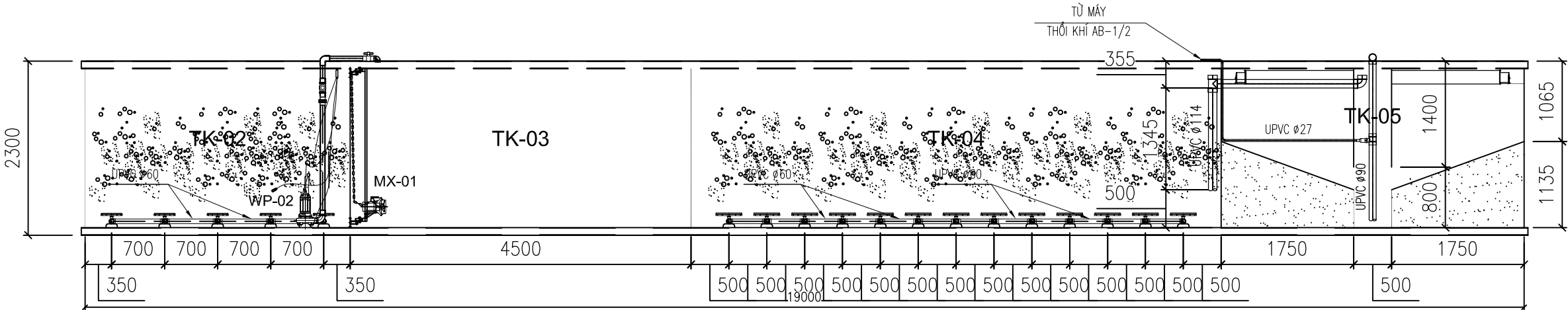
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

MẶT BẰNG BÔ TRÍ THIẾT BỊ

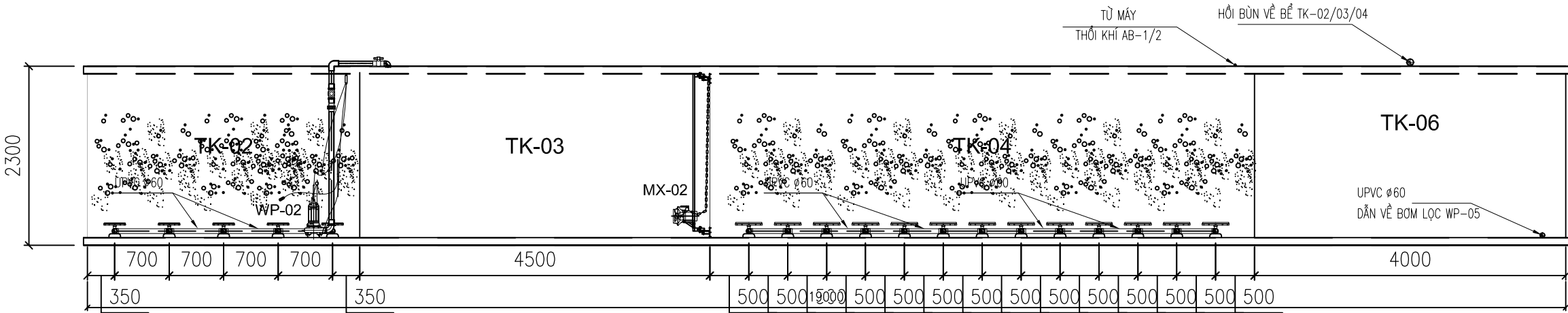
TÊN HẠNG MỤC/BUILDING NAME	LOẠI BẢN VẼ : DWG TYPES :	1/10
	BẢN VẼ SỐ: DWG No.:	

CÔNG SUẤT BỂ XỬ LÝ					
STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	KÍCH THƯỚC (MM)	VẬT LIỆU	THỂ TÍCH (M3)
1	BỂ ĐIỀU HÒA	TK-02	6000X3500X2300	THÉP	42
2	BỂ ANOXIC	TK-03	6000X4500X2300	THÉP	54
3	BỂ AEROTANK	TK-04	6000X7000X2300	THÉP	84
4	BỂ LẮNG	TK-05	6000X3000X2300	THÉP	36
5	BỂ KHỦ TRÙNG	TK-06	6000X1000X2300	THÉP	12

MẶT CẮT 1-1

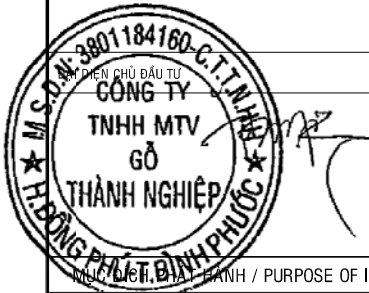


MẶT CẮT 2-2



CÔNG SUẤT BỂ XỬ LÝ					
STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	KÍCH THƯỚC (MM)	VẬT LIỆU	THỂ TÍCH (M3)
1	BỂ ĐIỀU HÒA	TK-02	6000X3500X2300	THÉP	42
2	BỂ ANOXIC	TK-03	6000X4500X2300	THÉP	54
3	BỂ AEROTANK	TK-04	6000X7000X2300	THÉP	84
4	BỂ LẮNG	TK-05	6000X3000X2300	THÉP	36
5	BỂ KHỬ TRÙNG	TK-06	6000X1000X2300	THÉP	12

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP



MỤC ĐÍCH, PHẠM VI HÀNH / PURPOSE OF ISSUE :

DỰ THẢO / DRAFTING	☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ / PRELIMINARY	☐
TRÌNH DUYỆT / APPROVAL	☒
THIẾT KẾ CHI TIẾT / SHOP DRAWING	☐
SẢN XUẤT / PRODUCTION	☐
THI CÔNG / CONSTRUCTION	☐
XIN PHÉP / PERMISSION	☐

[illegible]

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / ADVISE

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
VI TA

Địa chỉ: KHU ĐÔ THỊ SALA, P. AN LỢI ĐÔNG, TP. THỦ ĐỨC, HCM



TRẦN THỊ THANH THÚY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
THỂ HIỆN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH HIỆP

ĐỊA ĐIỂM / JOBSITE LOCATION:

KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, THỊ TRẤN TÂN PHÚ, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TRÌNH /CONSTRUCTION:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

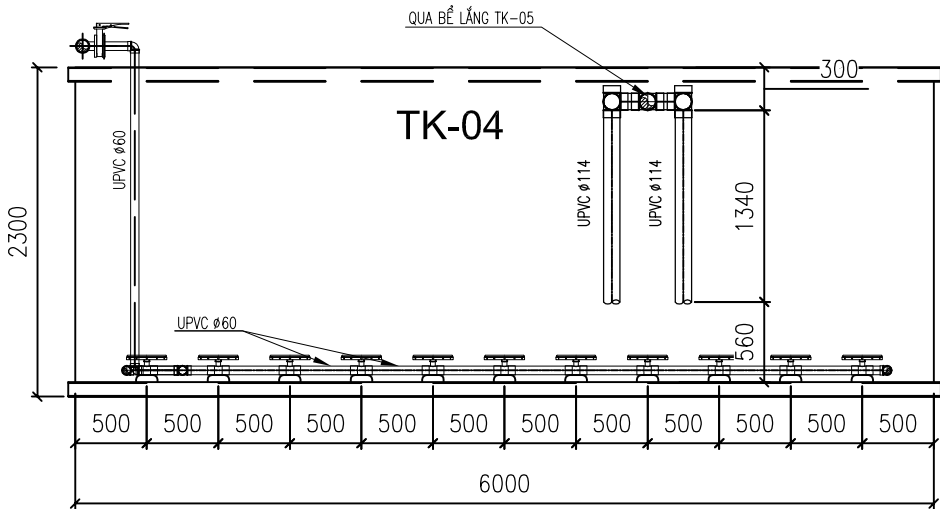
MẶT CẮT 1-1;2-2

TÊN HẠNG MỤC/BUILDING NAME

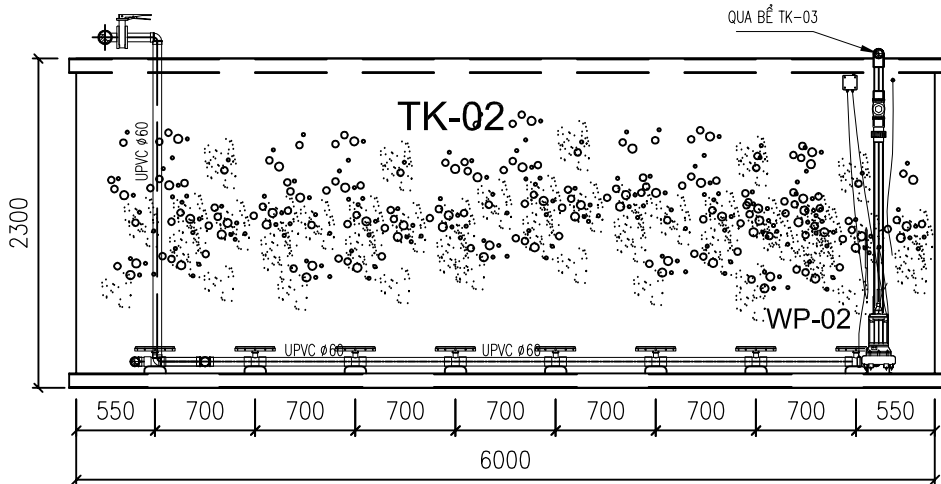
LOẠI BẢN VẼ :
DWG TYPES :

BẢN VẼ SỐ:
DWG No.:

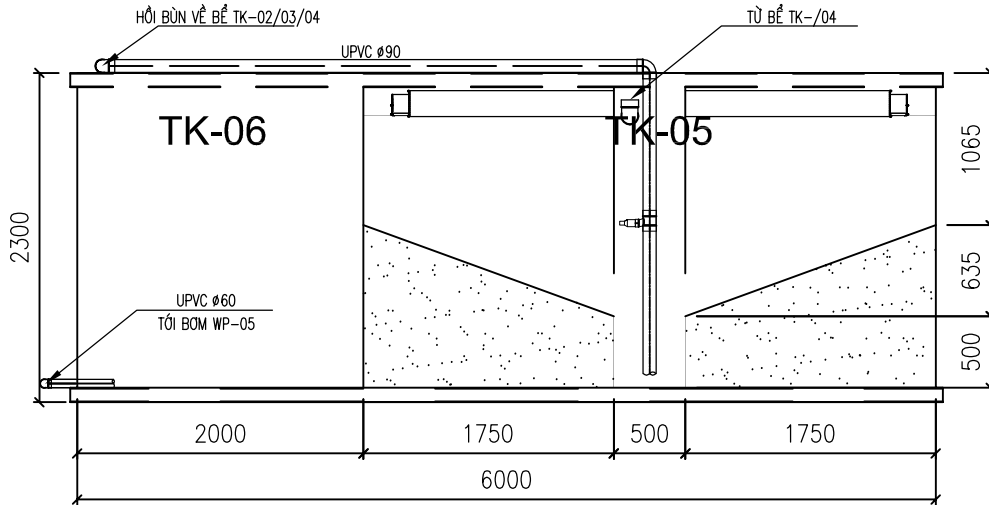
MẶT CẮT A-A



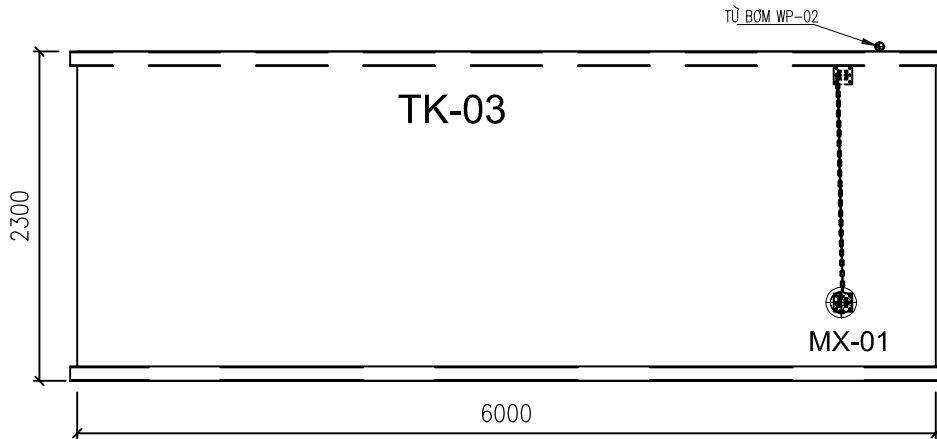
MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT D-D



CÔNG SUẤT BỂ XỬ LÝ

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	KÍCH THƯỚC (MM)	VẬT LIỆU	THỂ TÍCH (M3)
1	BỂ ĐIỀU HÒA	TK-02	6000X3500X2300	THÉP	42
2	BỂ ANOXIC	TK-03	6000X4500X2300	THÉP	54
3	BỂ AEROTANK	TK-04	6000X7000X2300	THÉP	84
4	BỂ LẮNG	TK-05	6000X3000X2300	THÉP	36
5	BỂ KHỬ TRÙNG	TK-06	6000X1000X2300	THÉP	12

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE :

DỰ THẦU / BIDDING ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ / PRELIMINARY ☐
TRÌNH DUYỆT / APPROVAL ☒
THIẾT KẾ CHI TIẾT / SHOP DRAWING ☐
SẢN XUẤT / PRODUCTION ☐
THI CÔNG / CONSTRUCTION ☐
XIN PHÉP / PERMISSION ☐

REV.	DATE	PURPOSE OF THE ISSUE	CHECK
LẦN	NGÀY	MỤC ĐÍCH XUẤT BẢN	KIỂM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / ADVISE

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
VI TA

Địa chỉ: KHU DÔ THỊ SALA, P.ÂN LỢI ĐÔNG, TP.THỦ ĐỨC, HCM



THÀNH THỊ THANH THÚY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
THỂ HIỆN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM / JOBSITE LOCATION:

KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐÔNG PHÚ, THỊ TRẤN TÂN PHÚ HUYỆN ĐÔNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TRÌNH /CONSTRUCTION:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

MẶT CẮT A-A;B-B;C-C;D-D

TÊN HẠNG MỤC/BUILDING NAME	LOẠI BẢN VẼ : DWG TYPES :	1/100
	BẢN VẼ SỐ: DWG No.:	